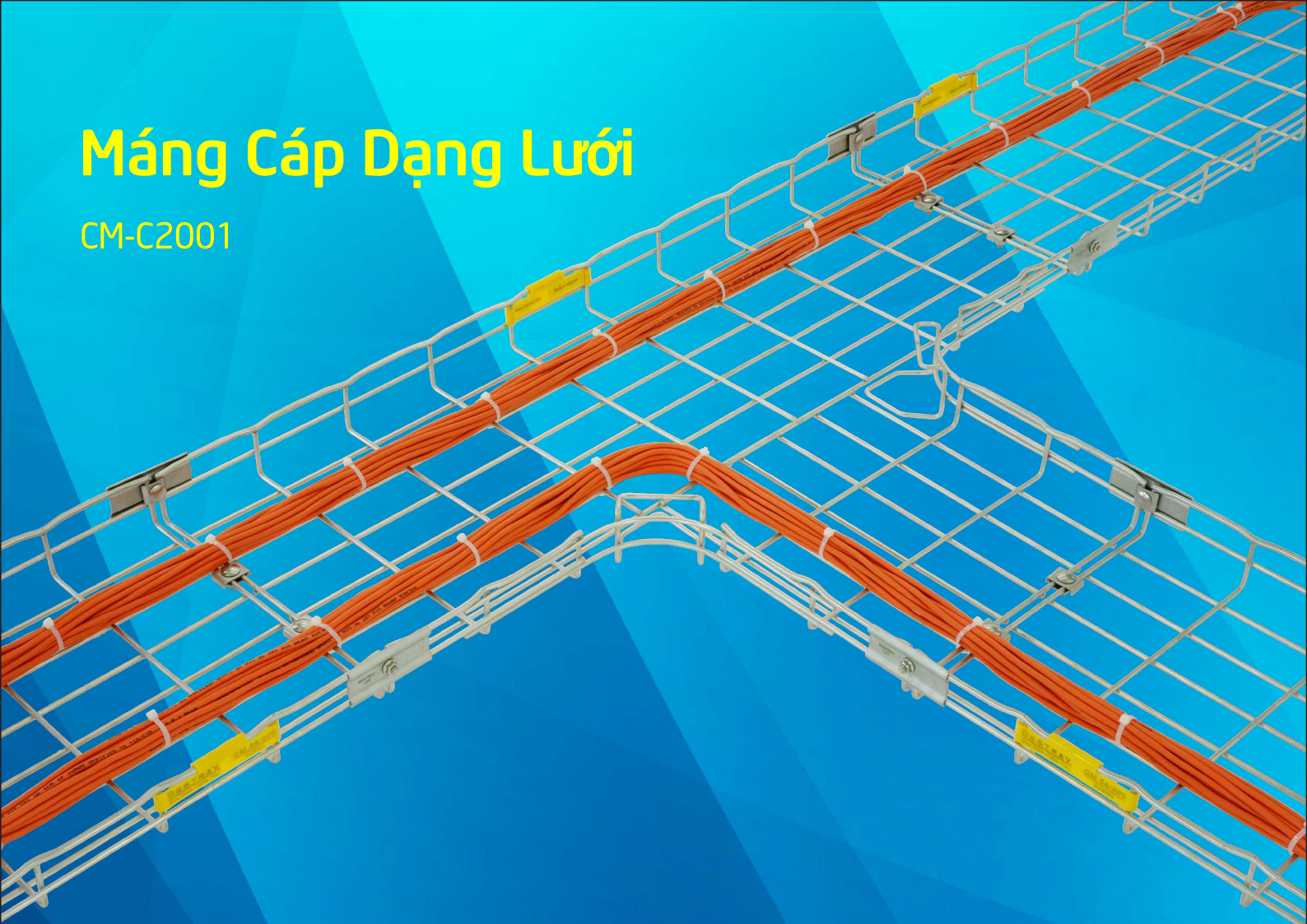


Máng Cáp Dạng Lưới

CM-C2001



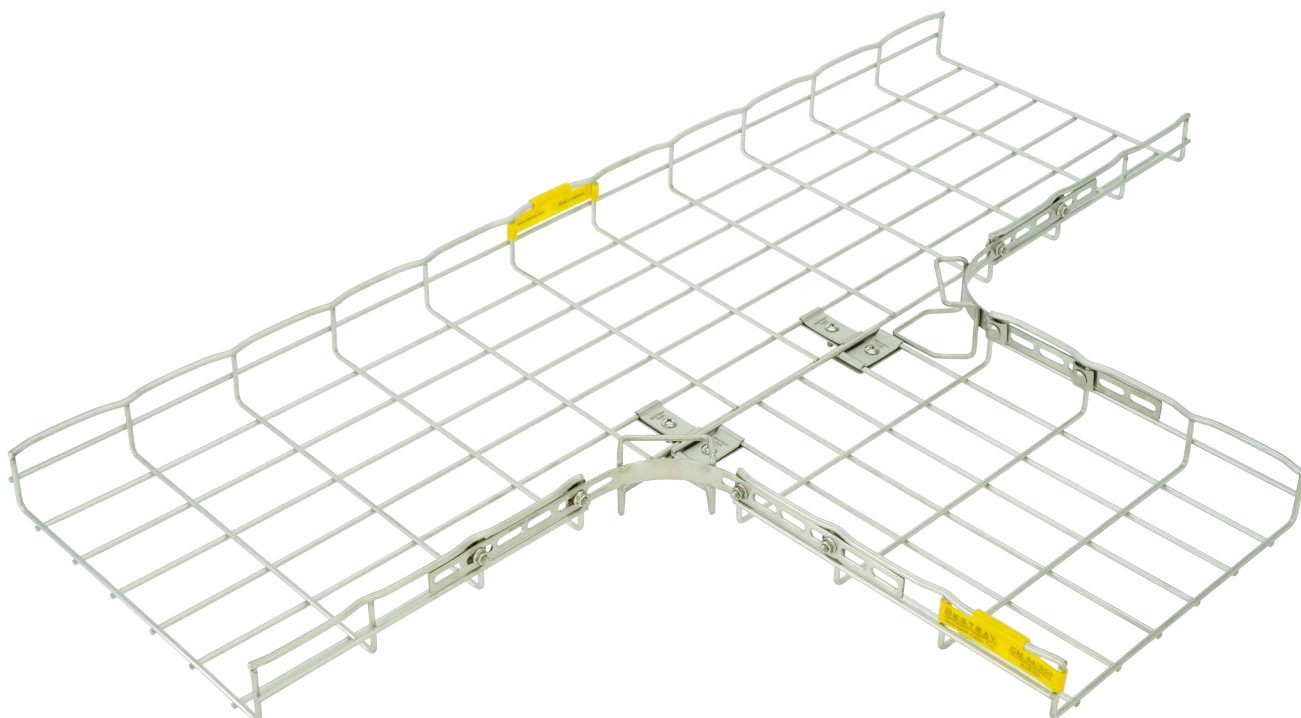
Phụ Kiện Co, Tê Gia Công Sẵn, Sẵn Sàng Để Lắp Đặt

- ✗ Không cần cắt hay uốn
- ✗ Không cần công cụ chuyên dụng
- ✗ Không cần bản hướng dẫn chế tạo
- ✓ Chỉ việc lắp đặt
- ✓ Không tạo ra vật tư phế liệu
- ✓ Tiết kiệm thời gian & chi phí

BESTRAY[®]
Chuyên Gia Thang Máng Cáp

Phụ Kiện Lắp Ráp

- ✓ Đơn giản
- ✓ Dễ sử dụng
- ✓ Thao tác nhanh
- ✓ Cứng chắc

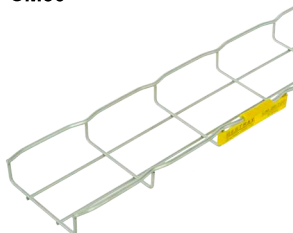


BESTRAY

Máng Lưới Thẳng

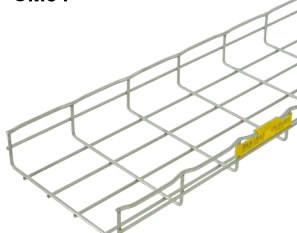
Trang CM-07 ~ 11

CM30



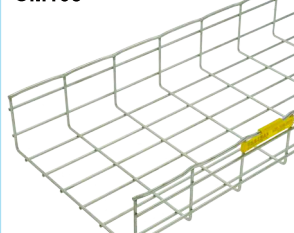
CM-09

CM54



CM-10

CM105



CM-11

Hệ Nối

Trang CM-12 ~ 27

USK



CM-13

SPK



CM-14

FSB



CM-15

SBK7



CM-16

SBK11



CM-17

BSP



CM-18

BSK4



CM-19

BSK9



CM-20

CSK4



CM-21

CSK7



CM-22

CRSK



CM-23

VASK



CM-24

SBK2 ~ SBK5



CM-27

Máng Lưới (CM)

Máng Cáp (CK)

Khay Cáp (CT)

Thang Cáp (CL)

Hệ Thống Giá Đỡ

Thông Tin Kỹ Thuật

Hệ Kẹp

Trang CM-28 ~ 32

CK1



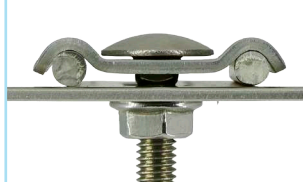
CM-29

CK2



CM-29

CK3



CM-30

CK4



CM-31

CK5



CM-31

Hệ Giá Đỡ

Trang CM-33 ~ 48

BKZ



CM-34

BKM



CM-35

BKL



CM-36

HKL



CM-37

HKU



CM-38

MOB



CM-39

MS



CM-40

US



CM-42

MSB



CM-43

STB



CM-45

USB



CM-47

Phụ Kiện

Trang CM-49 ~ 55

BLCV



CM-50

BLDD



CM-50

TANU



CM-50

CCK



CM-51

CDOK



CM-52

DSK



CM-53

BEK



CM-54

QTO

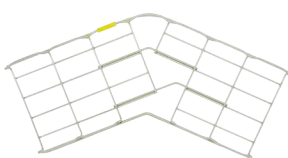


CM-55

Co, Tê Gia Công Sẵn & Lắp

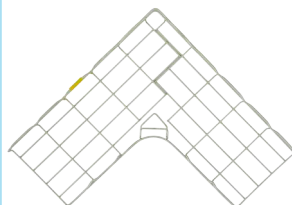
Trang CM-56 ~ 68

HE4



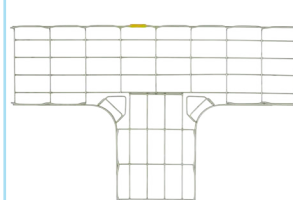
CM-57

HE9



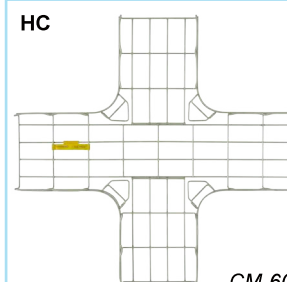
CM-58

HT



CM-59

HC



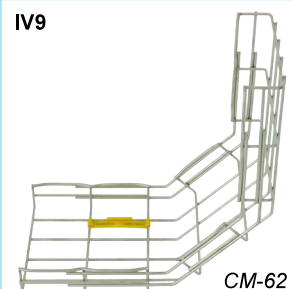
CM-60

IV4



CM-61

IV9



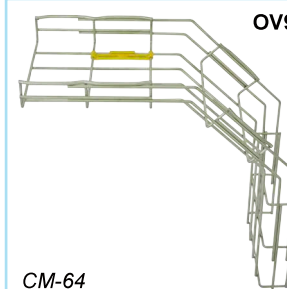
CM-62

OV4



CM-63

OV9



CM-64

CMC



CM-65

HEC4



CM-65

HEC9



CM-65

HTC



CM-66

Màng Lưới (CM)

Màng Cáp (CK)

Khay Cáp (CT)

Thang Cáp (CL)

Hệ Thống Giá Dỡ

Thông Tin Kỹ Thuật

HCC



CM-66

IVC4



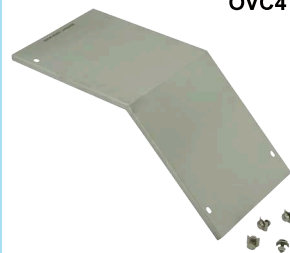
CM-66

IVC9



CM-67

OVC4



CM-67

OVC9



CM-68

Hướng Dẫn Tự Lắp Ráp Co, Tê

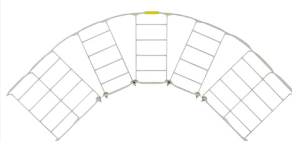
Trang CM-69 ~ 98

Co Ngang 45°



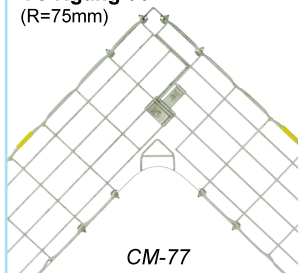
CM-70

Co Ngang 90°
(Bán Kính Cong Lớn)



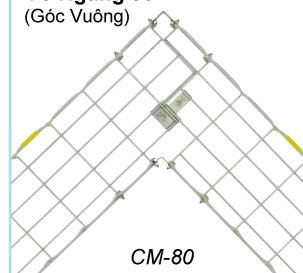
CM-73

Co Ngang 90°
(R=75mm)



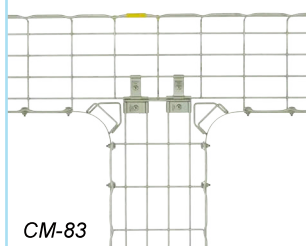
CM-77

Co Ngang 90°
(Góc Vuông)



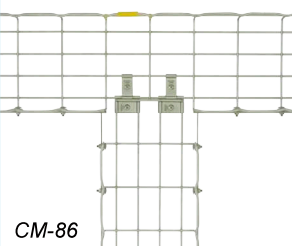
CM-80

Ngã Ba
(R=75mm)



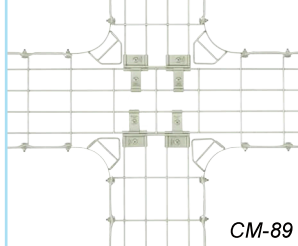
CM-83

Ngã Ba
(Góc Vuông)



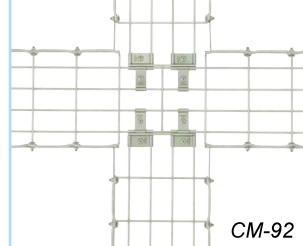
CM-86

Ngã Tư
(R=75mm)



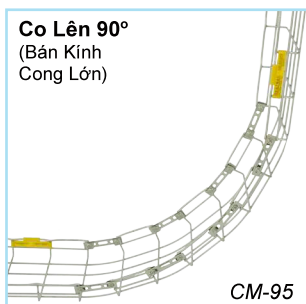
CM-89

Ngã Tư
(Góc Vuông)



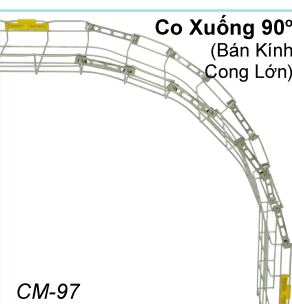
CM-92

Co Lên 90°
(Bán Kính Cong Lớn)

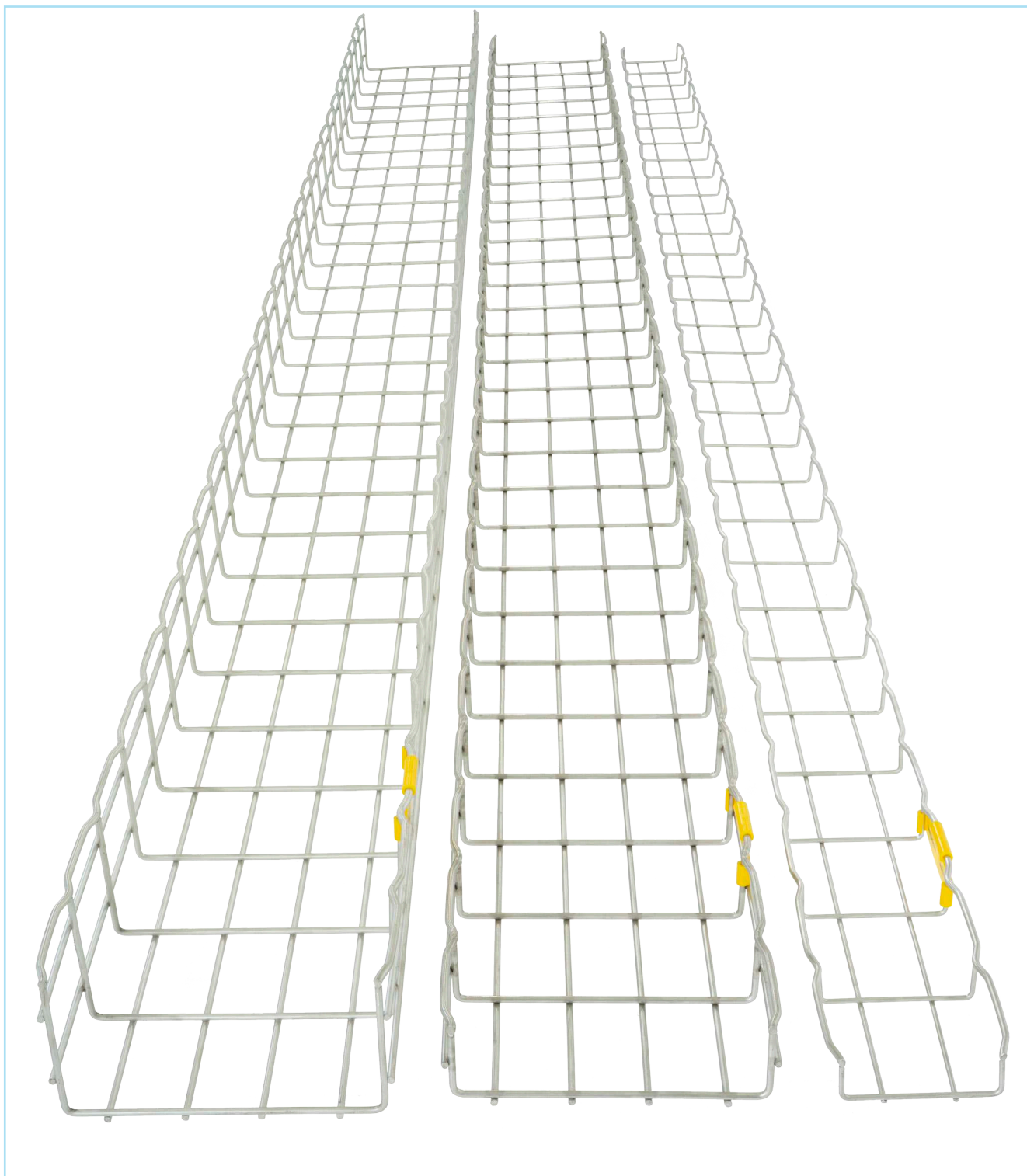


CM-95

Co Xuống 90°
(Bán Kính Cong Lớn)



CM-97



Mô Tả



Đồng Công Quốc
Giám Đốc

Chúng tôi tự hào vì đã tự nghiên cứu phát triển và cải tiến kỹ thuật để Hệ Thống Máng Lưới được hoàn hảo và tiện dụng hơn, tạo ra giải pháp mang tính đồng bộ mà chưa nhà sản xuất nào làm trước đây.

Chúng tôi cam kết cung cấp sản phẩm chất lượng cao, đúng tiêu chuẩn kỹ thuật và giao hàng kịp thời cho Khách Hàng.

Vành máng dạng "Sóng", được thiết kế nhằm gia cường độ cứng cho cấu trúc theo phương đứng và chống vận xoắn theo phương ngang, giúp máng phát huy tối đa sức mạnh, nâng cao khả năng chịu tải (cao hơn vành thẳng).

Lắp vành máng lớn hơn lắp thân máng, giúp vành máng cứng cáp hơn ở rìa mép, nhìn cân đối và thẩm mỹ hơn.

Đỉnh hàn "Chữ T", giúp vành máng trơn nhẵn, an toàn cho người lắp đặt cũng như tránh gây trầy xước và vướng cáp khi kéo.

Tem nhãn Bestray kiểu "3 Châu", bằng nhựa PE màu vàng, chữ đen khắc laser.

Các Tính Năng / Ưu Điểm:

- Cứng cáp và nhẹ hơn máng cáp truyền thống có cùng kích cỡ. Dễ dàng mang vác, đơn giản và thao tác lắp ráp nhanh. Giảm chi phí vật tư và nhân công.
- Máng lưới mang tính linh hoạt cao, dễ dàng luồn lách lắp đặt trong không gian đầu nối hẹp, tạo thẩm mỹ cao.
- Với cấu trúc hõ (dạng lưới) giúp cáp điện được giải nhiệt nhanh dọc suốt tuyến làm nâng cao hiệu suất làm việc. Đồng thời hạn chế bị bụi bẩn bám dính, đọng lại trên máng có thể tạo ra các vi sinh vật gây hại và ngăn ngừa chuột hay côn trùng làm tổ.
- Phụ kiện lắp ráp đầy đủ, luôn có sẵn, để phục vụ cho việc tự thao tác chế tạo, lắp ráp, cấu hình tại công trường.
- Phụ kiện co, tê... gia công sẵn, luôn có sẵn, sẵn sàng cho việc lắp đặt theo kế hoạch, giúp tiết kiệm thời gian và chi phí.

Ứng Dụng:

- Máng cáp dạng lưới của Bestray được sản xuất từ thép chất lượng cao. Dùng làm máng chứa và bảo vệ cho tuyến cáp điện như: cáp động lực, cáp điều khiển, cáp mạng, cáp quang...
- Được sử dụng trong các công trình dân dụng như: Nhà ga Sân bay, Metro; Tòa nhà văn phòng; Trung tâm thương mại; Trung tâm dữ liệu...
- Được sử dụng trong các công trình công nghiệp như: Nhà máy chế biến thực phẩm; Nhà máy dược phẩm, hóa mỹ phẩm; Nhà máy lọc hóa dầu, khí...

Các Tiêu Chuẩn Áp Dụng:



Quy Cách Máng Lưới:

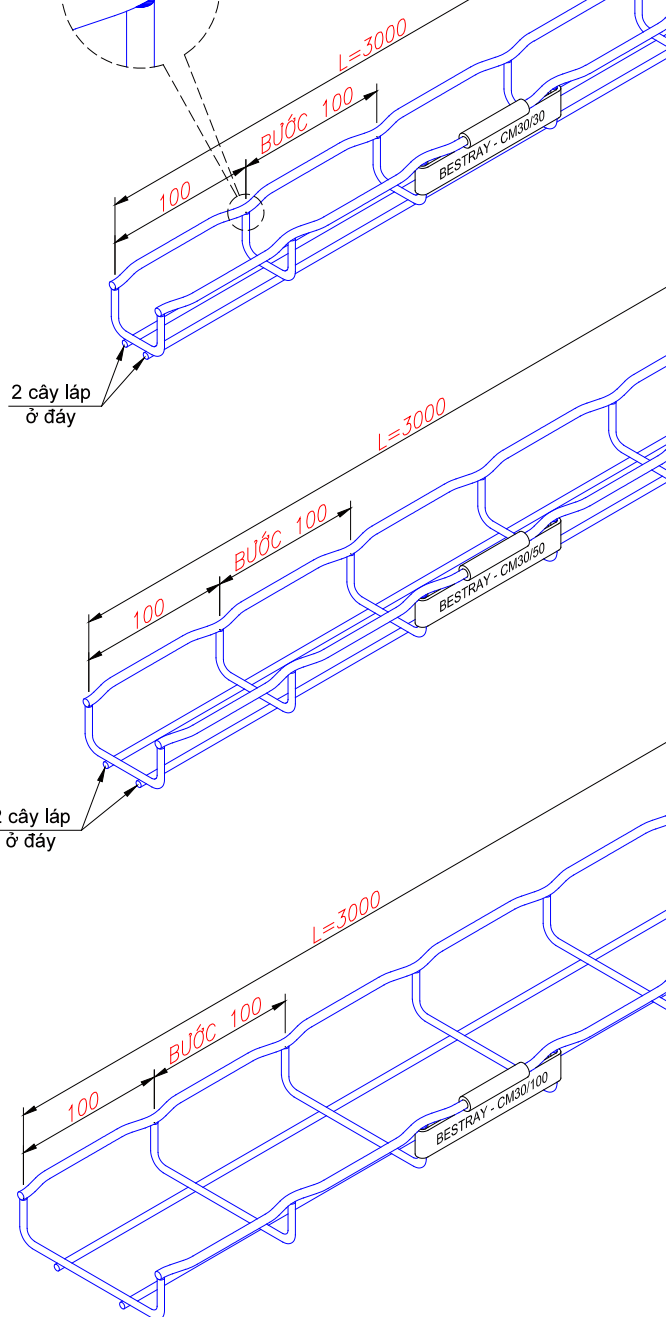
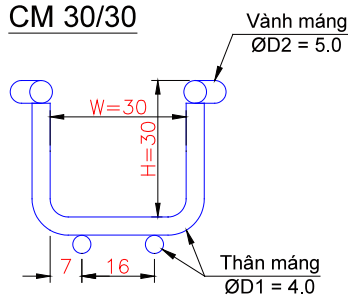
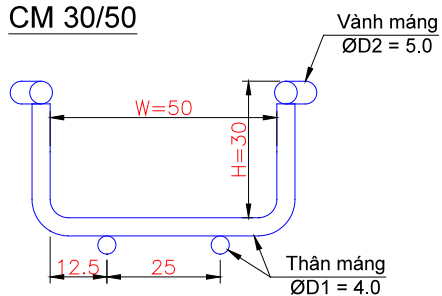
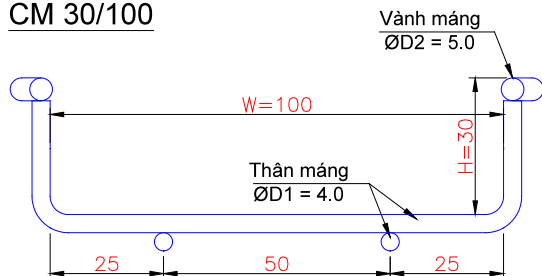
- Chiều cao sử dụng H (mm): 30, 54, 105, 155 (yêu cầu).
- Chiều rộng sử dụng W (mm): 30, 50, 100, 150, 200, 300, 400, 450, 500, 600.
- Chiều dài L (mm): 3000.
- Đường kính lắp Ø (mm): 4.0, 5.0, 6.0.

Vật Liệu / Hoàn Thiện:

- **S6** Inox 316 (thép không gỉ)
- **S4** Inox 304 (thép không gỉ)
- **HG** Thép / Mạ kẽm nhúng nóng
- **DC** Thép / Mạ kẽm siêu bền
- **PG** Thép (tôn) / Mạ kẽm sẵn
- **EG** Thép / Mạ kẽm xi
- **PC** Thép / Sơn tĩnh điện

CM30 (Dòng SP Máng Lưới 30H)


Vành máng dạng sóng
Đỉnh hàn chữ T
An toàn sử dụng


CM 30/30

CM 30/50

CM 30/100


STT	Tên SP	Cao (mm)	Rộng (mm)	Dài (mm)	Đường Kính Lắp (mm)		Trọng Lượng (kg/cây)	Mã SP			
					Thân Máng ØD1	Vành Máng ØD2		S4	HG	EG	PC
1	CM 30/30	30	30	3000	4.0	5.0	1.75	CM0303S4	CM0303HG	CM0303EG	CM0303PC
2	CM 30/50	30	50	3000	4.0	5.0	1.88	CM0305S4	CM0305HG	CM0305EG	CM0305PC
3	CM 30/100	30	100	3000	4.0	5.0	2.08	CM0310S4	CM0310HG	CM0310EG	CM0310PC

S6 (Inox 316)

S4 (Inox 304)

HG (Mạ Kẽm Nhúng Nóng)

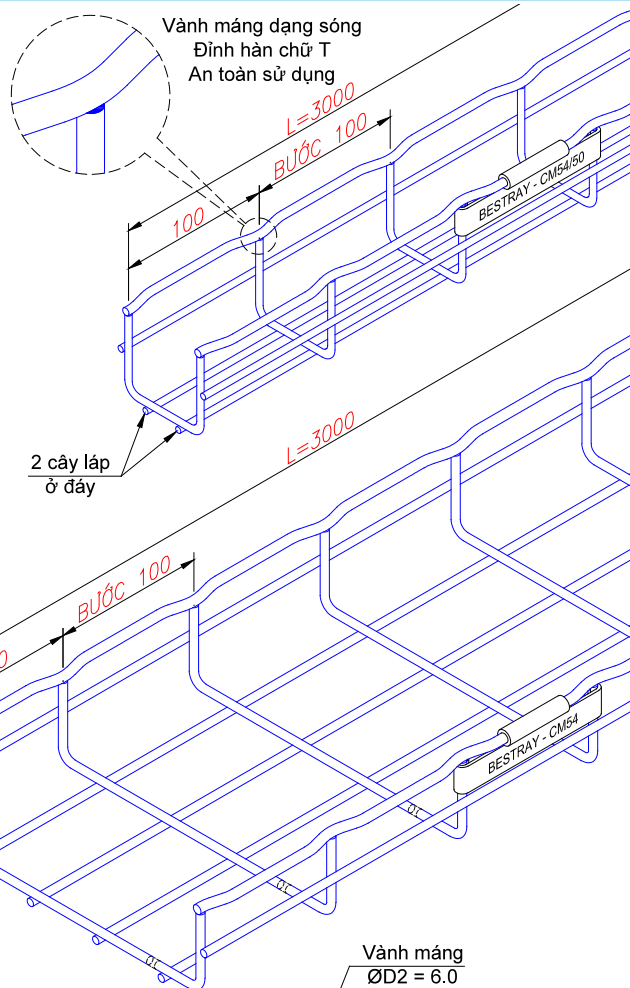
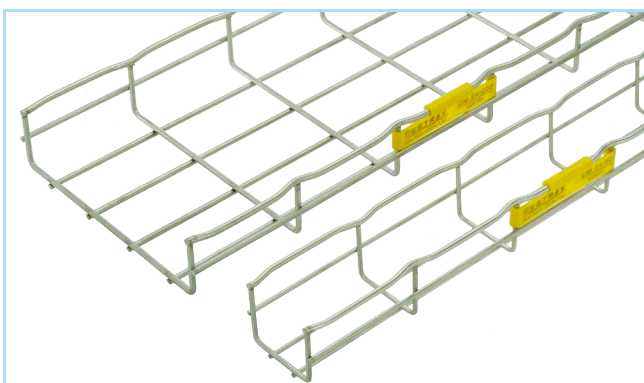
DG (Mạ Kẽm Siêu Bền)

PG (Tôn Mạ Kẽm)

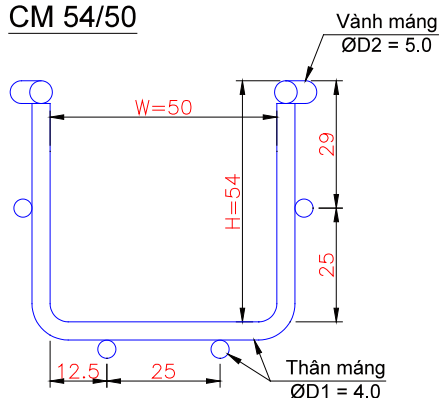
EG (Mạ Kẽm Xi)

PC (Sơn Tĩnh Điện)

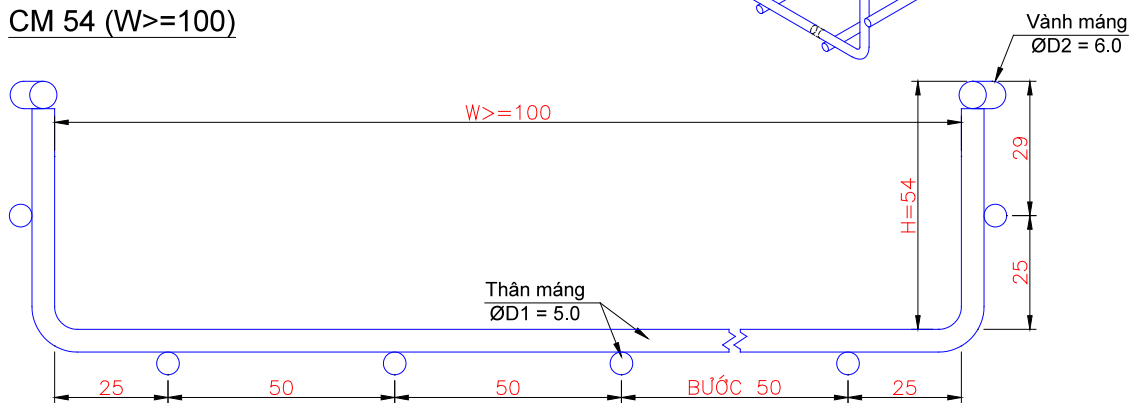
CM54 (Dòng SP Máng Lưới 54H)



CM 54/50

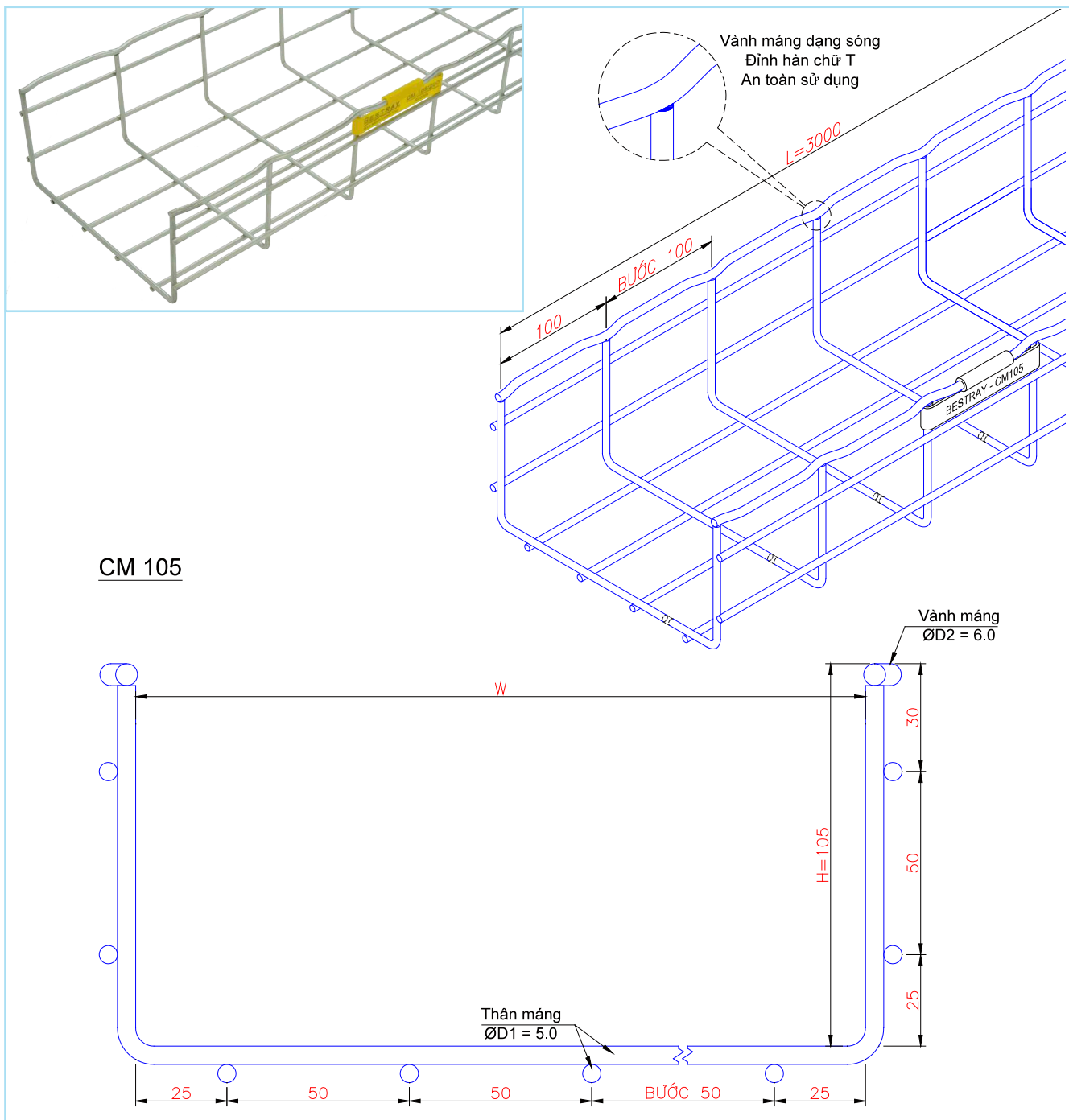


CM 54 (W>=100)



STT	Tên SP	H (mm)	W (mm)	L (mm)	Đường Kính Lắp (mm)		Trọng Lượng (kg/cây)	Mã SP			
					Thân Máng ØD1	Vành Máng ØD2		S4	HG	EG	PC
1	CM 54/50	54	50	3000	4.0	5.0	2.51	CM0505S4	CM0505HG	CM0505EG	CM0505PC
2	CM 54/100	54	100	3000	5.0	6.0	4.05	CM0510S4	CM0510HG	CM0510EG	CM0510PC
3	CM 54/150	54	150	3000	5.0	6.0	4.73	CM0515S4	CM0515HG	CM0515EG	CM0515PC
4	CM 54/200	54	200	3000	5.0	6.0	5.42	CM0520S4	CM0520HG	CM0520EG	CM0520PC
5	CM 54/300	54	300	3000	5.0	6.0	6.79	CM0530S4	CM0530HG	CM0530EG	CM0530PC
6	CM 54/400	54	400	3000	5.0	6.0	8.16	CM0540S4	CM0540HG	CM0540EG	CM0540PC
7	CM 54/450	54	450	3000	5.0	6.0	8.85	CM0545S4	CM0545HG	CM0545EG	CM0545PC
8	CM 54/500	54	500	3000	5.0	6.0	9.53	CM0550S4	CM0550HG	CM0550EG	CM0550PC
9	CM 54/600	54	600	3000	5.0	6.0	10.90	CM0560S4	CM0560HG	CM0560EG	CM0560PC

CM105 (Dòng SP Máng Lưới 105H)



STT	Tên SP	H (mm)	W (mm)	L (mm)	Đường Kính Láp (mm)		Trọng Lượng (kg/cây)	Mã SP			
					Thân Máng ØD1	Vành Máng ØD2		S4	HG	EG	PC
1	CM 105/100	105	100	3000	5.0	6.0	5.42	CM1010S4	CM1010HG	CM1010EG	CM1010PC
2	CM 105/150	105	150	3000	5.0	6.0	6.10	CM1015S4	CM1015HG	CM1015EG	CM1015PC
3	CM 105/200	105	200	3000	5.0	6.0	6.79	CM1020S4	CM1020HG	CM1020EG	CM1020PC
4	CM 105/300	105	300	3000	5.0	6.0	8.16	CM1030S4	CM1030HG	CM1030EG	CM1030PC
5	CM 105/400	105	400	3000	5.0	6.0	9.53	CM1040S4	CM1040HG	CM1040EG	CM1040PC
6	CM 105/450	105	450	3000	5.0	6.0	10.22	CM1045S4	CM1045HG	CM1045EG	CM1045PC
7	CM 105/500	105	500	3000	5.0	6.0	10.90	CM1050S4	CM1050HG	CM1050EG	CM1050PC
8	CM 105/600	105	600	3000	5.0	6.0	12.27	CM1060S4	CM1060HG	CM1060EG	CM1060PC

S6 (Inox 316)

S4 (Inox 304)

HG (Mạ Kẽm Nhúng Nóng)

DC (Mạ Kẽm Siêu Bền)

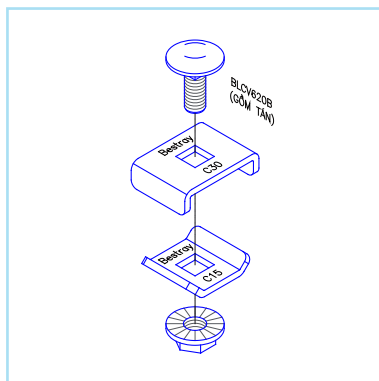
PG (Tôn Mạ Kẽm)

EG (Mạ Kẽm Xi)

PC (Sơn Tĩnh Điện)



USK (Nối Đa Năng)



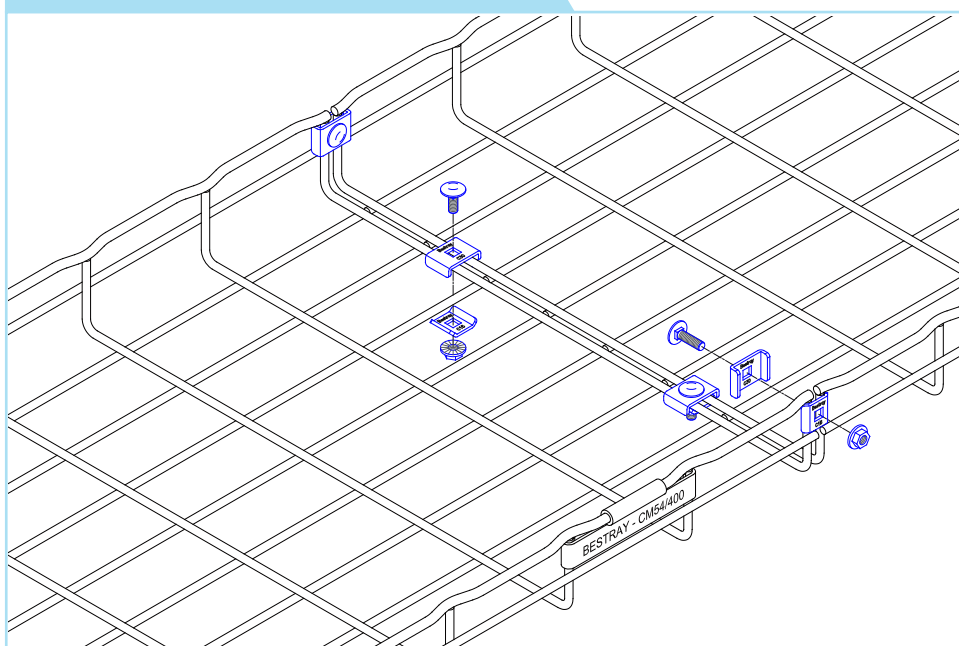
Mã SP

S4	DC	EG
USKS4	USKDC	USKEG

- Dùng để ghép nối linh hoạt 2 máng lưới với nhau, sử dụng cho tải hạng nhẹ.
- USK = C30 + C15 + BLCV620B

* Xem thêm chi tiết trang: CM-73~76, cho việc áp dụng lắp ráp có góc 90°, bán kính cong lớn.

Nối Thẳng, Chỉ Dùng USK

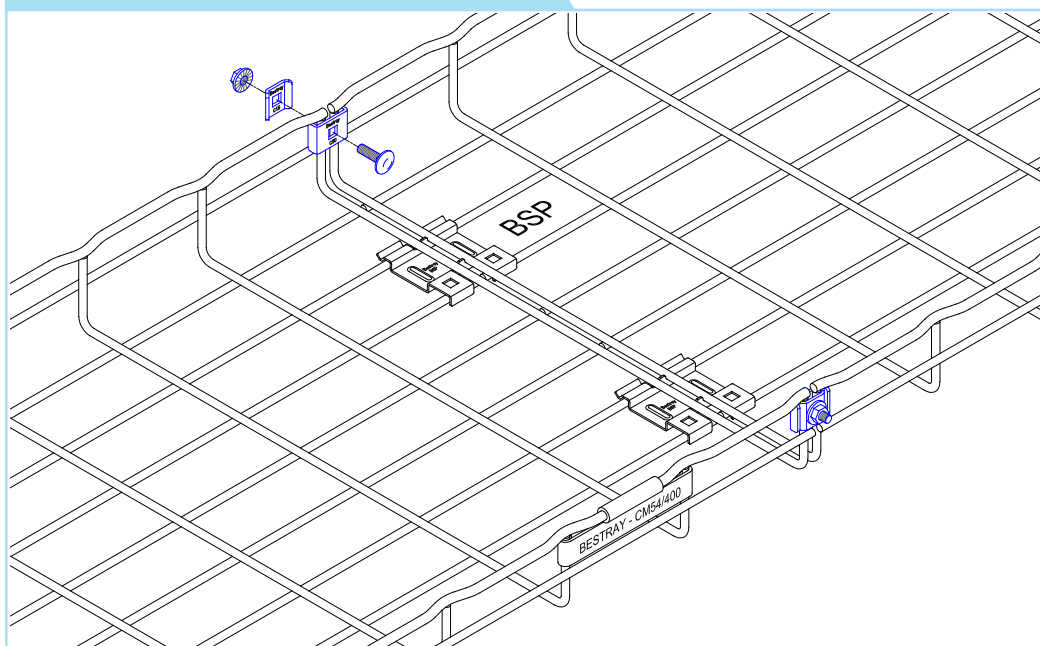


CM30, CM54, CM105

Số Lượng Chuẩn

Độ Rộng (mm)	Hông Máng USK	Đáy Máng USK	Tổng
30	2	-	2
50	2	-	2
100	2	1	3
150	2	1	3
200	2	1	3
300	2	2	4
400	2	2	4
450	2	2	4
500	2	3	5
600	2	3	5

Nối Thẳng, Kết Hợp: USK + BSP

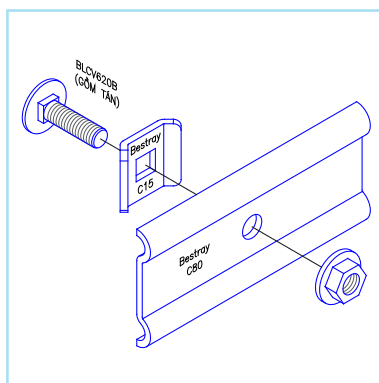


CM30, CM54, CM105

Số Lượng Chuẩn

Độ Rộng (mm)	Hông Máng USK	Đáy Máng BSP
30	2	-
50	2	-
100	2	1
150	2	1
200	2	1
300	2	2
400	2	2
450	2	2
500	2	3
600	2	3

SPK (Miếng Nối Thẳng)

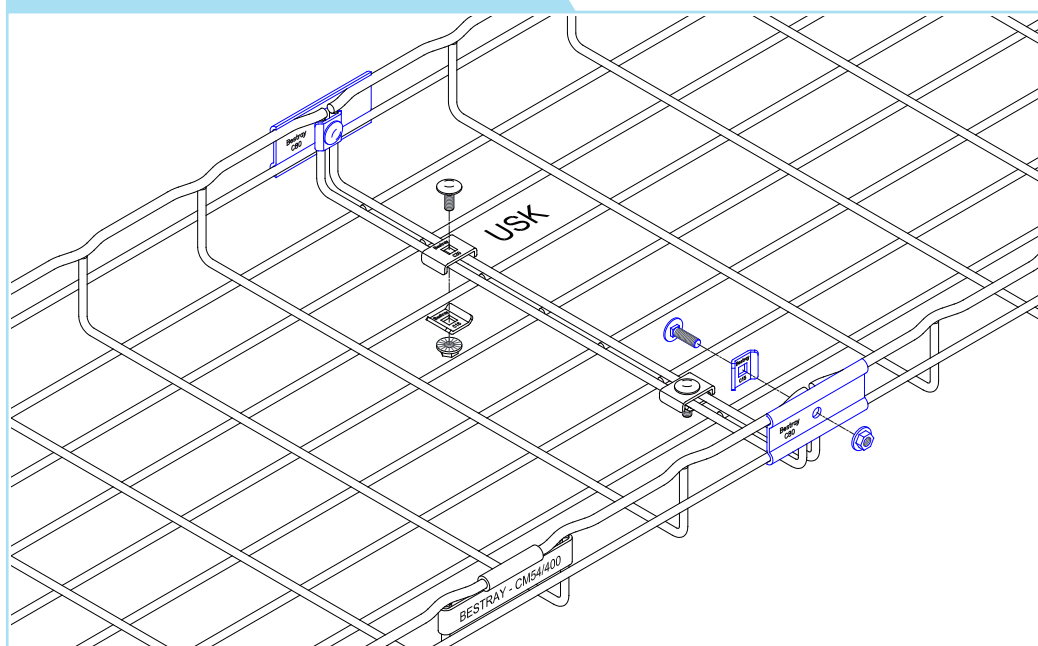


Mã SP

S4	DC	EG
SPKS4	SPKDC	SPKEG

- Dùng để nối thẳng, lắp bên hông 2 máng, sử dụng cho tải hạng trung bình.
- SPK = C80 + C15 + BLCV620B

Nối Hông Thẳng, Kết Hợp: SPK + USK

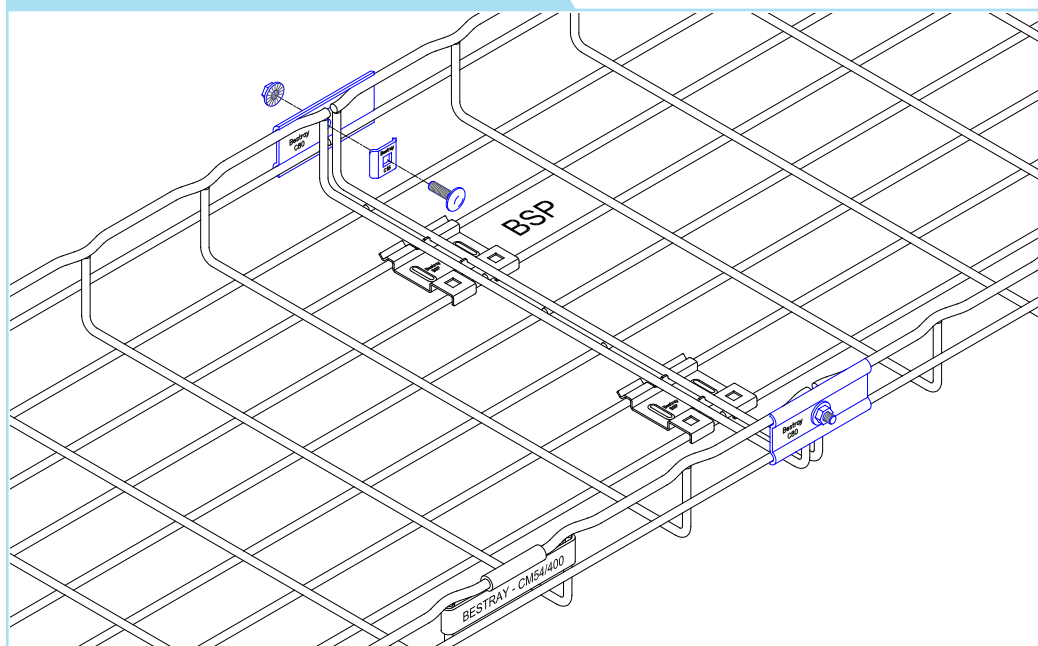


CM54, CM105

Số Lượng Chuẩn

Độ Rộng (mm)	Hông Máng SPK	Đáy Máng USK
30	-	-
50	2	-
100	2	1
150	2	1
200	2	1
300	2	2
400	2	2
450	2	2
500	2	3
600	2	3

Nối Hông Thẳng, Kết Hợp: SPK + BSP

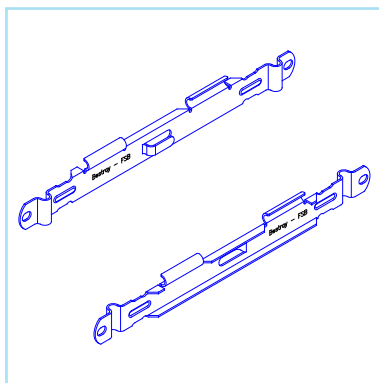


CM54, CM105

Số Lượng Chuẩn

Độ Rộng (mm)	Hông Máng SPK	Đáy Máng BSP
30	-	-
50	2	-
100	2	1
150	2	1
200	2	1
300	2	2
400	2	2
450	2	2
500	2	3
600	2	3

FSB (Thanh Nối Nhanh)

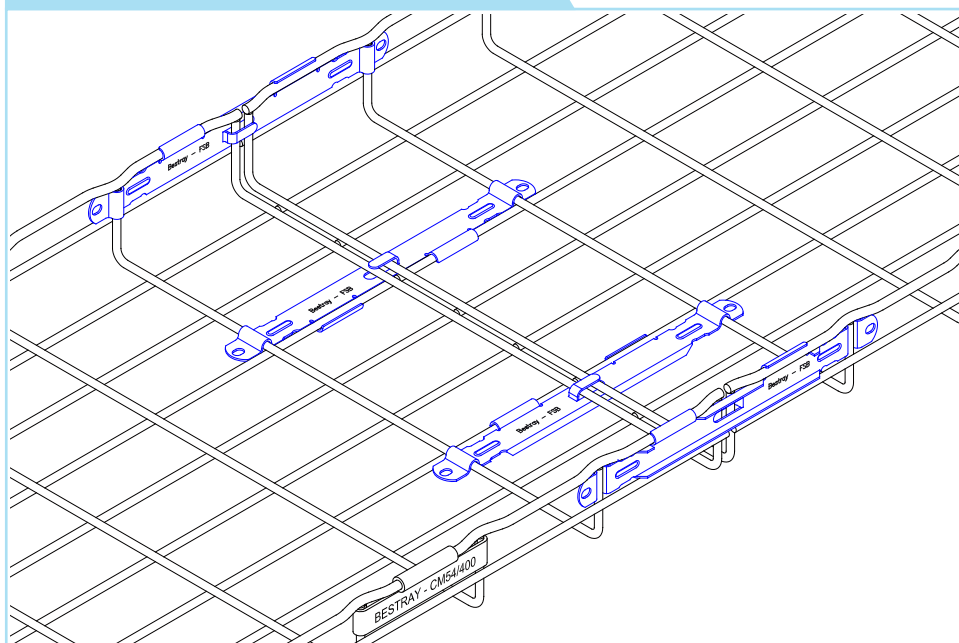


Mã SP

S4	DC	EG
FSBS4	FSBDC	FSBEG

- Dùng để nối thẳng 2 máng lưới, lắp nhanh với dụng cụ QTO (xem trang CM-55).
- Sử dụng cho tải hạng trung bình.
- 50 cái FSB => kèm 1 cái QTO

Nối Thẳng, Chỉ Dùng FSB

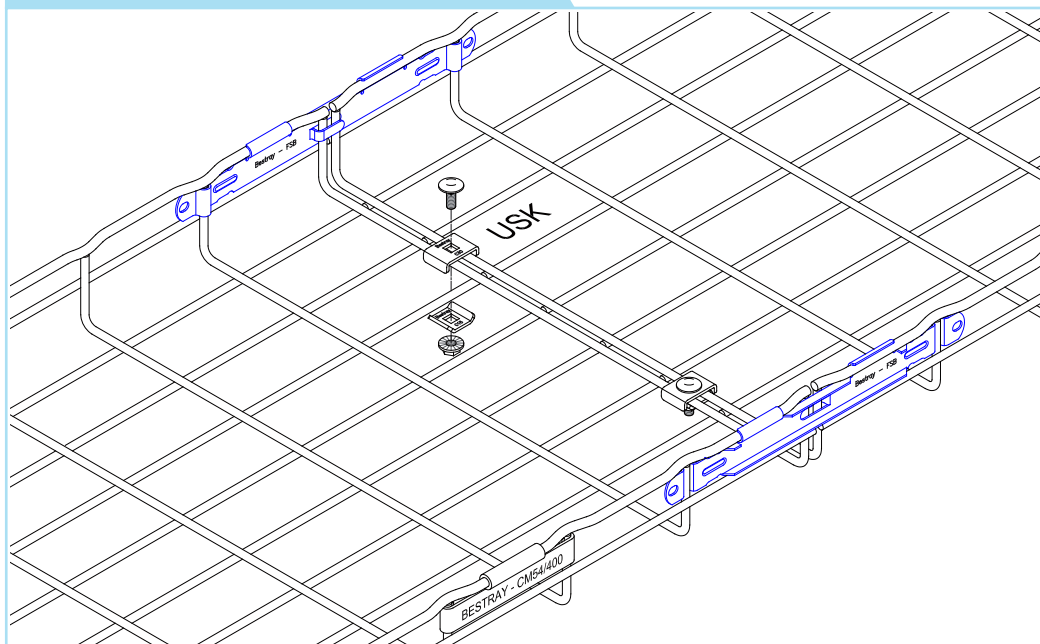


CM30, CM54, CM105

Số Lượng Chuẩn

Độ Rộng (mm)	Hông Máng FSB	Đáy Máng FSB	Tổng
30	2	-	2
50	2	-	2
100	2	1	3
150	2	1	3
200	2	1	3
300	2	2	4
400	2	2	4
450	2	2	4
500	2	3	5
600	2	3	5

Nối Thẳng, Kết Hợp: FSB + USK

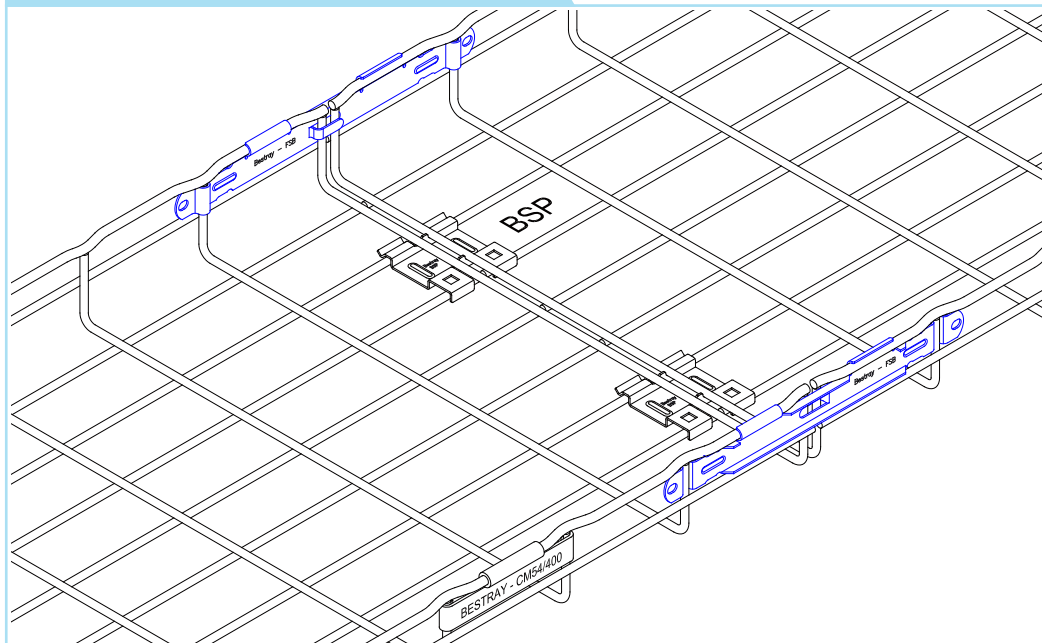


CM30, CM54, CM105

Số Lượng Chuẩn

Độ Rộng (mm)	Hông Máng FSB	Đáy Máng USK
30	2	-
50	2	-
100	2	1
150	2	1
200	2	1
300	2	2
400	2	2
450	2	2
500	2	3
600	2	3

Nối Thẳng, Kết Hợp: FSB + BSP

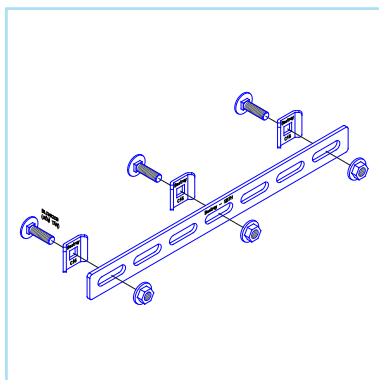


CM30, CM54, CM105

Số Lượng Chuẩn

Độ Rộng (mm)	Hông Máng FSB	Đáy Máng BSP
30	2	-
50	2	-
100	2	1
150	2	1
200	2	1
300	2	2
400	2	2
450	2	2
500	2	3
600	2	3

SBK7 (Thanh Nối 7 Lỗ)



Mã SP

S4

DC

EG

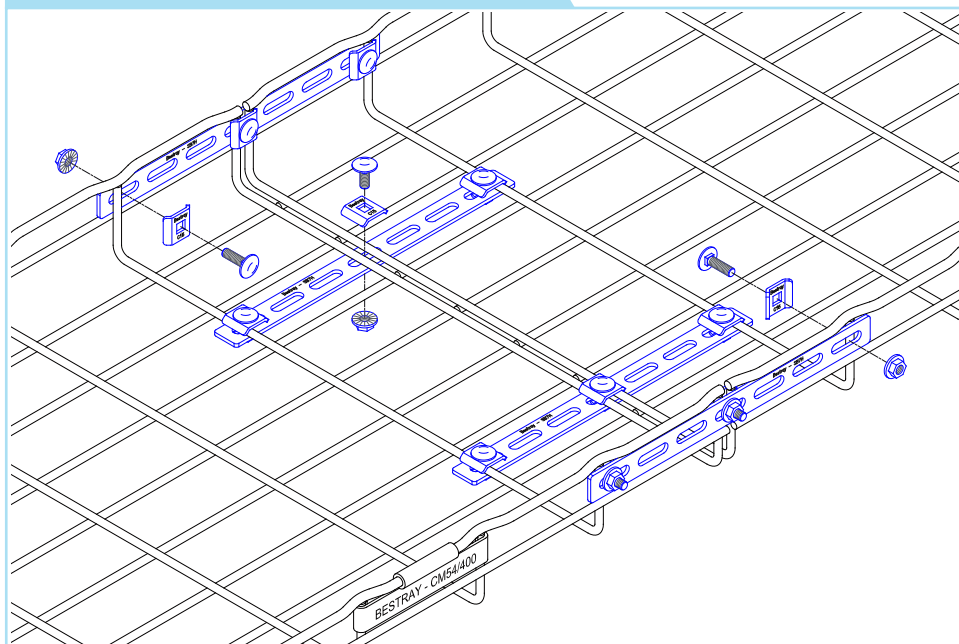
SBK7S4

SBK7DC

SBK7EG

- Dùng để nối thẳng 2 máng lưới, sử dụng cho tải hạng nặng.
- $SBK7 = SB7H + 3 \times (C15 + BLCV620B)$

Nối Thẳng, Chỉ Dùng SBK7

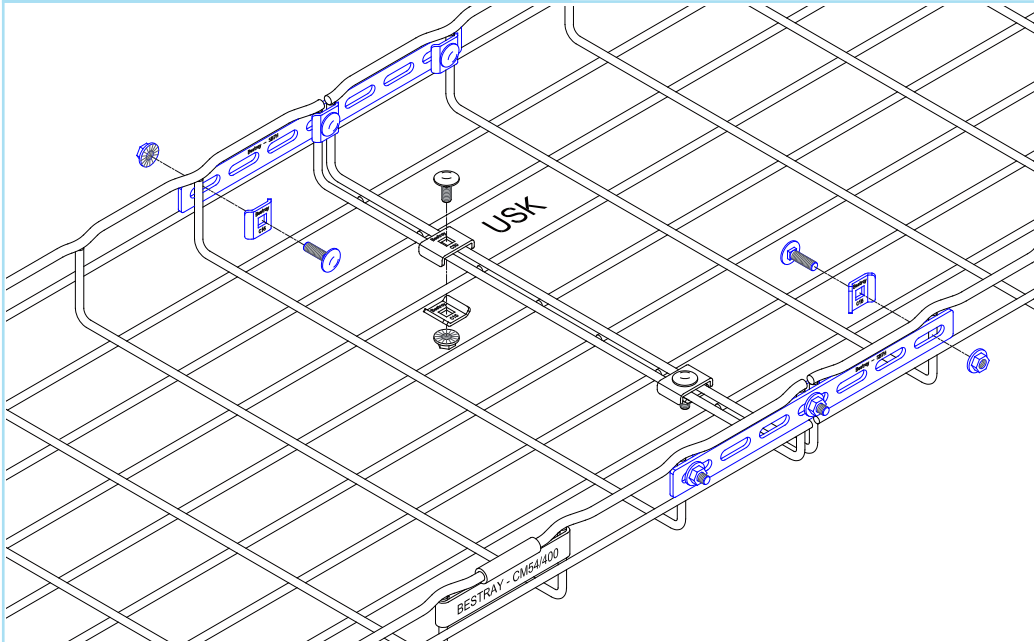


CM30, CM54, CM105

Số Lượng Chuẩn

Độ Rộng (mm)	Hông Máng SBK7	Đáy Máng SBK7	Tổng
30	2	-	2
50	2	-	2
100	2	1	3
150	2	1	3
200	2	1	3
300	2	2	4
400	2	2	4
450	2	2	4
500	2	3	5
600	2	3	5

Nối Thẳng, Kết Hợp: **SBK7 + USK**

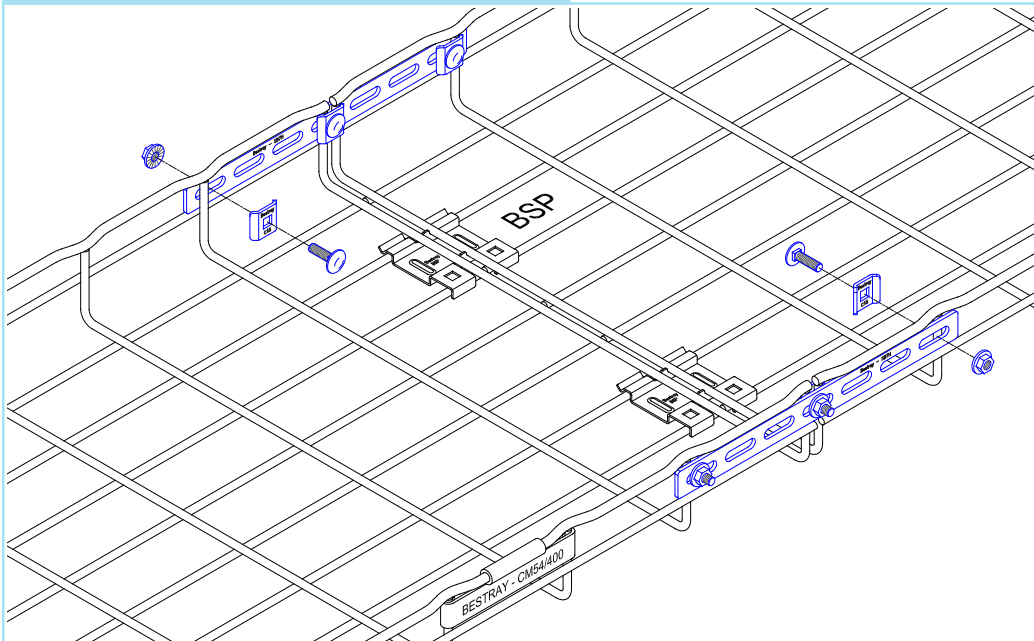


CM30, CM54, CM105

Số Lượng Chuẩn

Độ Rộng (mm)	Hông Máng SBK7	Đáy Máng USK
30	2	-
50	2	-
100	2	1
150	2	1
200	2	1
300	2	2
400	2	2
450	2	2
500	2	3
600	2	3

Nối Thẳng, Kết Hợp: **SBK7 + BSP**

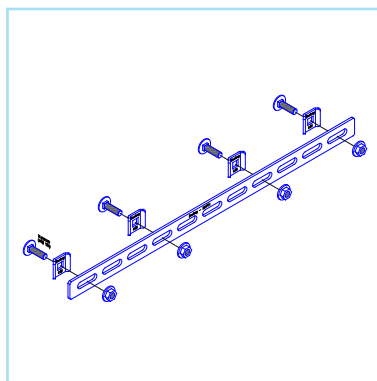


CM30, CM54, CM105

Số Lượng Chuẩn

Độ Rộng (mm)	Hông Máng SBK7	Đáy Máng BSP
30	2	-
50	2	-
100	2	1
150	2	1
200	2	1
300	2	2
400	2	2
450	2	2
500	2	3
600	2	3

SBK11 (Thanh Nối 11 Lỗ)



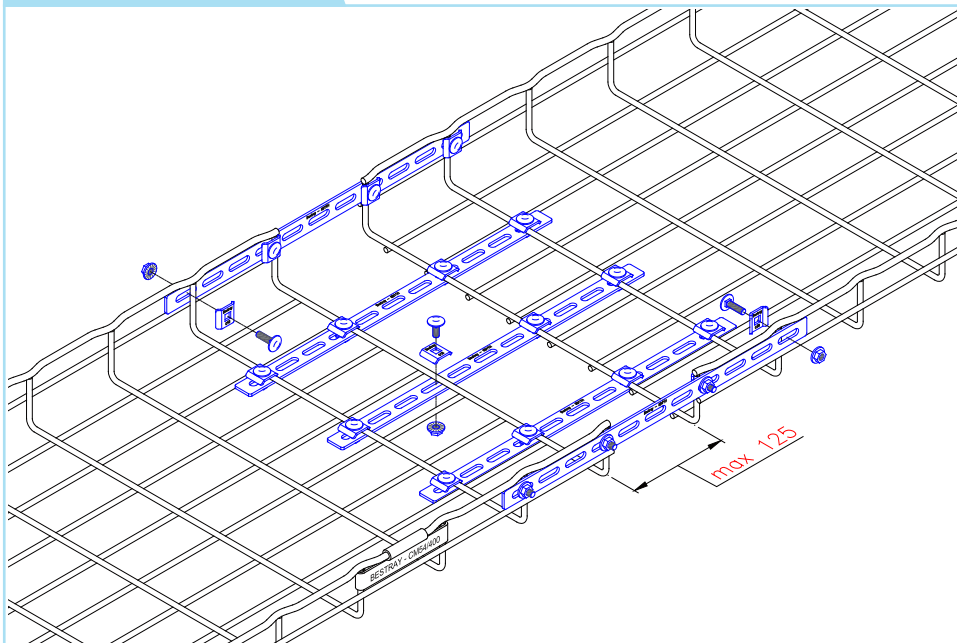
Mã SP

S4	DC	EG
SBK11S4	SBK11DC	SBK11EG

- Dùng để nối thẳng mở rộng (khoảng hở bị lẻ).
- Dùng làm bát nối giảm, bát nối có ngang 45°.
- SBK11 = SB11H + 4x(C15 + BLCV620B)

* Xem thêm chi tiết trang: CM-70~72, cho việc áp dụng lắp ráp có ngang 45°.

Nối Thẳng Mở Rộng

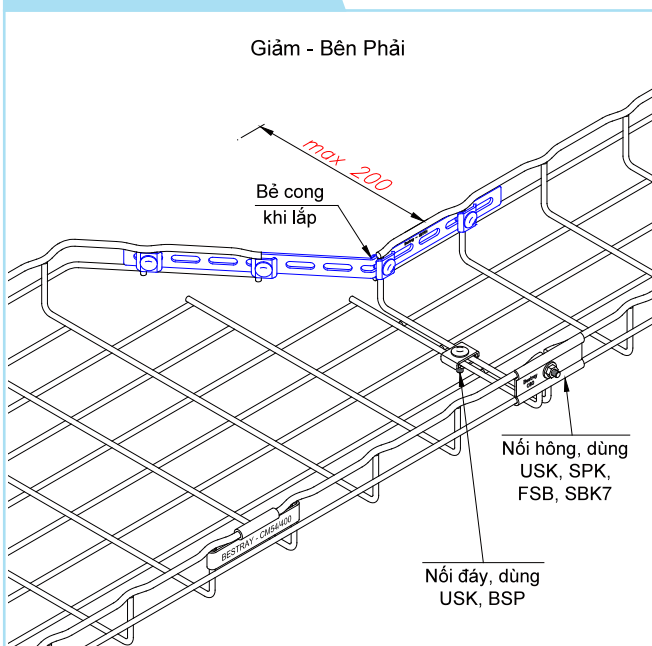


CM30, CM54, CM105

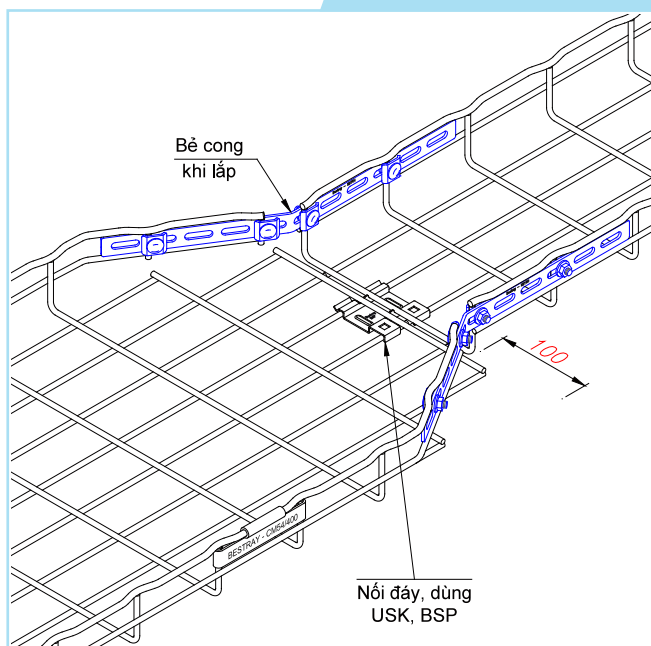
Số Lượng Chuẩn

Độ Rộng (mm)	Hông Máng SBK11	Đáy Máng SBK11	Tổng
30	2	-	2
50	2	-	2
100	2	1	3
150	2	1	3
200	2	2	4
300	2	2	4
400	2	3	5
450	2	3	5
500	2	4	6
600	2	4	6

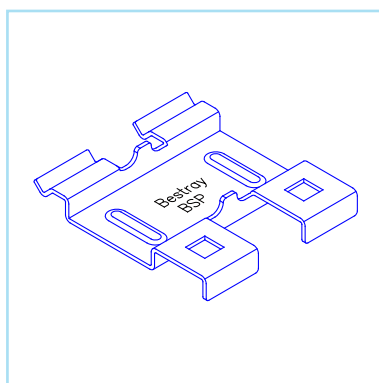
Giảm – Bên Trái / Phải



Giảm Thẳng



BSP (Miếng Nối Đáy)

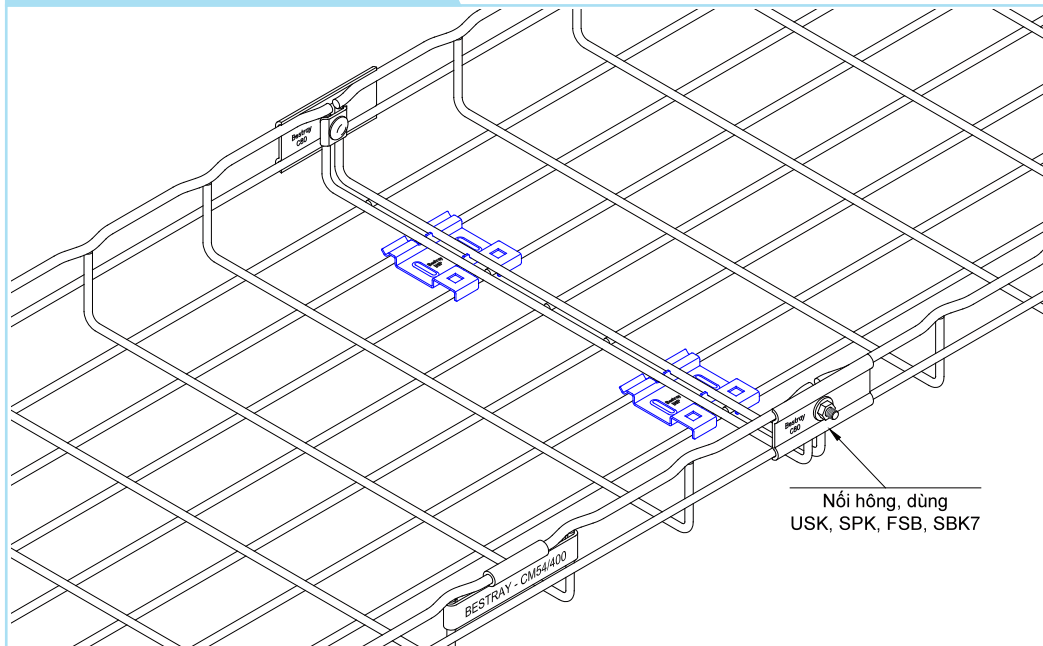


Mã SP

S4	DC	EG
BSPS4	BSPDC	BSPEG

- Dùng để nối thẳng 2 đáy máng lưới.
- Lắp đặt nhanh, không cần bulong, dụng cụ.

Nối Dây Thẳng

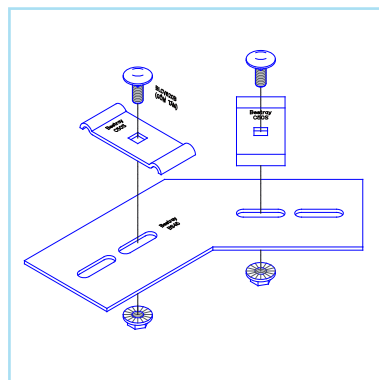


CM30, CM54, CM105

Số Lượng Chuẩn

Độ Rộng (mm)	Đáy Máng BSP
30	-
50	-
100	1
150	1
200	1
300	2
400	2
450	2
500	3
600	3

BSK4 (Miếng Nối Dây 45°)



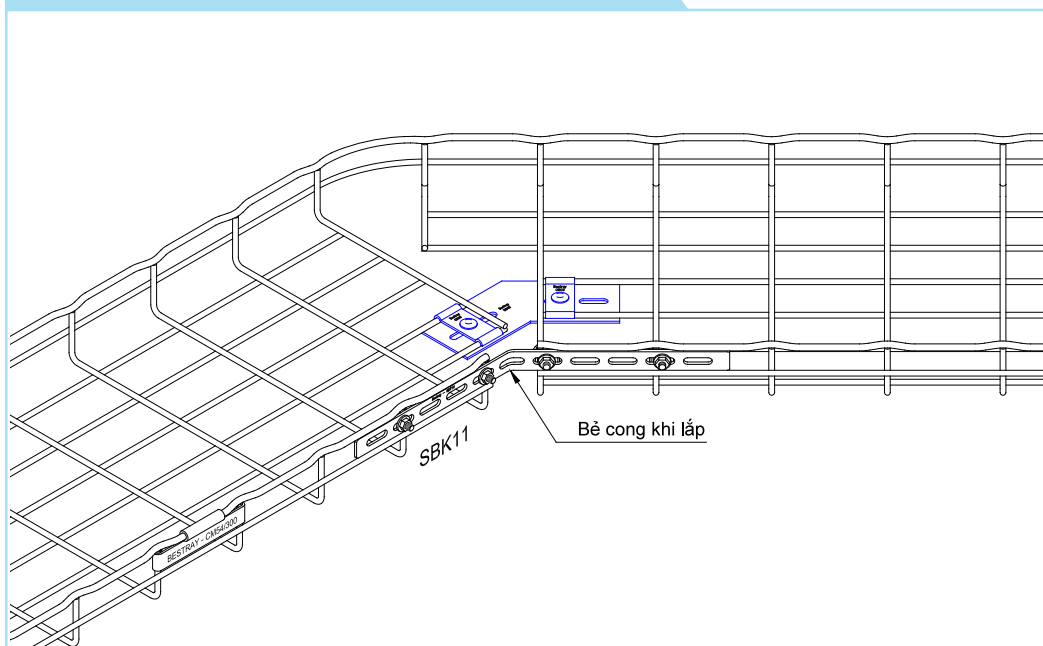
Mã SP

S4	DC	EG
BSK4S4	BSK4DC	BSK4EG

- Nối dây máng tạo góc ngang 45°
- BSK4 = BS45 + 2x(C50S + BLCV620B)

* Xem thêm chi tiết trang: CM-70~72

Nối Dây Tạo Góc Ngang 45°, Kết Hợp: **BSK4 + SBK11**

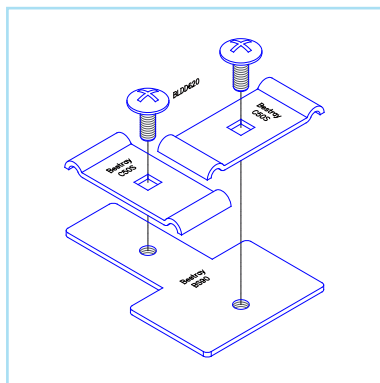


CM54, CM105

Số Lượng Chuẩn

Độ Rộng (mm)	Đáy Máng BSK4
30	-
50	-
100	-
150	1
200	1
300	1
400	2
450	2
500	3
600	3

BSK9 (Miếng Nối Đáy 90°)



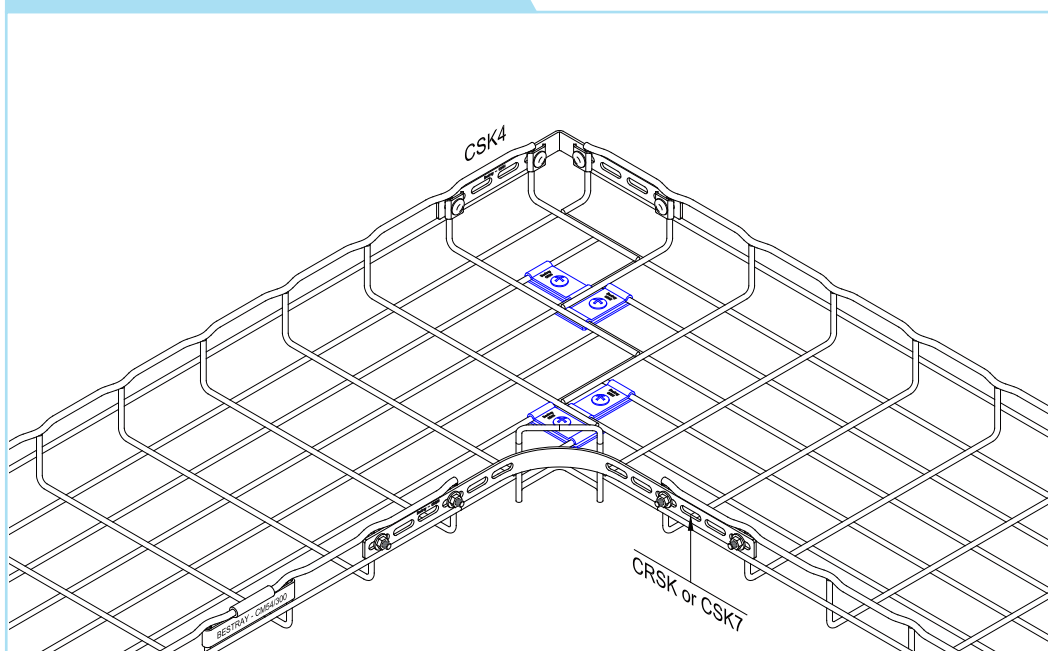
Mã SP

S4	DC	EG
BSK9S4	BSK9DC	BSK9EG

- Dùng để nối đáy máng, tạo ngã rẽ 90°
- BSK9 = BS90 + 2x(C50S + BLDD620)

* Xem thêm chi tiết trang: CM-77~94

Nối Đáy Tạo Co Ngang 90°

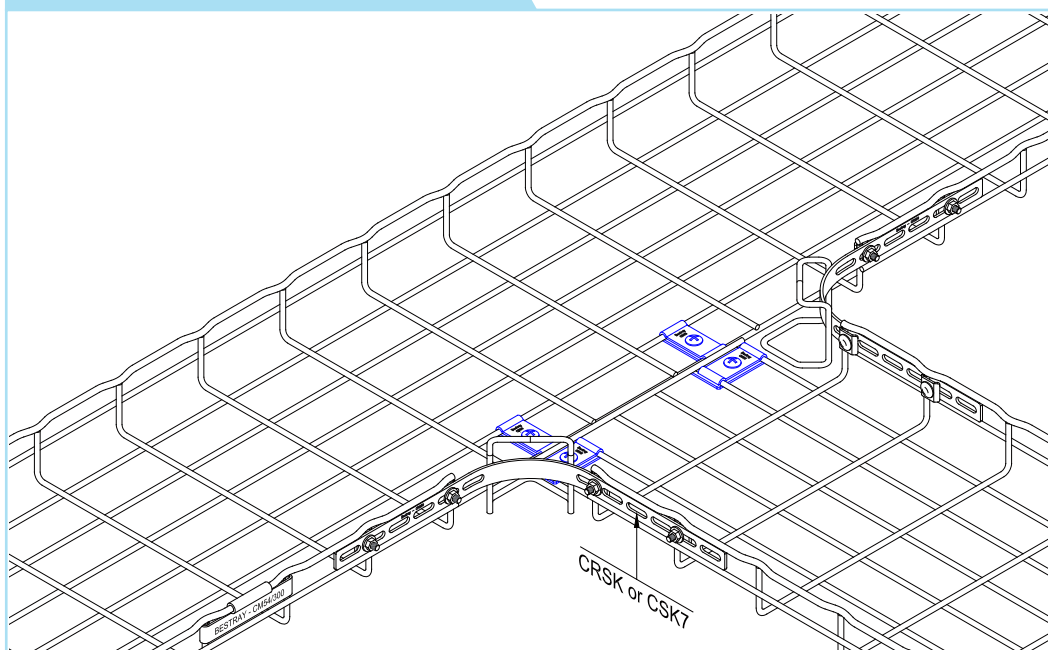


CM54, CM105

Số Lượng Chuẩn

Độ Rộng (mm)	Đáy Máng BSK9
30	-
50	-
100	-
150	1
200	1
300	2
400	2
450	2
500	3
600	3

Nối Đáy Tạo Ngã Ba

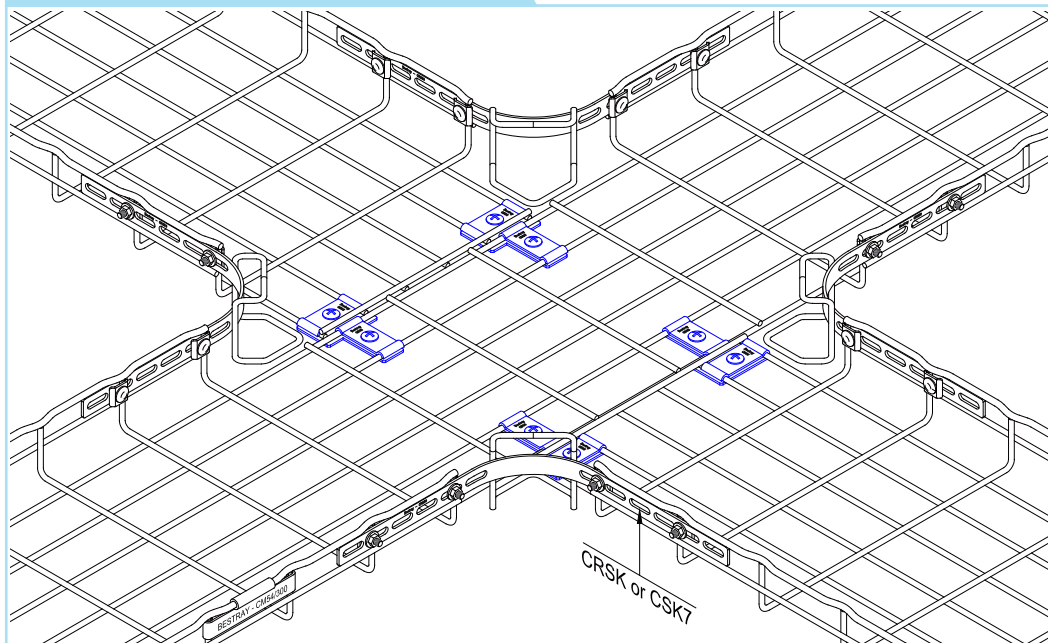


CM54, CM105

Số Lượng Chuẩn

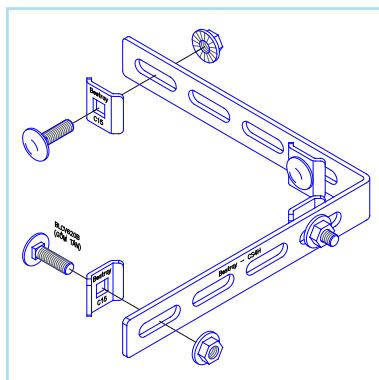
Độ Rộng (mm)	Đáy Máng BSK9
30	-
50	-
100	-
150	1
200	2
300	2
400	2
450	2
500	3
600	3

Nối Dây Tạo Ngã Tư



CM54, CM105	
Số Lượng Chuẩn	
Độ Rộng (mm)	Đáy Máng BSK9
30	-
50	-
100	-
150	2
200	4
300	4
400	4
450	4
500	6
600	6

CSK4 (Thanh Nối Góc 4 Lỗ)

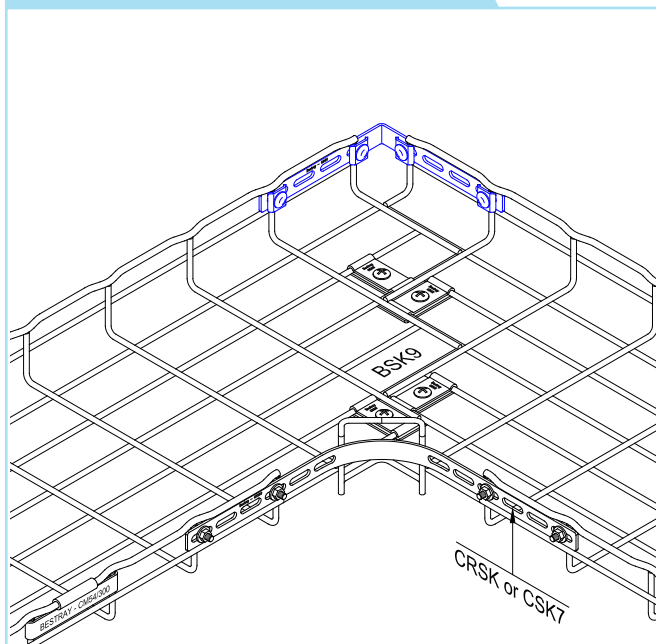


Mã SP		
S4	DC	EG
CSK4S4	CSK4DC	CSK4EG

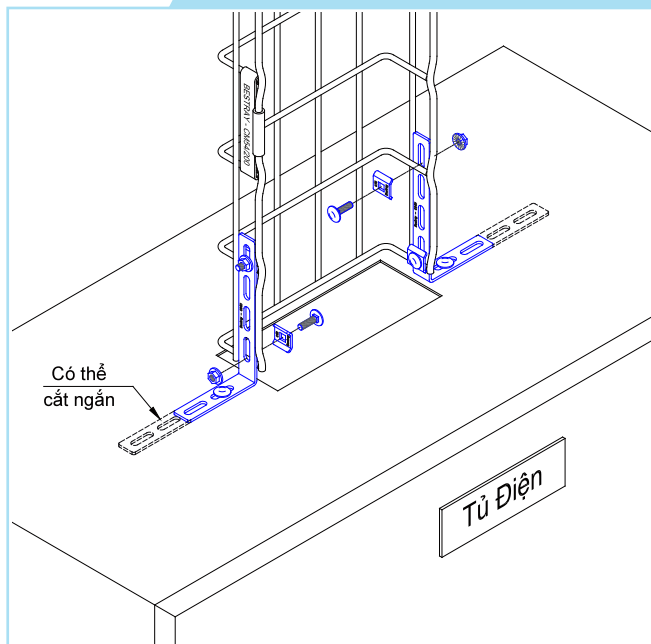
- CSK4 = CS4H + 4x(C15 + BLCV620B)

* Xem thêm chi tiết trang: CM-77~82

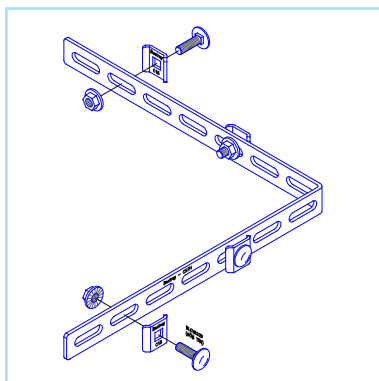
Nối Góc Ngoài cho Co Ngang 90°



Cố Định Trên Tủ Điện / Sàn / Tường



CSK7 (Thanh Nối Góc 7 Lỗ)



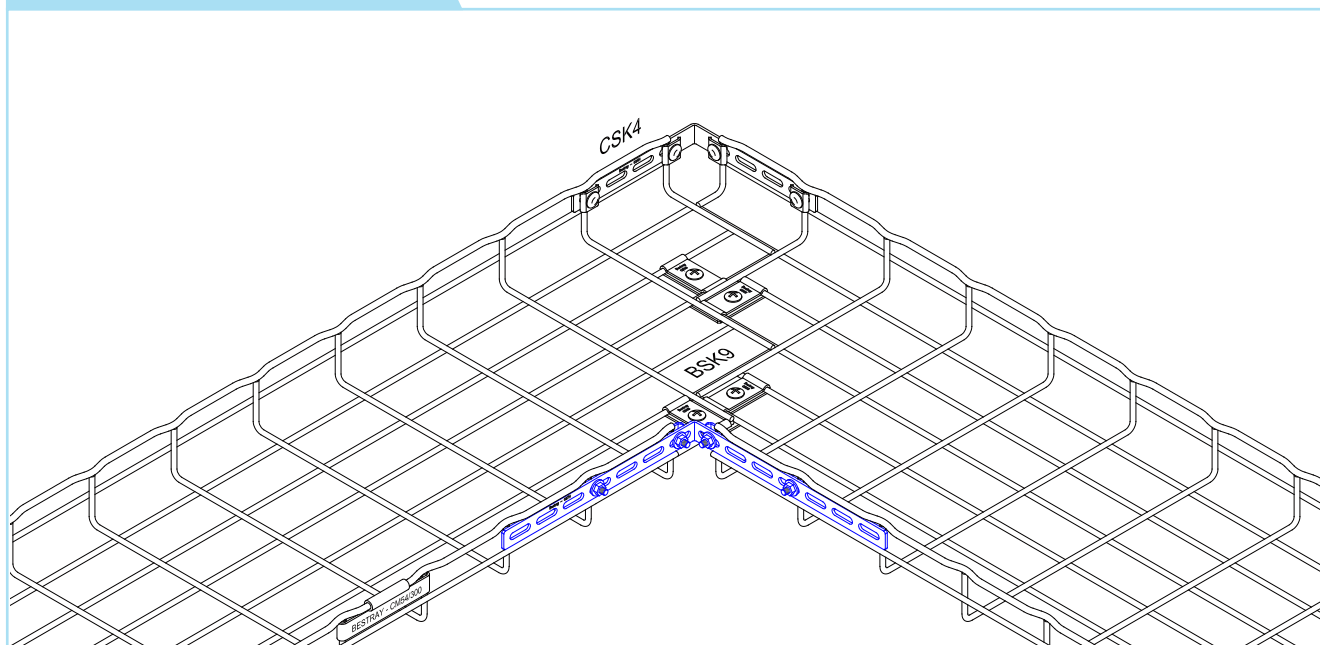
Mã SP

S4	DC	EG
CSK7S4	CSK7DC	CSK7EG

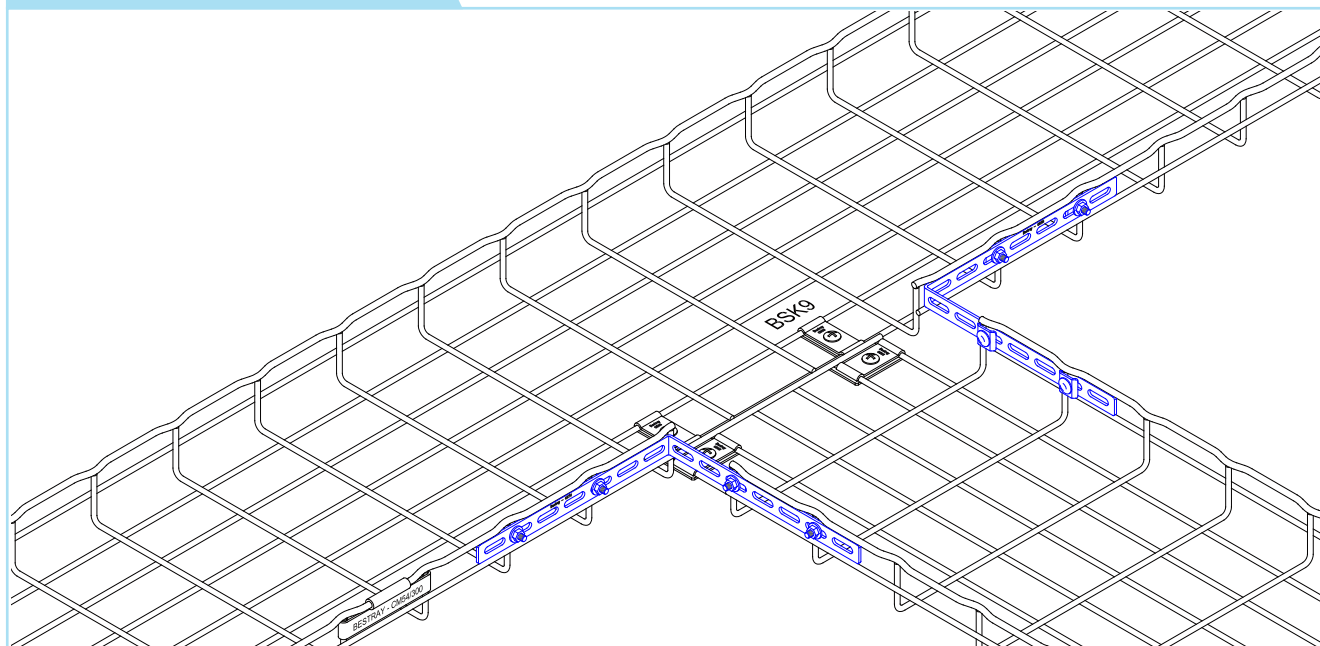
- Dùng để nối hông tạo ngã rẽ 90°, góc vuông.
- CSK7 = CS7H + 4x(C15 + BLCV620B)

* Xem thêm chi tiết trang: CM-80, CM-86, CM-92

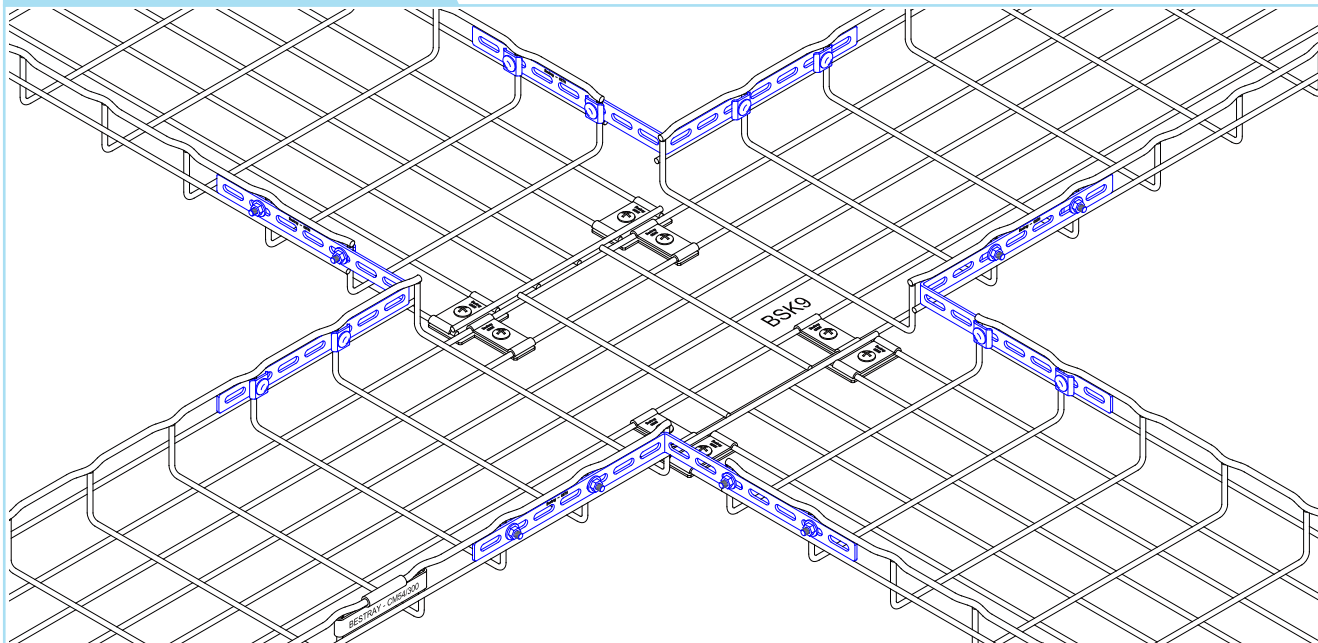
Tạo Co Ngang 90° (Góc Vuông)



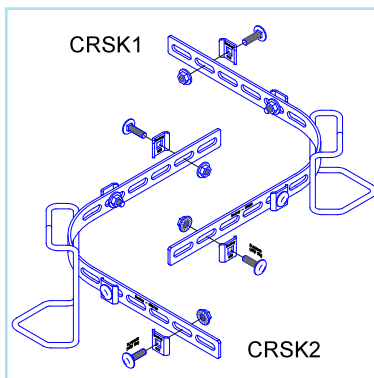
Tạo Ngã Ba (Góc Vuông)



Tạo Ngã Tư (Góc Vuông)



CRSK (Thanh Nối Góc Cong)

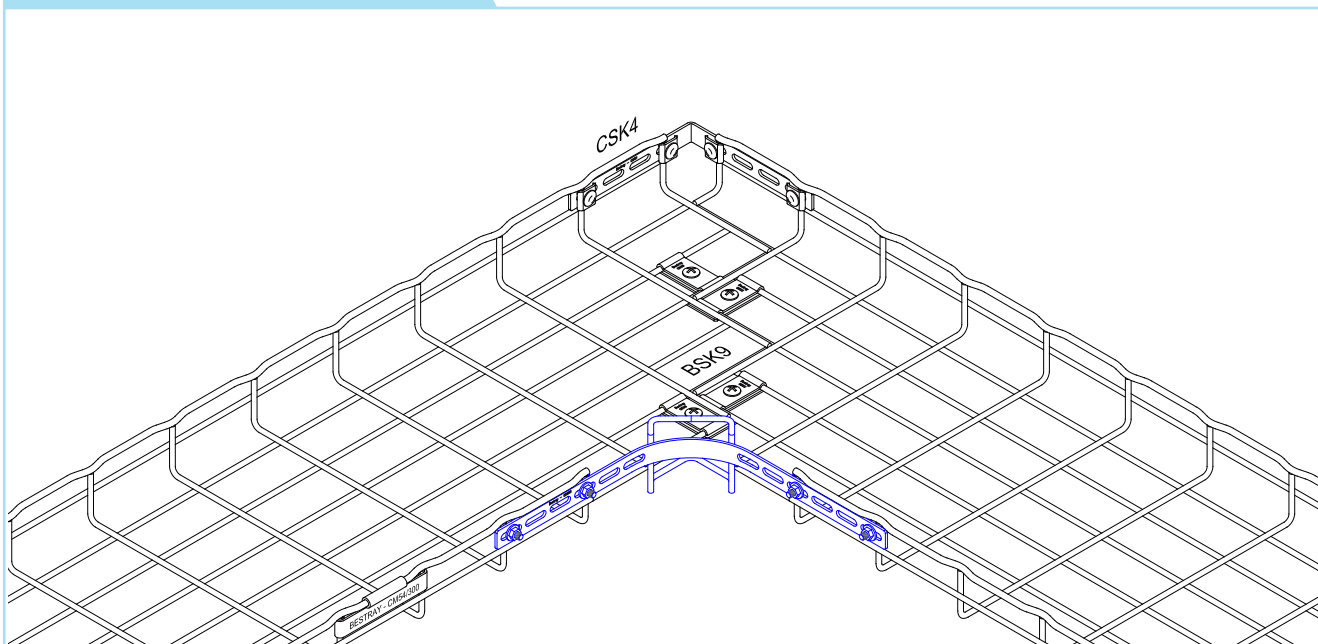


Cho Máng Cao	Mã SP		
	S4	DC	EG
54H	CRSK1S4	CRSK1DC	CRSK1EG
105H	CRSK2S4	CRSK2DC	CRSK2EG

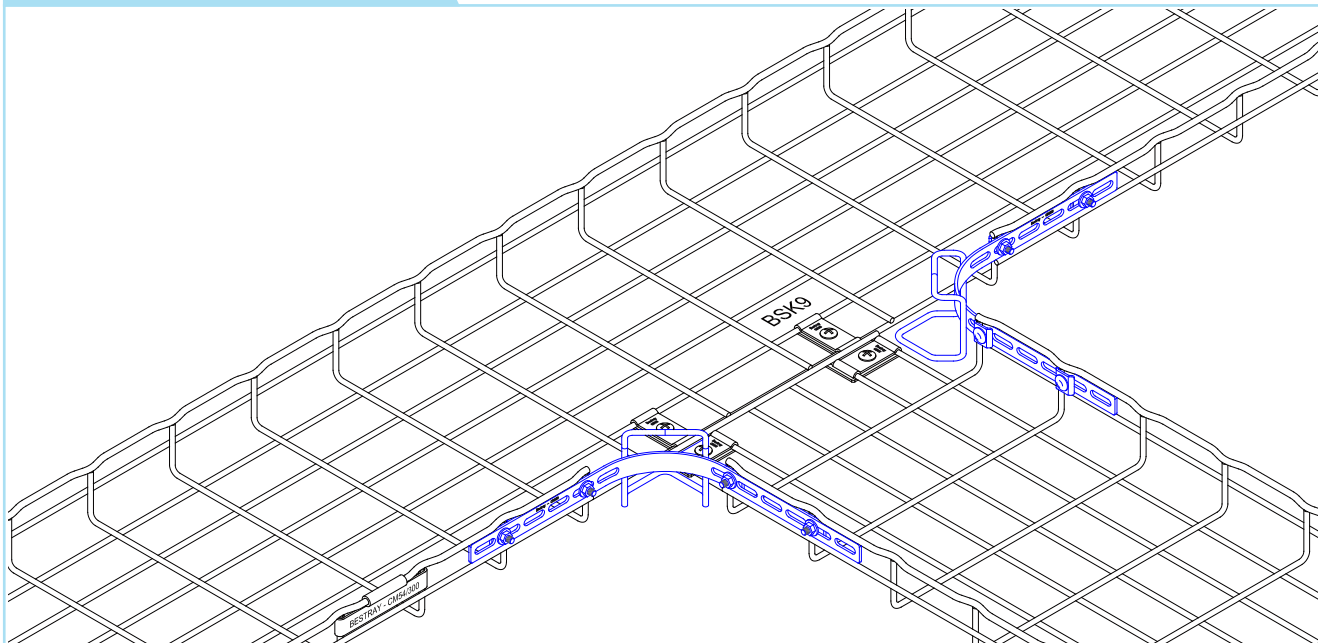
- Nối hông tạo ngã rẽ 90°, bán kính cong R=75mm.
- CRSK1 = CRS50 + 4x(C15 + BLCV620B)
- CRSK2 = CRS100 + 4x(C15 + BLCV620B)

* Xem thêm chi tiết trang: CM-77, CM-83, CM-89

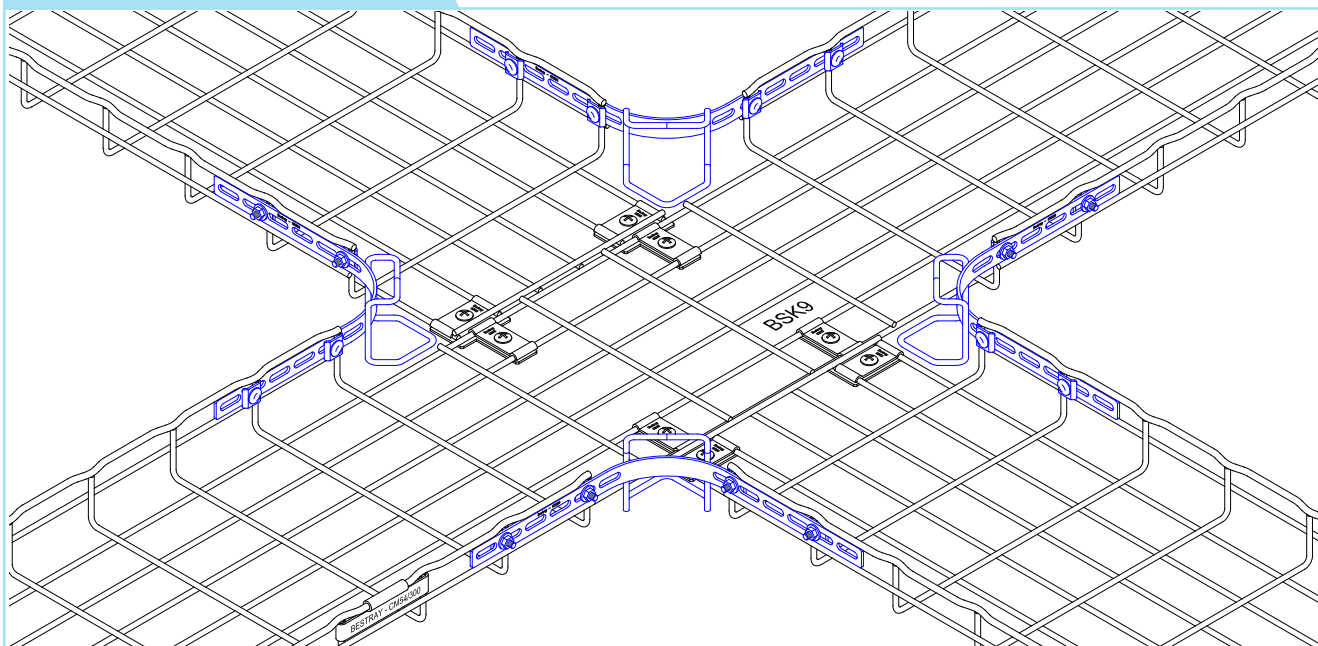
Tạo Co Ngang 90° (R=75mm)



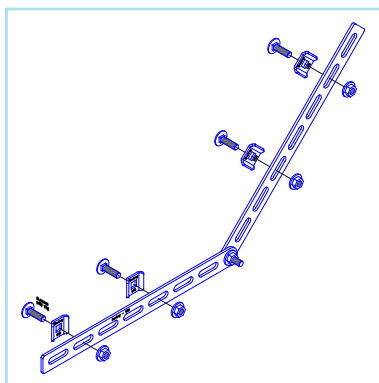
Tạo Ngã Ba (R=75mm)



Tạo Ngã Tư (R=75mm)



VASK (Bát Nối Chỉnh Đứng)

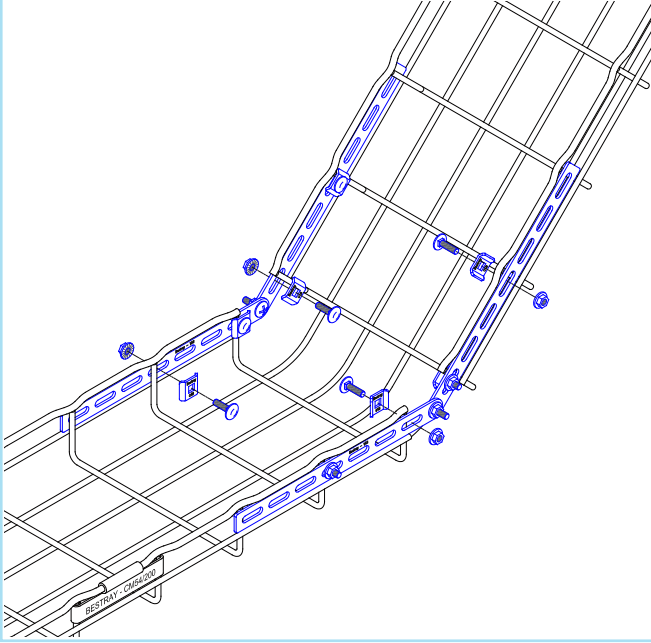


Mã SP

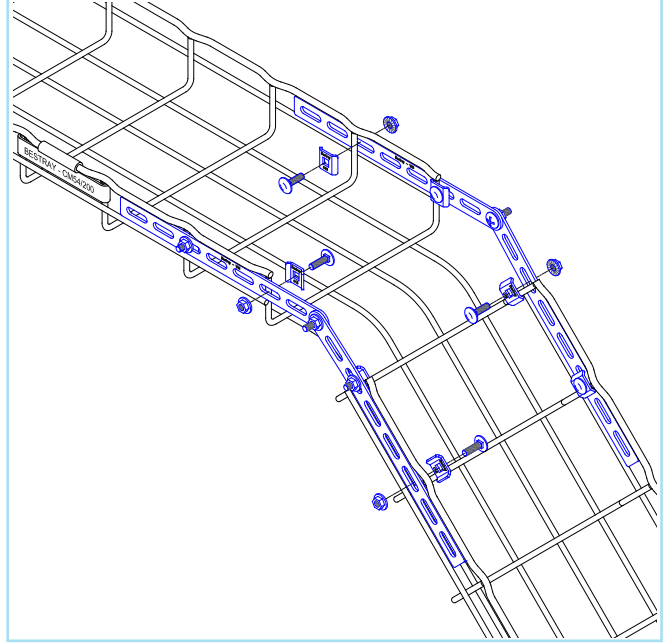
S4	DC	EG
VASKS4	VASKDC	VASKEG

- Tạo co lên / xuống, tạo ngã ba đứng.
- VASK = VAS + 4x(C15 + BLCV620B)

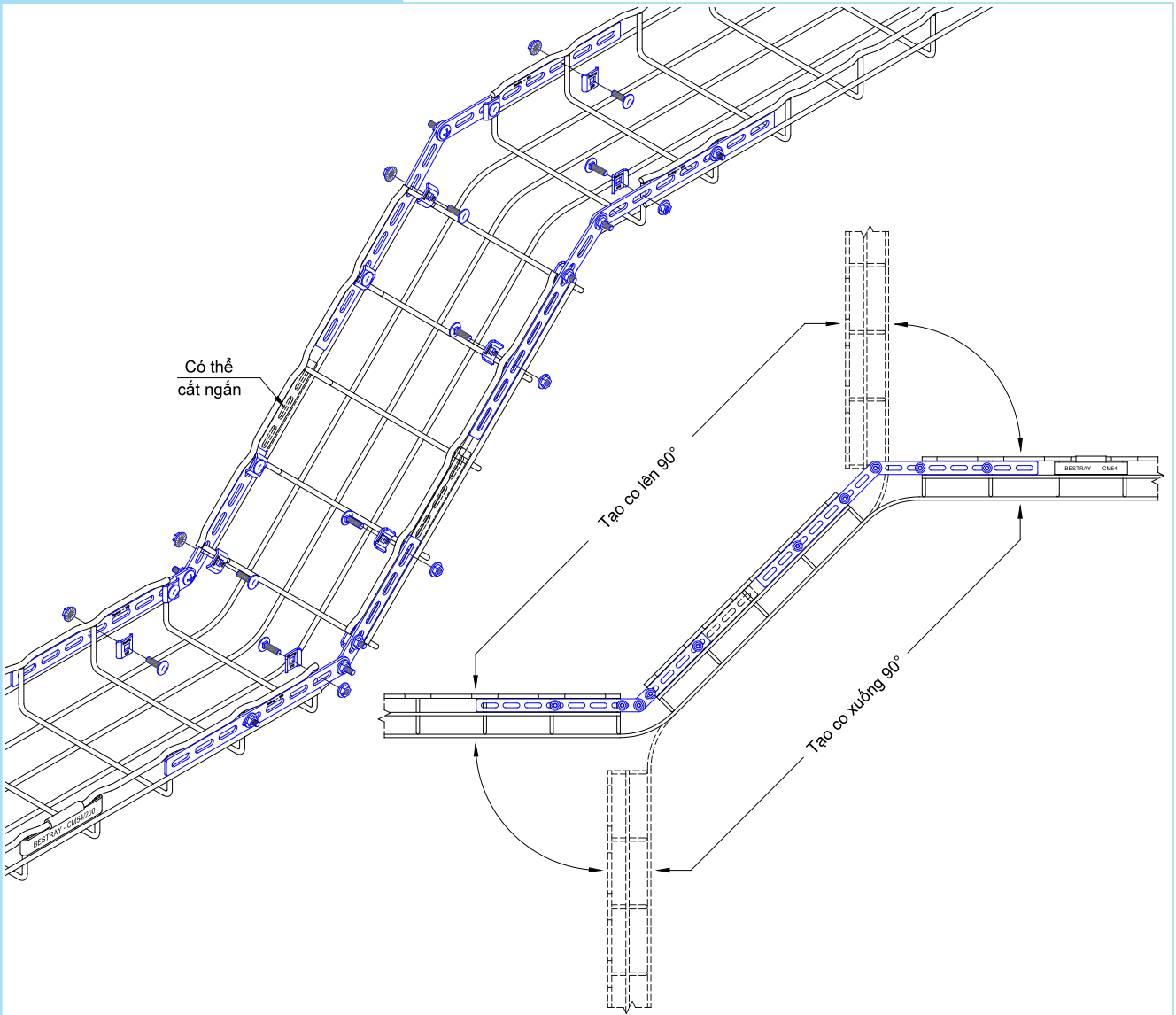
Tạo Co Lên (0~90°)



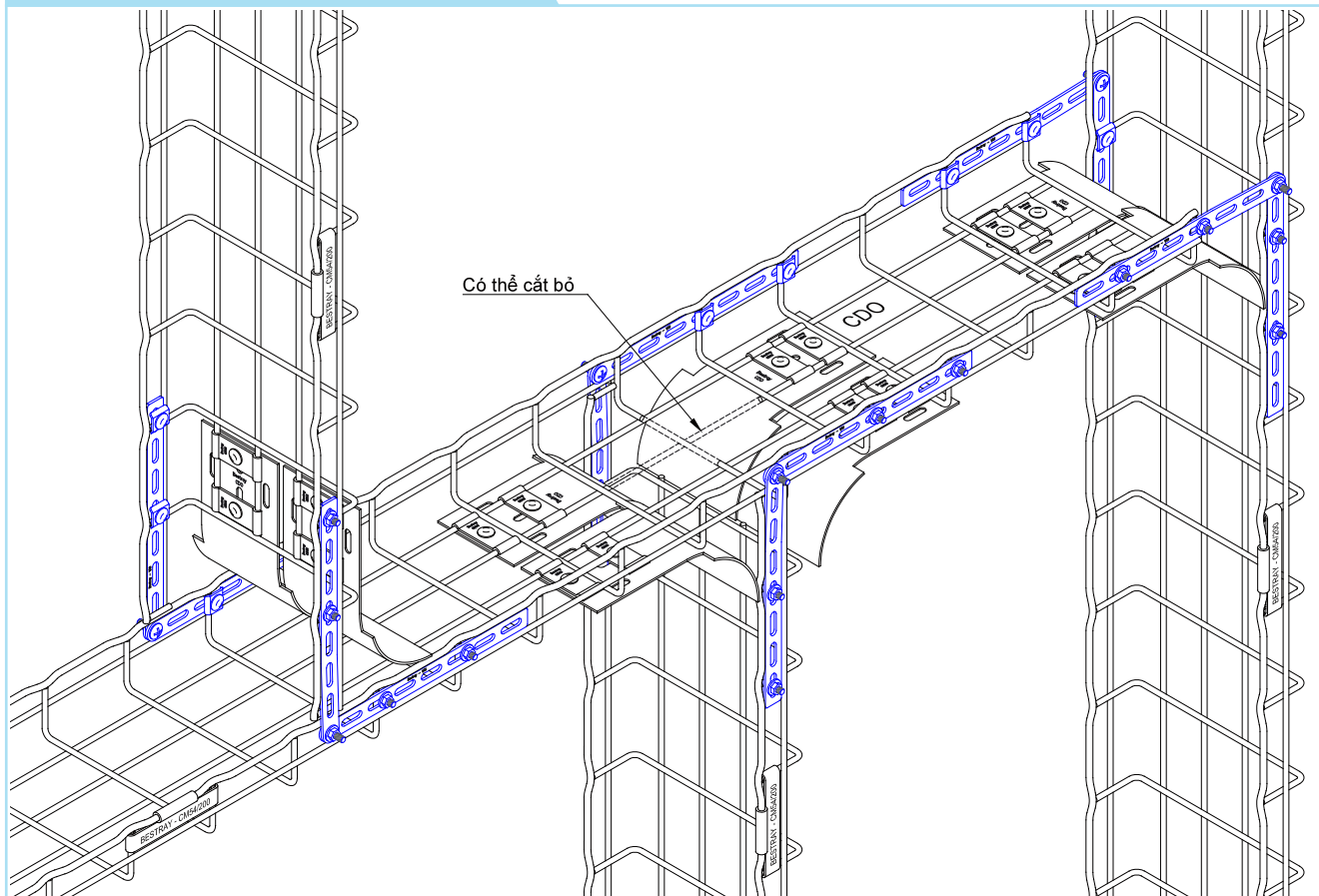
Tạo Co Xuống (0~90°)



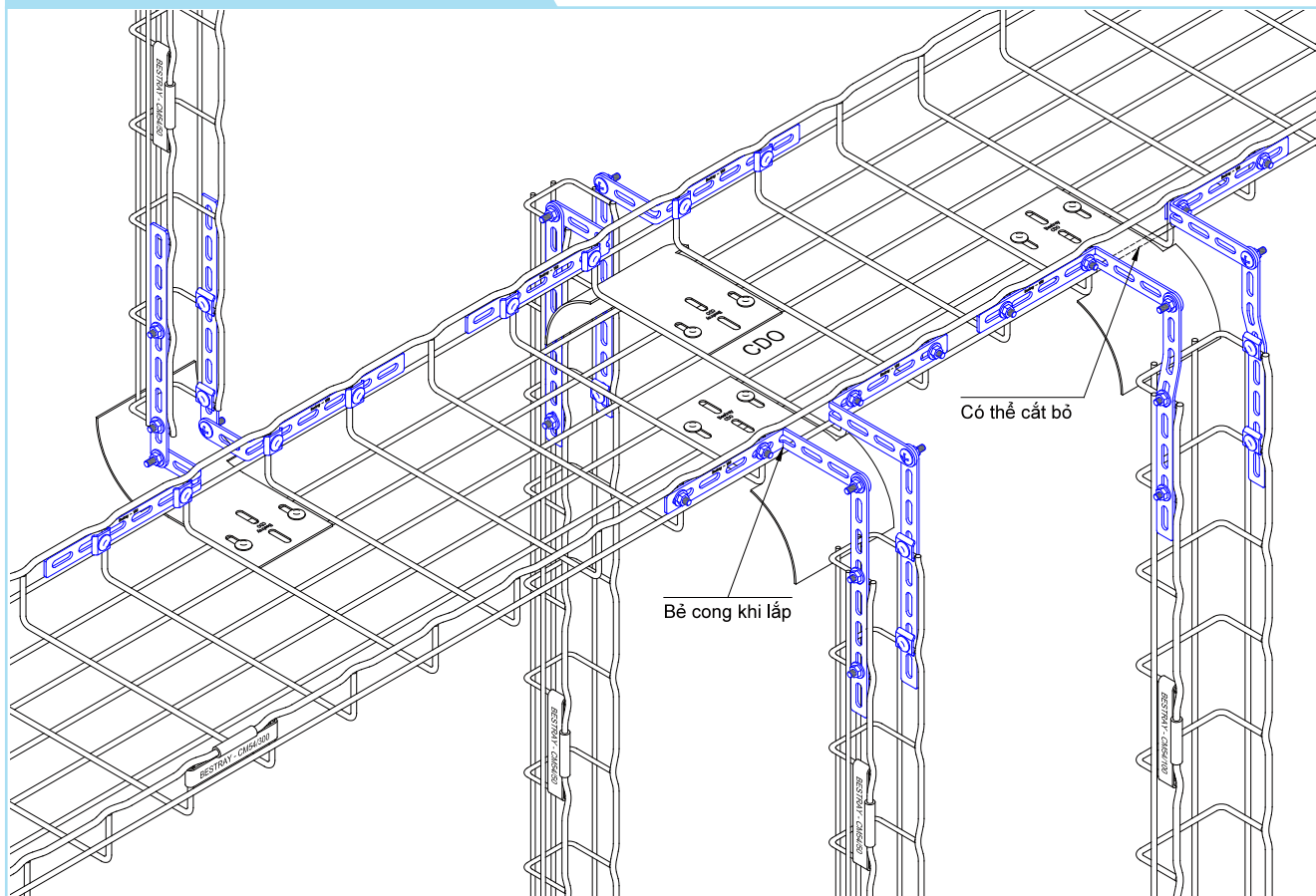
Tạo Co Lên và Xuống (Co Chữ Z)



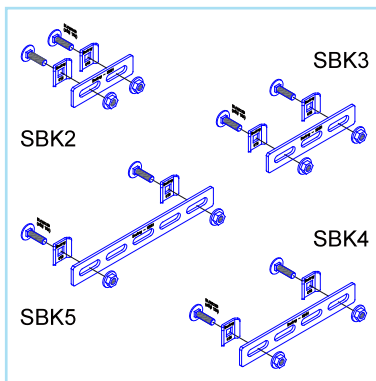
Tạo Ngã Ba Đứng Lên / Xuống, Ghép Thẳng



Tạo Ngã Ba Đứng Lên / Xuống, Ghép Hồng



SBK2 ~ SBK5 (Thanh Nối 2 ~ 5 Lỗ)

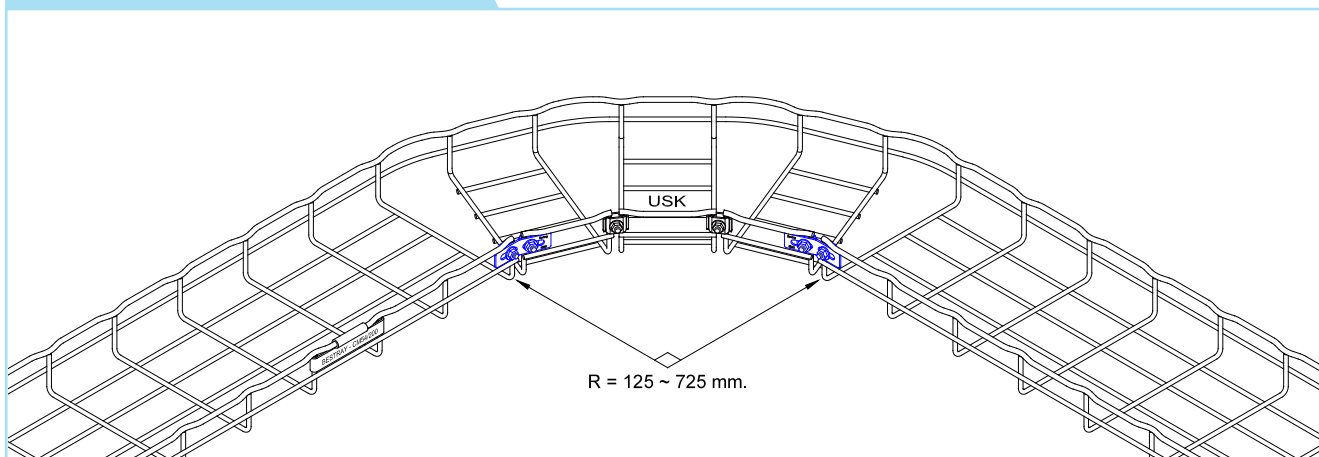


Tên SP	Mã SP		
	S4	DC	EG
SBK2	SBK2S4	SBK2DC	SBK2EG
SBK3	SBK3S4	SBK3DC	SBK3EG
SBK4	SBK4S4	SBK4DC	SBK4EG
SBK5	SBK5S4	SBK5DC	SBK5EG

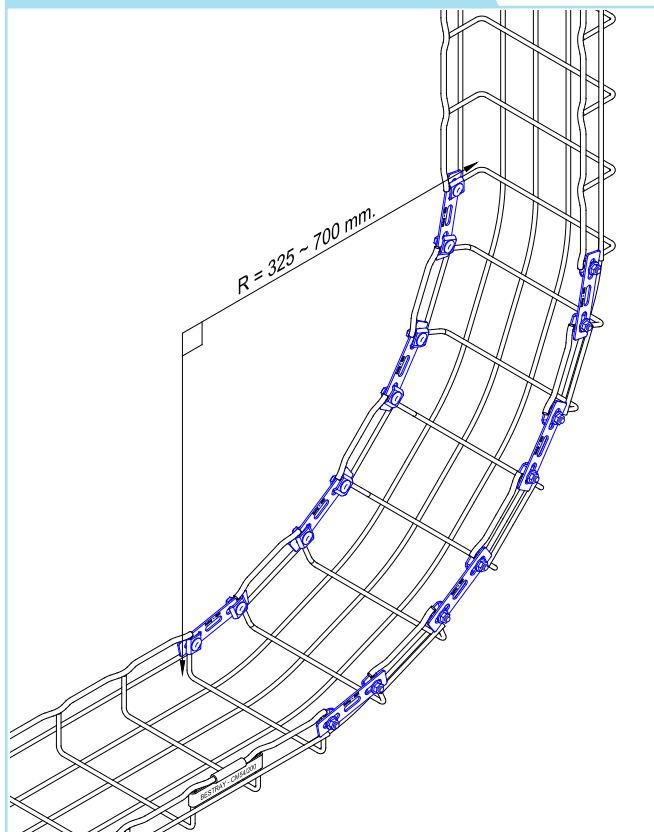
- Tạo co ngang / lên / xuống 90°, bán kính cong lớn.
- SBK2 = SB2H + 2x(C15 + BLCV620B)
- SBK3 = SB3H + 2x(C15 + BLCV620B)
- SBK4 = SB4H + 2x(C15 + BLCV620B)
- SBK5 = SB5H + 2x(C15 + BLCV620B)

* Xem thêm chi tiết trang: CM-73~76, CM-95~98

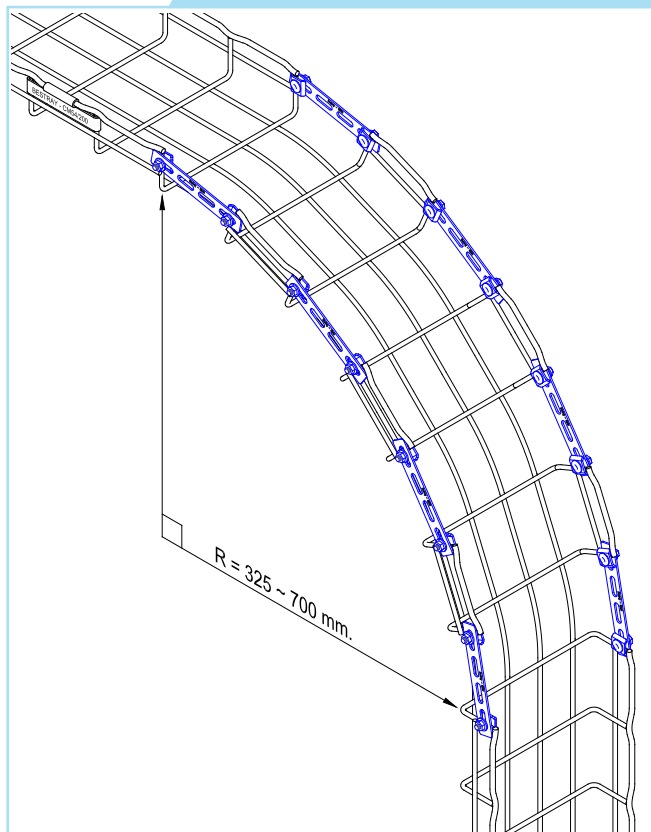
Tạo Co Ngang 90° (bán kính cong lớn)

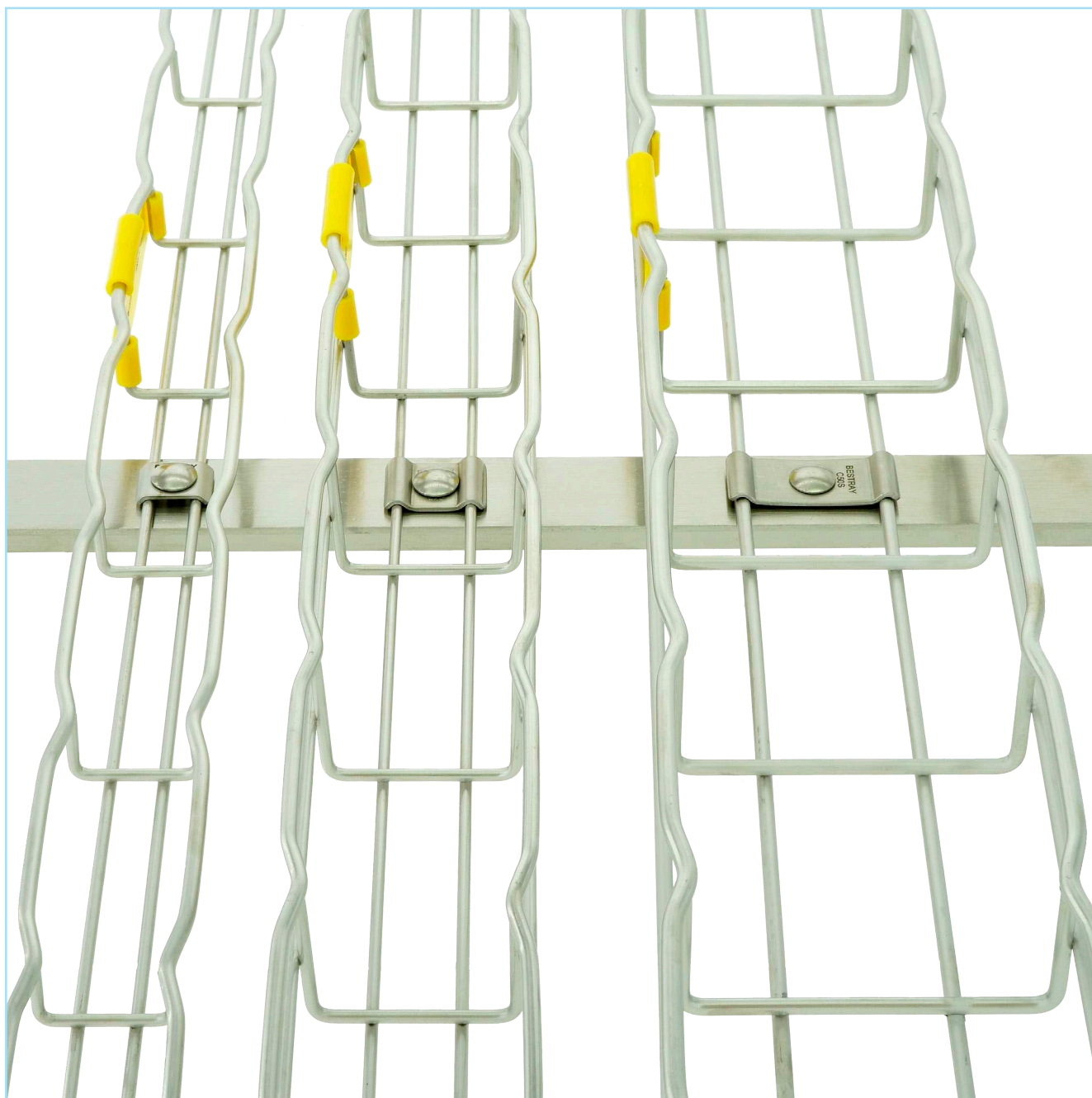


Tạo Co Lên 90° (bán kính cong lớn)

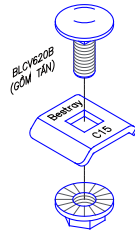


Tạo Co Xuống 90° (bán kính cong lớn)





CK1 (Kẹp Đơn Cố Định Máng)

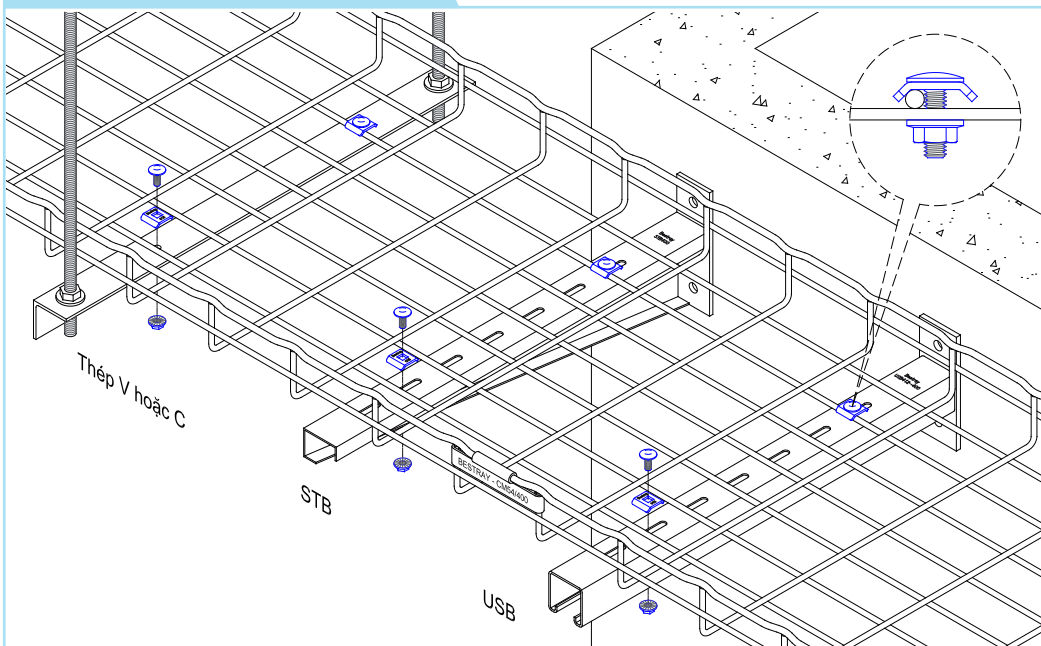


Mã SP

S4	DC	EG
CK1S4	CK1DC	CK1EG

- Dùng để kẹp cho các loại máng hay phụ kiện
- CK1 = C15 + BLCV620B

Kẹp Giữ Máng

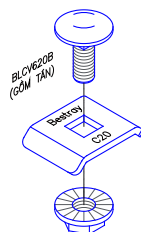


CM30, CM54, CM105

Số Lượng Chuẩn

Độ Rộng (mm)	CK1
30	-
50	-
100	1
150	1
200	2
300	2
400	2
450	2
500	3
600	3

CK2 (Kẹp Đôi Cố Định Máng)

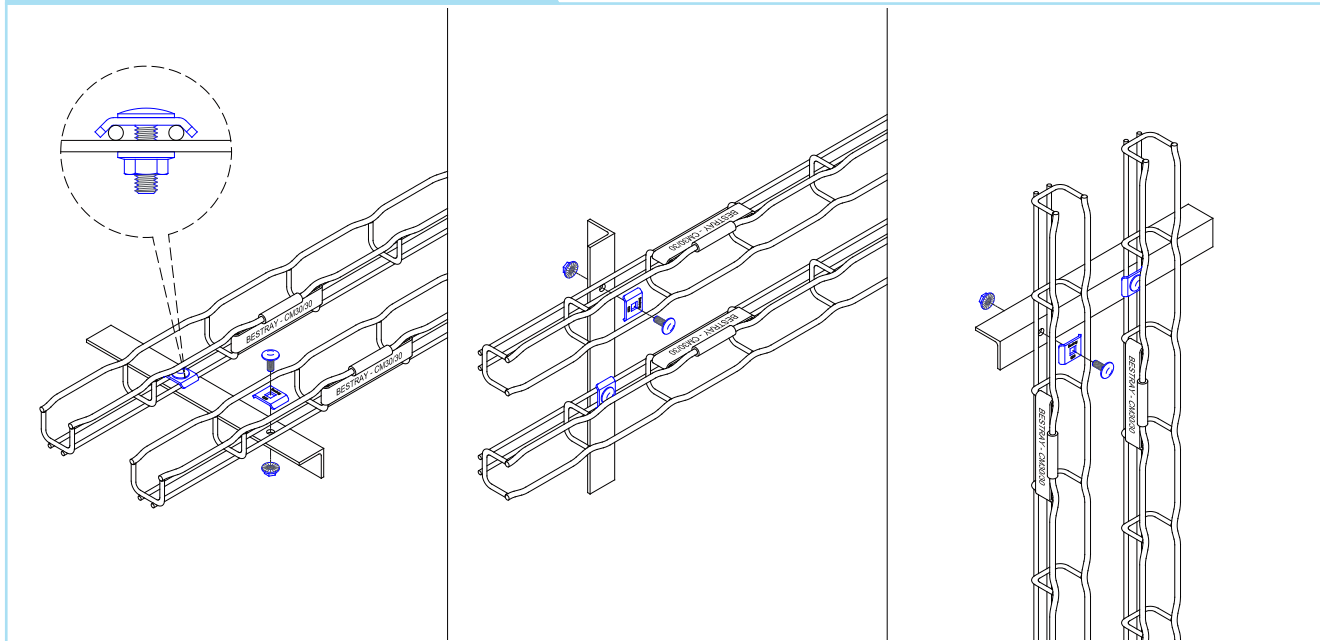


Mã SP

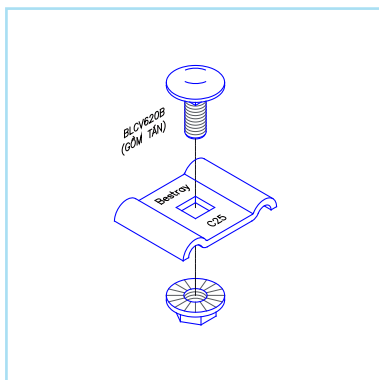
S4	DC	EG
CK2S4	CK2DC	CK2EG

- Kẹp chuyên dùng cho máng CM30/30
- CK2 = C20 + BLCV620B

Kẹp Giữ Máng cho Máng CM30/30



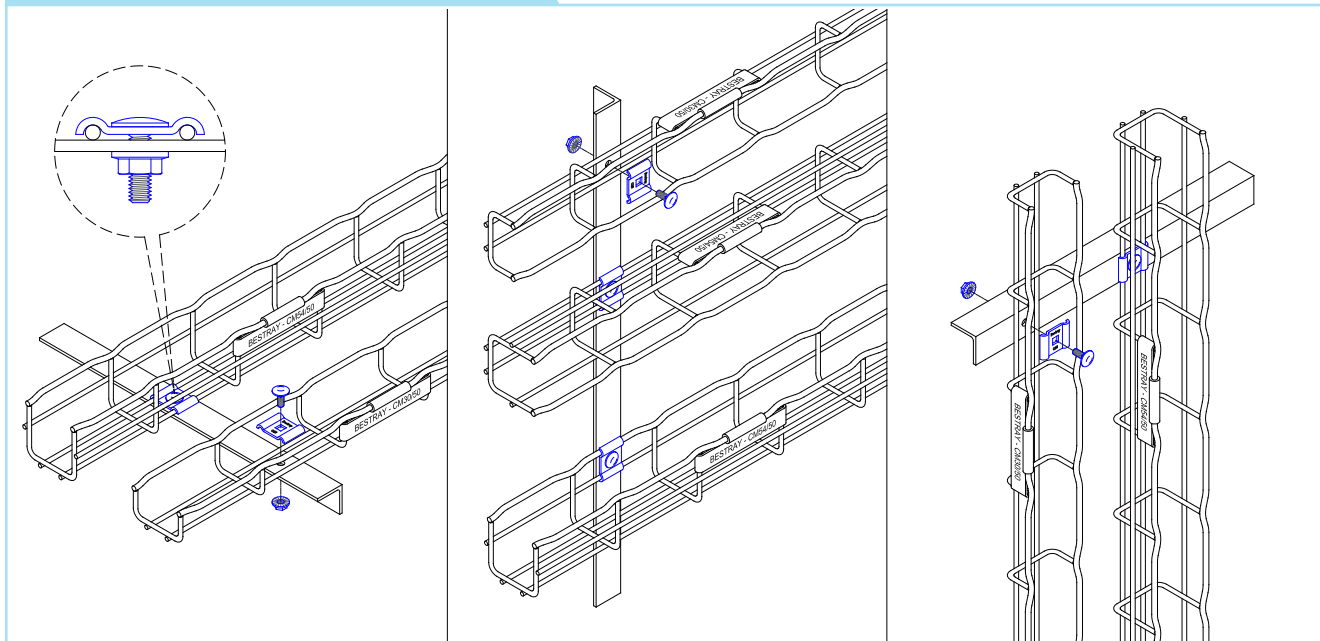
CK3 (Kẹp Đôi Cố Định Máng)



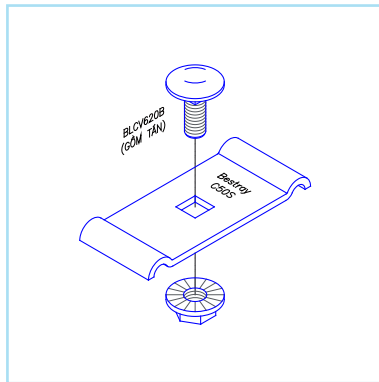
Mã SP		
S4	DC	EG
CK3S4	CK3DC	CK3EG

- Kẹp dùng cho máng có độ rộng W = 50mm.
- CK3 = C25 + BLCV620B

Kẹp Giữ Máng cho Máng W=50mm



CK4 (Kẹp Đôi Cố Định Máng)

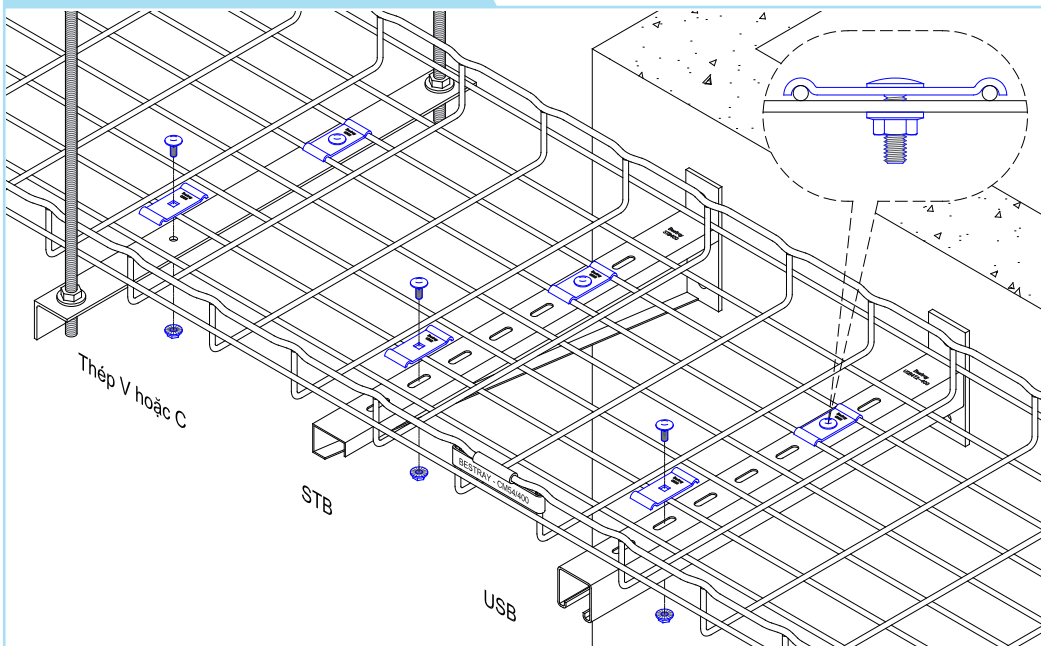


Mã SP

S4	DC	EG
CK4S4	CK4DC	CK4EG

- Kẹp dùng cho máng có độ rộng $W \geq 100\text{mm}$.
- CK4 = C50S + BLCV620B

Kẹp Giữ Máng cho Máng $W \geq 100\text{mm}$

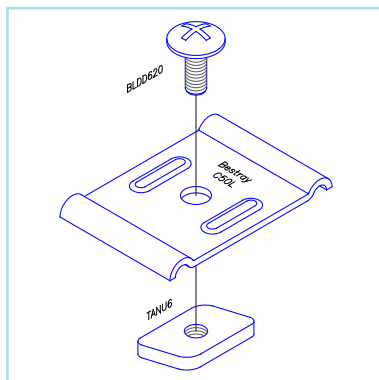


CM30, CM54, CM105

Số Lượng Chuẩn

Độ Rộng (mm)	CK4
30	-
50	-
100	1
150	1
200	2
300	2
400	2
450	2
500	3
600	3

CK5 (Kẹp Đôi Cố Định Máng)

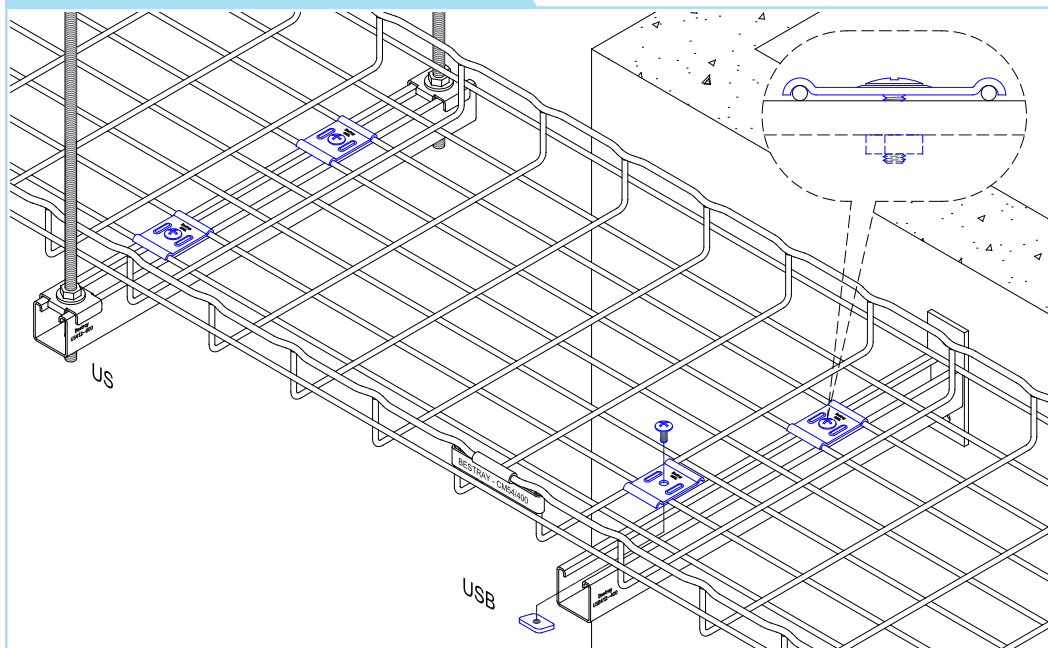


Mã SP

S4	DC	EG
CK5S4	CK5DC	CK5EG

- Kẹp máng sử dụng với thanh U ($W \geq 100\text{mm}$)
- CK5 = C50L + BLDD620 + TANU6

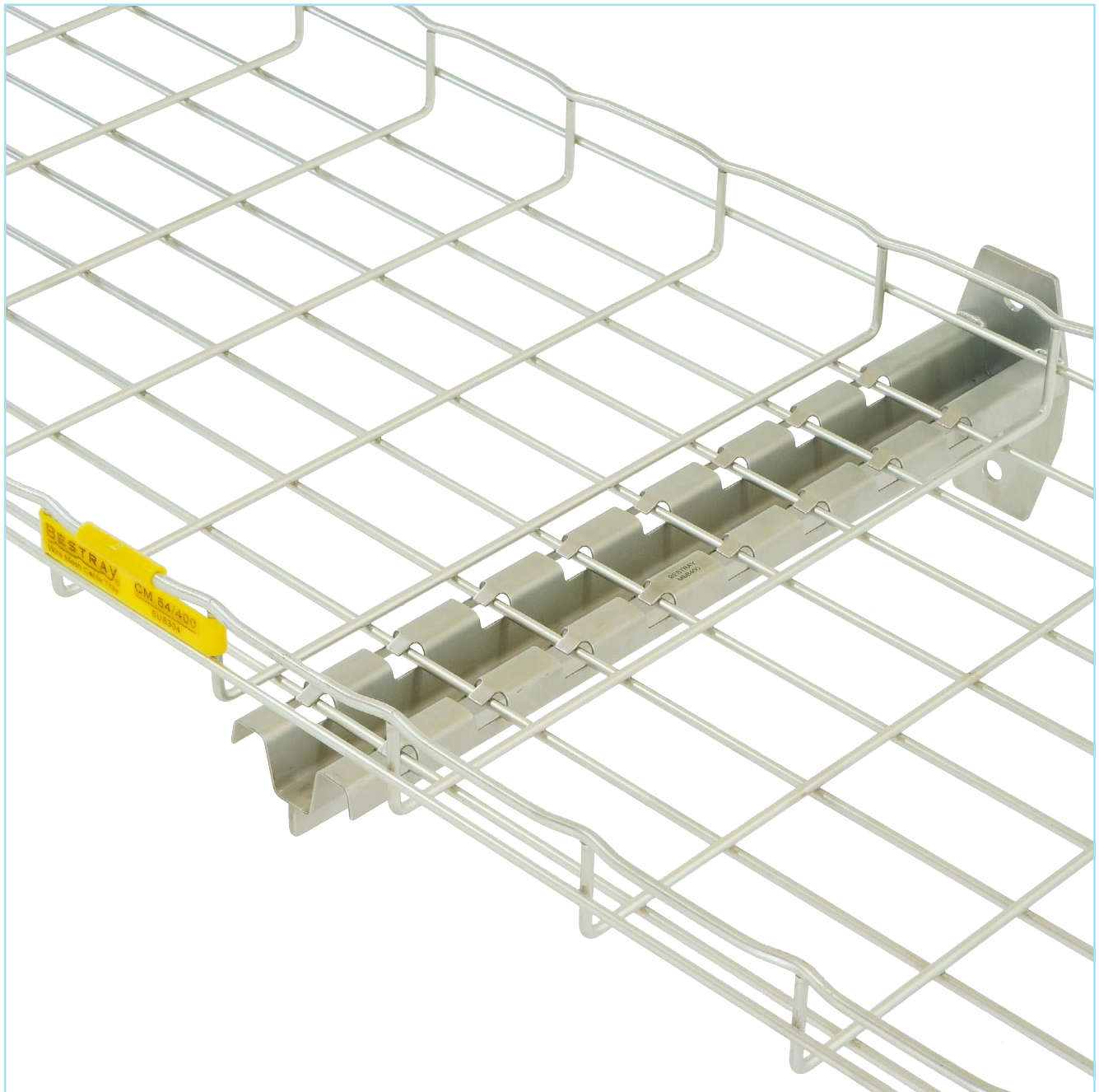
Kẹp Giữ Máng Dùng Với Thanh U ($W \geq 100$)



CM30, CM54, CM105

Số Lượng Chuẩn

Độ Rộng (mm)	CK5
30	-
50	-
100	1
150	1
200	2
300	2
400	2
450	2
500	3
600	3



Máng Lưới (CM)

Máng Cáp (CK)

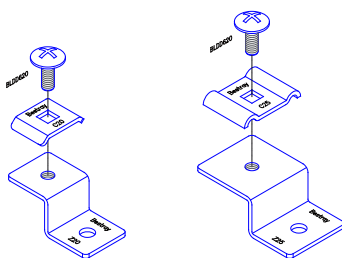
Khay Cáp (CT)

Thang Cáp (CL)

Hệ Thống Giá Đỡ

Thông Tin Kỹ Thuật

BKZ (Giá Đỡ, Kiểu Z)



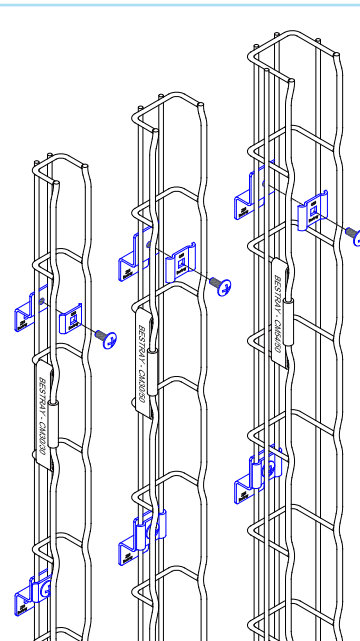
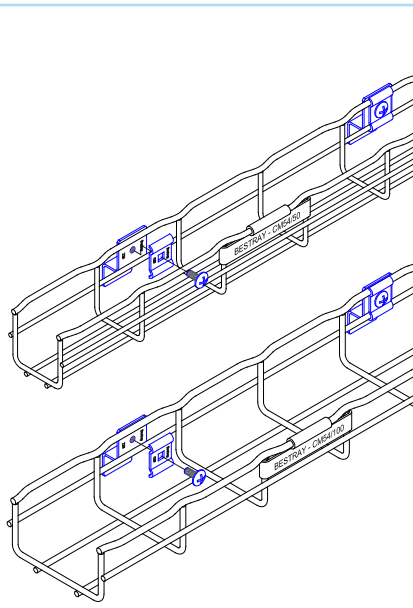
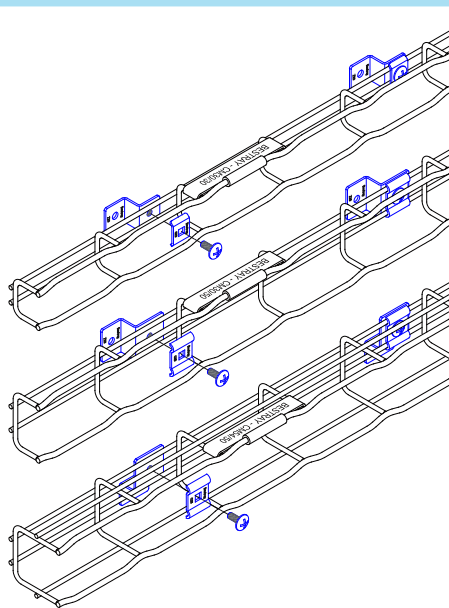
BKZ1

BKZ2

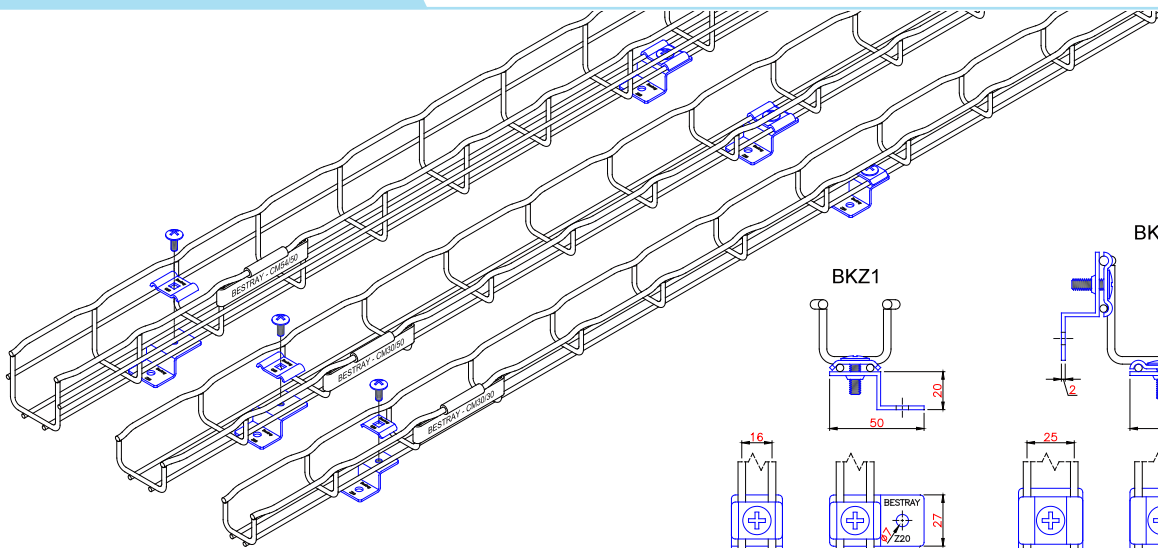
Cho Máng Rộng	Mã SP		
	S4	DC	EG
30W	BKZ1S4	BKZ1DC	BKZ1EG
50W	BKZ2S4	BKZ2DC	BKZ2EG

- BKZ1 = Z20 + C20 + BLDD620
- BKZ2 = Z25 + C25 + BLDD620

Lắp Máng Đi Ngang / Đứng Trên Tường

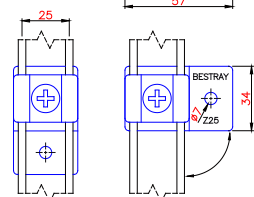
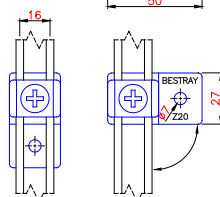


Lắp Máng Trên Sàn

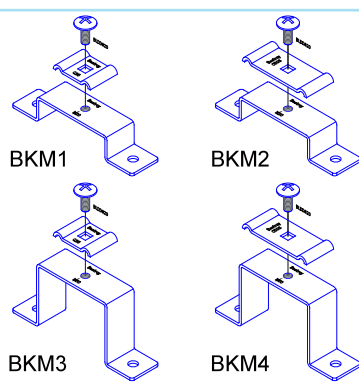


BKZ1

BKZ2



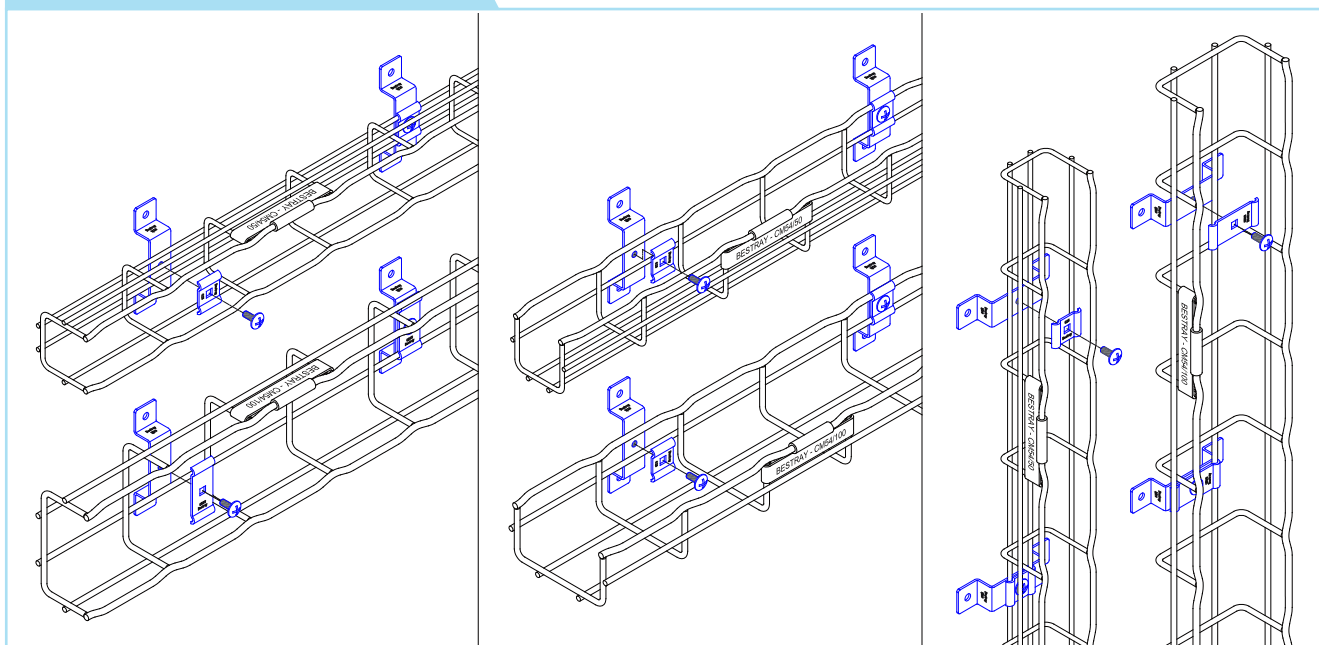
BKM (Giá Đỡ, Kiểu M)



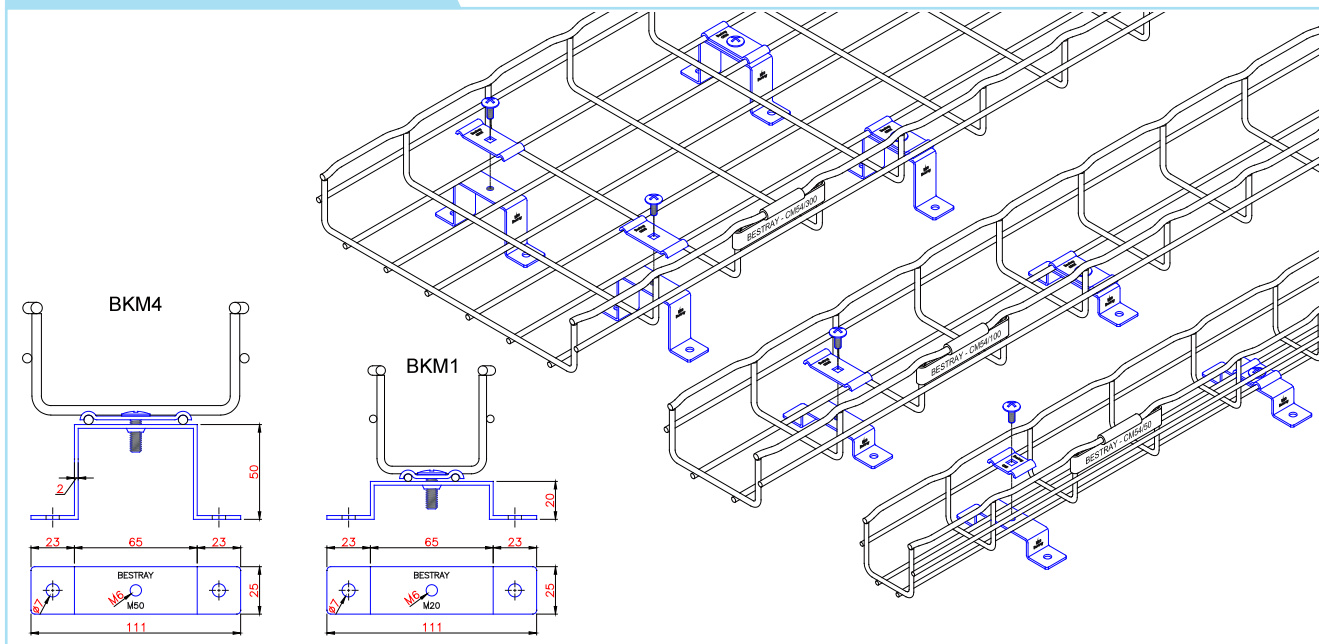
Cho Máng Rộng	Đế Cao (mm)	Mã SP		
		S4	DC	EG
50W	20	BKM1S4	BKM1DC	BKM1EG
100W	20	BKM2S4	BKM2DC	BKM2EG
50W	50	BKM3S4	BKM3DC	BKM3EG
100W	50	BKM4S4	BKM4DC	BKM4EG

- BKM1 = M20 + C25 + BLDD620
- BKM2 = M20 + C50S + BLDD620
- BKM3 = M50 + C25 + BLDD620
- BKM4 = M50 + C50S + BLDD620

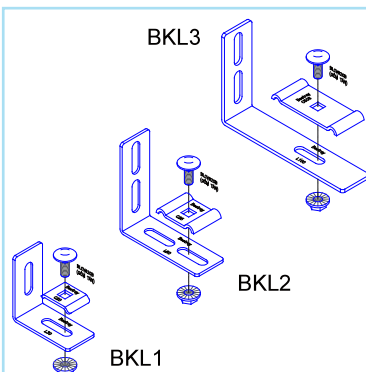
Lắp Máng Đi Ngang / Đứng Trên Tường



Lắp Máng Trên Sàn



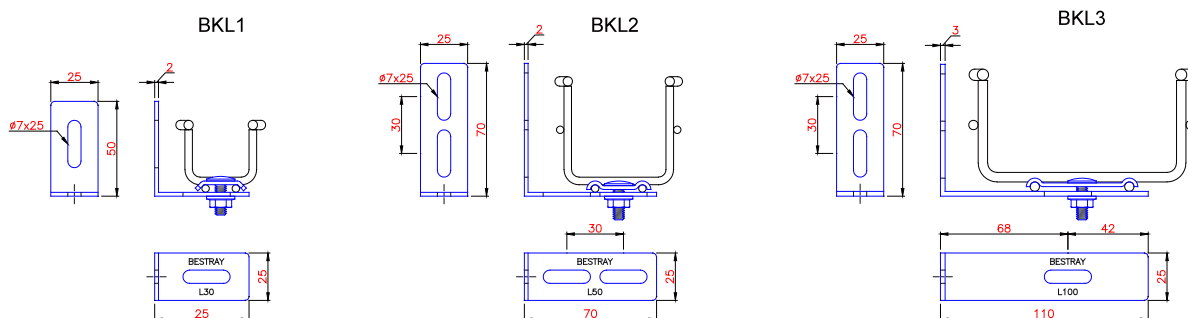
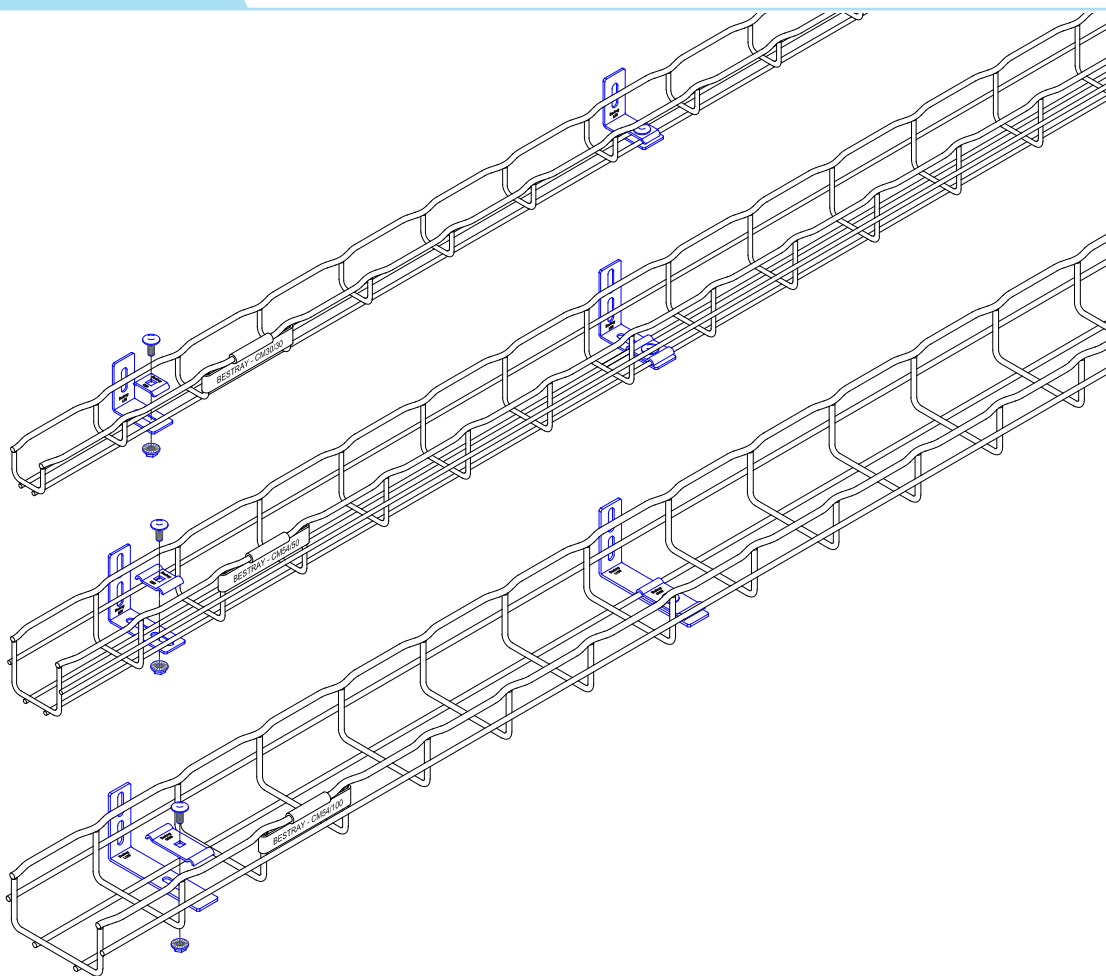
BKL (Giá Đỡ, Kiểu L)



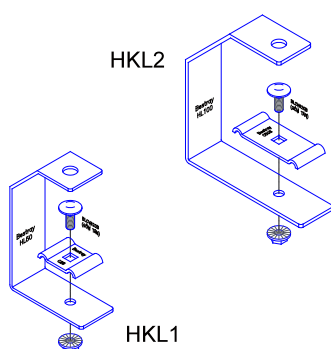
Cho Máng Rộng	Mã SP		
	S4	DC	EG
30W	BKL1S4	BKL1DC	BKL1EG
50W	BKL2S4	BKL2DC	BKL2EG
100W	BKL3S4	BKL3DC	BKL3EG

- BKL1 = L30 + C20 + BLCV620B
- BKL2 = L50 + C25 + BLCV620B
- BKL3 = L100 + C50S + BLCV620B

Lắp Máng Đi Ngang Trên Tường



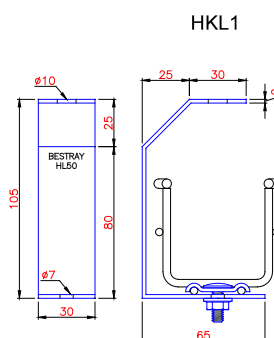
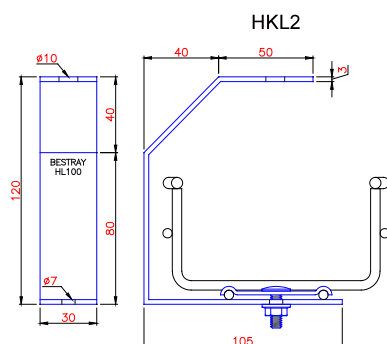
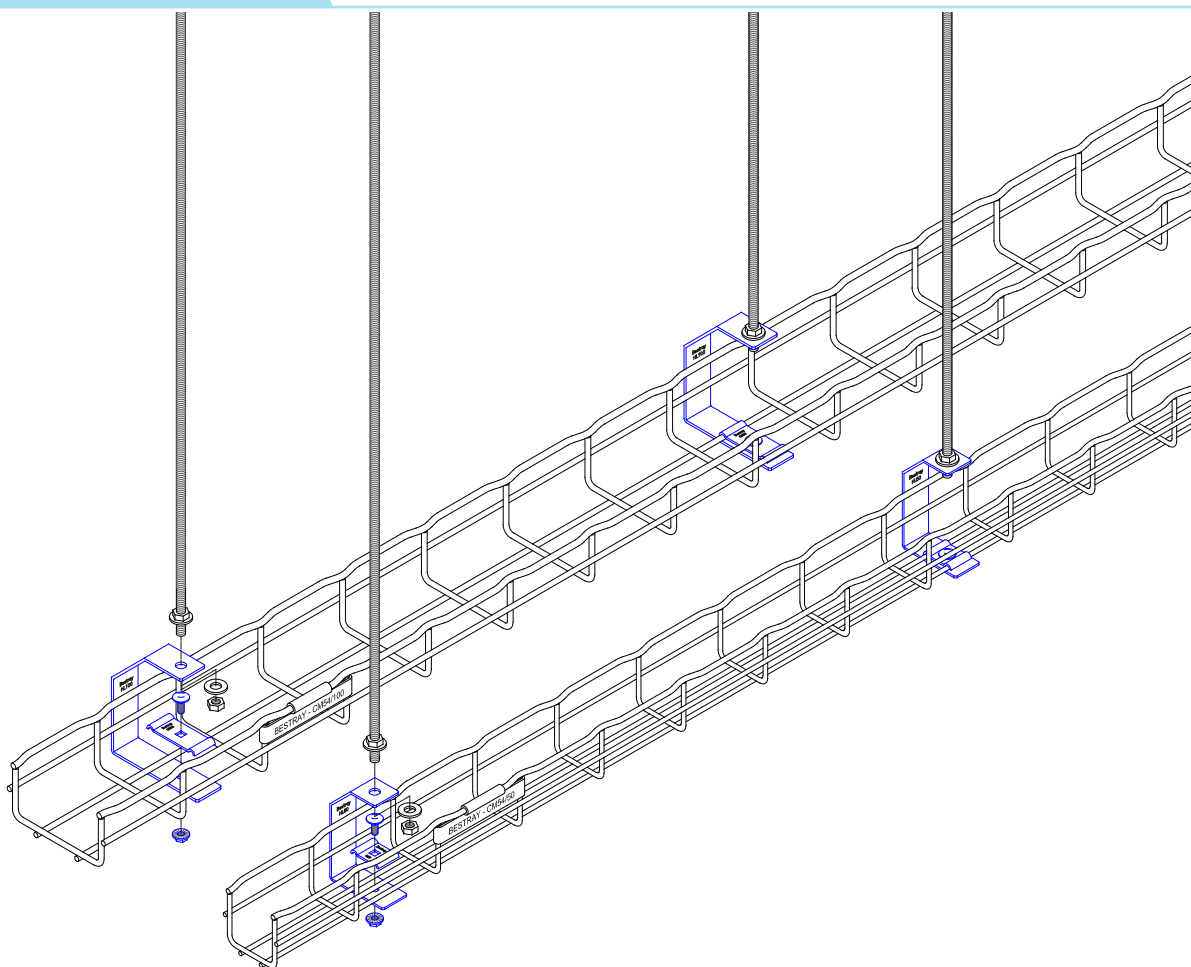
HKL (Giá Treo, Kiểu L)



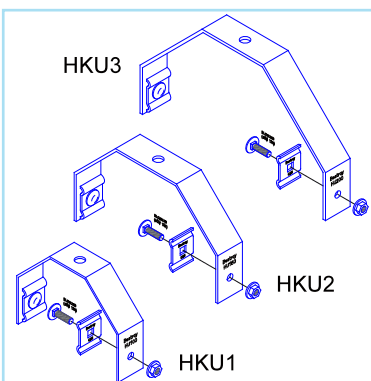
Cho Máng Rộng	Mã SP		
	S4	DC	EG
CM 30/50 CM 54/50	HKL1S4	HKL1DC	HKL1EG
CM 30/100 CM 54/100	HKL2S4	HKL2DC	HKL2EG

- HKL1 = HL50 + C25 + BLCV620B
- HKL2 = HL100 + C50S + BLCV620B

Treo Trần Với Ty Ren



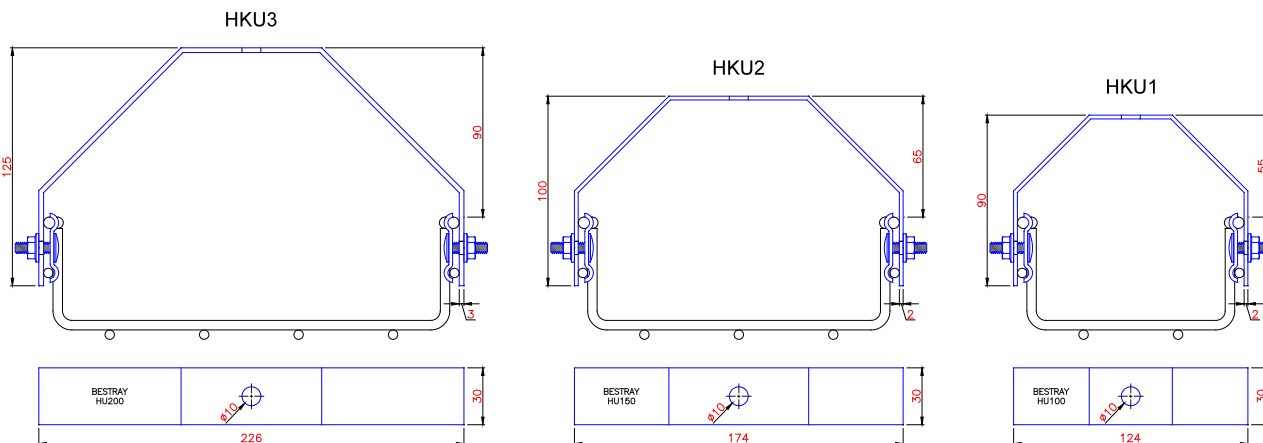
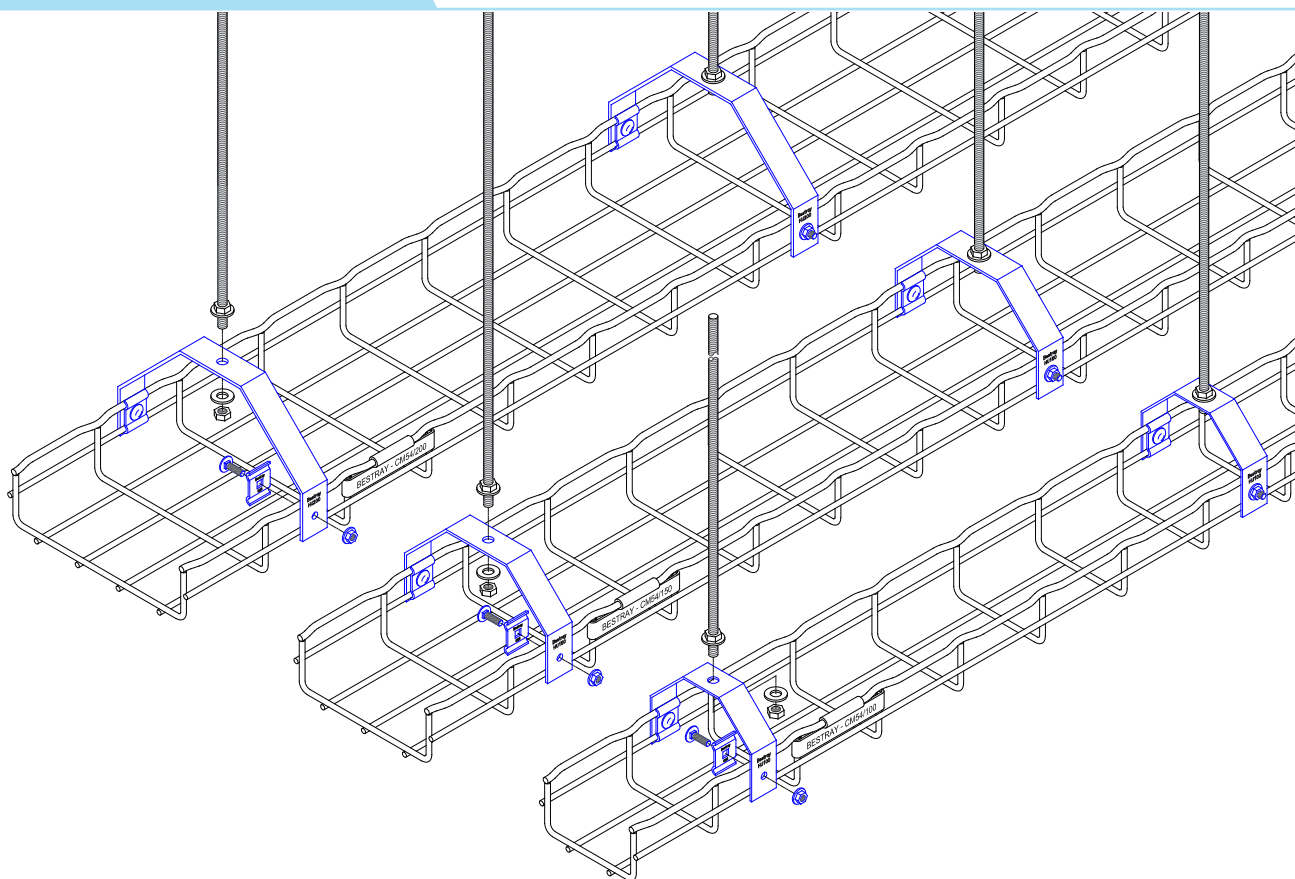
HKU (Giá Treo, Kiểu U)



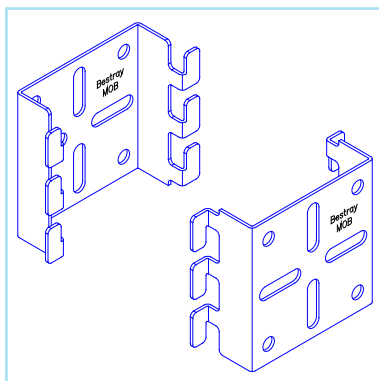
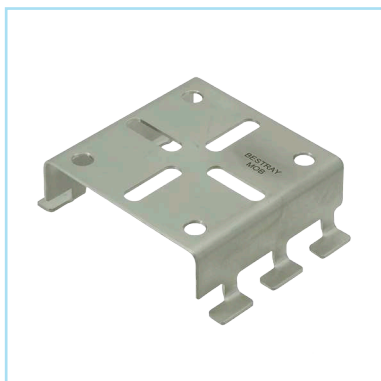
Cho Máng Rộng	Mã SP		
	S4	DC	EG
100W	HKU1S4	HKU1DC	HKU1EG
150W	HKU2S4	HKU2DC	HKU2EG
200W	HKU3S4	HKU3DC	HKU3EG

- HKU1 = HU100 + 2x(C25 + BLCV620B)
- HKU2 = HU150 + 2x(C25 + BLCV620B)
- HKU3 = HU200 + 2x(C25 + BLCV620B)

Treo Trần Với Ty Ren

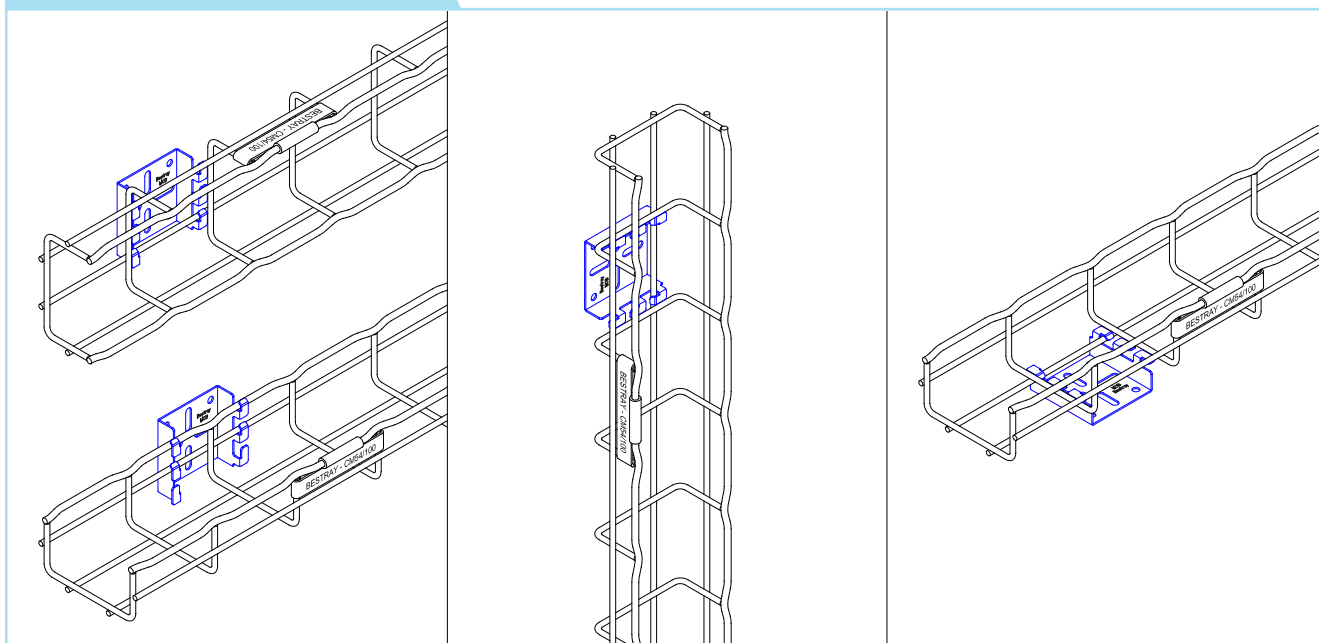


MOB (Tấm Giá Treo Máng)

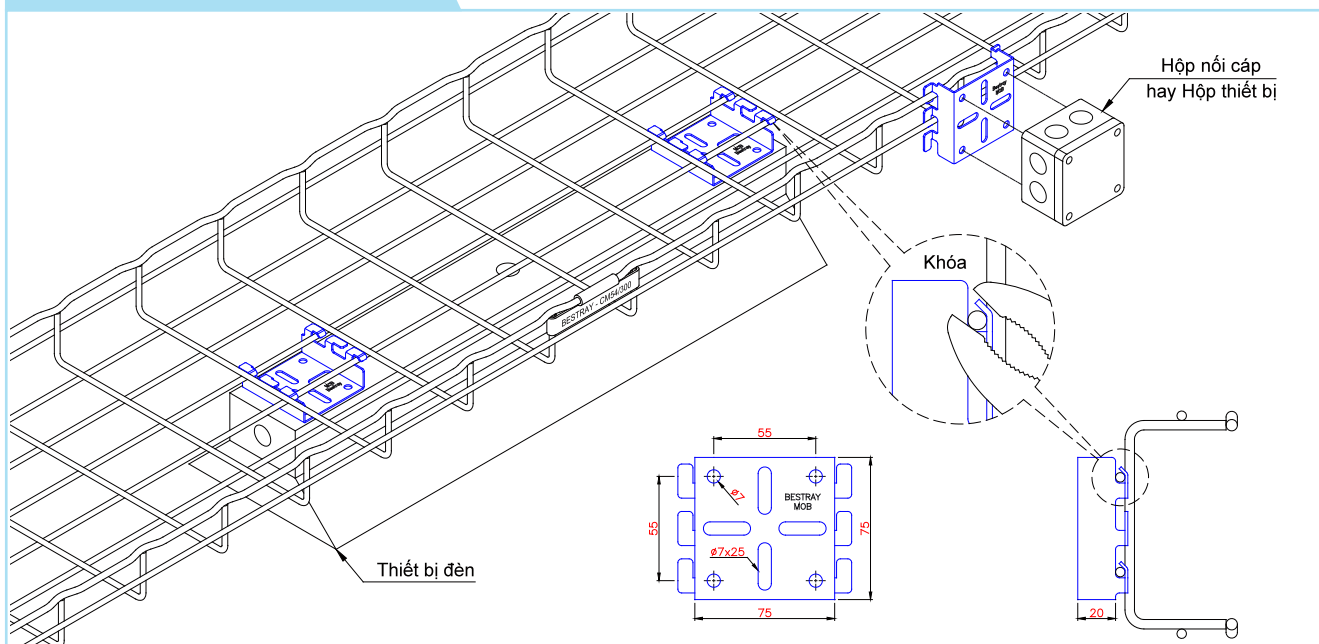


Mã SP		
S4	DC	EG
MOBS4	MOBDC	MOBEG

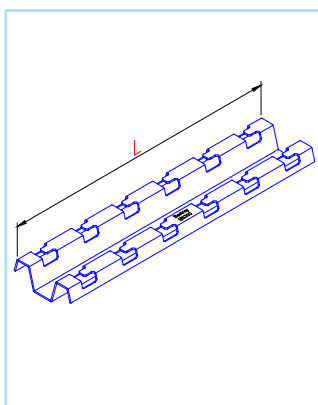
Lắp Máng Đi Trên Tường / Sàn



Làm Giá Treo Thiết Bị

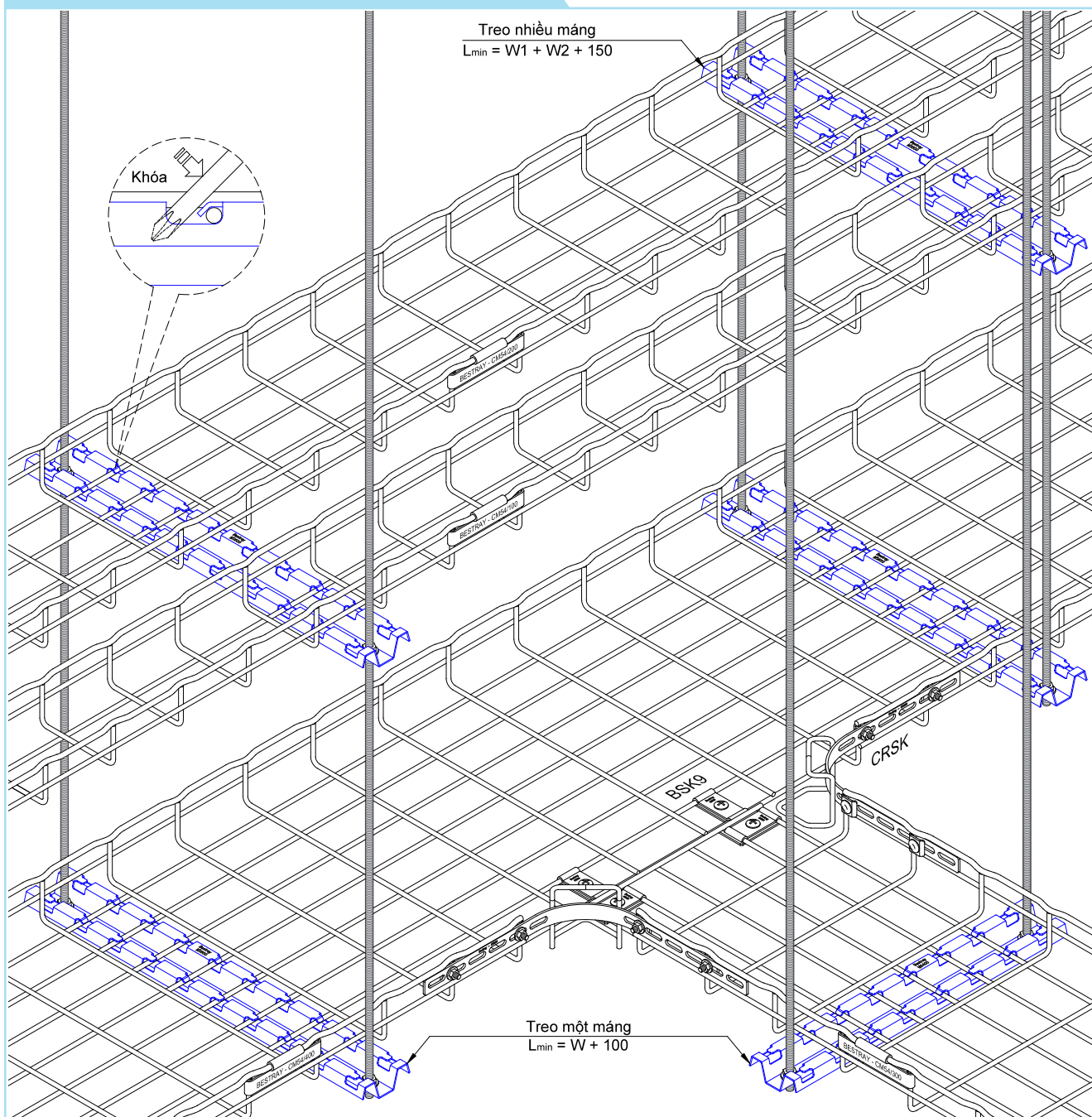


MS (Thanh Dỡ Kiểu M, Chuyên Dùng Cho Máng Lưới)

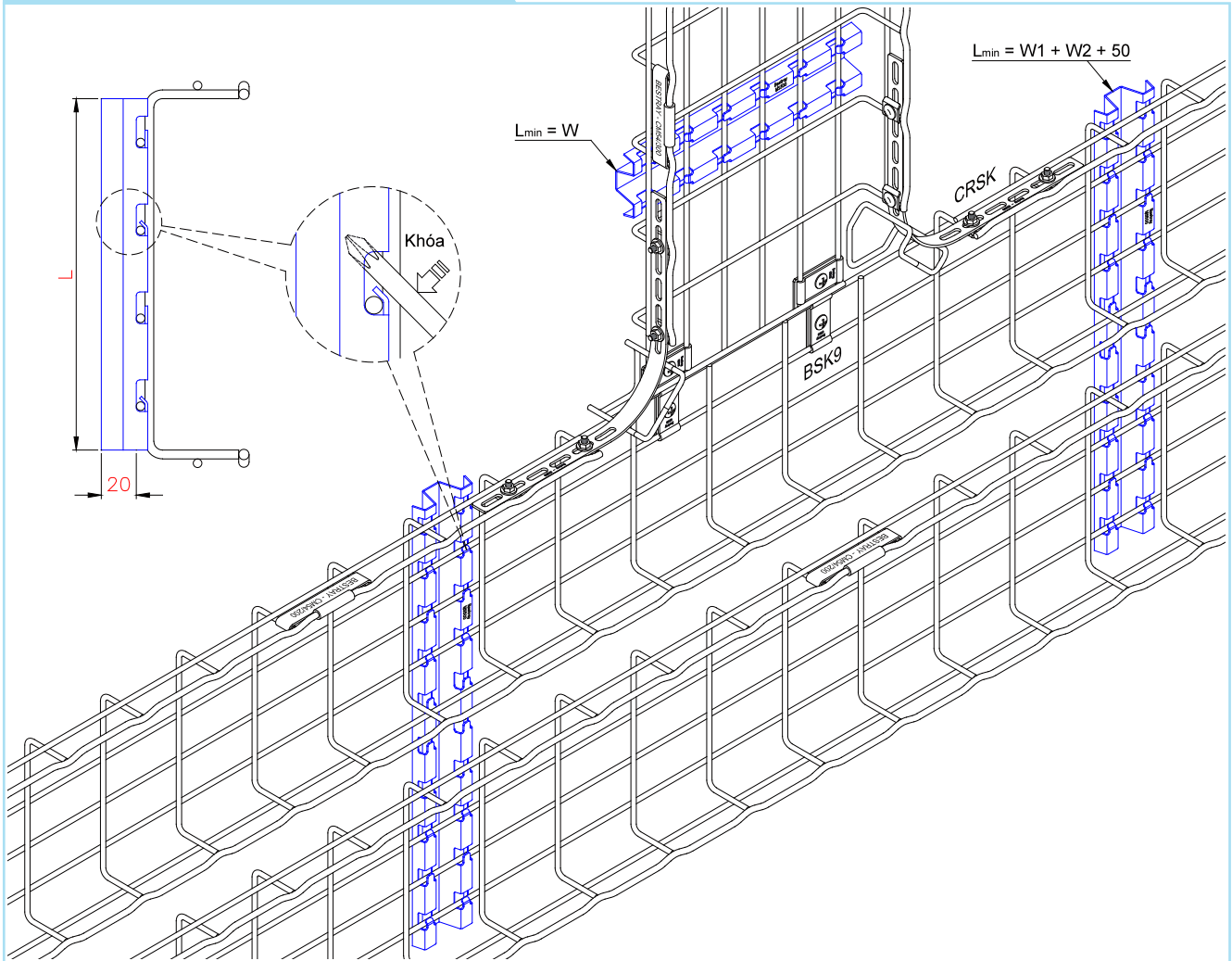


Tên SP	L (mm)	T (mm)	Mã SP		
			S4	HG	PG
MS150	150	1.5	MS150S4	MS150HG	MS150PG
MS200	200	1.5	MS200S4	MS200HG	MS200PG
MS300	300	1.5	MS300S4	MS300HG	MS300PG
MS400	400	1.5	MS400S4	MS400HG	MS400PG
MS450	450	1.5	MS450S4	MS450HG	MS450PG
MS500	500	2.0	MS500S4	MS500HG	MS500PG
MS600	600	2.0	MS600S4	MS600HG	MS600PG
MS700	700	2.0	MS700S4	MS700HG	MS700PG
MS3000	3000	2.0	MS3000S4	MS3000HG	MS3000PG

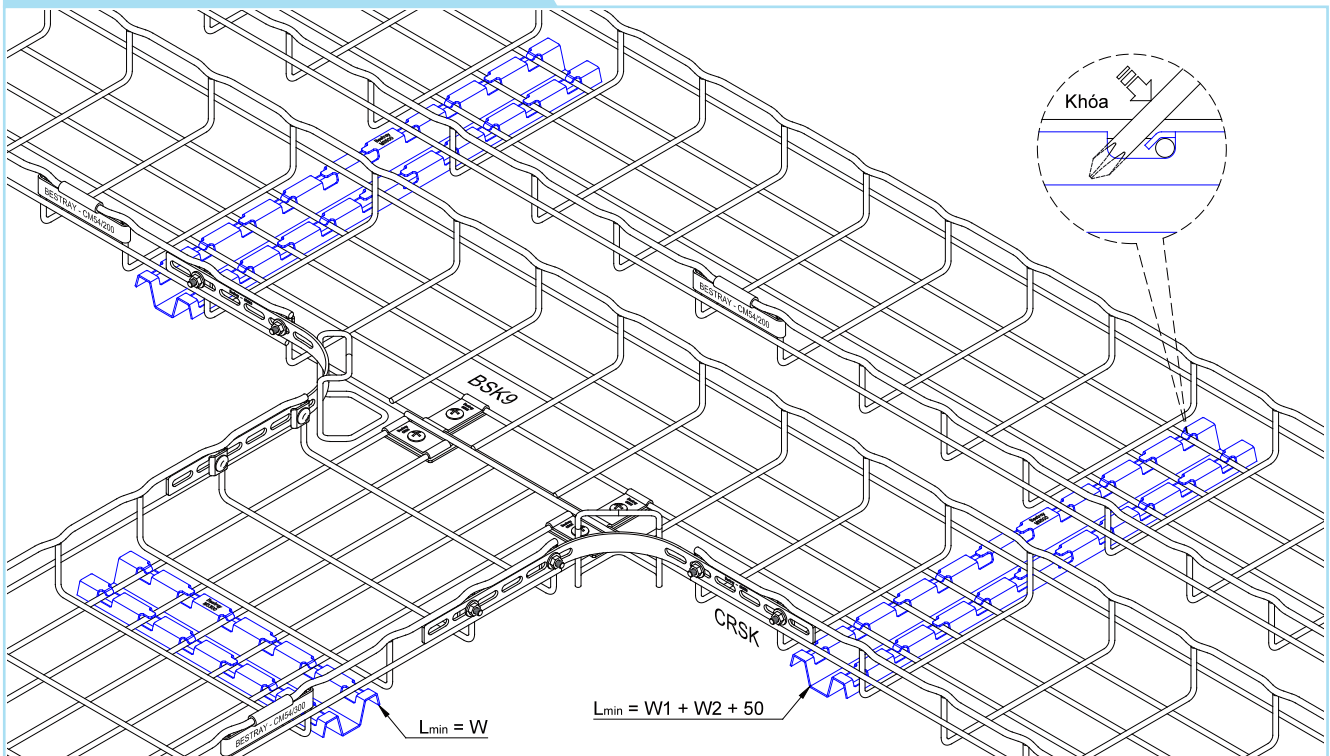
Treo Trần Với Ty Ren, Lắp Một hay Nhiều Tầng



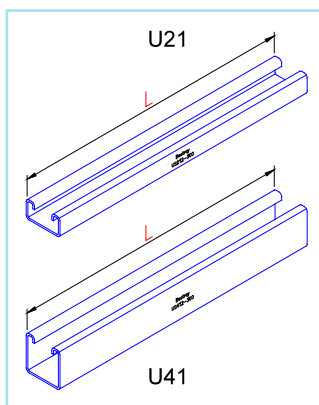
Lắp Máng Đứng, Đi Ngang / Dọc Trên Tường



Lắp Máng Trên Sàn

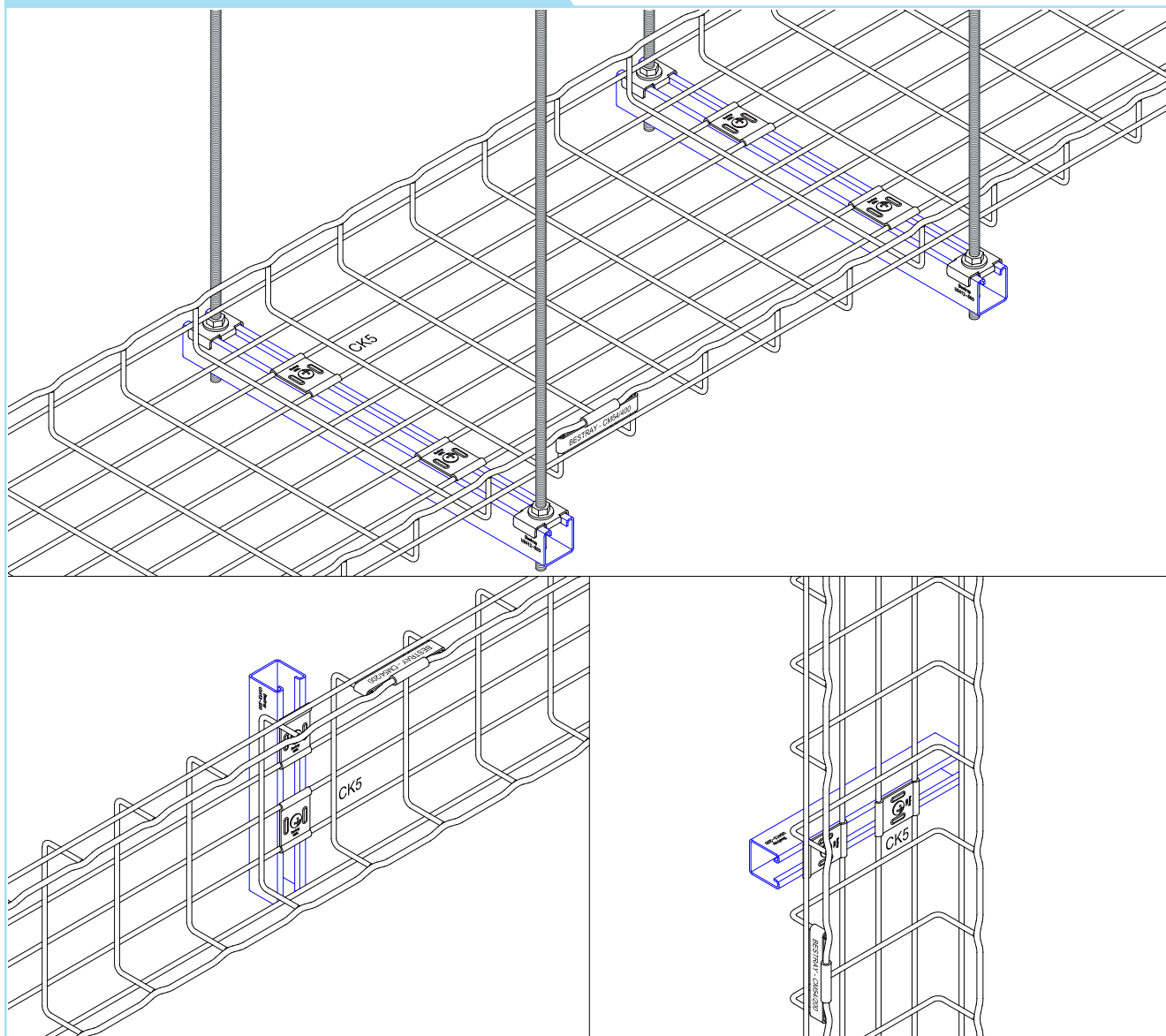


US (Thanh Dỡ Kiểu U / Thanh Chống Đa Năng)

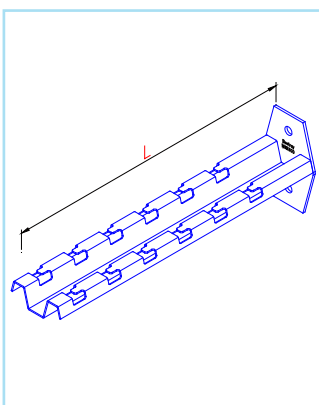


Tên SP	L (mm)	T (mm)	Mã SP		
			S4	HG	PG
US212-150	150	2.0	US212150S4	US212150HG	US212150PG
US212-200	200	2.0	US212200S4	US212200HG	US212200PG
US212-300	300	2.0	US212300S4	US212300HG	US212300PG
US212-400	400	2.0	US212400S4	US212400HG	US212400PG
US212-3000	3000	2.0	US2123000S4	US2123000HG	US2123000PG
US412-150	150	2.0	US412150S4	US412150HG	US412150PG
US412-200	200	2.0	US412200S4	US412200HG	US412200PG
US412-300	300	2.0	US412300S4	US412300HG	US412300PG
US412-400	400	2.0	US412400S4	US412400HG	US412400PG
US412-450	450	2.0	US412450S4	US412450HG	US412450PG
US412-500	500	2.0	US412500S4	US412500HG	US412500PG
US412-600	600	2.0	US412600S4	US412600HG	US412600PG
US412-700	700	2.0	US412700S4	US412700HG	US412700PG
US412-3000	3000	2.0	US4123000S4	US4123000HG	US4123000PG

Treo Trần Với Ty Ren, Đi Ngang / Đứng Trên Tường

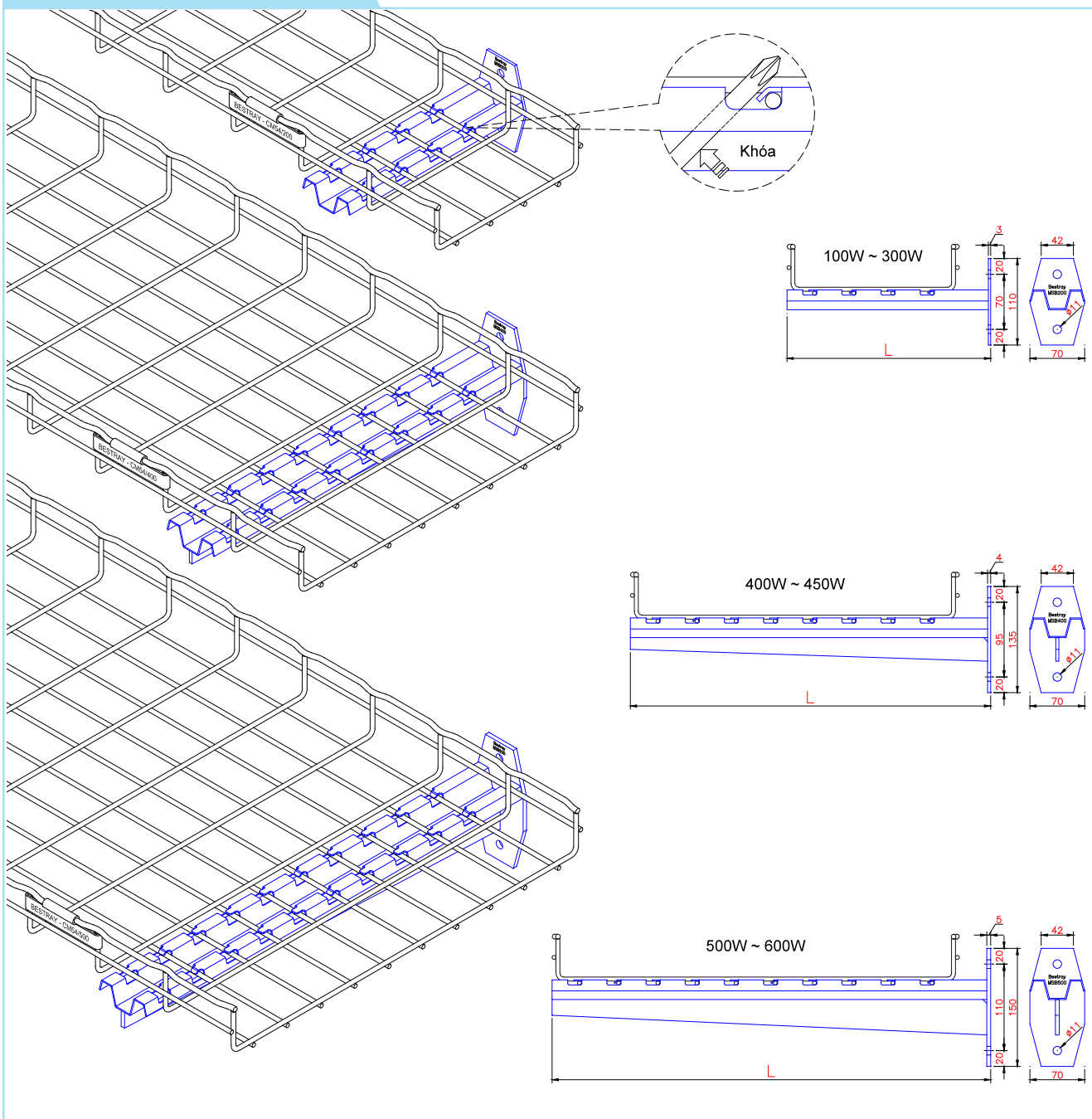


MSB (Tay Đỡ Kiểu M)

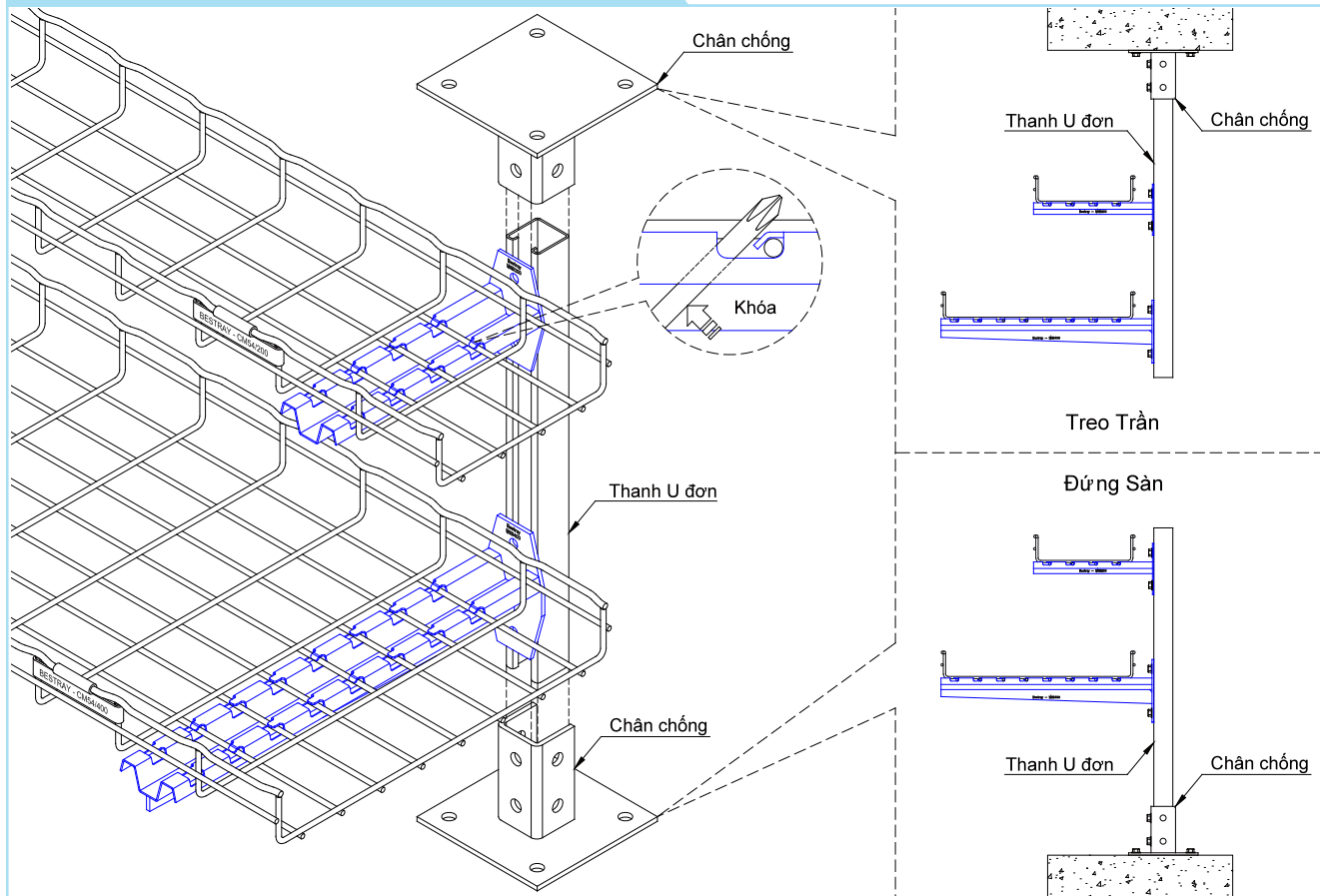


Tên SP	L (mm)	T (mm)	Mã SP		
			S4	HG	EG
MSB100	160	1.5	MSB100S4	MSB100HG	MSB100EG
MSB150	210	1.5	MSB150S4	MSB150HG	MSB150EG
MSB200	260	1.5	MSB200S4	MSB200HG	MSB200EG
MSB300	360	1.5	MSB300S4	MSB300HG	MSB300EG
MSB400	460	1.5	MSB400S4	MSB400HG	MSB400EG
MSB450	510	1.5	MSB450S4	MSB450HG	MSB450EG
MSB500	560	2.0	MSB500S4	MSB500HG	MSB500EG
MSB600	660	2.0	MSB600S4	MSB600HG	MSB600EG

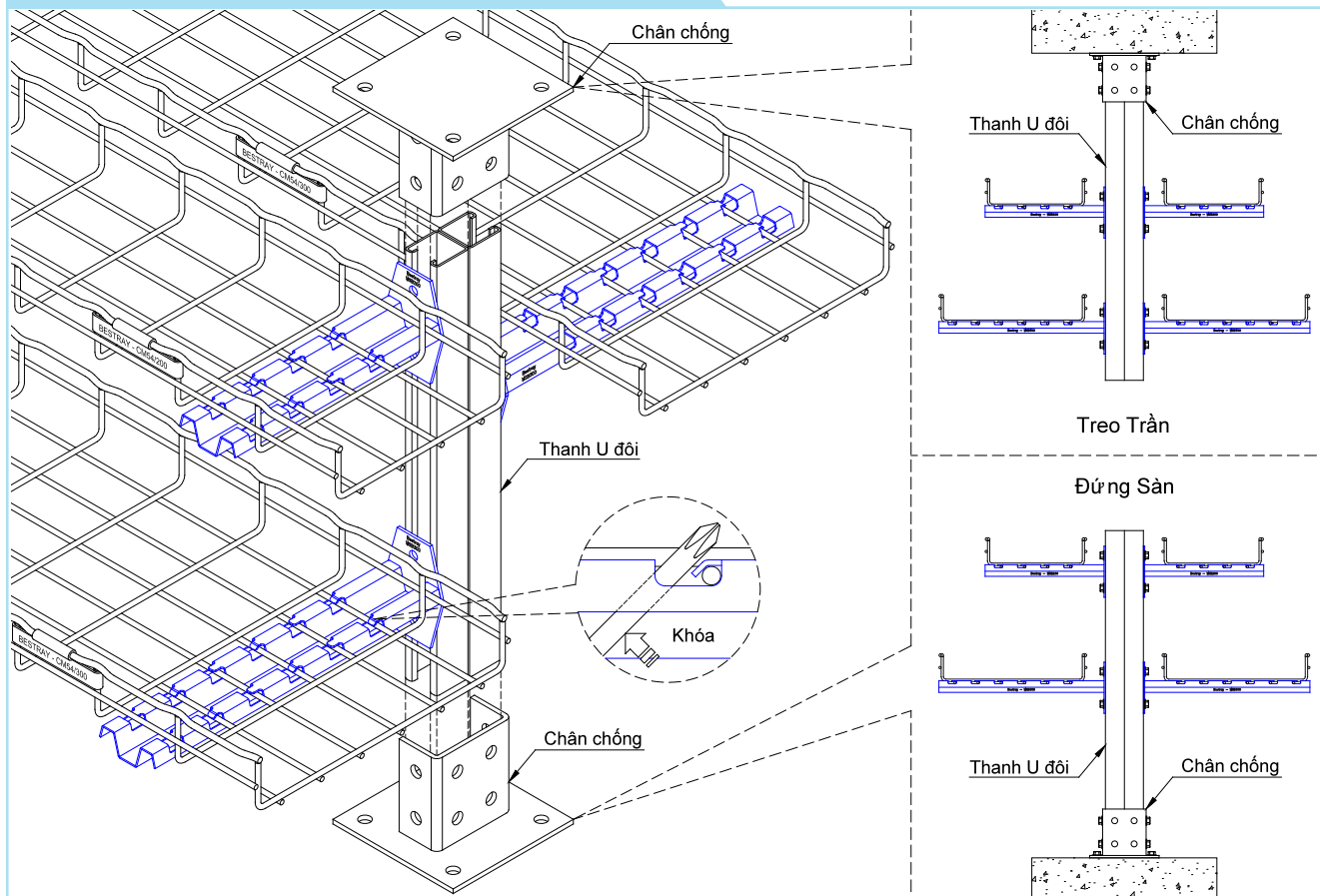
Lắp Máng Đi Ngang Trên Tường

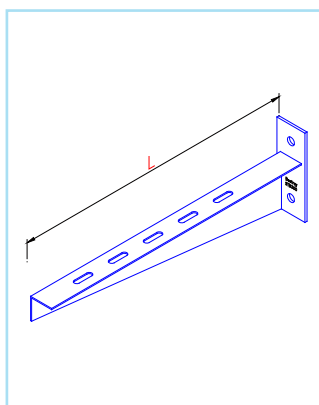
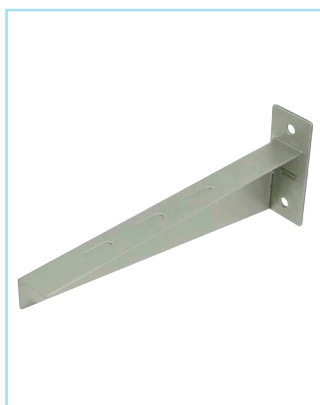


Dùng Với Thanh U Đơn, Lắp Một hay Nhiều Tầng

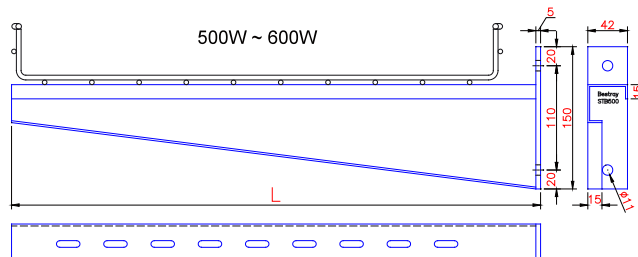
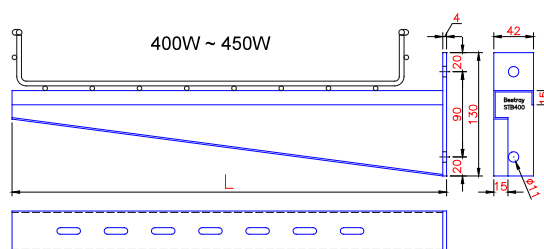
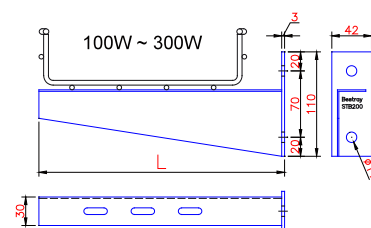
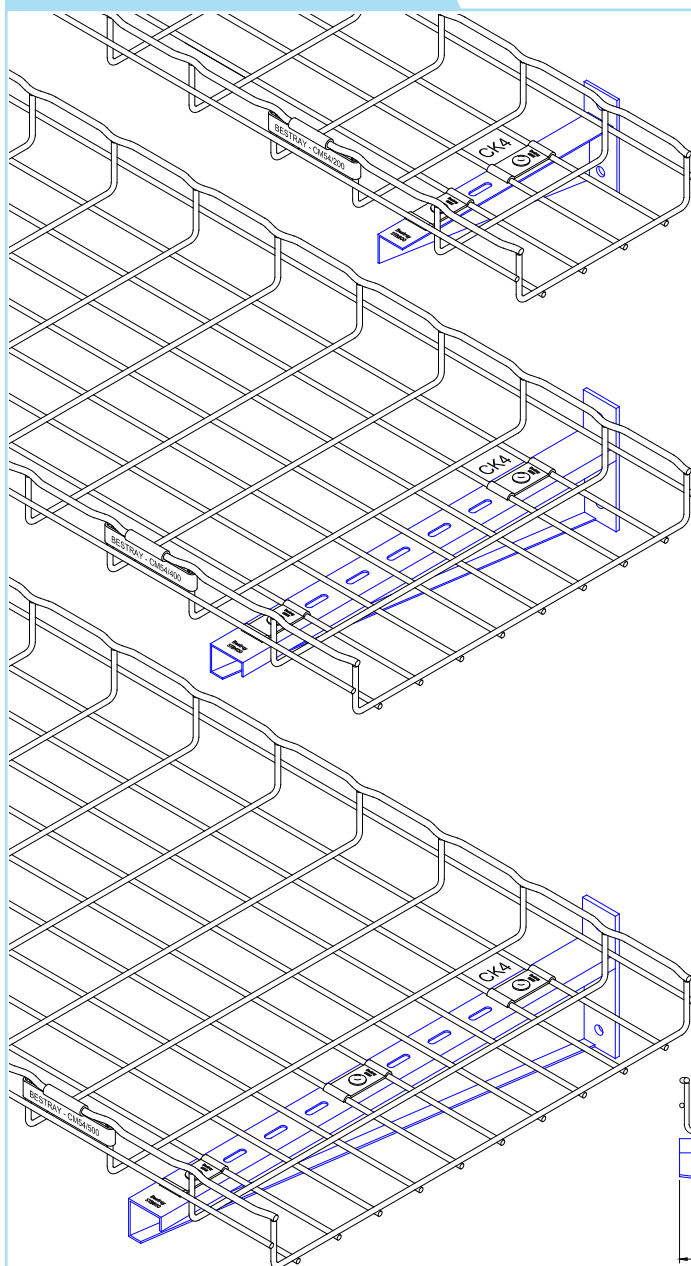


Dùng Với Thanh U Đôi, Lắp Đối Xứng, Một hay Nhiều Tầng

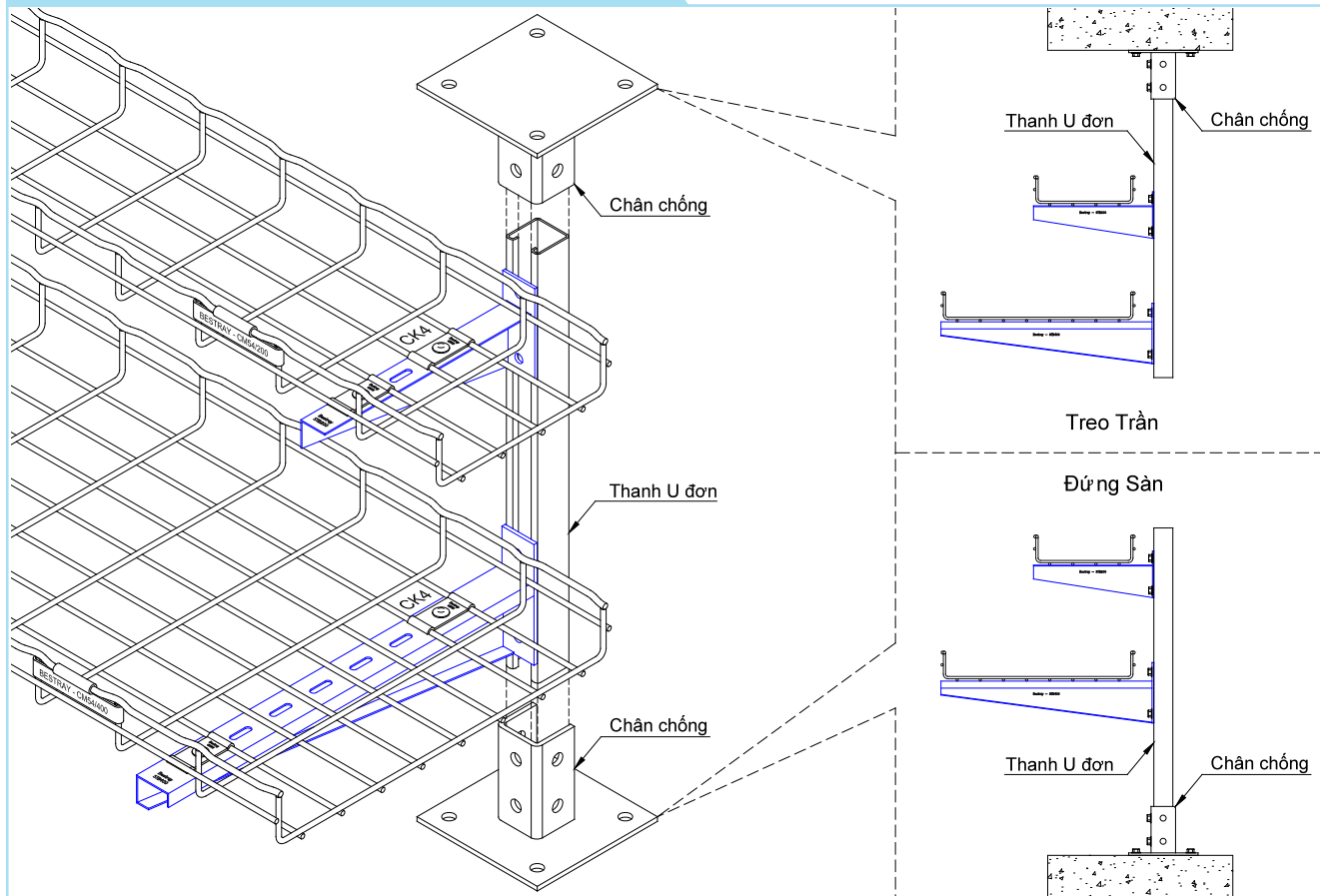


STB (Tay Đỡ Kiểu Tam Giác)


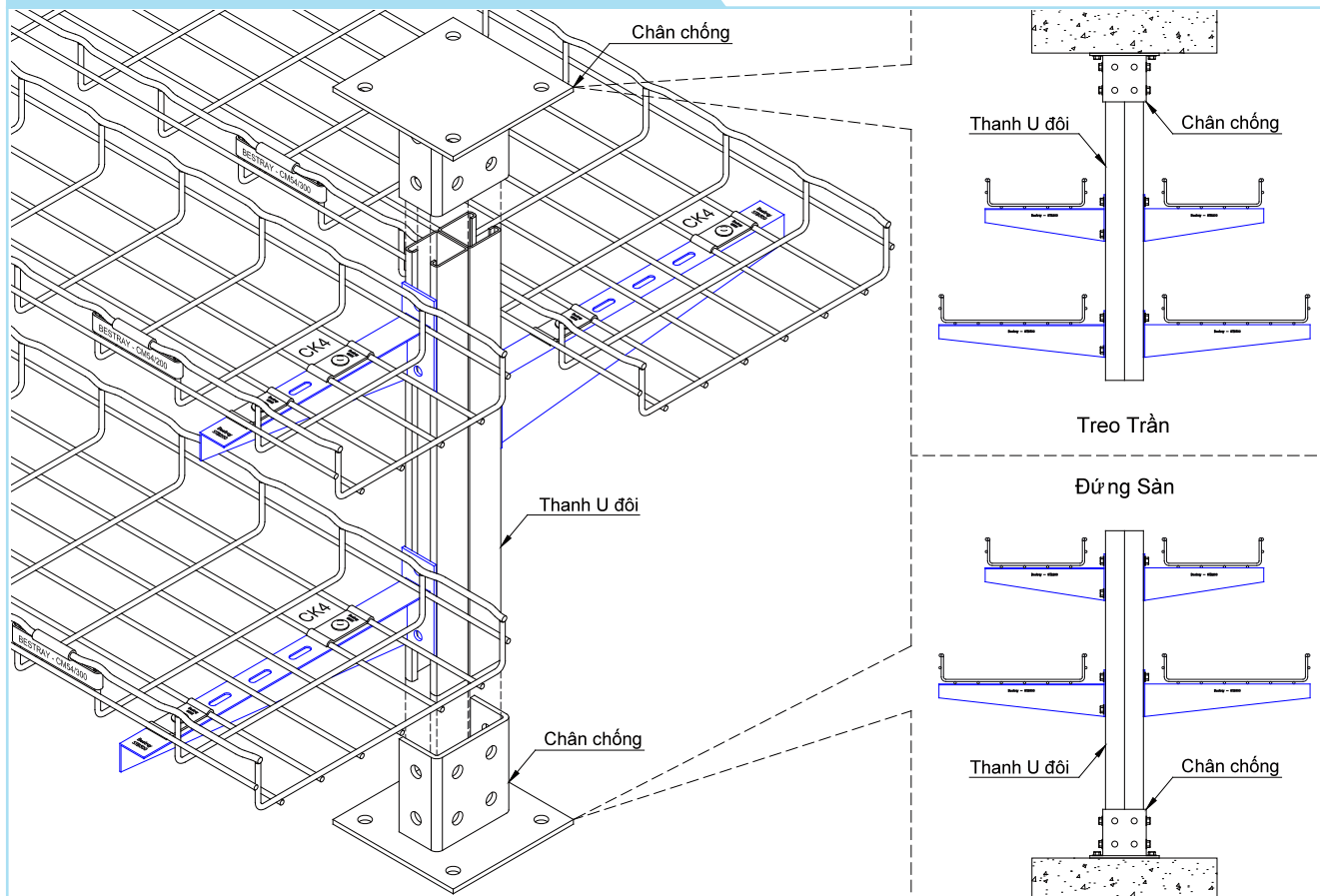
Tên SP	L (mm)	T (mm)	Mã SP		
			S4	HG	EG
STB100	160	1.2	STB100S4	STB100HG	STB100EG
STB150	210	1.2	STB150S4	STB150HG	STB150EG
STB200	260	1.5	STB200S4	STB200HG	STB200EG
STB300	360	1.5	STB300S4	STB300HG	STB300EG
STB400	460	1.5	STB400S4	STB400HG	STB400EG
STB450	510	1.5	STB450S4	STB450HG	STB450EG
STB500	560	2.0	STB500S4	STB500HG	STB500EG
STB600	660	2.0	STB600S4	STB600HG	STB600EG

Lắp Máng Đi Ngang Trên Tường


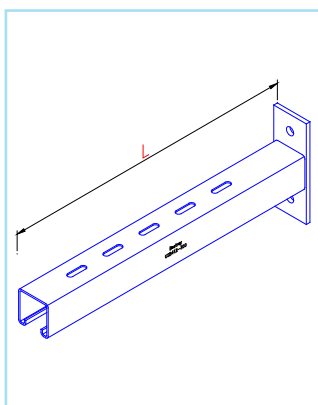
Dùng Với Thanh U Đơn, Lắp Một hay Nhiều Tầng



Dùng Với Thanh U Đôi, Lắp Đối Xứng, Một hay Nhiều Tầng

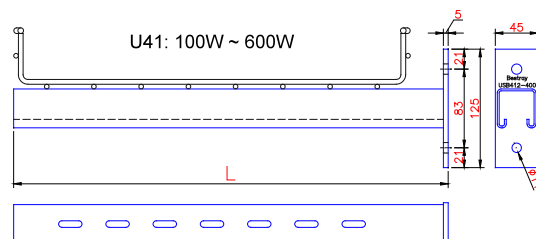
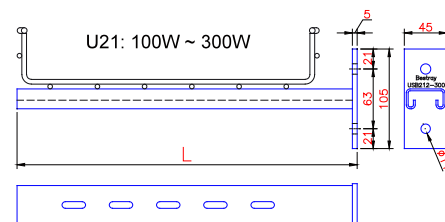
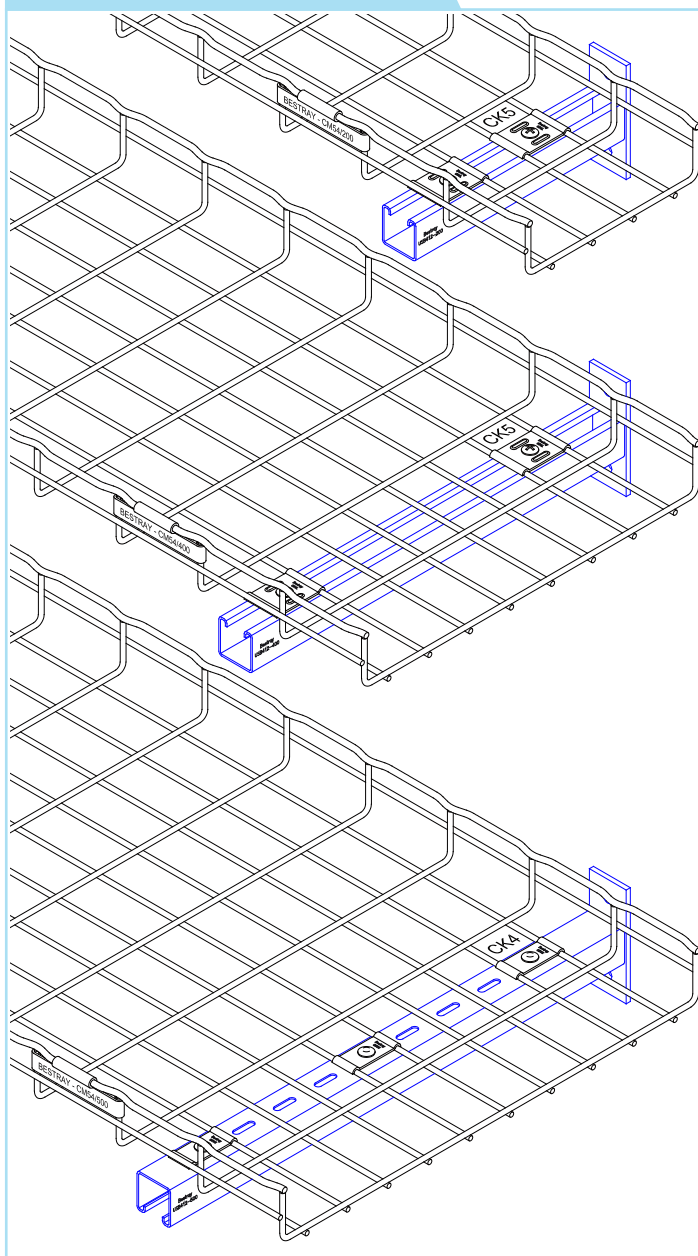


USB (Tay Đỡ Kiểu U)

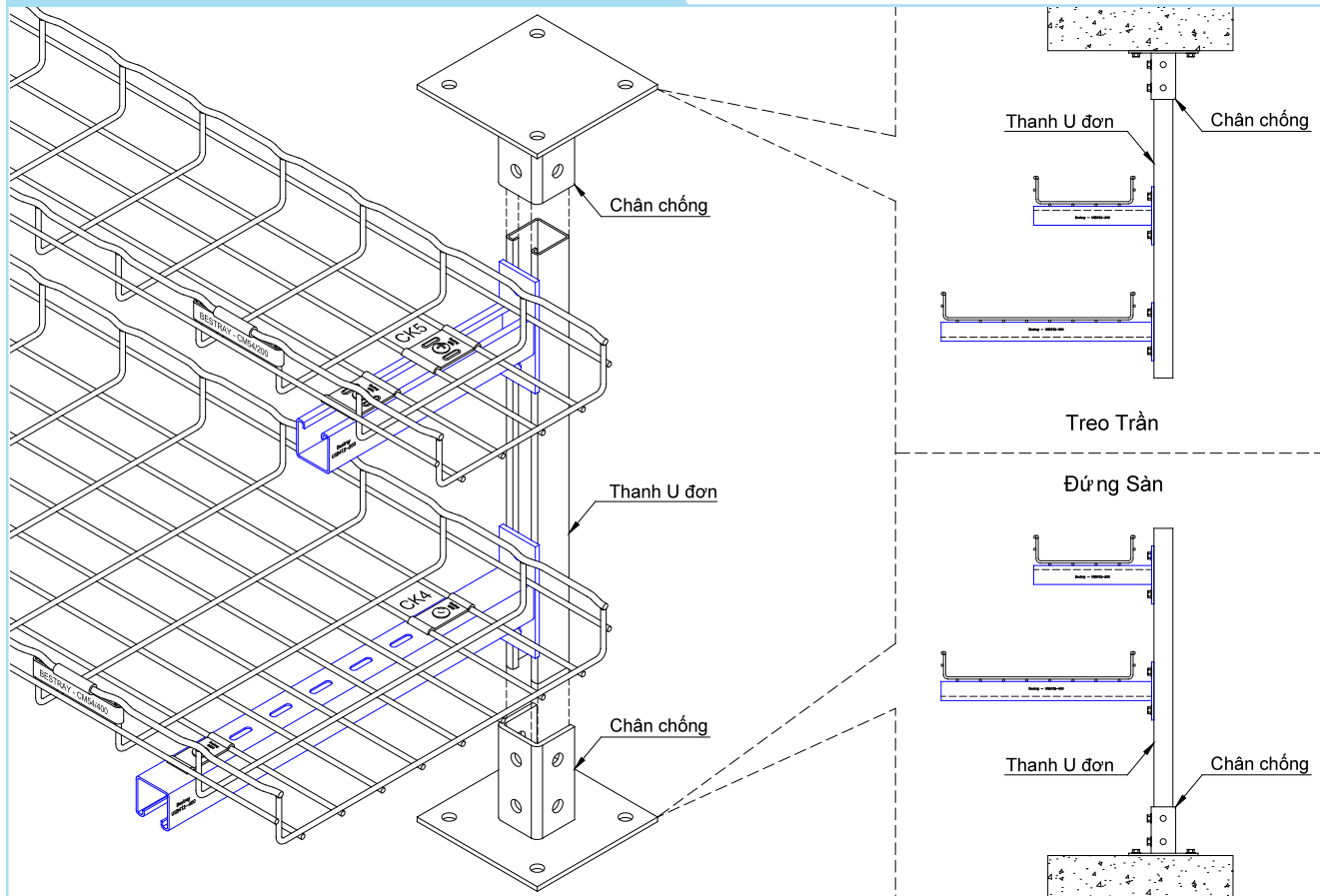


Tên SP	L (mm)	T (mm)	Mã SP		
			S4	HG	EG
USB212-100	160	2.0	USB212100S4	USB212100HG	USB212100EG
USB212-150	210	2.0	USB212150S4	USB212150HG	USB212150EG
USB212-200	260	2.0	USB212200S4	USB212200HG	USB212200EG
USB212-300	360	2.0	USB212300S4	USB212300HG	USB212300EG
USB412-100	160	2.0	USB412100S4	USB412100HG	USB412100EG
USB412-150	210	2.0	USB412150S4	USB412150HG	USB412150EG
USB412-200	260	2.0	USB412200S4	USB412200HG	USB412200EG
USB412-300	360	2.0	USB412300S4	USB412300HG	USB412300EG
USB412-400	460	2.0	USB412400S4	USB412400HG	USB412400EG
USB412-450	510	2.0	USB412450S4	USB412450HG	USB412450EG
USB412-500	560	2.0	USB412500S4	USB412500HG	USB412500EG
USB412-600	660	2.0	USB412600S4	USB412600HG	USB412600EG

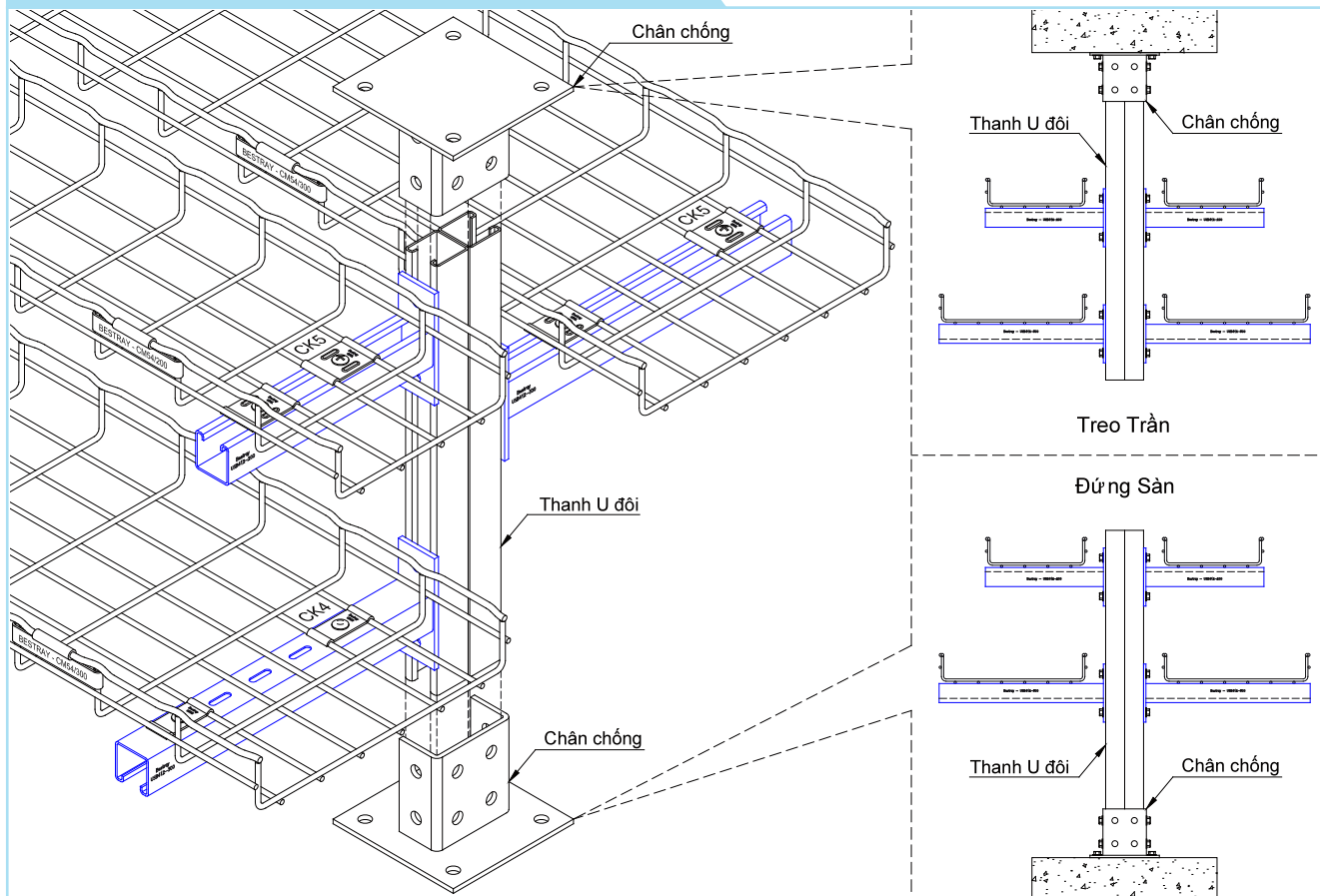
Lắp Máng Đi Ngang Trên Tường

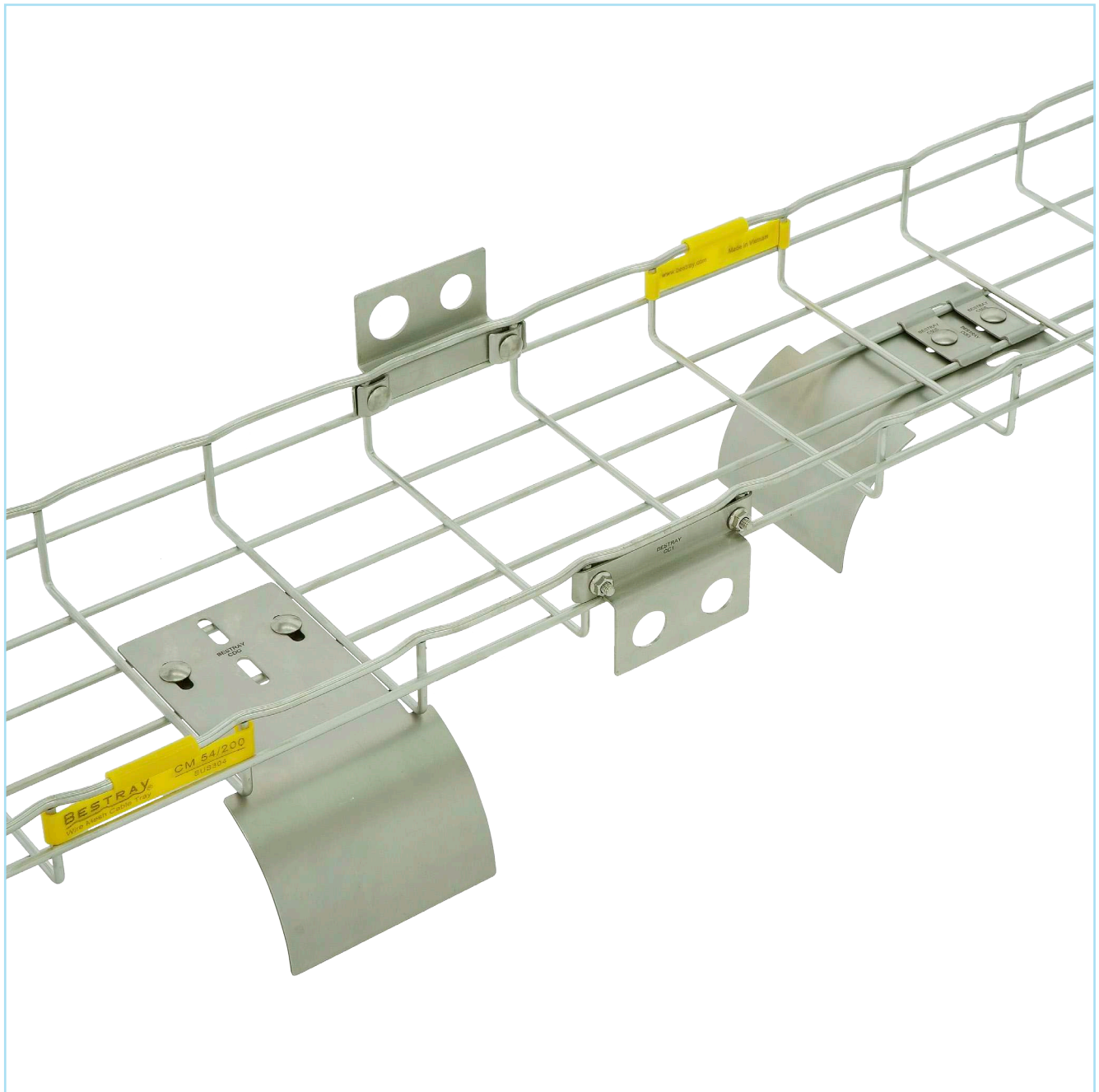


Dùng Với Thanh U Đơn, Lắp Một hay Nhiều Tầng



Dùng Với Thanh U Đôi, Lắp Đối Xứng, Một hay Nhiều Tầng





Máng Lưới (CM)

Máng Cáp (CK)

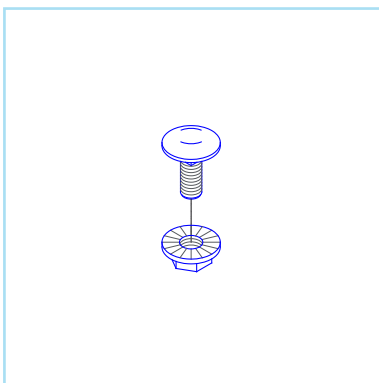
Khay Cáp (CT)

Thang Cáp (CL)

Hệ Thống Giá Đỡ

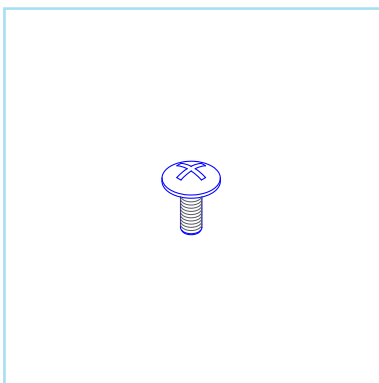
Thông Tin Kỹ Thuật

BLCV (Bulong Cổ Vuông & Tán)



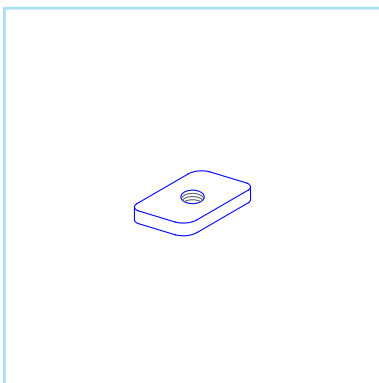
Kích Cỡ	Mã SP		
	S4	DC	EG
M6x20L	BLCV620BS4	BLCV620BDC	BLCV620BEG

BLDD (Bulong Đầu Dẹt)

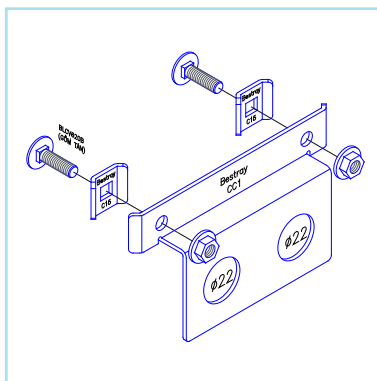


Kích Cỡ	Mã SP		
	S4	DC	EG
M6x20L	BLDD620S4	BLDD620DC	BLDD620EG

TANU (Tán Cho Thanh U)

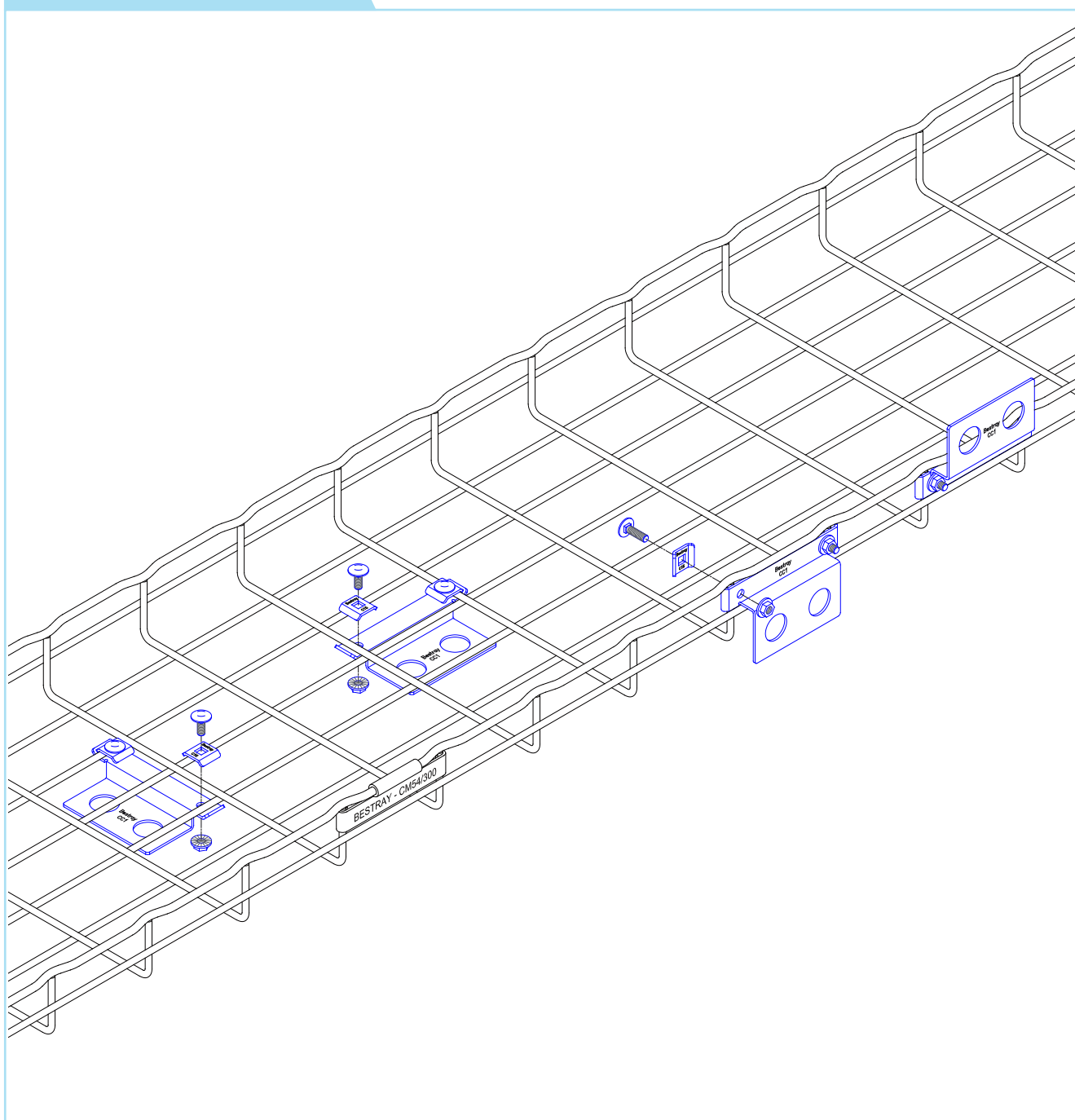


Kích Cỡ	Mã SP		
	S4	DC	EG
M6	TANU6S4	TANU6DC	TANU6EG

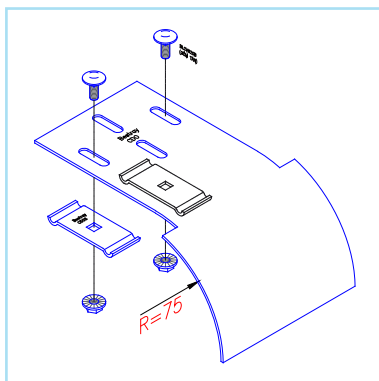
CCK (Tấm Gá Ống Luồn)


Kiểu	Mã SP		
	S4	DC	EG
2xØ22	CCK1S4	CCK1DC	CCK1EG
Ø22 & Ø27	CCK2S4	CCK2DC	CCK2EG
2xØ27	CCK3S4	CCK3DC	CCK3EG

- CCK1 = CC1 + 2x(C15 + BLCV620B)
- CCK2 = CC2 + 2x(C15 + BLCV620B)
- CCK3 = CC3 + 2x(C15 + BLCV620B)

Tấm Gá Ống Luồn


CDOK (Tấm Đệm Thoát Cáp)

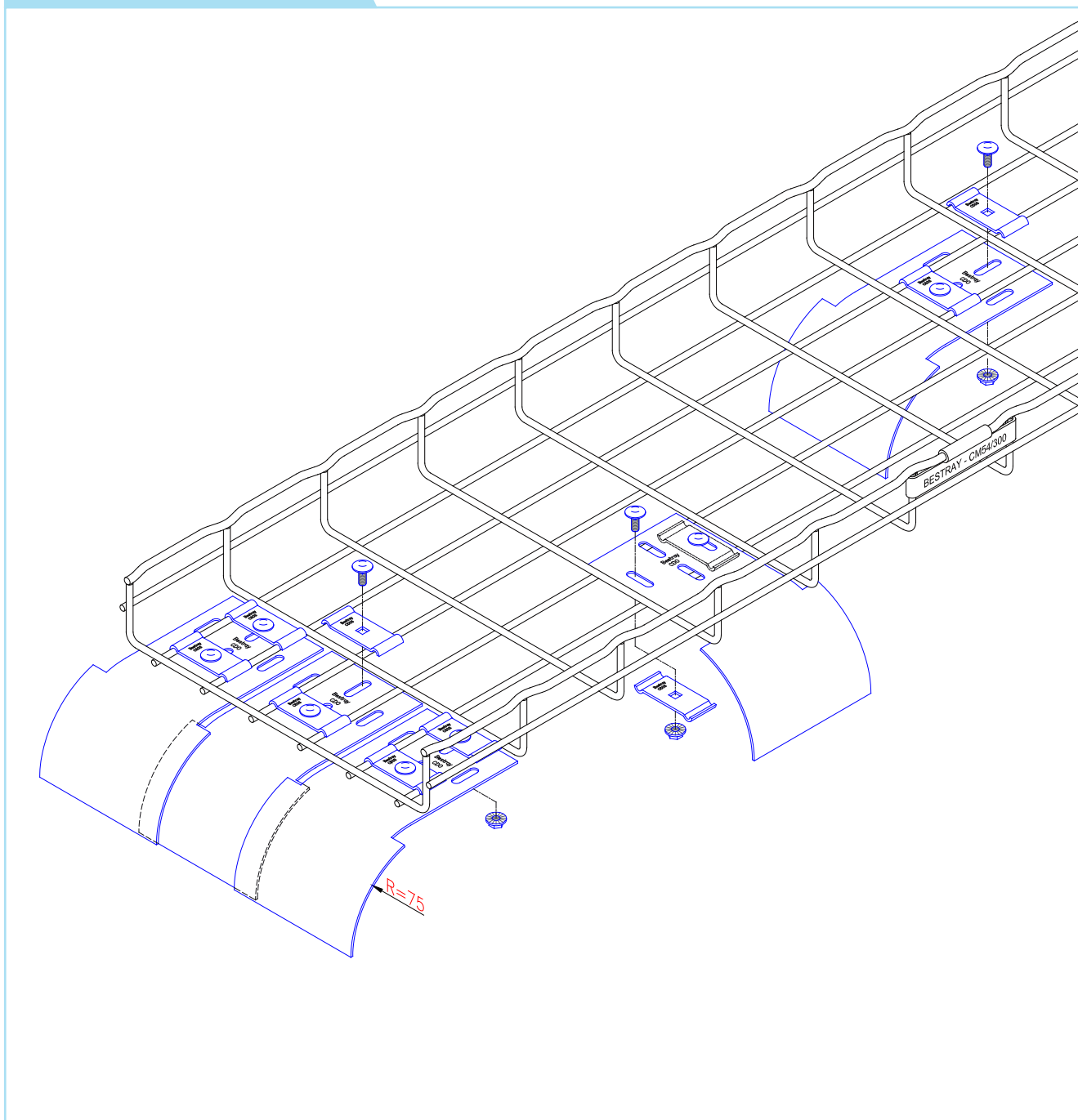


Mã SP

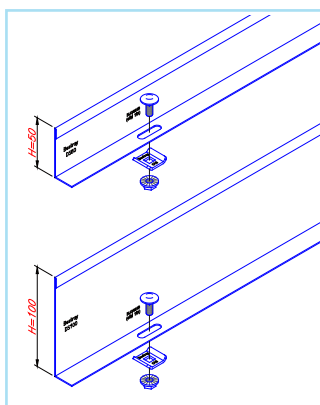
S4	DC	EG
CDOKS4	CDOKDC	CDOKEG

- $CDOK = CDO + 2 \times (C50S + BLCV620B)$

Tấm Đệm Thoát Cáp



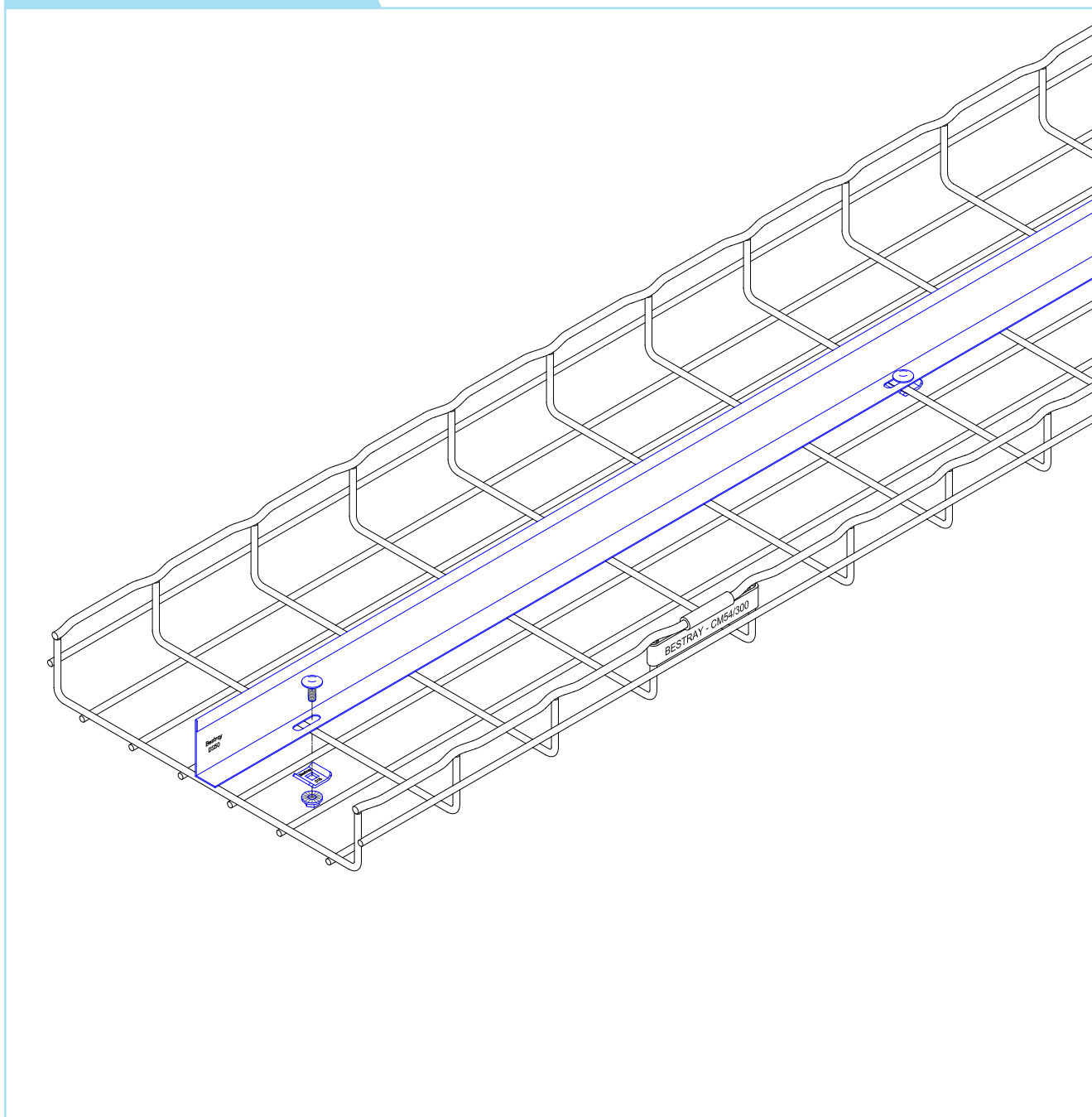
DSK (Vách Ngăn)



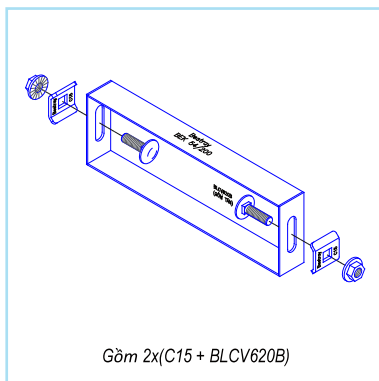
Cho Máng Cao	H (mm)	T (mm) S4	L (mm)	Mã SP		
				S4	HG	PG
54H	50	1.0	3000	DSK1S4	DSK1HG	DSK1PG
105H	100	1.0	3000	DSK2S4	DSK2HG	DSK2PG

- DSK1 = DS1 + 4x(C15 + BLCV620B)
- DSK2 = DS2 + 4x(C15 + BLCV620B)

Vách Ngăn

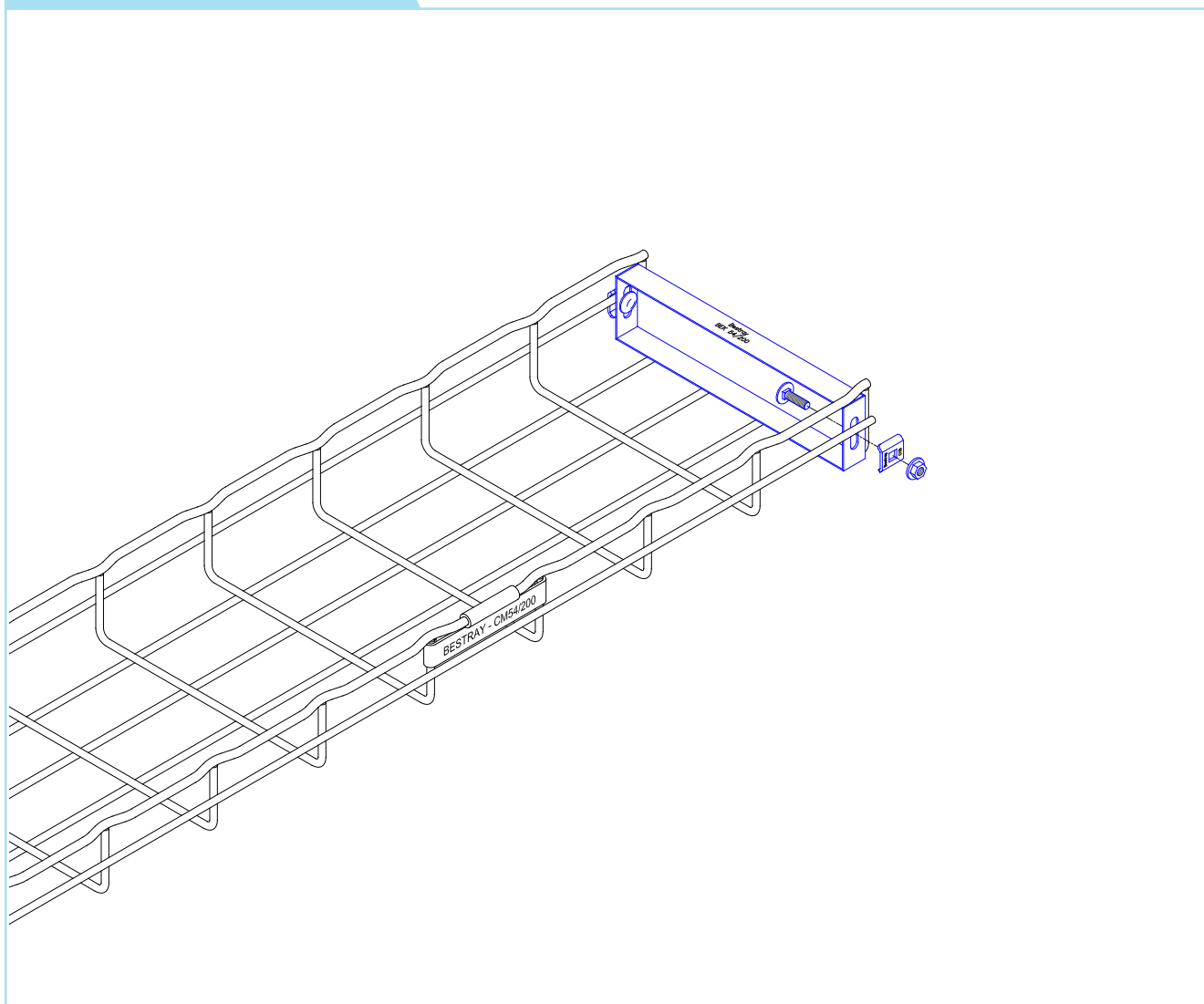


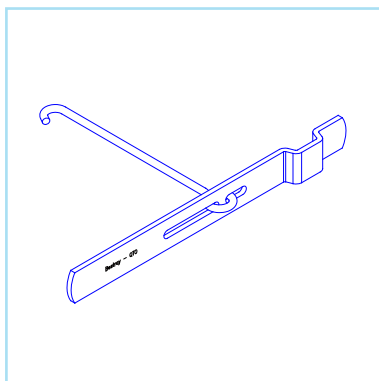
BEK (Bít Máng)



Tên SP	T (mm) S4	Mã SP		
		S4	HG	PG
BEK 54/100	1.0	BEK0510S4	BEK0510HG	BEK0510PG
BEK 54/150	1.0	BEK0515S4	BEK0515HG	BEK0515PG
BEK 54/200	1.0	BEK0520S4	BEK0520HG	BEK0520PG
BEK 54/300	1.0	BEK0530S4	BEK0530HG	BEK0530PG
BEK 54/400	1.0	BEK0540S4	BEK0540HG	BEK0540PG
BEK 54/450	1.0	BEK0545S4	BEK0545HG	BEK0545PG
BEK 54/500	1.0	BEK0550S4	BEK0550HG	BEK0550PG
BEK 54/600	1.0	BEK0560S4	BEK0560HG	BEK0560PG
BEK 105/100	1.0	BEK1010S4	BEK1010HG	BEK1010PG
BEK 105/150	1.0	BEK1015S4	BEK1015HG	BEK1015PG
BEK 105/200	1.0	BEK1020S4	BEK1020HG	BEK1020PG
BEK 105/300	1.0	BEK1030S4	BEK1030HG	BEK1030PG
BEK 105/400	1.0	BEK1040S4	BEK1040HG	BEK1040PG
BEK 105/450	1.0	BEK1045S4	BEK1045HG	BEK1045PG
BEK 105/500	1.0	BEK1050S4	BEK1050HG	BEK1050PG
BEK 105/600	1.0	BEK1060S4	BEK1060HG	BEK1060PG

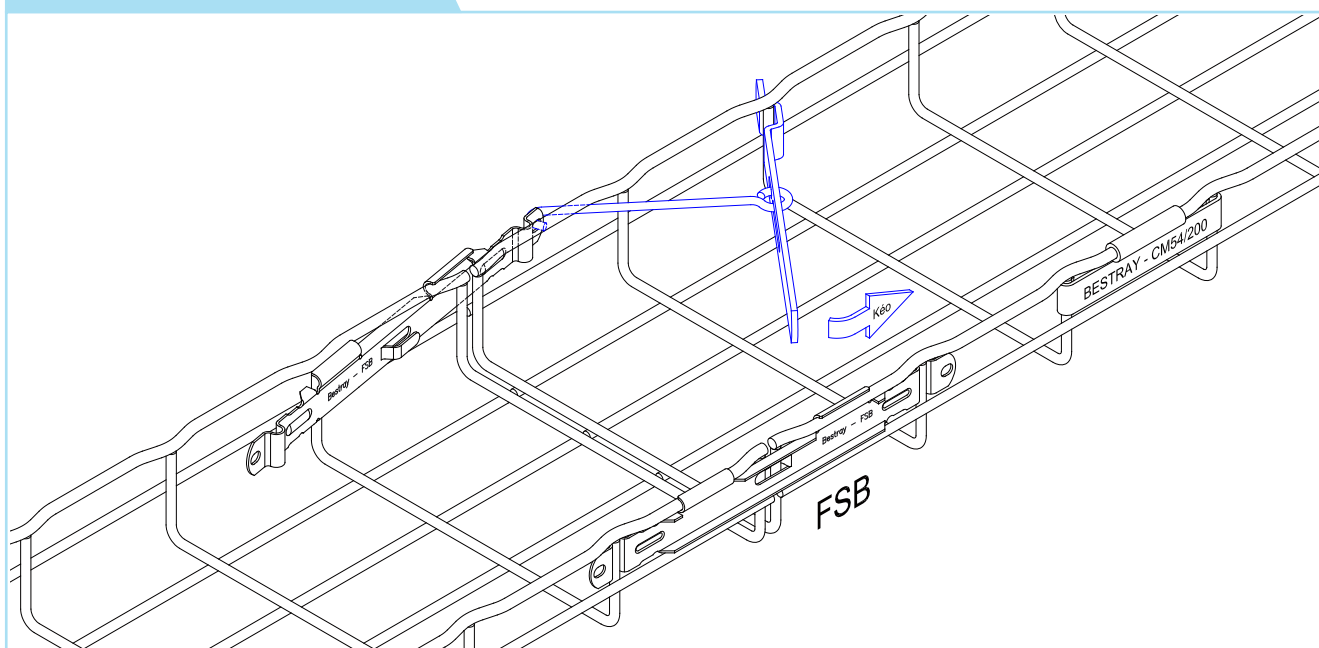
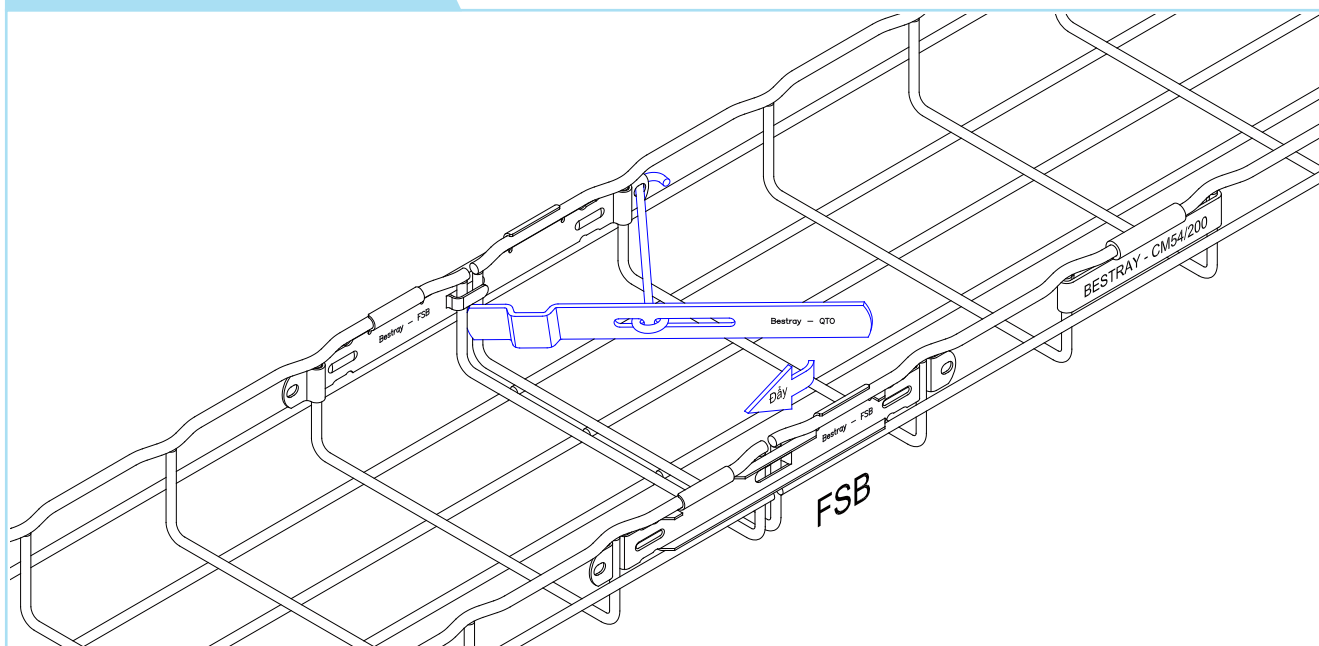
Bít Máng



QTO (Dụng Cụ Dừng Cho Thanh Nối Nhanh FSB)


Mã SP		
S4	HG	EG
-	-	QTOEG

- Dụng cụ dùng cho thanh nối nhanh **FSB** (xem trang CM-15)

Hướng Dẫn: Lắp Vào

Hướng Dẫn: Tháo Ra


S6 (Inox 316)

S4 (Inox 304)

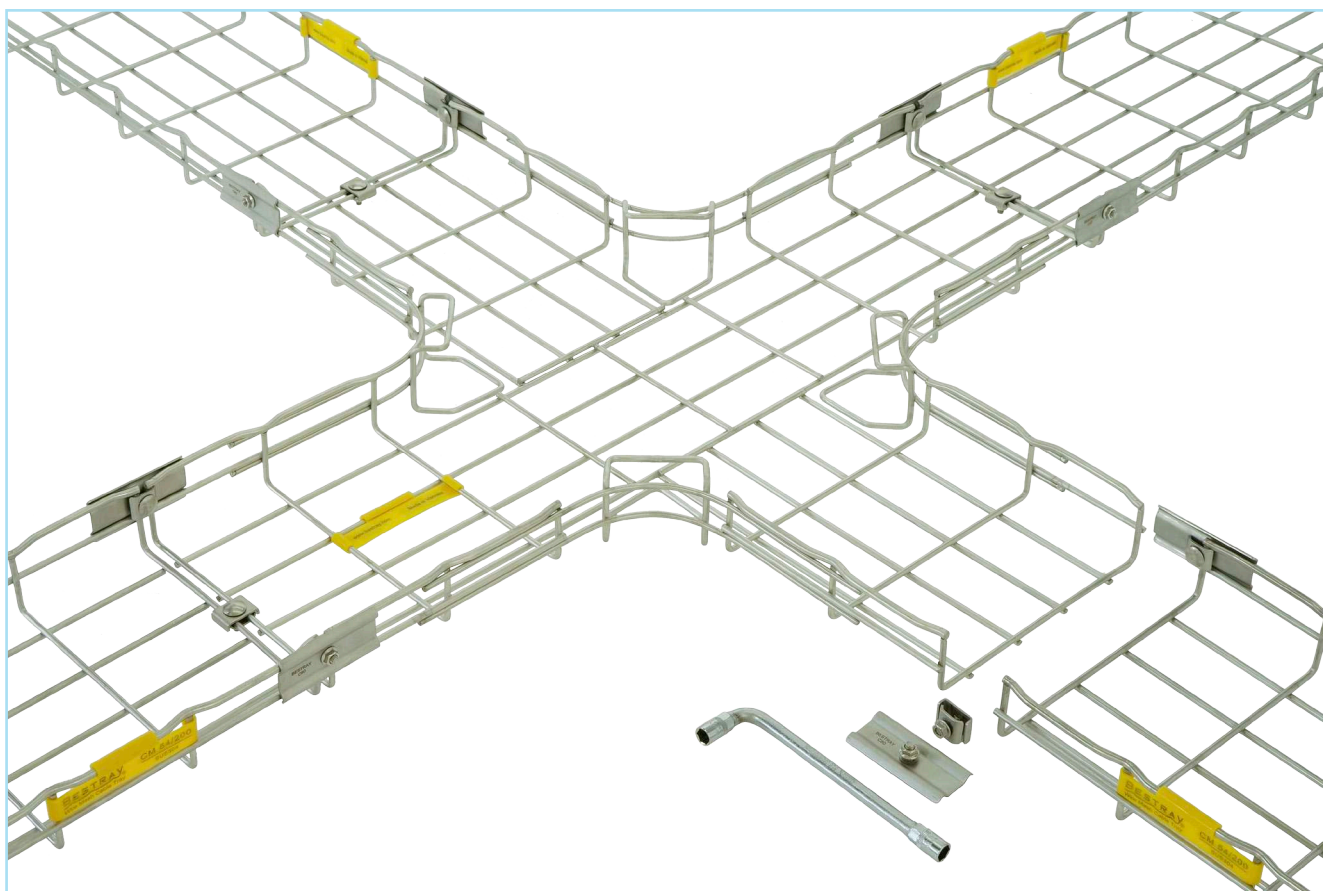
HG (Mạ Kẽm Nhúng Nóng)

DC (Mạ Kẽm Siêu Bền)

PG (Tôn Mạ Kẽm)

EG (Mạ Kẽm Xi)

PC (Sơn Tĩnh Điện)

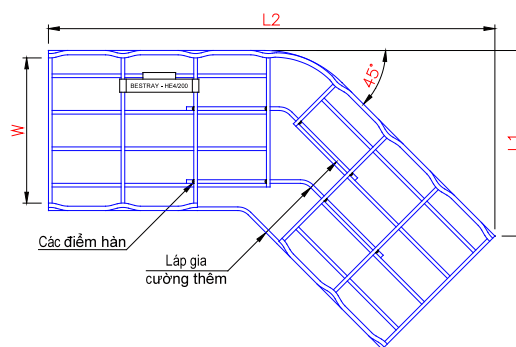
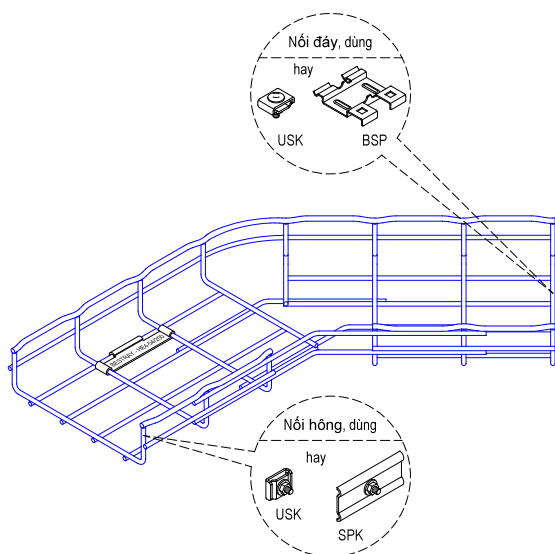


HE4 (Co Ngang 45°)

HE4-54



HE4-105



Tên SP	L1 (mm)	L2 (mm)	Mã SP			
			S4	HG	EG	PC
HE4 54/50	180	440	HE4050S4	HE4050HG	HE4050EG	HE4050PC
HE4 54/100	180	440	HE40510S4	HE40510HG	HE40510EG	HE40510PC
HE4 54/150	255	615	HE40515S4	HE40515HG	HE40515EG	HE40515PC
HE4 54/200	255	615	HE40520S4	HE40520HG	HE40520EG	HE40520PC
HE4 54/300	255	615	HE40530S4	HE40530HG	HE40530EG	HE40530PC
HE4 54/400	325	785	HE40540S4	HE40540HG	HE40540EG	HE40540PC
HE4 54/450	325	785	HE40545S4	HE40545HG	HE40545EG	HE40545PC
HE4 54/500	325	785	HE40550S4	HE40550HG	HE40550EG	HE40550PC
HE4 54/600	325	785	HE40560S4	HE40560HG	HE40560EG	HE40560PC

Tên SP	L1 (mm)	L2 (mm)	Mã SP			
			S4	HG	EG	PC
HE4 105/100	180	440	HE41010S4	HE41010HG	HE41010EG	HE41010PC
HE4 105/150	255	615	HE41015S4	HE41015HG	HE41015EG	HE41015PC
HE4 105/200	255	615	HE41020S4	HE41020HG	HE41020EG	HE41020PC
HE4 105/300	255	615	HE41030S4	HE41030HG	HE41030EG	HE41030PC
HE4 105/400	325	785	HE41040S4	HE41040HG	HE41040EG	HE41040PC
HE4 105/450	325	785	HE41045S4	HE41045HG	HE41045EG	HE41045PC
HE4 105/500	325	785	HE41050S4	HE41050HG	HE41050EG	HE41050PC
HE4 105/600	325	785	HE41060S4	HE41060HG	HE41060EG	HE41060PC

S6 (Inox 316)

S4 (Inox 304)

HG (Mạ Kẽm Nhúng Nóng)

PC (Mạ Kẽm Siêu Bền)

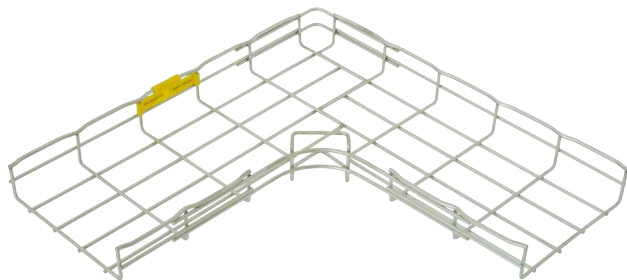
PG (Tôn Mạ Kẽm)

EG (Mạ Kẽm Xi)

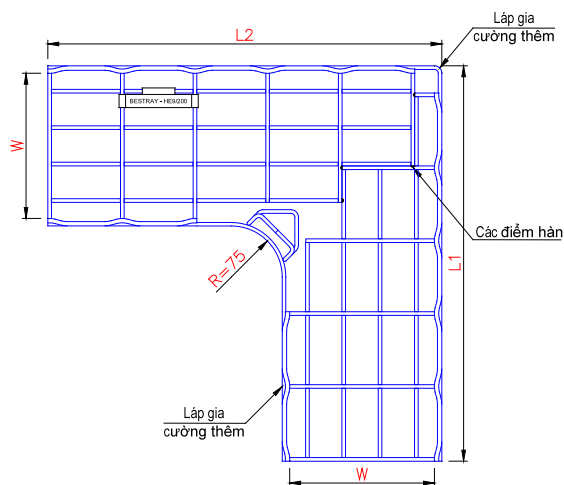
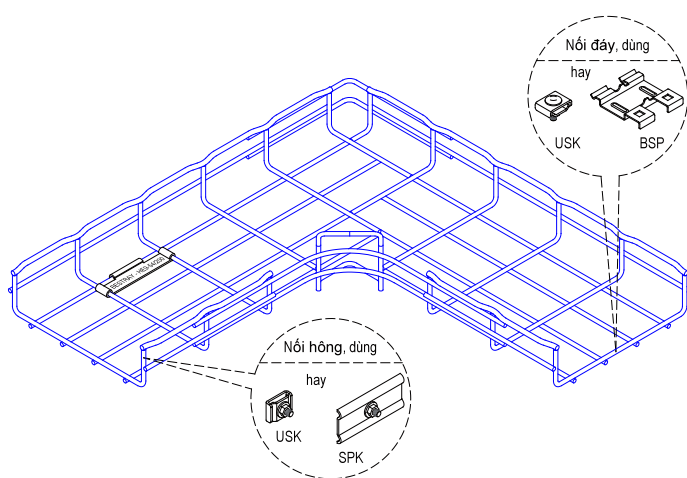
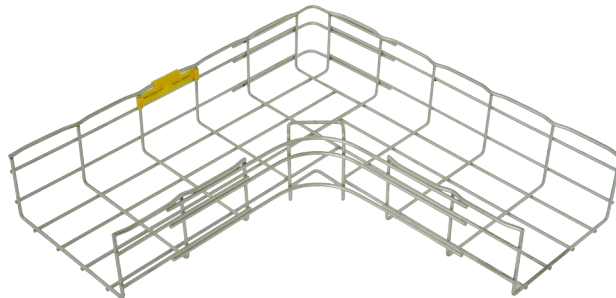
PC (Sơn Tĩnh Điện)

HE9 (Co Ngang 90°)

HE9-54



HE9-105



Tên SP	L1 (mm)	L2 (mm)	Mã SP			
			S4	HG	EG	PC
HE9 54/50	330	330	HE90505S4	HE90505HG	HE90505EG	HE90505PC
HE9 54/100	445	445	HE90510S4	HE90510HG	HE90510EG	HE90510PC
HE9 54/150	445	445	HE90515S4	HE90515HG	HE90515EG	HE90515PC
HE9 54/200	545	545	HE90520S4	HE90520HG	HE90520EG	HE90520PC
HE9 54/300	645	645	HE90530S4	HE90530HG	HE90530EG	HE90530PC
HE9 54/400	745	745	HE90540S4	HE90540HG	HE90540EG	HE90540PC
HE9 54/450	745	745	HE90545S4	HE90545HG	HE90545EG	HE90545PC
HE9 54/500	845	845	HE90550S4	HE90550HG	HE90550EG	HE90550PC
HE9 54/600	945	945	HE90560S4	HE90560HG	HE90560EG	HE90560PC

Tên SP	L1 (mm)	L2 (mm)	Mã SP			
			S4	HG	EG	PC
-	-	-	-	-	-	-
HE9 105/100	445	445	HE91010S4	HE91010HG	HE91010EG	HE91010PC
HE9 105/150	445	445	HE91015S4	HE91015HG	HE91015EG	HE91015PC
HE9 105/200	545	545	HE91020S4	HE91020HG	HE91020EG	HE91020PC
HE9 105/300	645	645	HE91030S4	HE91030HG	HE91030EG	HE91030PC
HE9 105/400	745	745	HE91040S4	HE91040HG	HE91040EG	HE91040PC
HE9 105/450	745	745	HE91045S4	HE91045HG	HE91045EG	HE91045PC
HE9 105/500	845	845	HE91050S4	HE91050HG	HE91050EG	HE91050PC
HE9 105/600	945	945	HE91060S4	HE91060HG	HE91060EG	HE91060PC

S6 (Inox 316)

S4 (Inox 304)

HG (Mạ Kẽm Nhúng Nóng)

PC (Mạ Kẽm Siêu Bền)

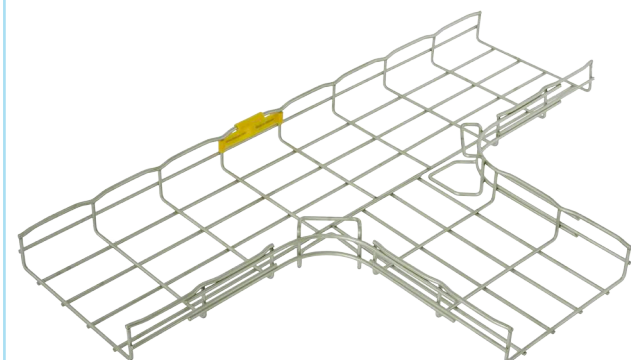
PG (Tôn Mạ Kẽm)

EG (Mạ Kẽm Xi)

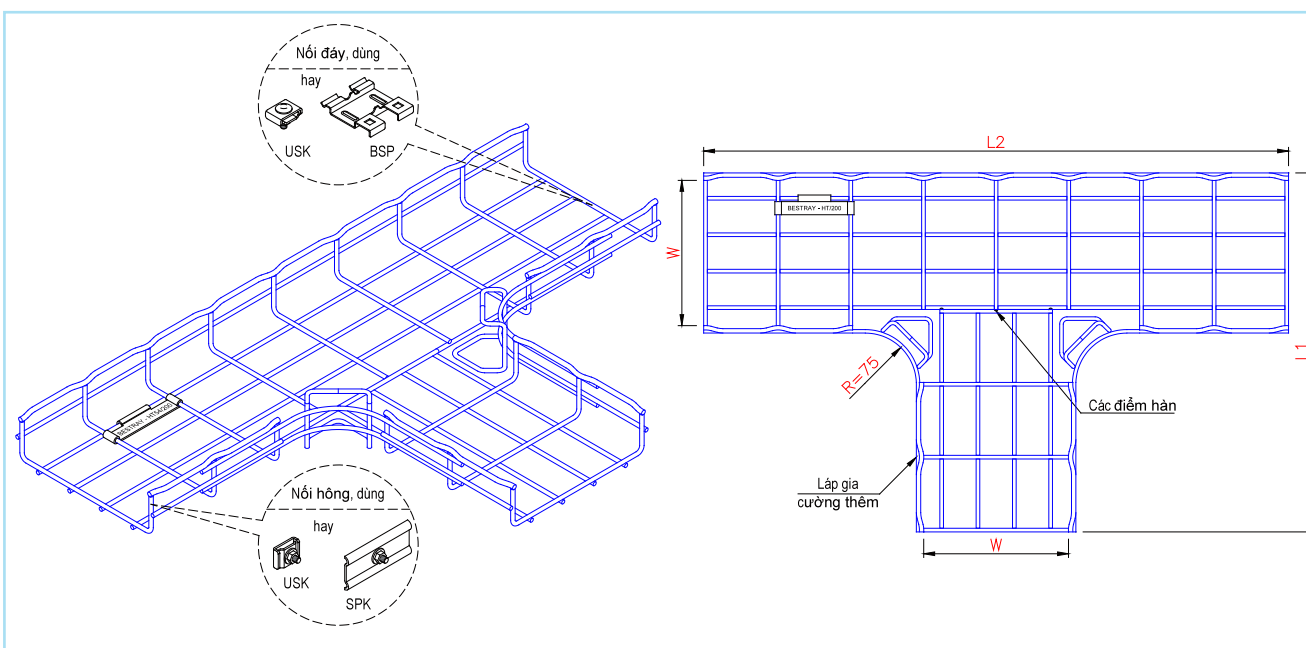
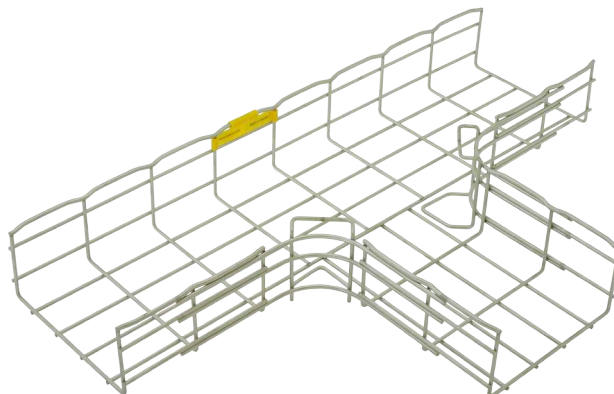
PC (Sơn Tĩnh Điện)

HT (Ngã Ba)

HT54



HT105



Tên SP	L1 (mm)	L2 (mm)	Mã SP			
			S4	HG	EG	PC
HT 54/50	345	605	HT0505S4	HT0505HG	HT0505EG	HT0505PC
HT 54/100	395	705	HT0510S4	HT0510HG	HT0510EG	HT0510PC
HT 54/150	445	705	HT0515S4	HT0515HG	HT0515EG	HT0515PC
HT 54/200	495	805	HT0520S4	HT0520HG	HT0520EG	HT0520PC
HT 54/300	595	905	HT0530S4	HT0530HG	HT0530EG	HT0530PC
HT 54/400	695	1005	HT0540S4	HT0540HG	HT0540EG	HT0540PC
HT 54/450	745	1005	HT0545S4	HT0545HG	HT0545EG	HT0545PC
HT 54/500	795	1105	HT0550S4	HT0550HG	HT0550EG	HT0550PC
HT 54/600	895	1205	HT0560S4	HT0560HG	HT0560EG	HT0560PC

Tên SP	L1 (mm)	L2 (mm)	Mã SP			
			S4	HG	EG	PC
-	-	-	-	-	-	-
HT 105/100	395	705	HT1010S4	HT1010HG	HT1010EG	HT1010PC
HT 105/150	445	705	HT1015S4	HT1015HG	HT1015EG	HT1015PC
HT 105/200	495	805	HT1020S4	HT1020HG	HT1020EG	HT1020PC
HT 105/300	595	905	HT1030S4	HT1030HG	HT1030EG	HT1030PC
HT 105/400	695	1005	HT1040S4	HT1040HG	HT1040EG	HT1040PC
HT 105/450	745	1005	HT1045S4	HT1045HG	HT1045EG	HT1045PC
HT 105/500	795	1105	HT1050S4	HT1050HG	HT1050EG	HT1050PC
HT 105/600	895	1205	HT1060S4	HT1060HG	HT1060EG	HT1060PC

S6 (Inox 316)

S4 (Inox 304)

HG (Mạ Kẽm Nhúng Nóng)

PC (Mạ Kẽm Siêu Bền)

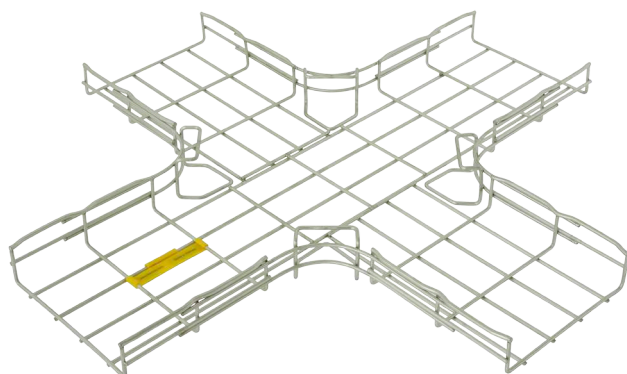
PC (Tôn Mạ Kẽm)

EG (Mạ Kẽm Xi)

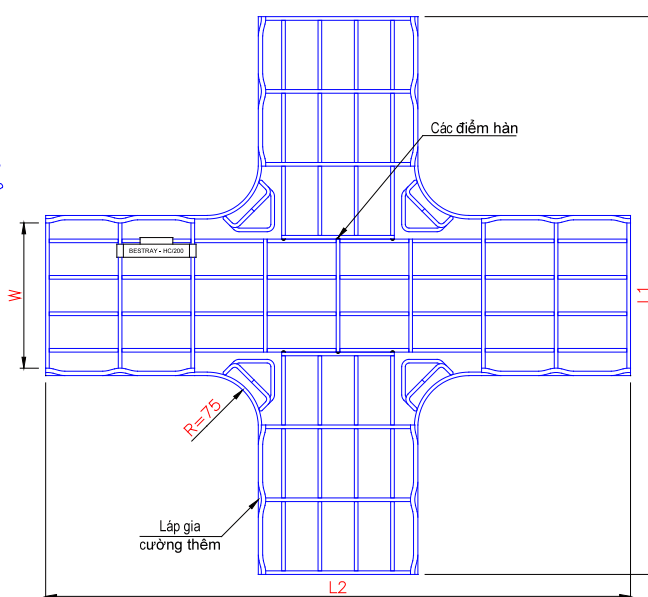
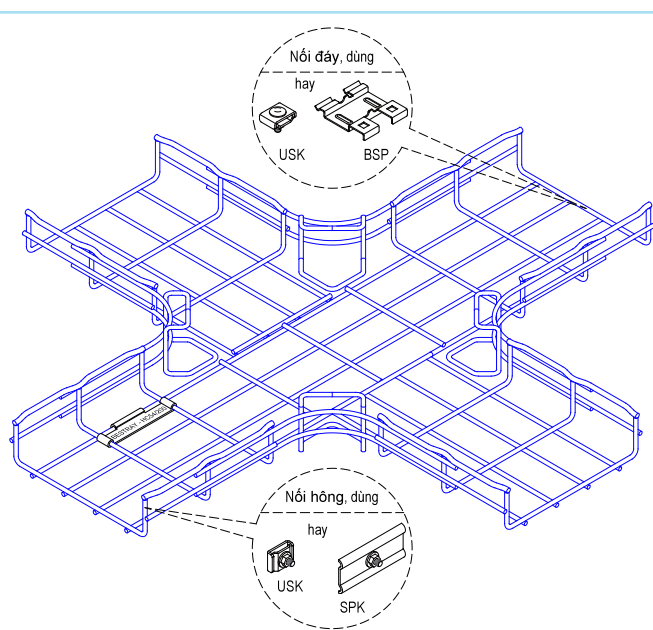
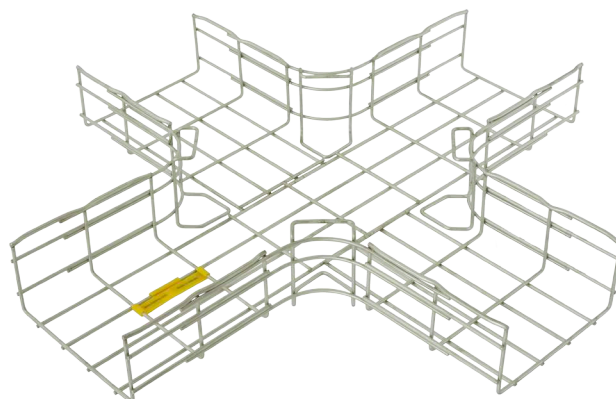
PC (Sơn Tĩnh Điện)

HC (Ngã Tư)

HC54



HC105



Tên SP	L1 (mm)	L2 (mm)	Mã SP			
			S4	HG	EG	PC
HC 54/50	615	605	HC0505S4	HC0505HG	HC0505EG	HC0505PC
HC 54/100	665	705	HC0510S4	HC0510HG	HC0510EG	HC0510PC
HC 54/150	715	705	HC0515S4	HC0515HG	HC0515EG	HC0515PC
HC 54/200	765	805	HC0520S4	HC0520HG	HC0520EG	HC0520PC
HC 54/300	865	905	HC0530S4	HC0530HG	HC0530EG	HC0530PC
HC 54/400	965	1005	HC0540S4	HC0540HG	HC0540EG	HC0540PC
HC 54/450	1015	1005	HC0545S4	HC0545HG	HC0545EG	HC0545PC
HC 54/500	1065	1105	HC0550S4	HC0550HG	HC0550EG	HC0550PC
HC 54/600	1165	1205	HC0560S4	HC0560HG	HC0560EG	HC0560PC

Tên SP	L1 (mm)	L2 (mm)	Mã SP			
			S4	HG	EG	PC
-	-	-	-	-	-	-
HC 105/100	665	705	HC1010S4	HC1010HG	HC1010EG	HC1010PC
HC 105/150	715	705	HC1015S4	HC1015HG	HC1015EG	HC1015PC
HC 105/200	765	805	HC1020S4	HC1020HG	HC1020EG	HC1020PC
HC 105/300	865	905	HC1030S4	HC1030HG	HC1030EG	HC1030PC
HC 105/400	965	1005	HC1040S4	HC1040HG	HC1040EG	HC1040PC
HC 105/450	1015	1005	HC1045S4	HC1045HG	HC1045EG	HC1045PC
HC 105/500	1065	1105	HC1050S4	HC1050HG	HC1050EG	HC1050PC
HC 105/600	1165	1205	HC1060S4	HC1060HG	HC1060EG	HC1060PC

S6 (Inox 316)

S4 (Inox 304)

HG (Mạ Kẽm Nhúng Nóng)

PC (Mạ Kẽm Siêu Bền)

PG (Tôn Mạ Kẽm)

EG (Mạ Kẽm Xi)

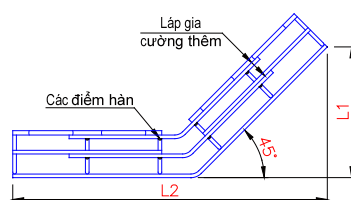
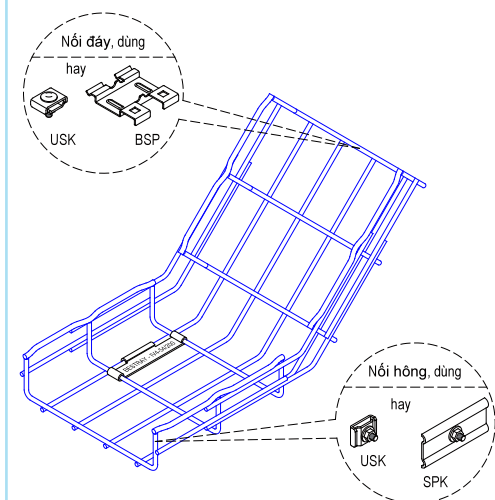
PC (Sơn Tĩnh Điện)

IV4 (Co Lên 45°)

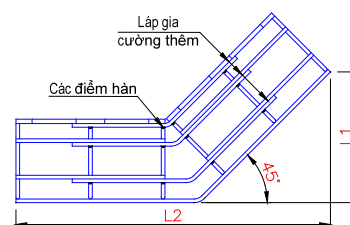
IV4-54



IV4-105



IV4-54



IV4-105

Tên SP	L1 (mm)	L2 (mm)	Mã SP			
			S4	HG	EG	PC
IV4 54/50	180	430	IV40505S4	IV40505HG	IV40505EG	IV40505PC
IV4 54/100	180	430	IV40510S4	IV40510HG	IV40510EG	IV40510PC
IV4 54/150	180	430	IV40515S4	IV40515HG	IV40515EG	IV40515PC
IV4 54/200	180	430	IV40520S4	IV40520HG	IV40520EG	IV40520PC
IV4 54/300	180	430	IV40530S4	IV40530HG	IV40530EG	IV40530PC
IV4 54/400	180	430	IV40540S4	IV40540HG	IV40540EG	IV40540PC
IV4 54/450	180	430	IV40545S4	IV40545HG	IV40545EG	IV40545PC
IV4 54/500	180	430	IV40550S4	IV40550HG	IV40550EG	IV40550PC
IV4 54/600	180	430	IV40560S4	IV40560HG	IV40560EG	IV40560PC

Tên SP	L1 (mm)	L2 (mm)	Mã SP			
			S4	HG	EG	PC
IV4 105/100	180	430	IV41010S4	IV41010HG	IV41010EG	IV41010PC
IV4 105/150	180	430	IV41015S4	IV41015HG	IV41015EG	IV41015PC
IV4 105/200	180	430	IV41020S4	IV41020HG	IV41020EG	IV41020PC
IV4 105/300	180	430	IV41030S4	IV41030HG	IV41030EG	IV41030PC
IV4 105/400	180	430	IV41040S4	IV41040HG	IV41040EG	IV41040PC
IV4 105/450	180	430	IV41045S4	IV41045HG	IV41045EG	IV41045PC
IV4 105/500	180	430	IV41050S4	IV41050HG	IV41050EG	IV41050PC
IV4 105/600	180	430	IV41060S4	IV41060HG	IV41060EG	IV41060PC

S6 (Inox 316)

S4 (Inox 304)

HG (Mạ Kẽm Nhúng Nóng)

PC (Mạ Kẽm Siêu Bền)

PG (Tôn Mạ Kẽm)

EG (Mạ Kẽm Xi)

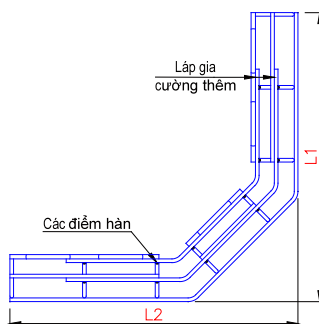
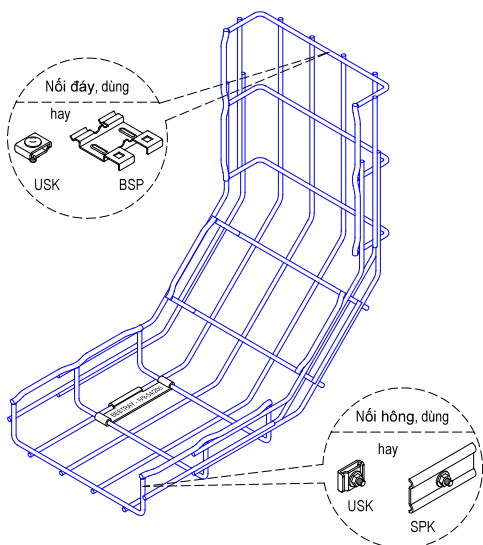
PC (Sơn Tĩnh Điện)

IV9 (Co Lên 90°)

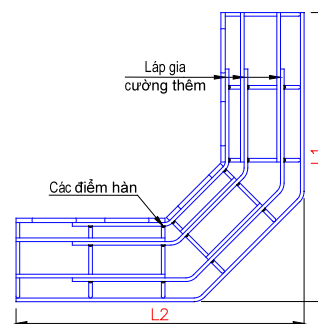
IV9-54



IV9-105



IV9-54



IV9-105

Tên SP	L1 (mm)	L2 (mm)	Mã SP			
			S4	HG	EG	PC
IV9 54/50	395	395	IV90505S4	IV90505HG	IV90505EG	IV90505PC
IV9 54/100	395	395	IV90510S4	IV90510HG	IV90510EG	IV90510PC
IV9 54/150	395	395	IV90515S4	IV90515HG	IV90515EG	IV90515PC
IV9 54/200	395	395	IV90520S4	IV90520HG	IV90520EG	IV90520PC
IV9 54/300	395	395	IV90530S4	IV90530HG	IV90530EG	IV90530PC
IV9 54/400	395	395	IV90540S4	IV90540HG	IV90540EG	IV90540PC
IV9 54/450	395	395	IV90545S4	IV90545HG	IV90545EG	IV90545PC
IV9 54/500	395	395	IV90550S4	IV90550HG	IV90550EG	IV90550PC
IV9 54/600	395	395	IV90560S4	IV90560HG	IV90560EG	IV90560PC

Tên SP	L1 (mm)	L2 (mm)	Mã SP			
			S4	HG	EG	PC
-	-	-	-	-	-	-
IV9 105/100	395	395	IV91010S4	IV91010HG	IV91010EG	IV91010PC
IV9 105/150	395	395	IV91015S4	IV91015HG	IV91015EG	IV91015PC
IV9 105/200	395	395	IV91020S4	IV91020HG	IV91020EG	IV91020PC
IV9 105/300	395	395	IV91030S4	IV91030HG	IV91030EG	IV91030PC
IV9 105/400	395	395	IV91040S4	IV91040HG	IV91040EG	IV91040PC
IV9 105/450	395	395	IV91045S4	IV91045HG	IV91045EG	IV91045PC
IV9 105/500	395	395	IV91050S4	IV91050HG	IV91050EG	IV91050PC
IV9 105/600	395	395	IV91060S4	IV91060HG	IV91060EG	IV91060PC

S6 (Inox 316)

S4 (Inox 304)

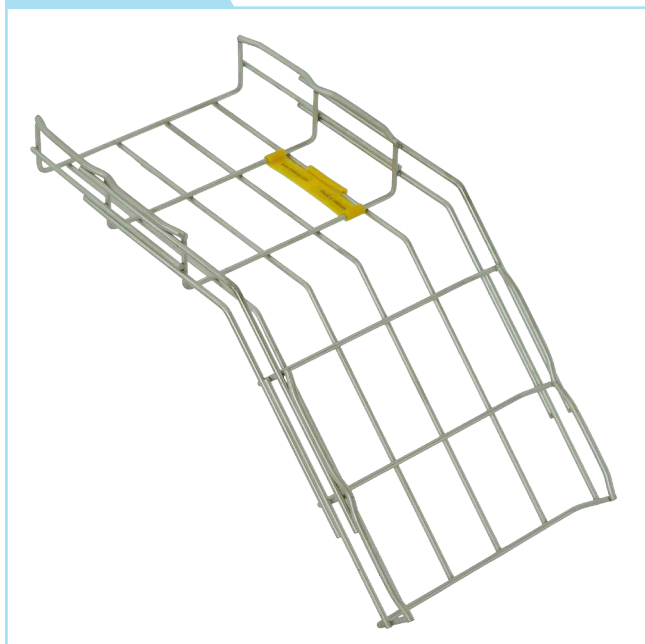
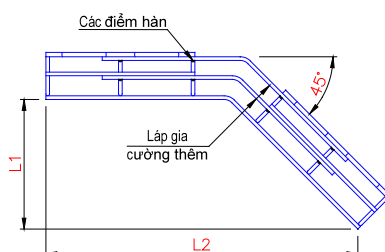
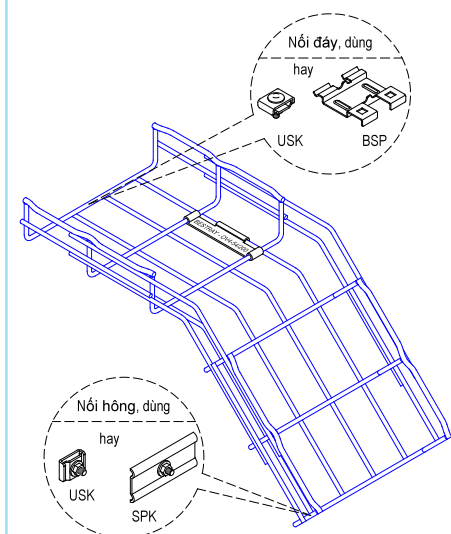
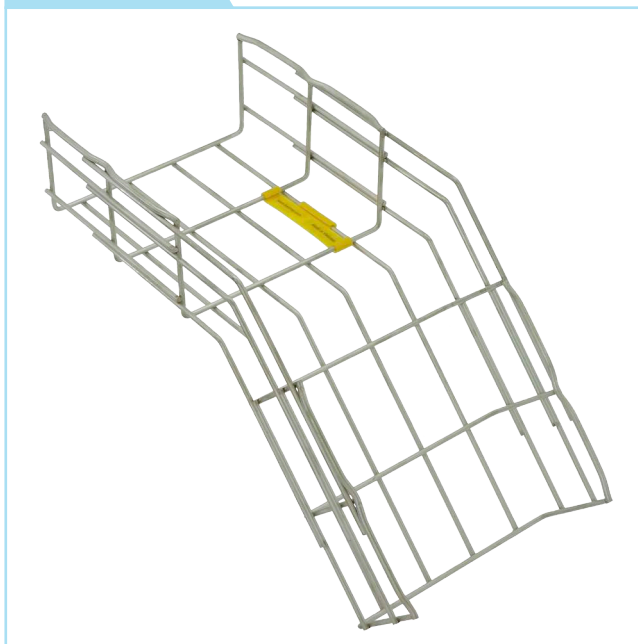
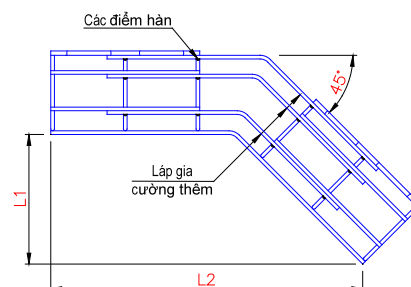
HG (Mạ Kẽm Nhúng Nóng)

PC (Mạ Kẽm Siêu Bền)

PG (Tôn Mạ Kẽm)

EG (Mạ Kẽm Xi)

PC (Sơn Tĩnh Điện)

OV4 (Co Xuống 45°)
OV4-54

OV4-105

OV4-54

OV4-105

Tên SP	L1 (mm)	L2 (mm)	Mã SP			
			S4	HG	EG	PC
OV4 54/50	180	430	OV4050S4	OV4050HG	OV4050EG	OV4050PC
OV4 54/100	180	430	OV40510S4	OV40510HG	OV40510EG	OV40510PC
OV4 54/150	180	430	OV40515S4	OV40515HG	OV40515EG	OV40515PC
OV4 54/200	180	430	OV40520S4	OV40520HG	OV40520EG	OV40520PC
OV4 54/300	180	430	OV40530S4	OV40530HG	OV40530EG	OV40530PC
OV4 54/400	180	430	OV40540S4	OV40540HG	OV40540EG	OV40540PC
OV4 54/450	180	430	OV40545S4	OV40545HG	OV40545EG	OV40545PC
OV4 54/500	180	430	OV40550S4	OV40550HG	OV40550EG	OV40550PC
OV4 54/600	180	430	OV40560S4	OV40560HG	OV40560EG	OV40560PC

Tên SP	L1 (mm)	L2 (mm)	Mã SP			
			S4	HG	EG	PC
-	-	-	-	-	-	-
OV4 105/100	180	430	OV41010S4	OV41010HG	OV41010EG	OV41010PC
OV4 105/150	180	430	OV41015S4	OV41015HG	OV41015EG	OV41015PC
OV4 105/200	180	430	OV41020S4	OV41020HG	OV41020EG	OV41020PC
OV4 105/300	180	430	OV41030S4	OV41030HG	OV41030EG	OV41030PC
OV4 105/400	180	430	OV41040S4	OV41040HG	OV41040EG	OV41040PC
OV4 105/450	180	430	OV41045S4	OV41045HG	OV41045EG	OV41045PC
OV4 105/500	180	430	OV41050S4	OV41050HG	OV41050EG	OV41050PC
OV4 105/600	180	430	OV41060S4	OV41060HG	OV41060EG	OV41060PC

S6 (Inox 316)

S4 (Inox 304)

HG (Mạ Kẽm Nhúng Nóng)

PC (Mạ Kẽm Siêu Bền)

PG (Tôn Mạ Kẽm)

EG (Mạ Kẽm Xi)

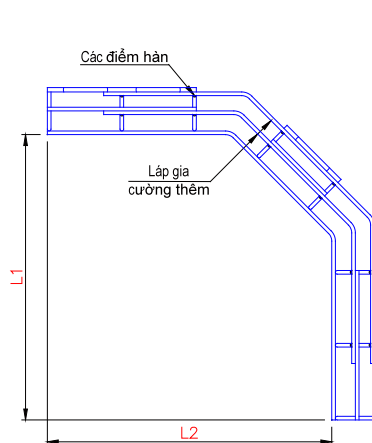
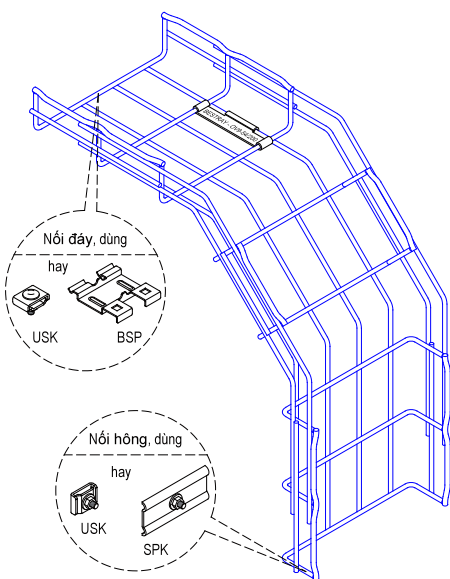
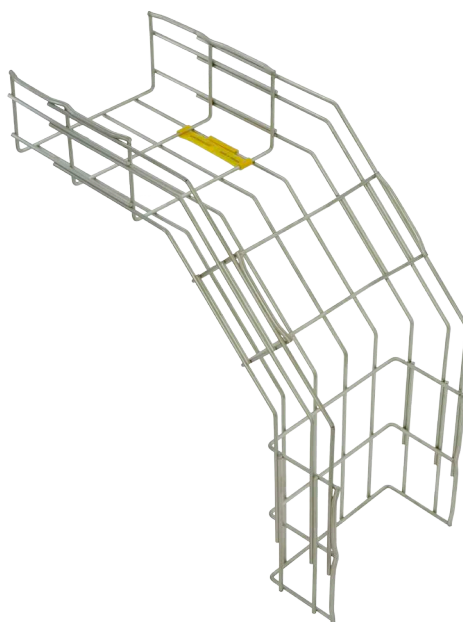
PC (Sơn Tĩnh Điện)

OV9 (Co Xuống 90°)

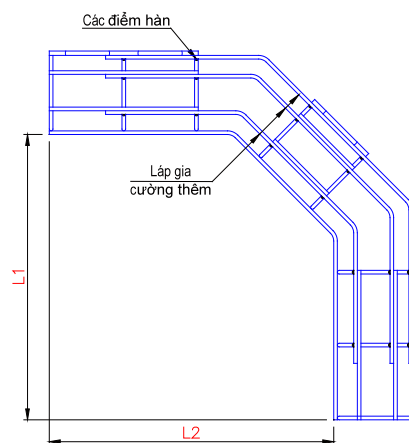
OV9-54



OV9-105



OV9-54

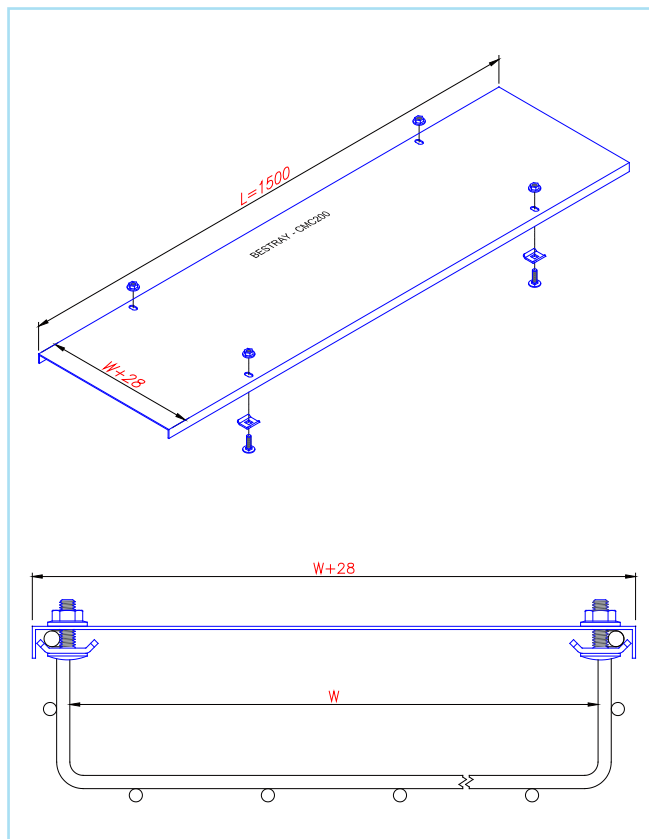
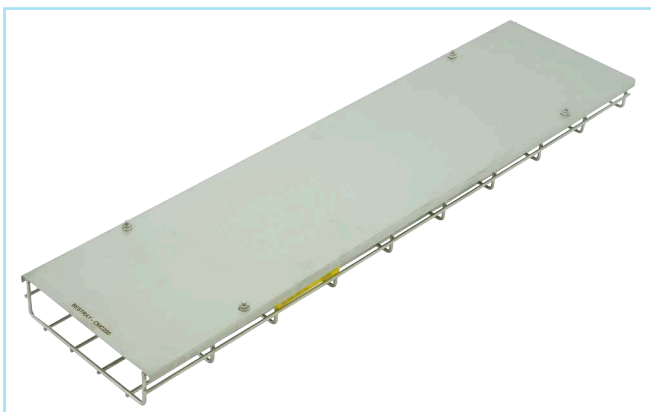


OV9-105

Tên SP	L1 (mm)	L2 (mm)	Mã SP			
			S4	HG	EG	PC
OV9 54/50	395	395	OV90505S4	OV90505HG	OV90505EG	OV90505PC
OV9 54/100	395	395	OV90510S4	OV90510HG	OV90510EG	OV90510PC
OV9 54/150	395	395	OV90515S4	OV90515HG	OV90515EG	OV90515PC
OV9 54/200	395	395	OV90520S4	OV90520HG	OV90520EG	OV90520PC
OV9 54/300	395	395	OV90530S4	OV90530HG	OV90530EG	OV90530PC
OV9 54/400	395	395	OV90540S4	OV90540HG	OV90540EG	OV90540PC
OV9 54/450	395	395	OV90545S4	OV90545HG	OV90545EG	OV90545PC
OV9 54/500	395	395	OV90550S4	OV90550HG	OV90550EG	OV90550PC
OV9 54/600	395	395	OV90560S4	OV90560HG	OV90560EG	OV90560PC

Tên SP	L1 (mm)	L2 (mm)	Mã SP			
			S4	HG	EG	PC
-	-	-	-	-	-	-
OV9 105/100	395	395	OV91010S4	OV91010HG	OV91010EG	OV91010PC
OV9 105/150	395	395	OV91015S4	OV91015HG	OV91015EG	OV91015PC
OV9 105/200	395	395	OV91020S4	OV91020HG	OV91020EG	OV91020PC
OV9 105/300	395	395	OV91030S4	OV91030HG	OV91030EG	OV91030PC
OV9 105/400	395	395	OV91040S4	OV91040HG	OV91040EG	OV91040PC
OV9 105/450	395	395	OV91045S4	OV91045HG	OV91045EG	OV91045PC
OV9 105/500	395	395	OV91050S4	OV91050HG	OV91050EG	OV91050PC
OV9 105/600	395	395	OV91060S4	OV91060HG	OV91060EG	OV91060PC

CMC (Nắp Máng Thẳng)



Tên SP	T (mm) S4	L (mm)	Mã SP			
			S4	HG	PG	PC
CMC50	1.0	1500	CMC05S4	CMC05HG	CMC05PG	CMC05PC
CMC100	1.0	1500	CMC10S4	CMC10HG	CMC10PG	CMC10PC
CMC150	1.0	1500	CMC15S4	CMC15HG	CMC15PG	CMC15PC
CMC200	1.0	1500	CMC20S4	CMC20HG	CMC20PG	CMC20PC
CMC300	1.0	1500	CMC30S4	CMC30HG	CMC30PG	CMC30PC
CMC400	1.0	1500	CMC40S4	CMC40HG	CMC40PG	CMC40PC
CMC450	1.0	1500	CMC45S4	CMC45HG	CMC45PG	CMC45PC
CMC500	1.2	1500	CMC50S4	CMC50HG	CMC50PG	CMC50PC
CMC600	1.2	1500	CMC60S4	CMC60HG	CMC60PG	CMC60PC

HEC4 (Nắp Co Ngang 45°)



HEC9 (Nắp Co Ngang 90°)



Tên SP	T (mm) S4	Mã SP			
		S4	HG	PG	PC
HEC4-50	1.0	HEC405S4	HEC405HG	HEC405PG	HEC405PC
HEC4-100	1.0	HEC410S4	HEC410HG	HEC410PG	HEC410PC
HEC4-150	1.0	HEC415S4	HEC415HG	HEC415PG	HEC415PC
HEC4-200	1.0	HEC420S4	HEC420HG	HEC420PG	HEC420PC
HEC4-300	1.0	HEC430S4	HEC430HG	HEC430PG	HEC430PC
HEC4-400	1.0	HEC440S4	HEC440HG	HEC440PG	HEC440PC
HEC4-450	1.0	HEC445S4	HEC445HG	HEC445PG	HEC445PC
HEC4-500	1.2	HEC450S4	HEC450HG	HEC450PG	HEC450PC
HEC4-600	1.2	HEC460S4	HEC460HG	HEC460PG	HEC460PC

Tên SP	T (mm) S4	Mã SP			
		S4	HG	PG	PC
HEC9-50	1.0	HEC905S4	HEC905HG	HEC905PG	HEC905PC
HEC9-100	1.0	HEC910S4	HEC910HG	HEC910PG	HEC910PC
HEC9-150	1.0	HEC915S4	HEC915HG	HEC915PG	HEC915PC
HEC9-200	1.0	HEC920S4	HEC920HG	HEC920PG	HEC920PC
HEC9-300	1.0	HEC930S4	HEC930HG	HEC930PG	HEC930PC
HEC9-400	1.0	HEC940S4	HEC940HG	HEC940PG	HEC940PC
HEC9-450	1.0	HEC945S4	HEC945HG	HEC945PG	HEC945PC
HEC9-500	1.2	HEC950S4	HEC950HG	HEC950PG	HEC950PC
HEC9-600	1.2	HEC960S4	HEC960HG	HEC960PG	HEC960PC

S6 (Inox 316)

S4 (Inox 304)

HG (Mạ Kẽm Nhúng Nóng)

PG (Mạ Kẽm Siêu Bền)

PG (Tôn Mạ Kẽm)

EG (Mạ Kẽm Xi)

PC (Sơn Tĩnh Điện)

HTC (Nắp Ngã Ba)



HCC (Nắp Ngã Tư)



Tên SP	T (mm) S4	Mã SP			
		S4	HG	PG	PC
HTC50	1.0	HTC05S4	HTC05HG	HTC05PG	HTC05PC
HTC100	1.0	HTC10S4	HTC10HG	HTC10PG	HTC10PC
HTC150	1.0	HTC15S4	HTC15HG	HTC15PG	HTC15PC
HTC200	1.0	HTC20S4	HTC20HG	HTC20PG	HTC20PC
HTC300	1.0	HTC30S4	HTC30HG	HTC30PG	HTC30PC
HTC400	1.0	HTC40S4	HTC40HG	HTC40PG	HTC40PC
HTC450	1.0	HTC45S4	HTC45HG	HTC45PG	HTC45PC
HTC500	1.2	HTC50S4	HTC50HG	HTC50PG	HTC50PC
HTC600	1.2	HTC60S4	HTC60HG	HTC60PG	HTC60PC

Tên SP	T (mm) S4	Mã SP			
		S4	HG	PG	PC
HCC50	1.0	HCC05S4	HCC05HG	HCC05PG	HCC05PC
HCC100	1.0	HCC10S4	HCC10HG	HCC10PG	HCC10PC
HCC150	1.0	HCC15S4	HCC15HG	HCC15PG	HCC15PC
HCC200	1.0	HCC20S4	HCC20HG	HCC20PG	HCC20PC
HCC300	1.0	HCC30S4	HCC30HG	HCC30PG	HCC30PC
HCC400	1.0	HCC40S4	HCC40HG	HCC40PG	HCC40PC
HCC450	1.0	HCC45S4	HCC45HG	HCC45PG	HCC45PC
HCC500	1.2	HCC50S4	HCC50HG	HCC50PG	HCC50PC
HCC600	1.2	HCC60S4	HCC60HG	HCC60PG	HCC60PC

IVC4 (Nắp Co Lên 45°)

IVC4-54



IVC4-105



Tên SP	T (mm) S4	Mã SP			
		S4	HG	PG	PC
IVC4 54/50	1.0	IVC4050S4	IVC4050HG	IVC4050PG	IVC4050PC
IVC4 54/100	1.0	IVC40510S4	IVC40510HG	IVC40510PG	IVC40510PC
IVC4 54/150	1.0	IVC40515S4	IVC40515HG	IVC40515PG	IVC40515PC
IVC4 54/200	1.0	IVC40520S4	IVC40520HG	IVC40520PG	IVC40520PC
IVC4 54/300	1.0	IVC40530S4	IVC40530HG	IVC40530PG	IVC40530PC
IVC4 54/400	1.0	IVC40540S4	IVC40540HG	IVC40540PG	IVC40540PC
IVC4 54/450	1.0	IVC40545S4	IVC40545HG	IVC40545PG	IVC40545PC
IVC4 54/500	1.2	IVC40550S4	IVC40550HG	IVC40550PG	IVC40550PC
IVC4 54/600	1.2	IVC40560S4	IVC40560HG	IVC40560PG	IVC40560PC

Tên SP	T (mm) S4	Mã SP			
		S4	HG	PG	PC
-	-	-	-	-	-
IVC4 105/100	1.0	IVC41010S4	IVC41010HG	IVC41010PG	IVC41010PC
IVC4 105/150	1.0	IVC41015S4	IVC41015HG	IVC41015PG	IVC41015PC
IVC4 105/200	1.0	IVC41020S4	IVC41020HG	IVC41020PG	IVC41020PC
IVC4 105/300	1.0	IVC41030S4	IVC41030HG	IVC41030PG	IVC41030PC
IVC4 105/400	1.0	IVC41040S4	IVC41040HG	IVC41040PG	IVC41040PC
IVC4 105/450	1.0	IVC41045S4	IVC41045HG	IVC41045PG	IVC41045PC
IVC4 105/500	1.2	IVC41050S4	IVC41050HG	IVC41050PG	IVC41050PC
IVC4 105/600	1.2	IVC41060S4	IVC41060HG	IVC41060PG	IVC41060PC

S6 (Inox 316)

S4 (Inox 304)

HG (Mạ Kẽm Nhúng Nóng)

PG (Mạ Kẽm Siêu Bền)

PG (Tôn Mạ Kẽm)

EG (Mạ Kẽm Xi)

PC (Sơn Tĩnh Điện)

IVC9 (Nắp Co Lên 90°)

IVC9-54



IVC9-105



Tên SP	T (mm) S4	Mã SP			
		S4	HG	PG	PC
IVC9 54/50	1.0	IVC9050S4	IVC90505HG	IVC90505PG	IVC90505PC
IVC9 54/100	1.0	IVC90510S4	IVC90510HG	IVC90510PG	IVC90510PC
IVC9 54/150	1.0	IVC90515S4	IVC90515HG	IVC90515PG	IVC90515PC
IVC9 54/200	1.0	IVC90520S4	IVC90520HG	IVC90520PG	IVC90520PC
IVC9 54/300	1.0	IVC90530S4	IVC90530HG	IVC90530PG	IVC90530PC
IVC9 54/400	1.0	IVC90540S4	IVC90540HG	IVC90540PG	IVC90540PC
IVC9 54/450	1.0	IVC90545S4	IVC90545HG	IVC90545PG	IVC90545PC
IVC9 54/500	1.2	IVC90550S4	IVC90550HG	IVC90550PG	IVC90550PC
IVC9 54/600	1.2	IVC90560S4	IVC90560HG	IVC90560PG	IVC90560PC

Tên SP	T (mm) S4	Mã SP			
		S4	HG	PG	PC
-	-	-	-	-	-
IVC9 105/100	1.0	IVC91010S4	IVC91010HG	IVC91010PG	IVC91010PC
IVC9 105/150	1.0	IVC91015S4	IVC91015HG	IVC91015PG	IVC91015PC
IVC9 105/200	1.0	IVC91020S4	IVC91020HG	IVC91020PG	IVC91020PC
IVC9 105/300	1.0	IVC91030S4	IVC91030HG	IVC91030PG	IVC91030PC
IVC9 105/400	1.0	IVC91040S4	IVC91040HG	IVC91040PG	IVC91040PC
IVC9 105/450	1.0	IVC91045S4	IVC91045HG	IVC91045PG	IVC91045PC
IVC9 105/500	1.2	IVC91050S4	IVC91050HG	IVC91050PG	IVC91050PC
IVC9 105/600	1.2	IVC91060S4	IVC91060HG	IVC91060PG	IVC91060PC

OVC4 (Nắp Co Xuống 45°)

OVC4-54



OVC4-105



Tên SP	T (mm) S4	Mã SP			
		S4	HG	PG	PC
OVC4 54/50	1.0	OVC4050S4	OVC40505HG	OVC40505PG	OVC40505PC
OVC4 54/100	1.0	OVC40510S4	OVC40510HG	OVC40510PG	OVC40510PC
OVC4 54/150	1.0	OVC40515S4	OVC40515HG	OVC40515PG	OVC40515PC
OVC4 54/200	1.0	OVC40520S4	OVC40520HG	OVC40520PG	OVC40520PC
OVC4 54/300	1.0	OVC40530S4	OVC40530HG	OVC40530PG	OVC40530PC
OVC4 54/400	1.0	OVC40540S4	OVC40540HG	OVC40540PG	OVC40540PC
OVC4 54/450	1.0	OVC40545S4	OVC40545HG	OVC40545PG	OVC40545PC
OVC4 54/500	1.2	OVC40550S4	OVC40550HG	OVC40550PG	OVC40550PC
OVC4 54/600	1.2	OVC40560S4	OVC40560HG	OVC40560PG	OVC40560PC

Tên SP	T (mm) S4	Mã SP			
		S4	HG	PG	PC
-	-	-	-	-	-
OVC4 105/100	1.0	OVC41010S4	OVC41010HG	OVC41010PG	OVC41010PC
OVC4 105/150	1.0	OVC41015S4	OVC41015HG	OVC41015PG	OVC41015PC
OVC4 105/200	1.0	OVC41020S4	OVC41020HG	OVC41020PG	OVC41020PC
OVC4 105/300	1.0	OVC41030S4	OVC41030HG	OVC41030PG	OVC41030PC
OVC4 105/400	1.0	OVC41040S4	OVC41040HG	OVC41040PG	OVC41040PC
OVC4 105/450	1.0	OVC41045S4	OVC41045HG	OVC41045PG	OVC41045PC
OVC4 105/500	1.2	OVC41050S4	OVC41050HG	OVC41050PG	OVC41050PC
OVC4 105/600	1.2	OVC41060S4	OVC41060HG	OVC41060PG	OVC41060PC

S6 (Inox 316)

S4 (Inox 304)

HG (Mạ Kẽm Nhúng Nóng)

PG (Mạ Kẽm Siêu Bền)

PG (Tôn Mạ Kẽm)

EG (Mạ Kẽm Xi)

PC (Sơn Tĩnh Điện)

OVC9 (Nắp Co Xuống 90°)

OVC9-54

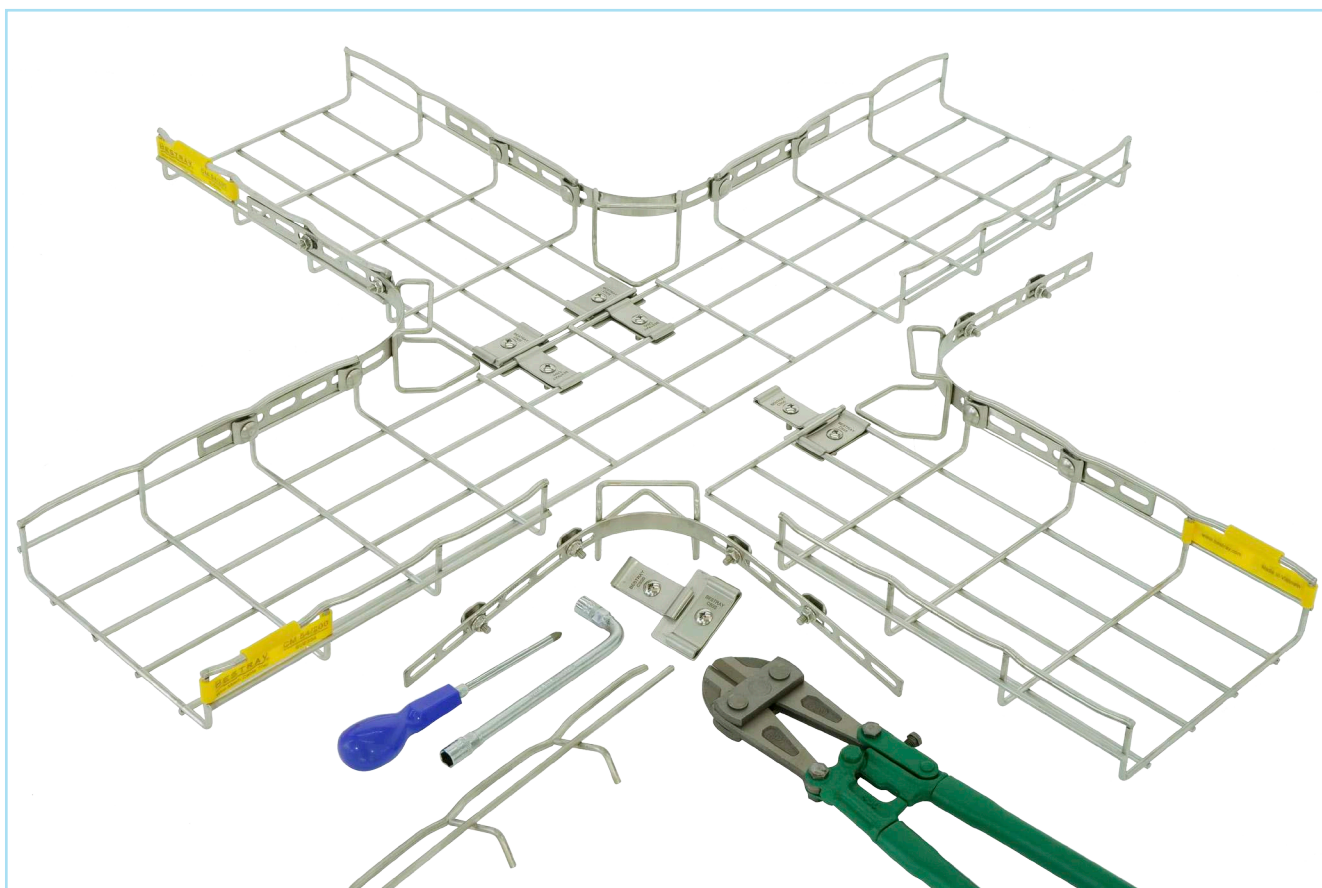


OVC9-105



Tên SP	T (mm) S4	Mã SP			
		S4	HG	PG	PC
OVC9 54/50	1.0	OVC90505S4	OVC90505HG	OVC90505PG	OVC90505PC
OVC9 54/100	1.0	OVC90510S4	OVC90510HG	OVC90510PG	OVC90510PC
OVC9 54/150	1.0	OVC90515S4	OVC90515HG	OVC90515PG	OVC90515PC
OVC9 54/200	1.0	OVC90520S4	OVC90520HG	OVC90520PG	OVC90520PC
OVC9 54/300	1.0	OVC90530S4	OVC90530HG	OVC90530PG	OVC90530PC
OVC9 54/400	1.0	OVC90540S4	OVC90540HG	OVC90540PG	OVC90540PC
OVC9 54/450	1.0	OVC90545S4	OVC90545HG	OVC90545PG	OVC90545PC
OVC9 54/500	1.2	OVC90550S4	OVC90550HG	OVC90550PG	OVC90550PC
OVC9 54/600	1.2	OVC90560S4	OVC90560HG	OVC90560PG	OVC90560PC

Tên SP	T (mm) S4	Mã SP			
		S4	HG	PG	PC
-	-	-	-	-	-
OVC9 105/100	1.0	OVC91010S4	OVC91010HG	OVC91010PG	OVC91010PC
OVC9 105/150	1.0	OVC91015S4	OVC91015HG	OVC91015PG	OVC91015PC
OVC9 105/200	1.0	OVC91020S4	OVC91020HG	OVC91020PG	OVC91020PC
OVC9 105/300	1.0	OVC91030S4	OVC91030HG	OVC91030PG	OVC91030PC
OVC9 105/400	1.0	OVC91040S4	OVC91040HG	OVC91040PG	OVC91040PC
OVC9 105/450	1.0	OVC91045S4	OVC91045HG	OVC91045PG	OVC91045PC
OVC9 105/500	1.2	OVC91050S4	OVC91050HG	OVC91050PG	OVC91050PC
OVC9 105/600	1.2	OVC91060S4	OVC91060HG	OVC91060PG	OVC91060PC



1. Co Ngang 45°



BSK4

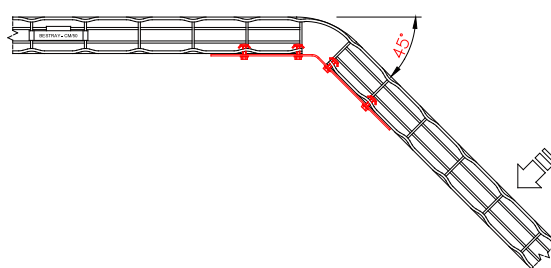
+



SBK11

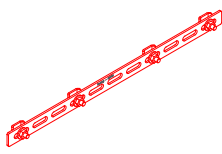


50W

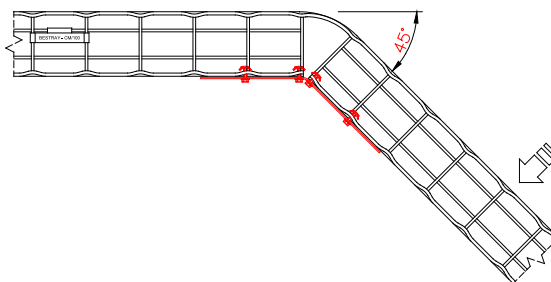
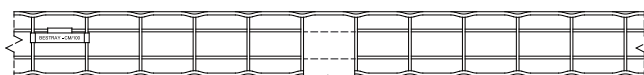


x1

SBK11

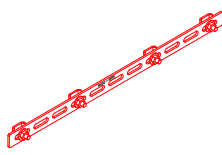


100W

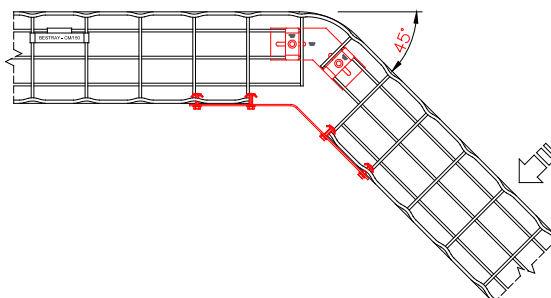
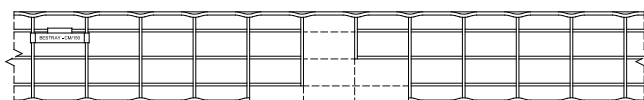


x1

SBK11



150W

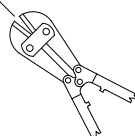
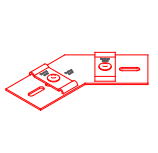
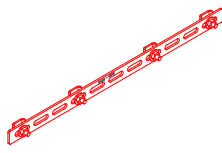


x1

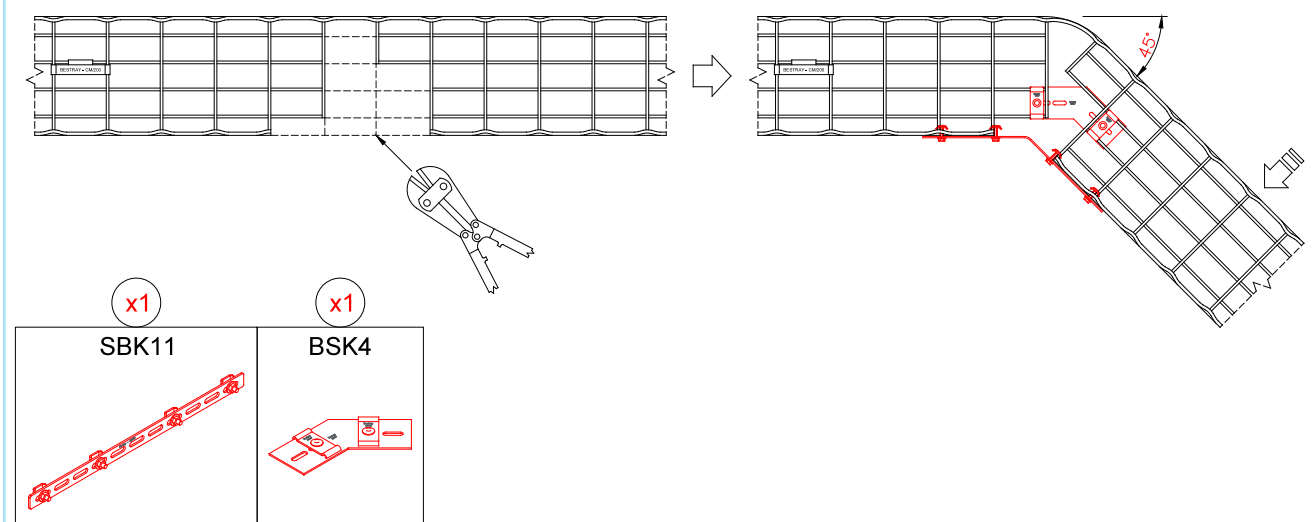
SBK11

x1

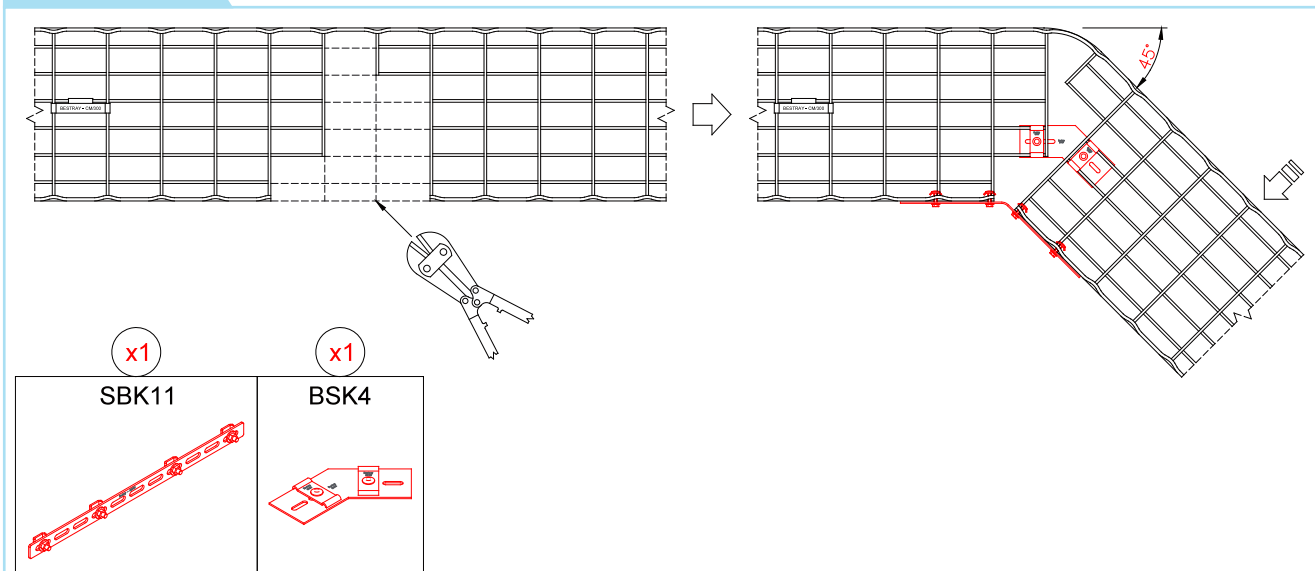
BSK4



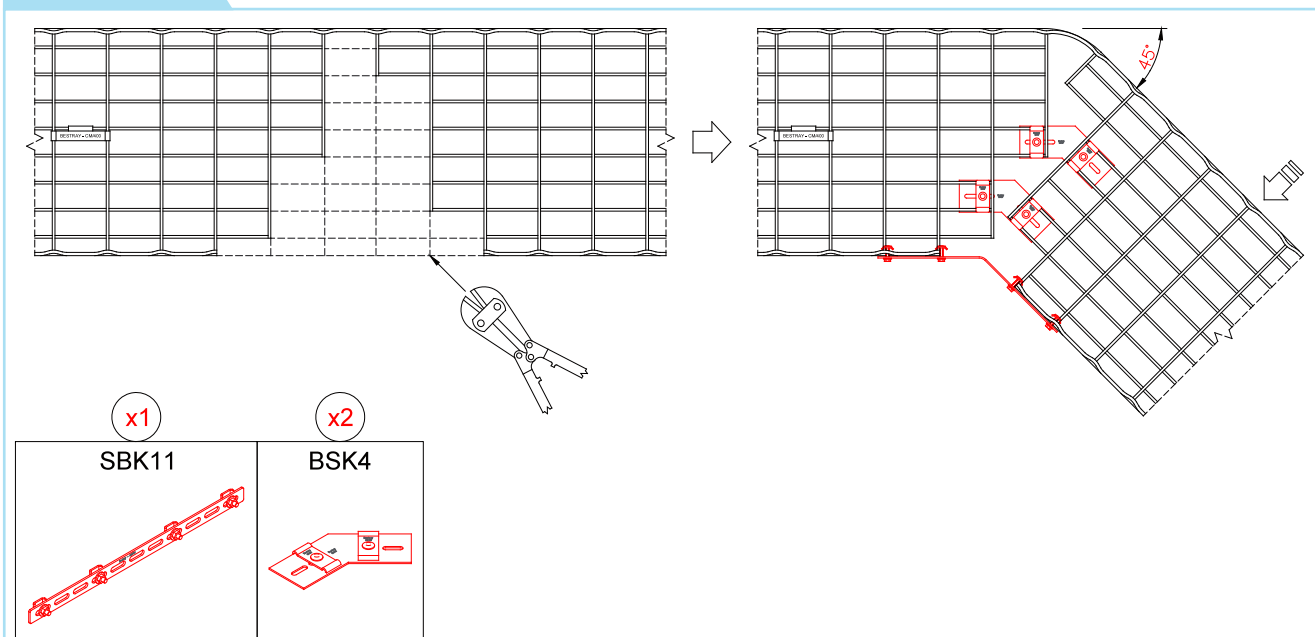
200W



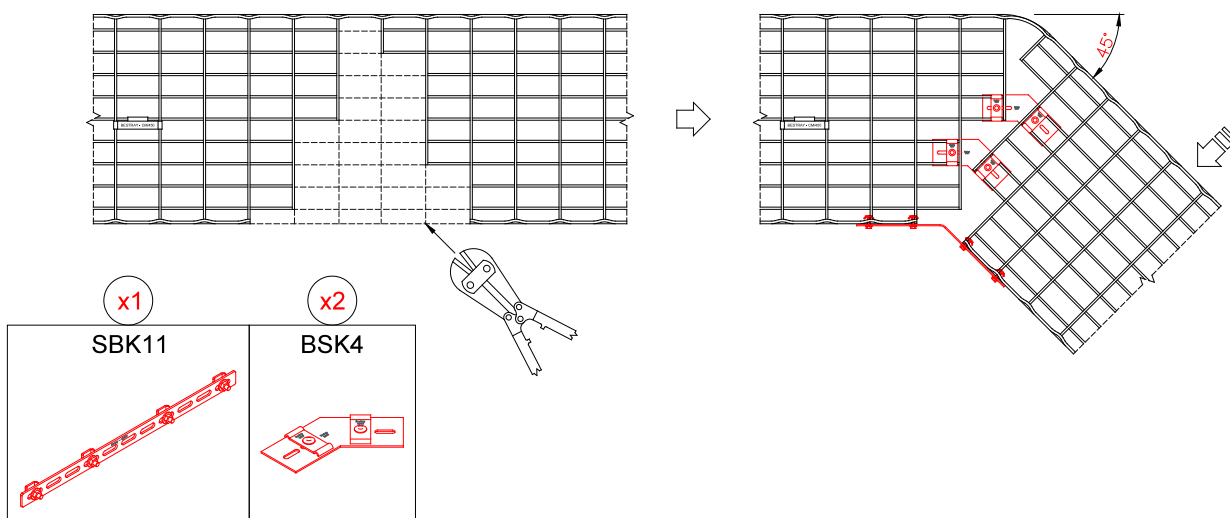
300W



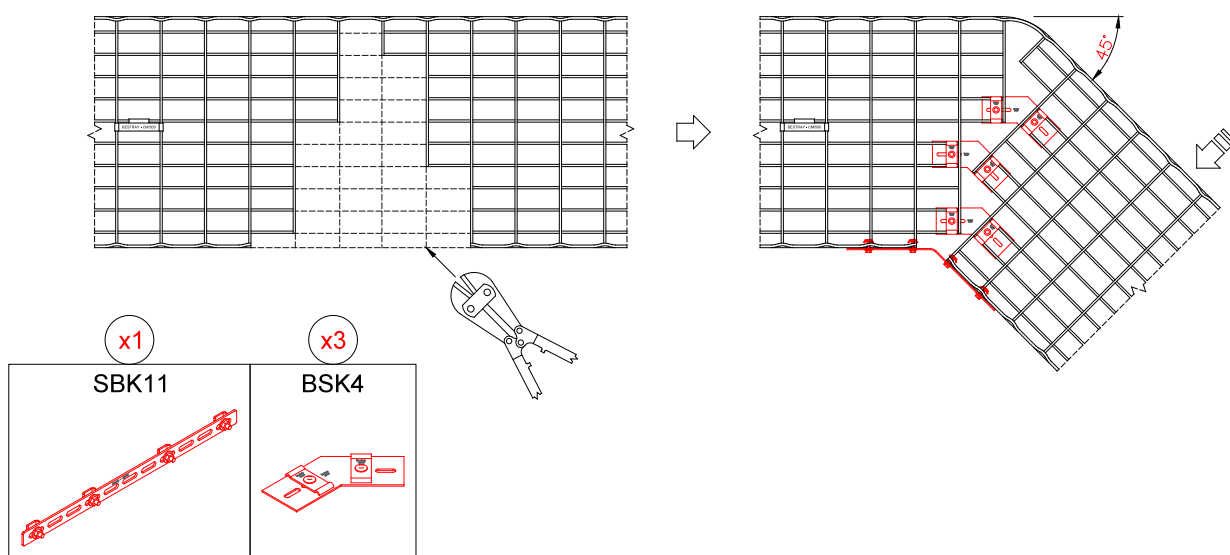
400W



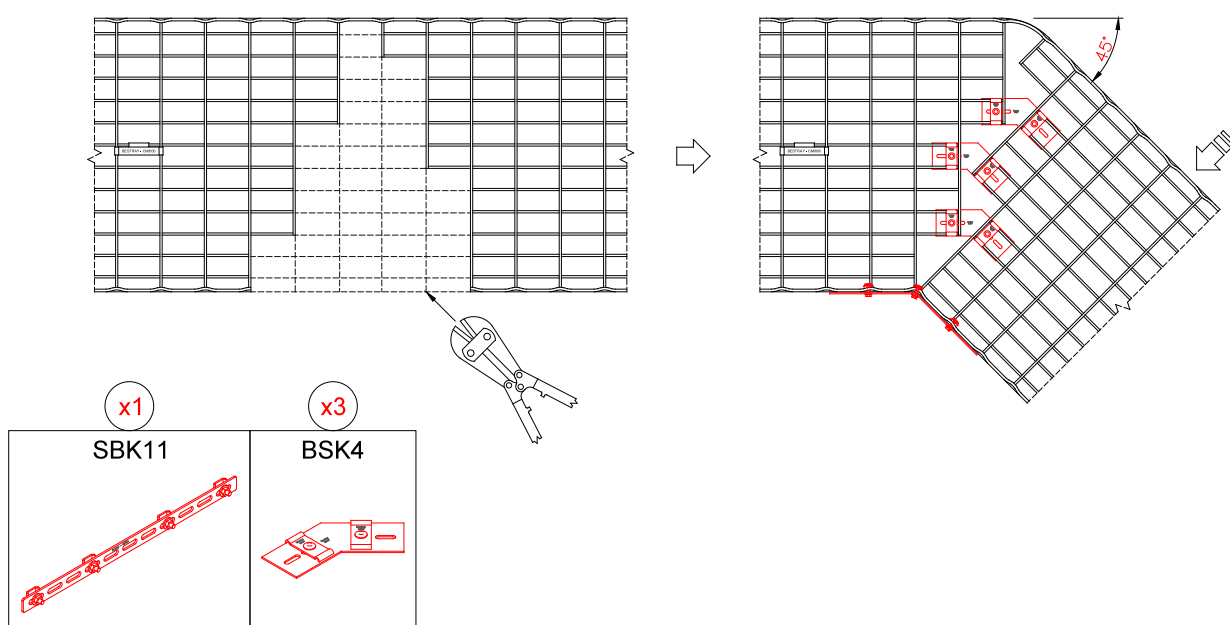
450W



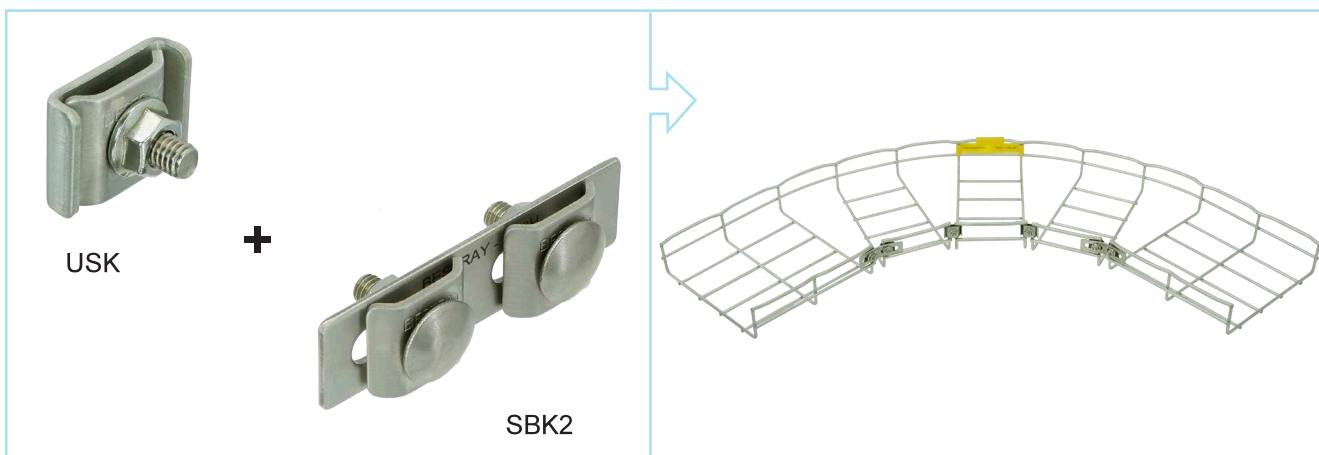
500W



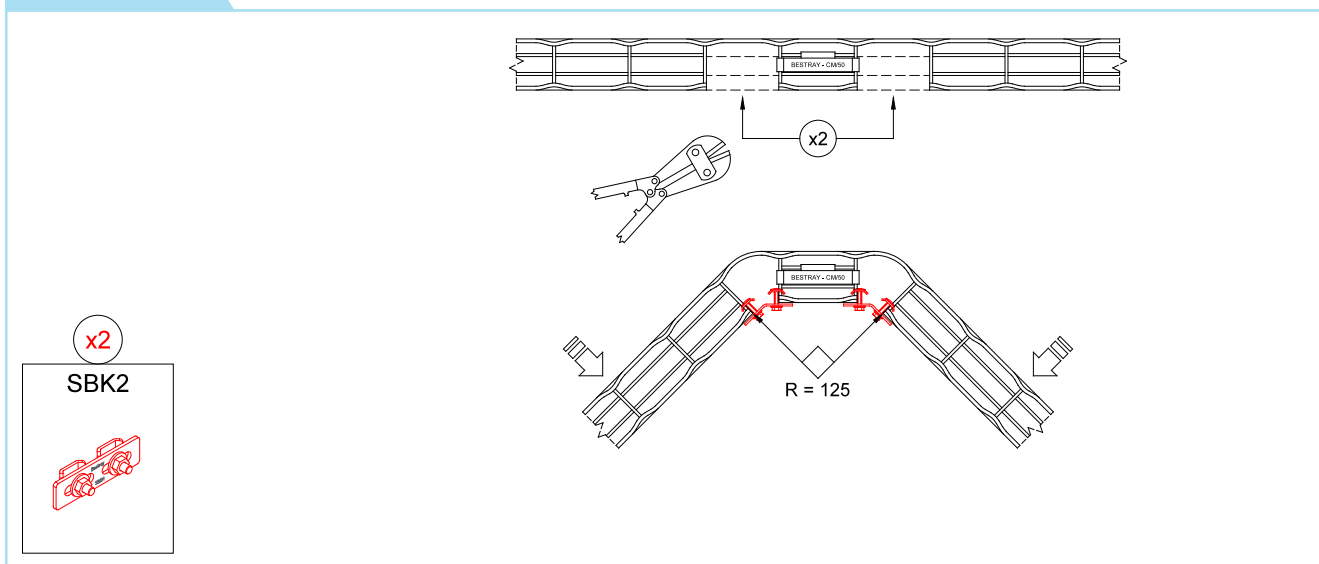
600W



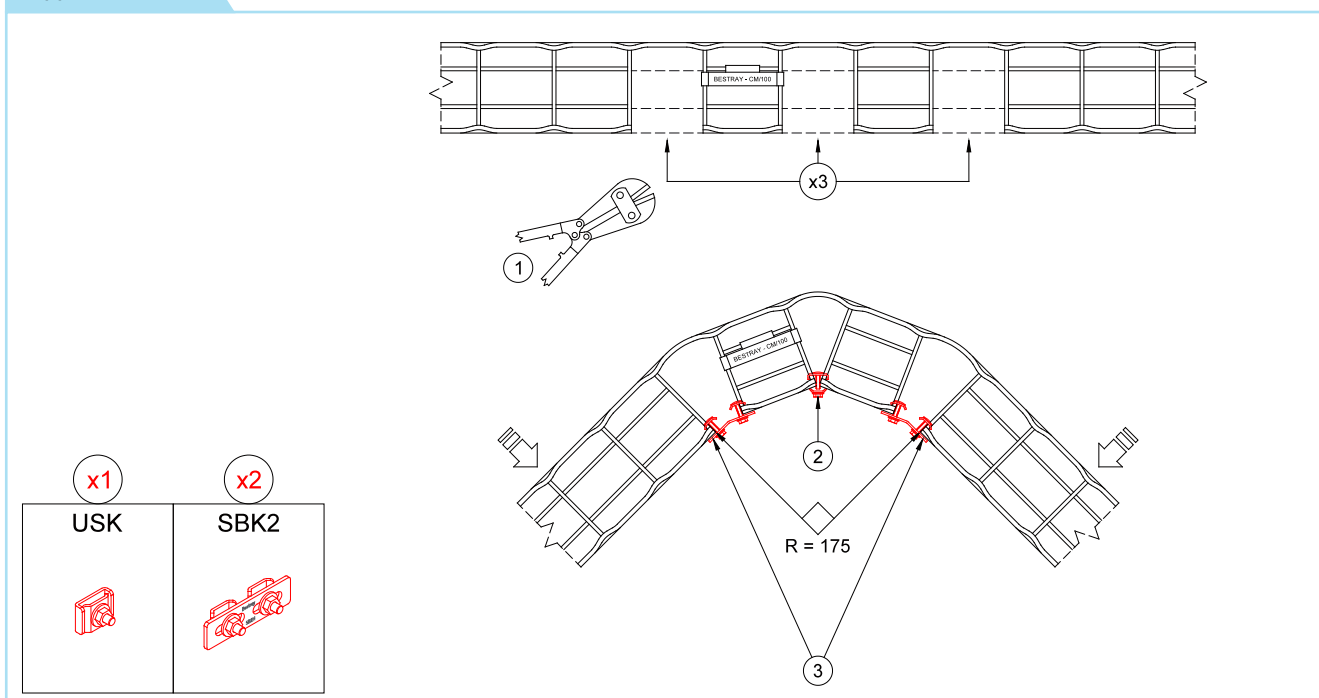
2. Co Ngang 90° (bán kính cong lớn)



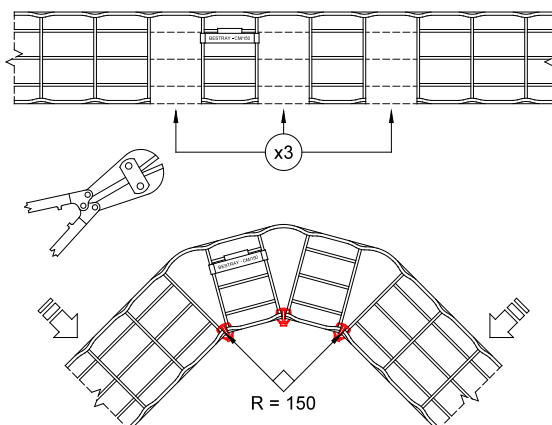
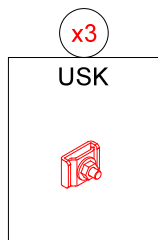
50W



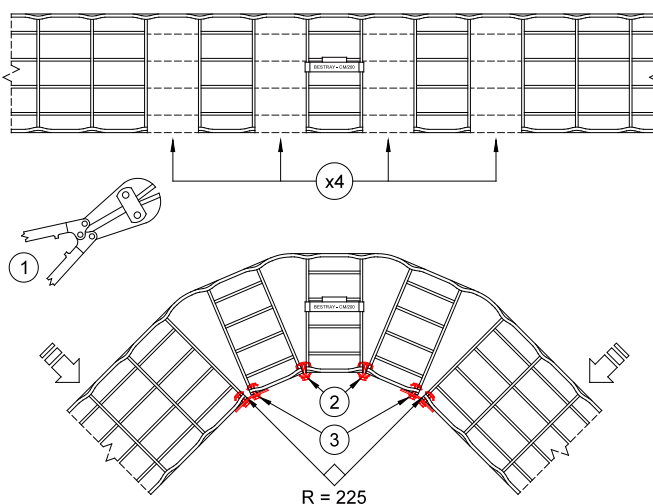
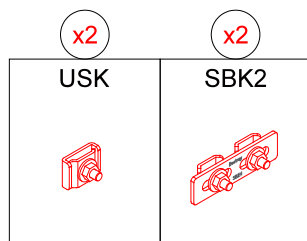
100W



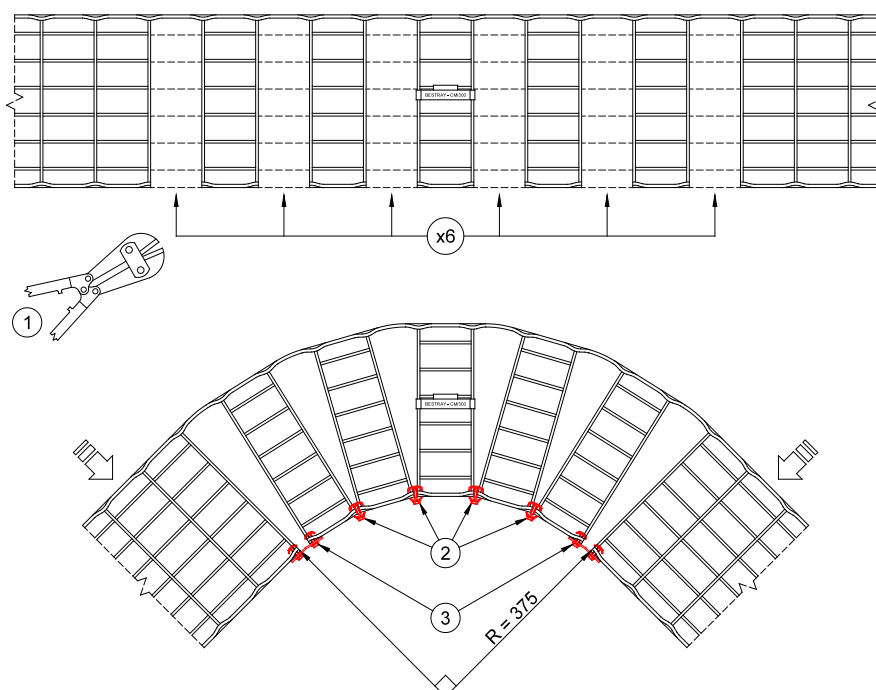
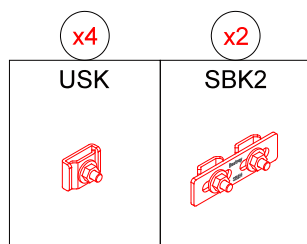
150W



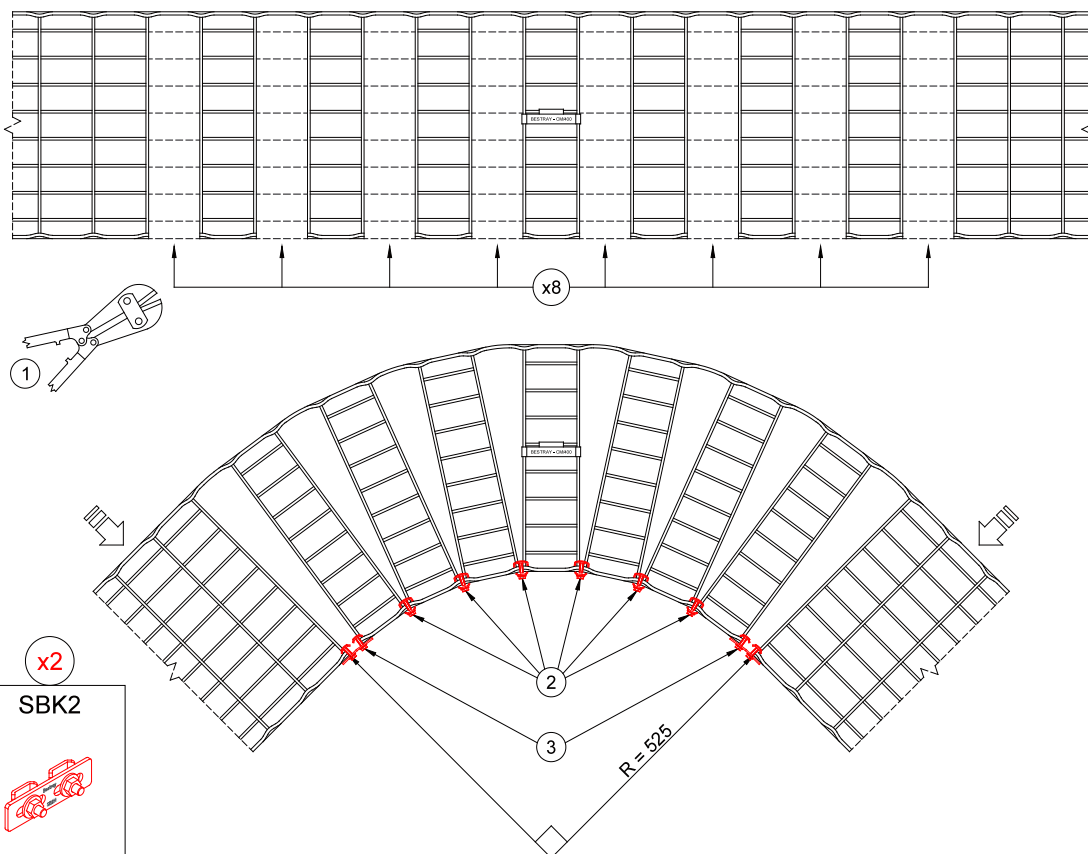
200W



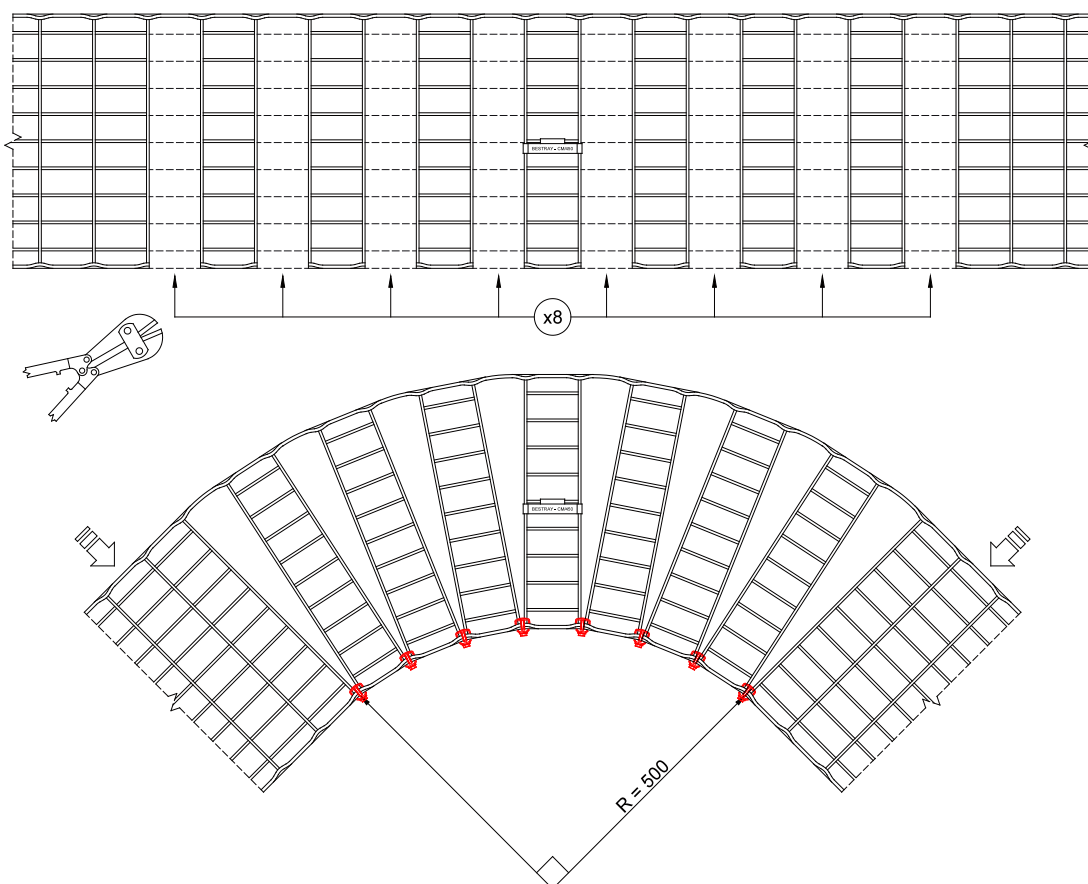
300W



400W



450W



Màng Lưới (CM)

Màng Cáp (CK)

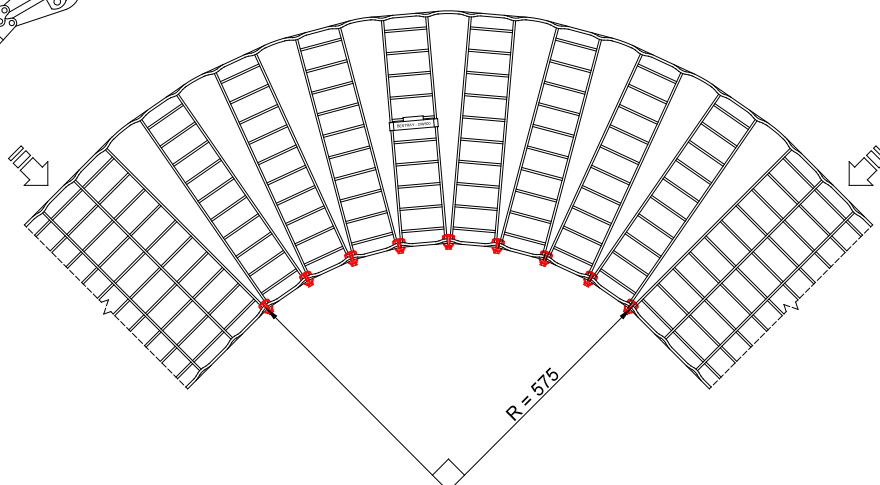
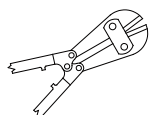
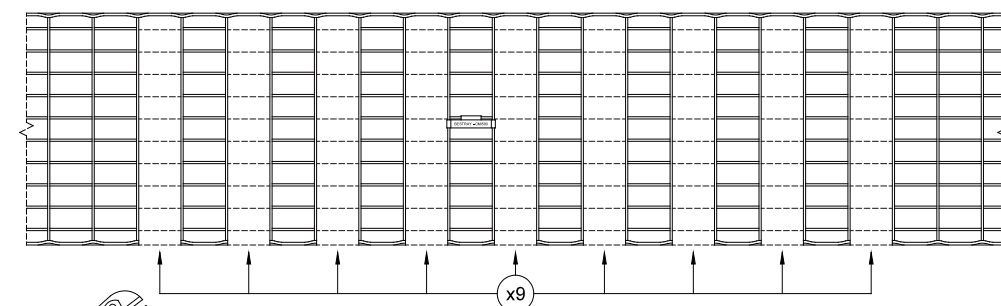
Khay Cáp (CT)

Thang Cáp (CL)

Hệ Thống Giá Dỡ

Thông Tin Kỹ Thuật

500W

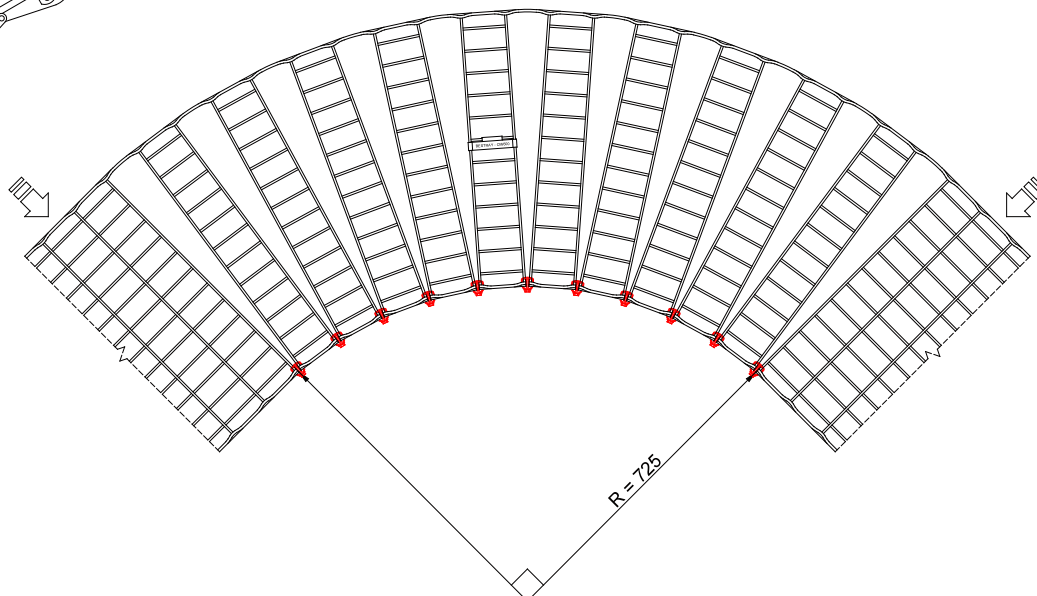
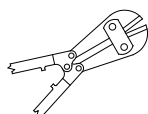
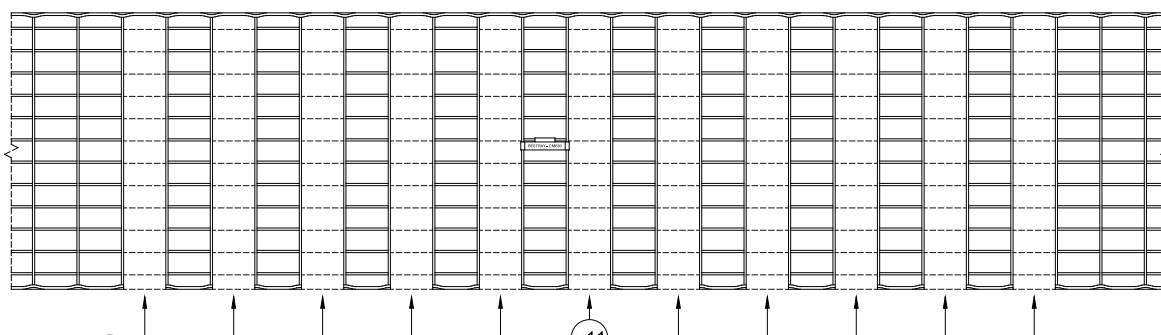


x9

USK



600W

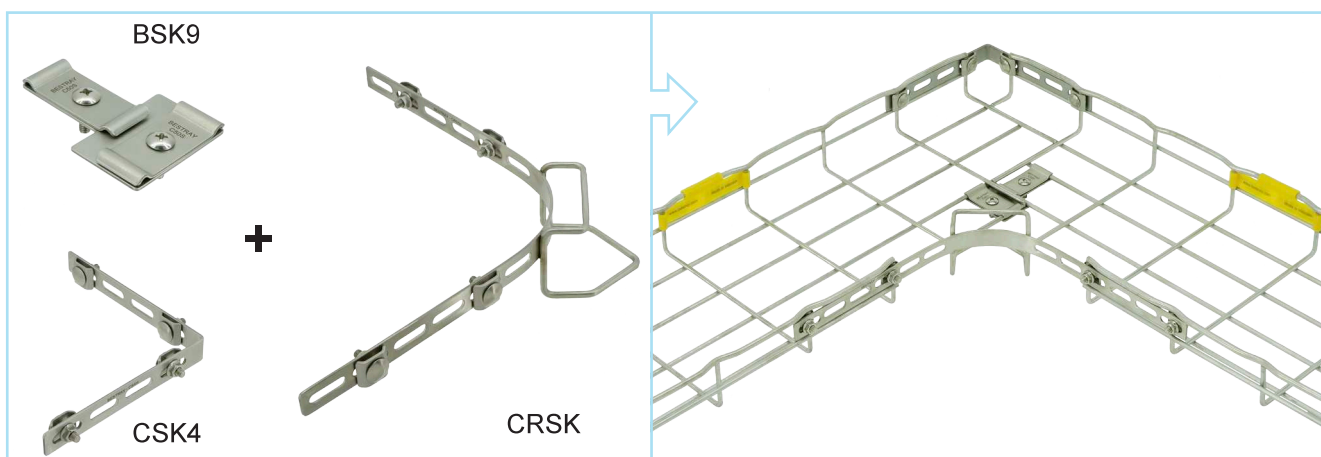


x11

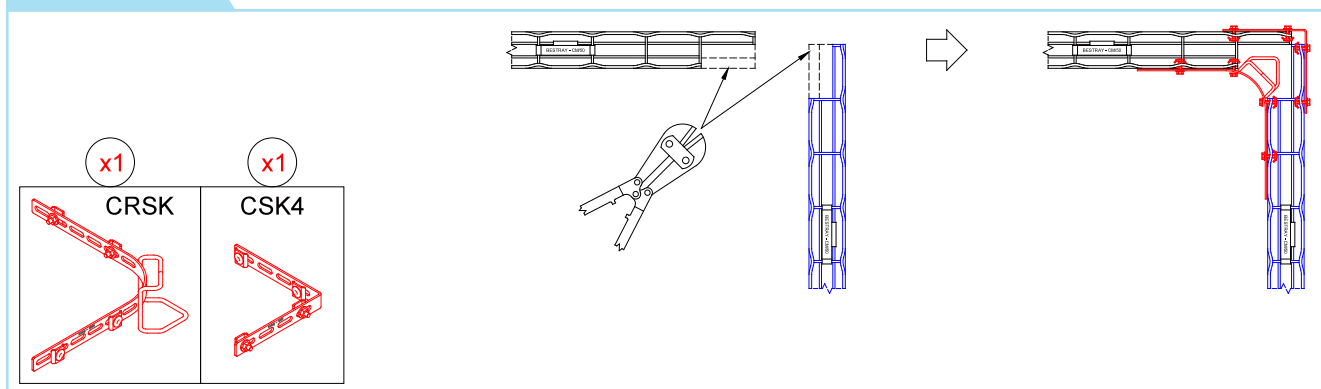
USK



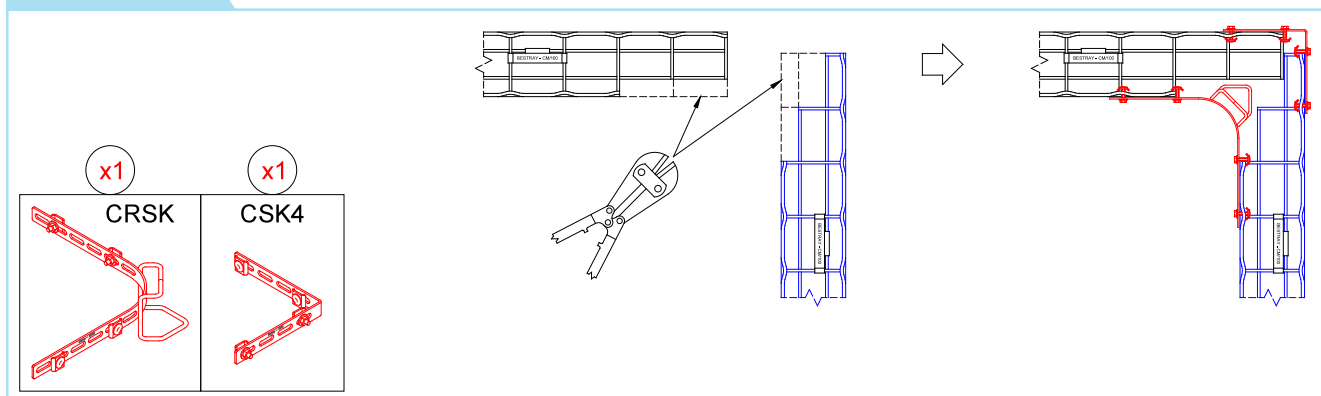
3. Co Ngang 90° (R=75mm)



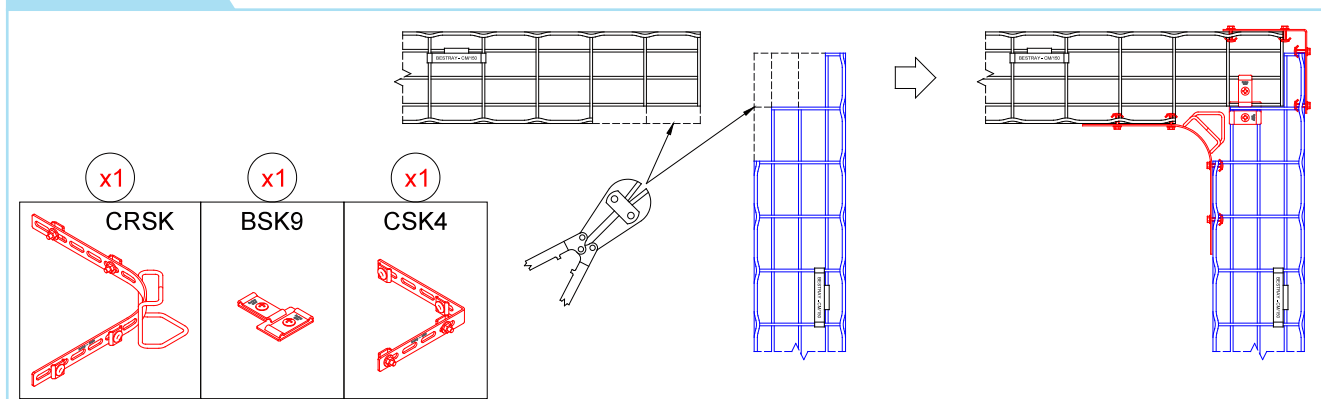
50W



100W



150W



Màng Lưới (CM)

Màng Cáp (CK)

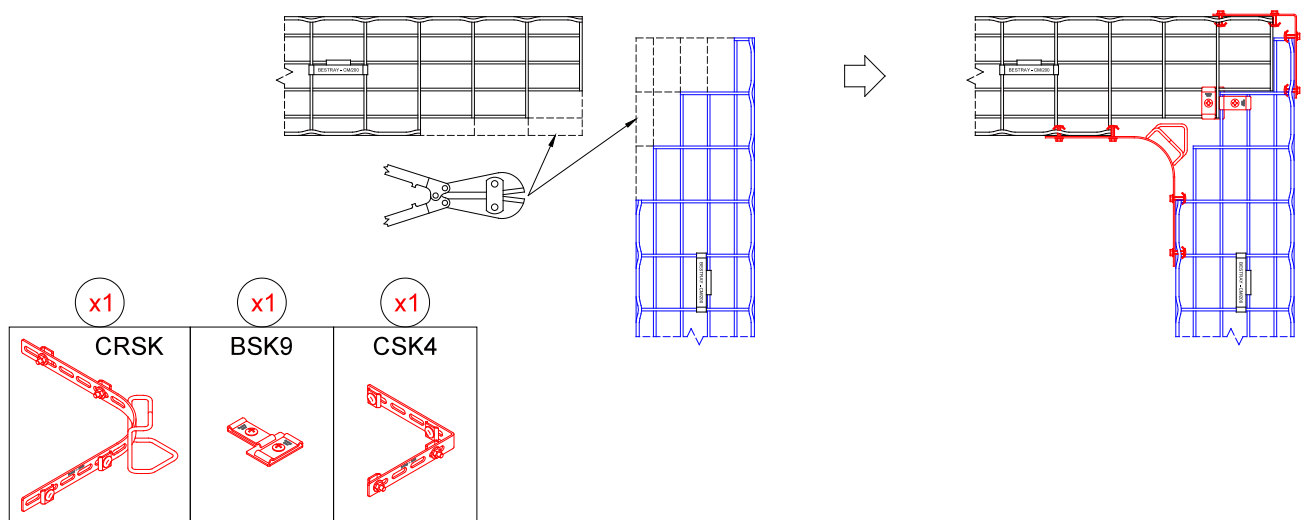
Khay Cáp (CT)

Thang Cáp (CL)

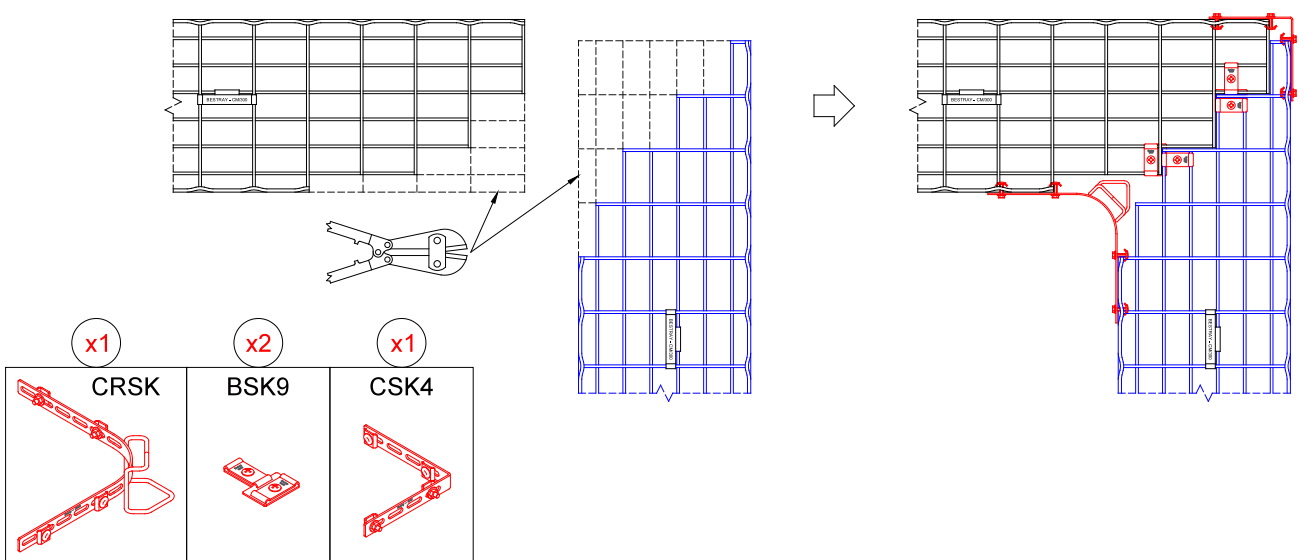
Hệ Thống Giá Dỡ

Thông Tin Kỹ Thuật

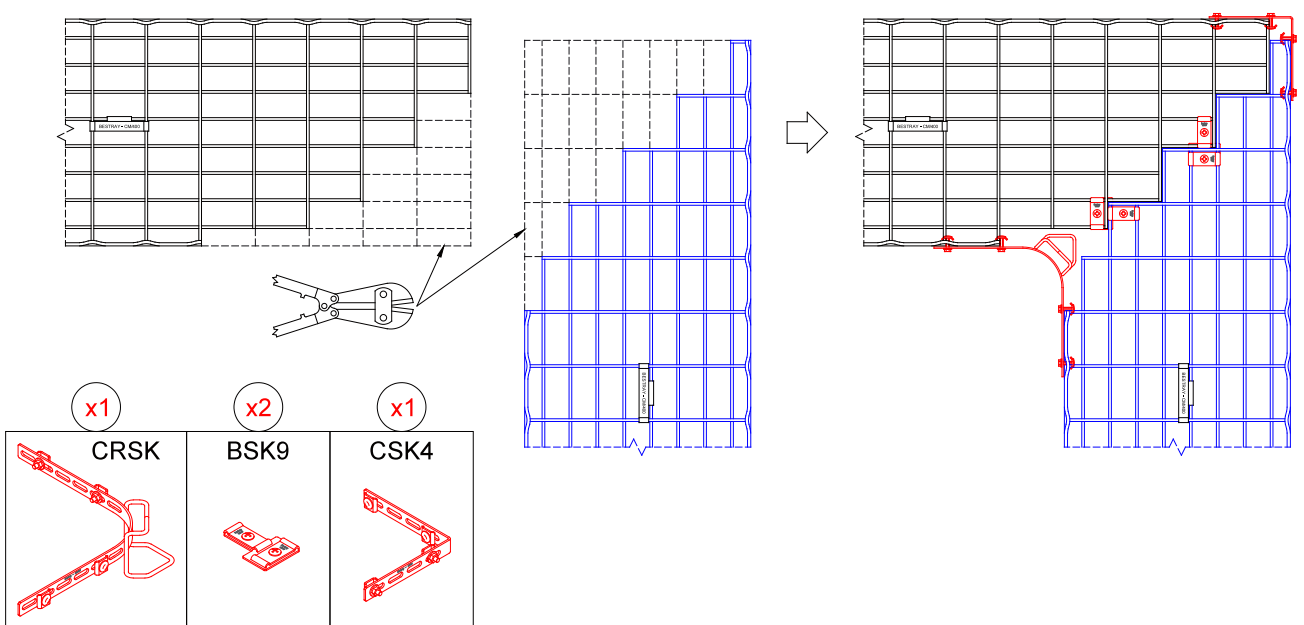
200W



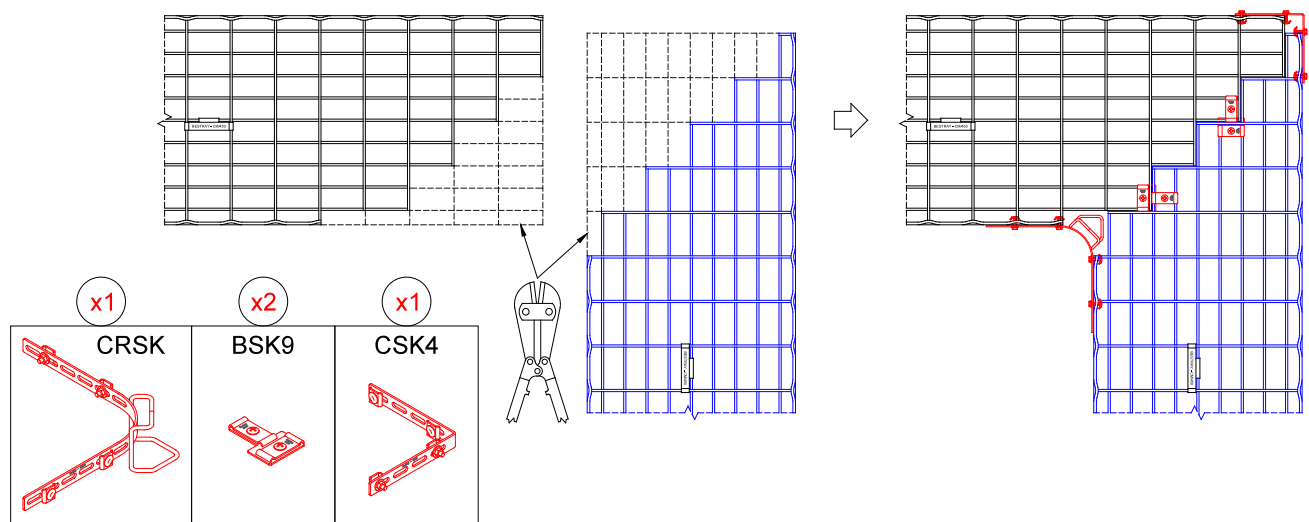
300W



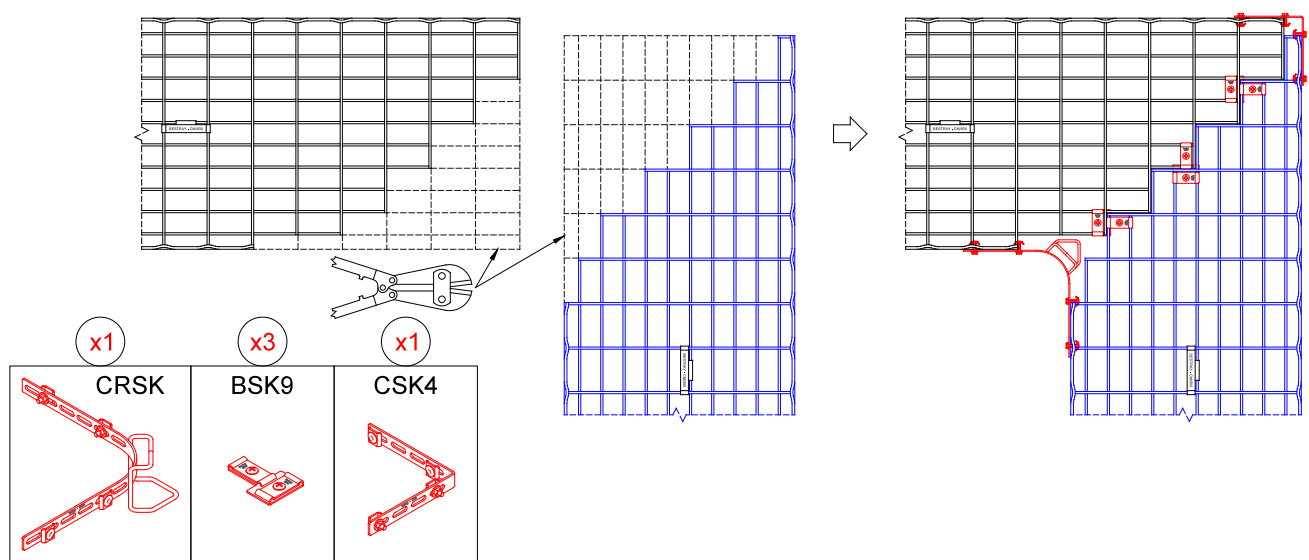
400W



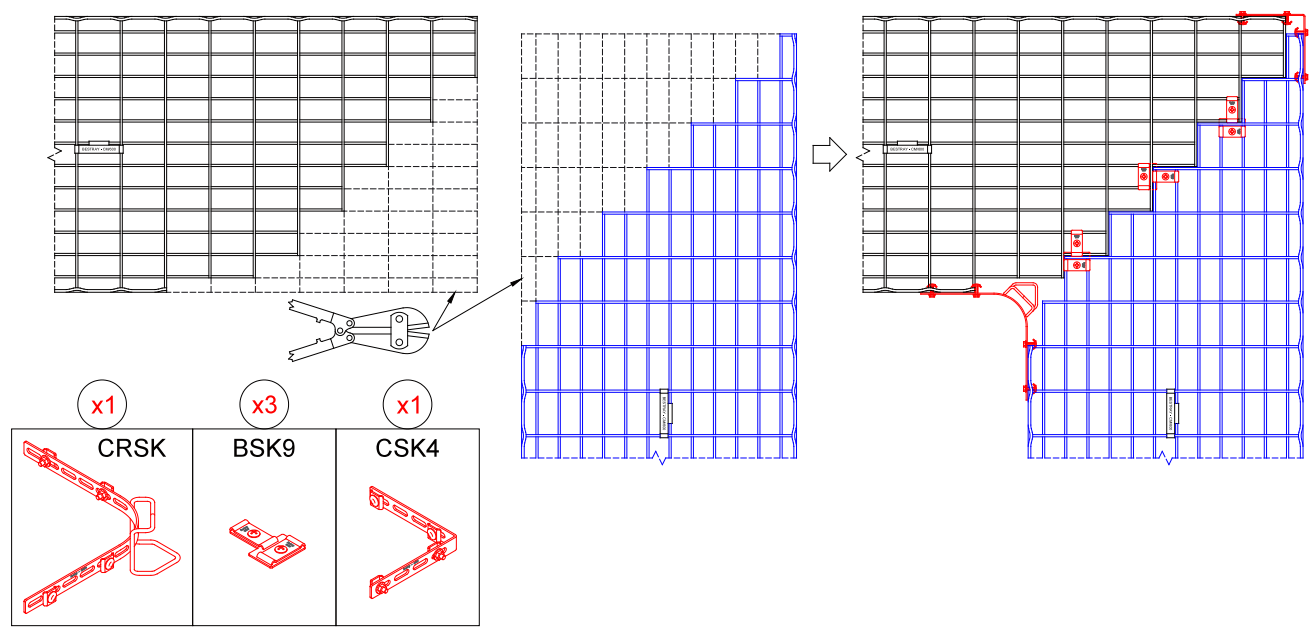
450W



500W



600W



Màng Lưới (CM)

Màng Cáp (CK)

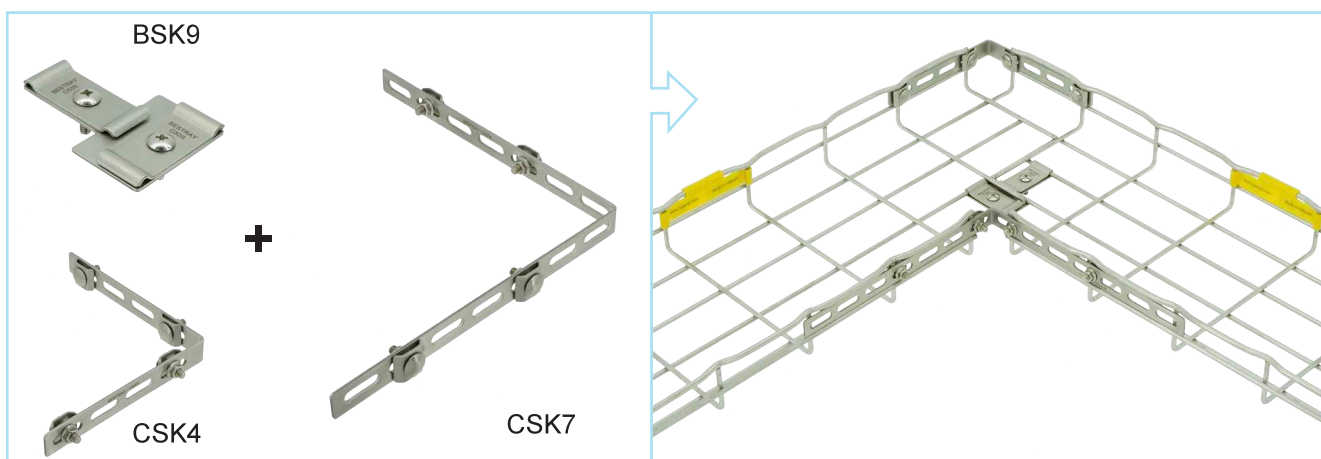
Khay Cáp (CT)

Thang Cáp (CL)

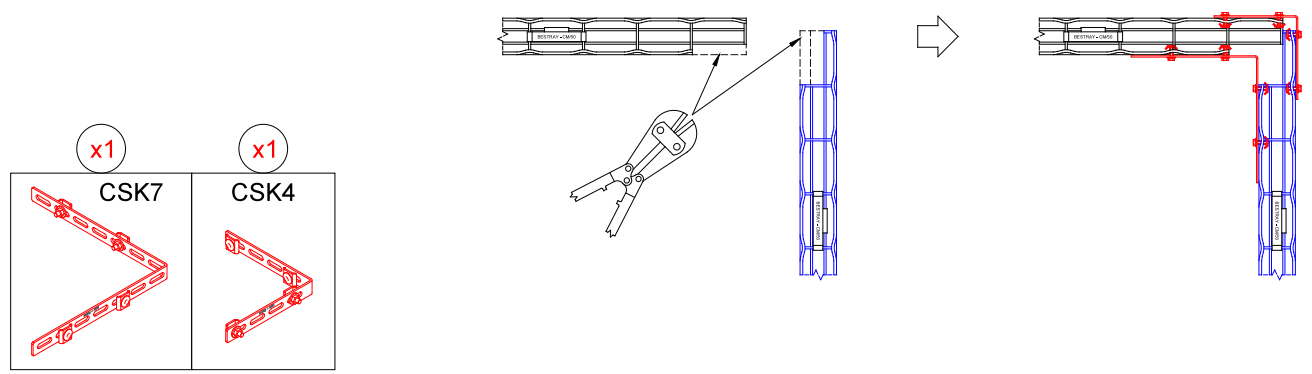
Hệ Thống Giá Dỡ

Thông Tin Kỹ Thuật

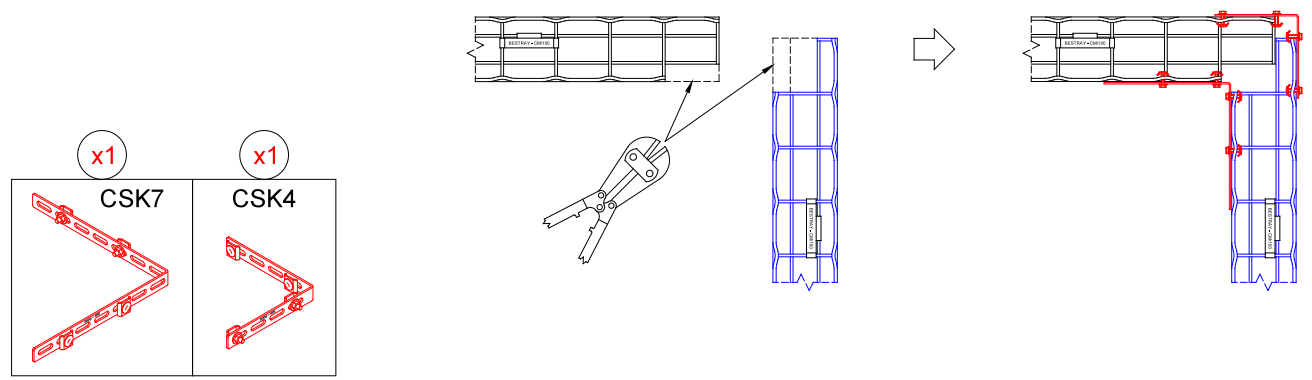
4. Co Ngang 90° (góc vuông)



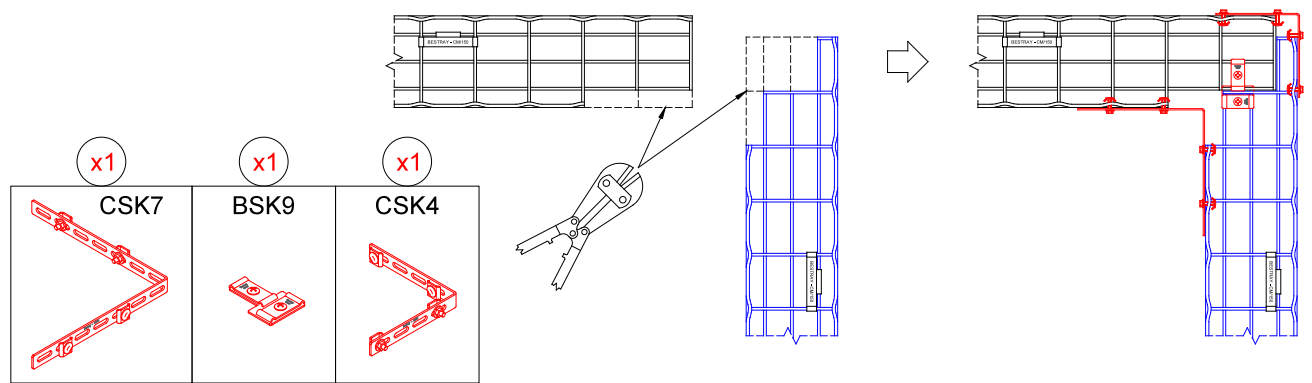
50W



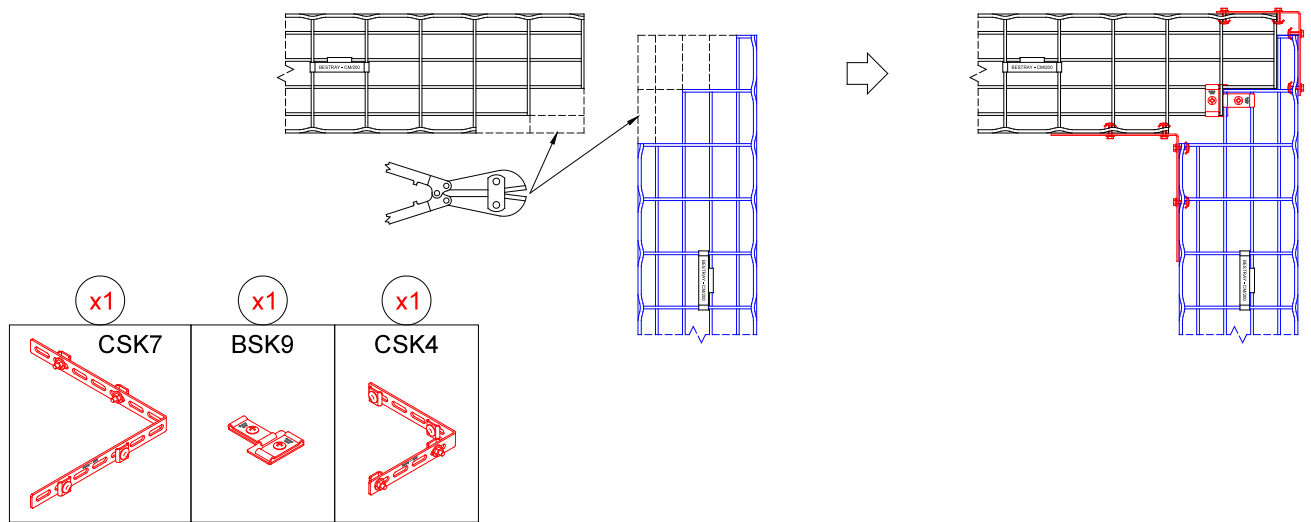
100W



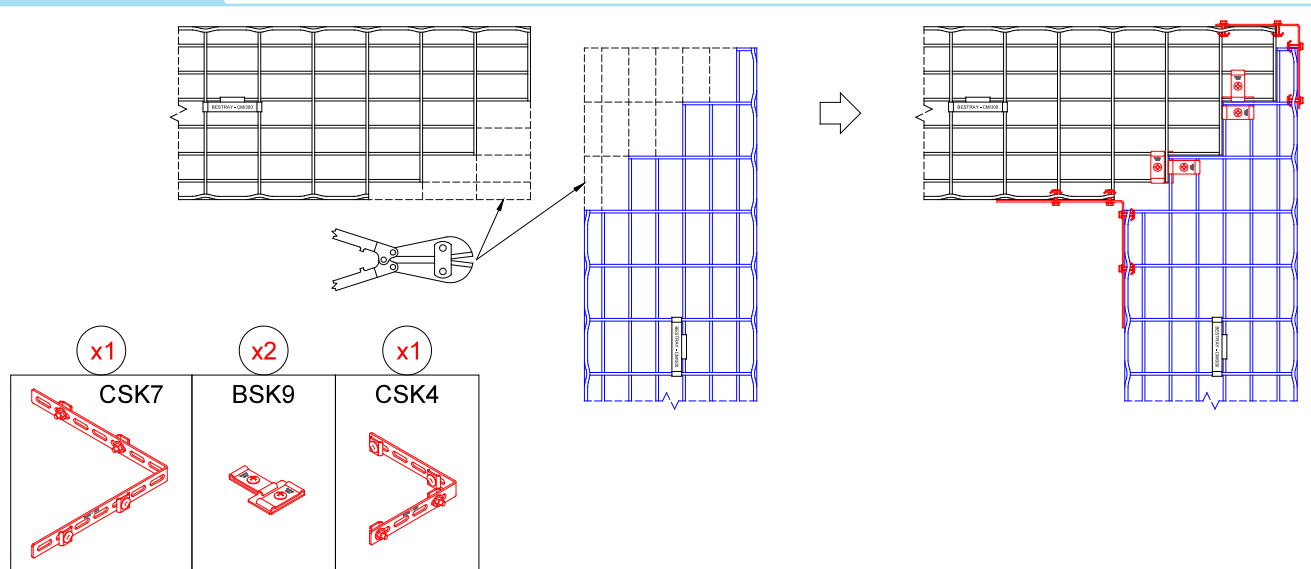
150W



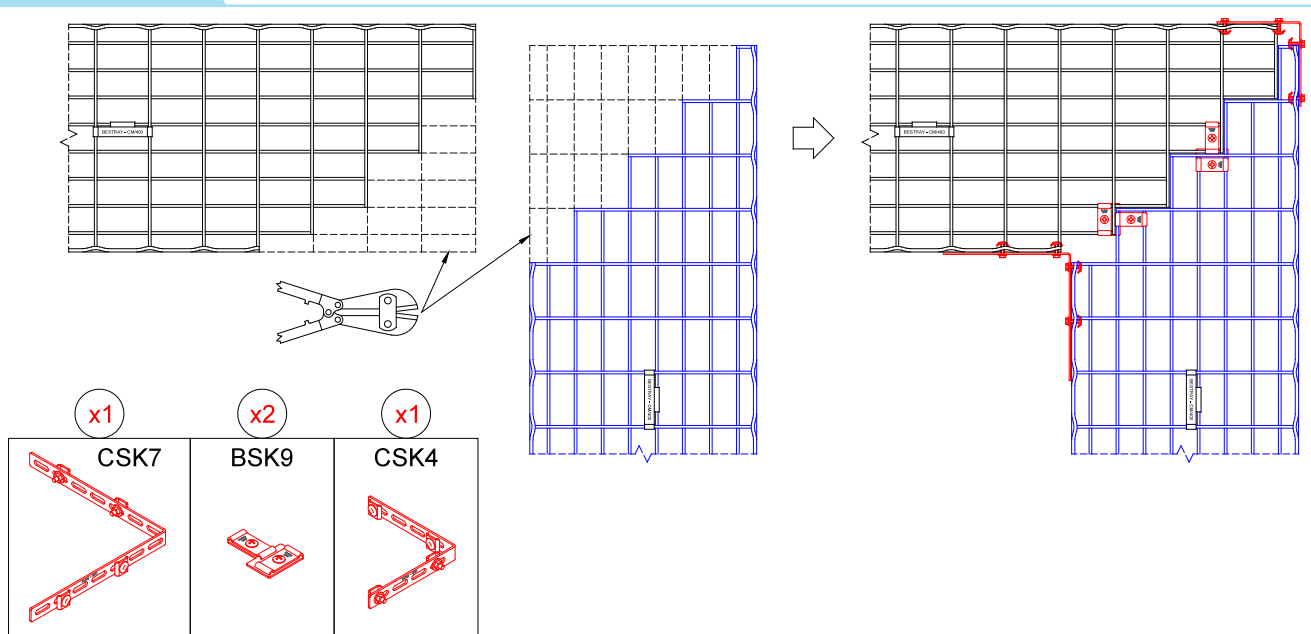
200W



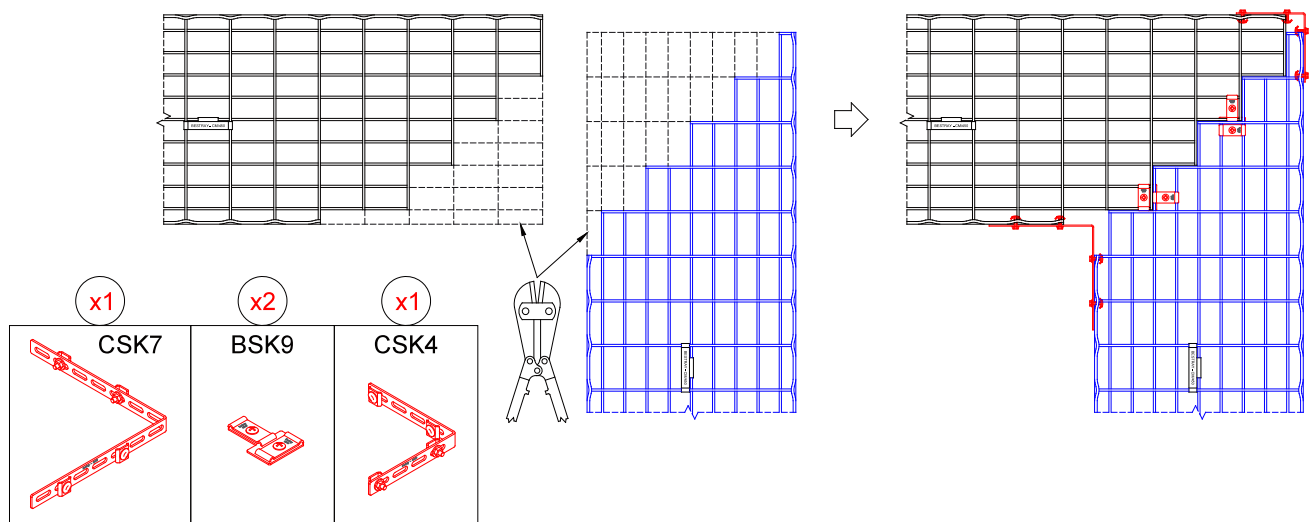
300W



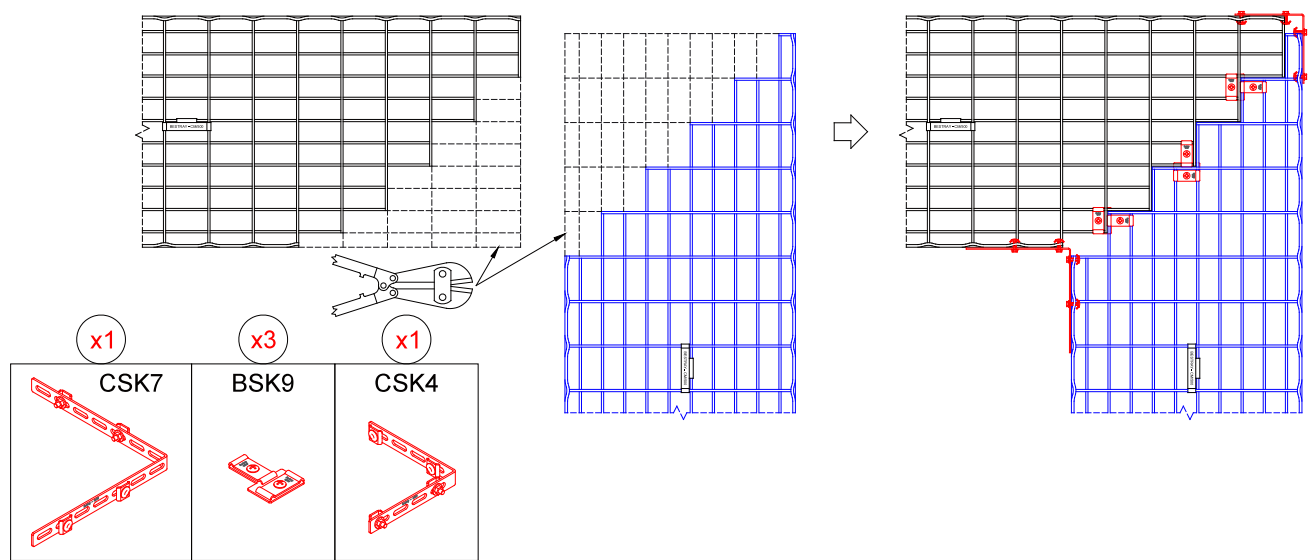
400W



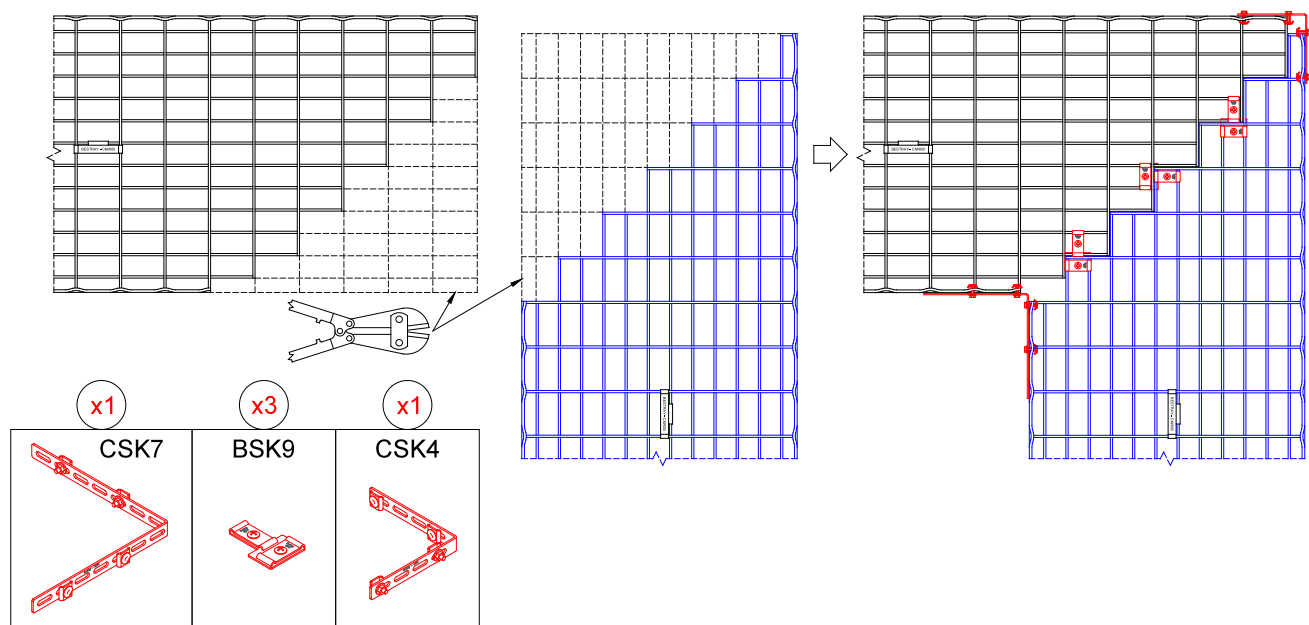
450W



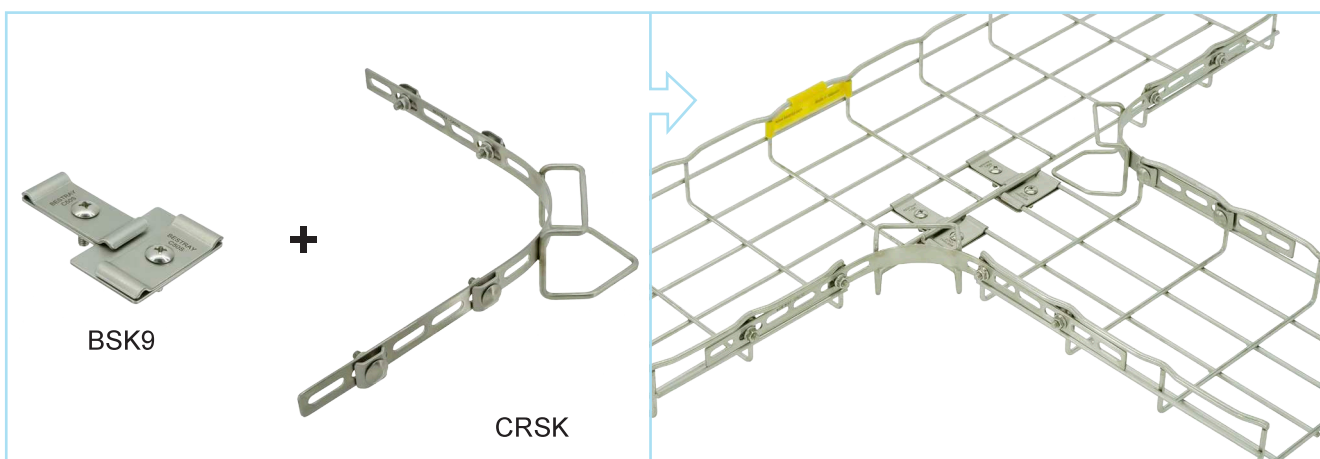
500W



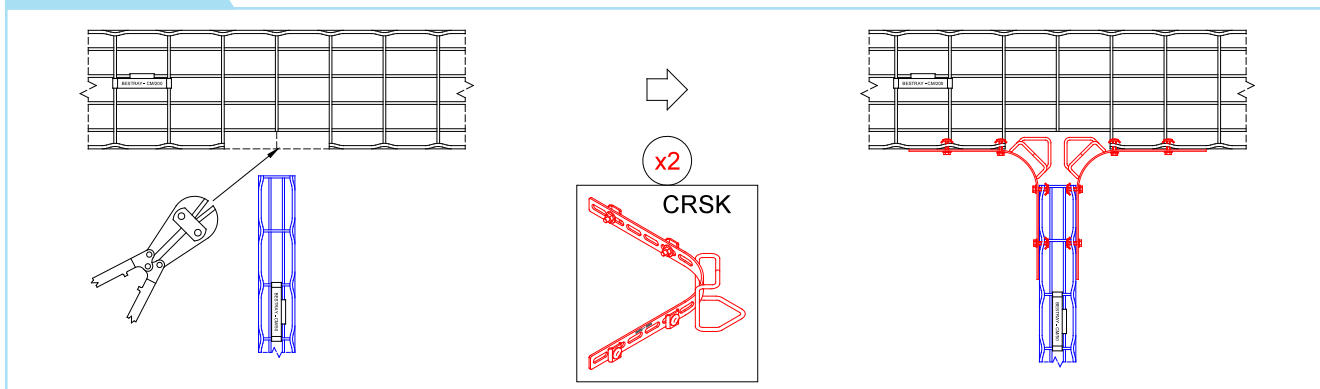
600W



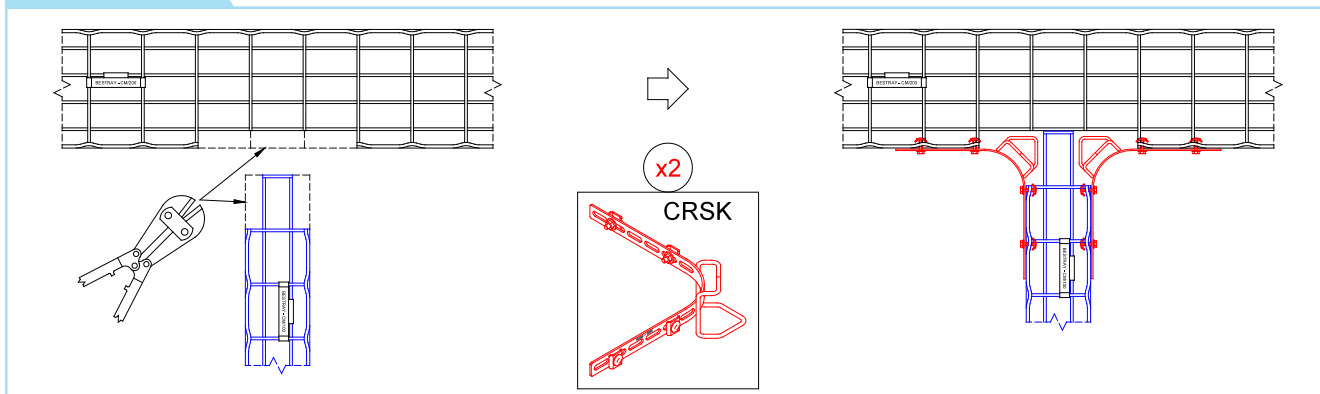
5. Ngã Ba (R=75mm)



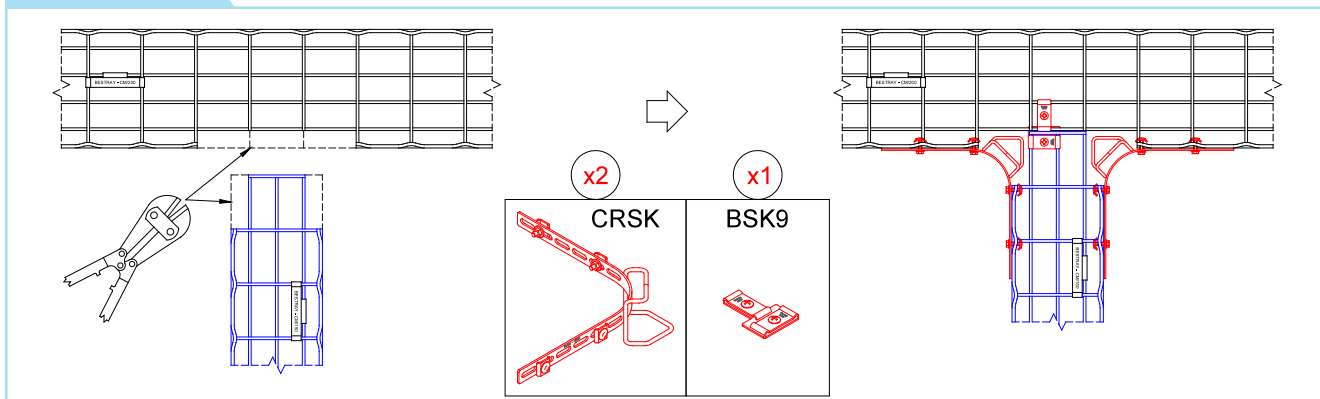
50W



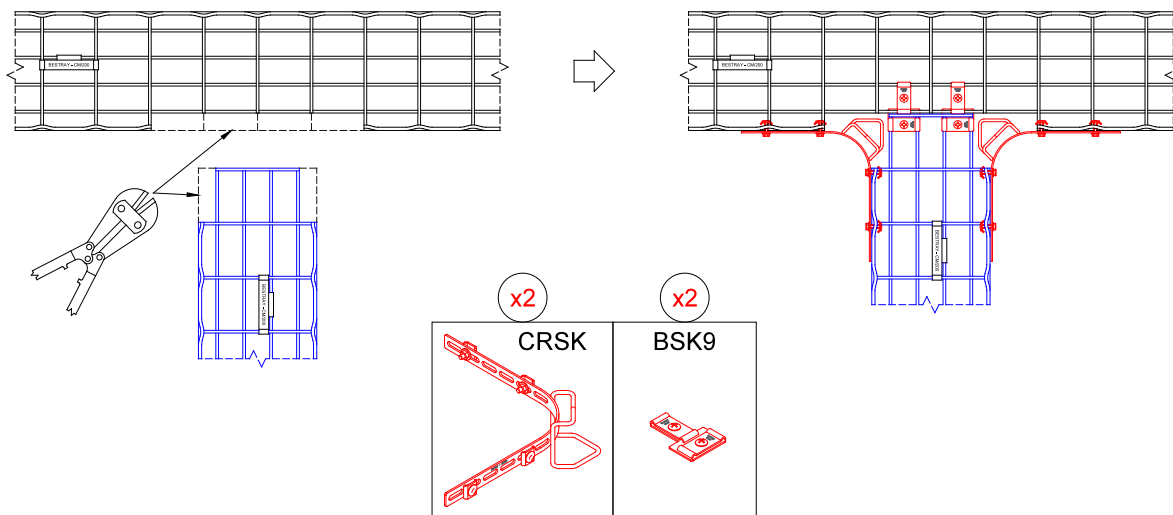
100W



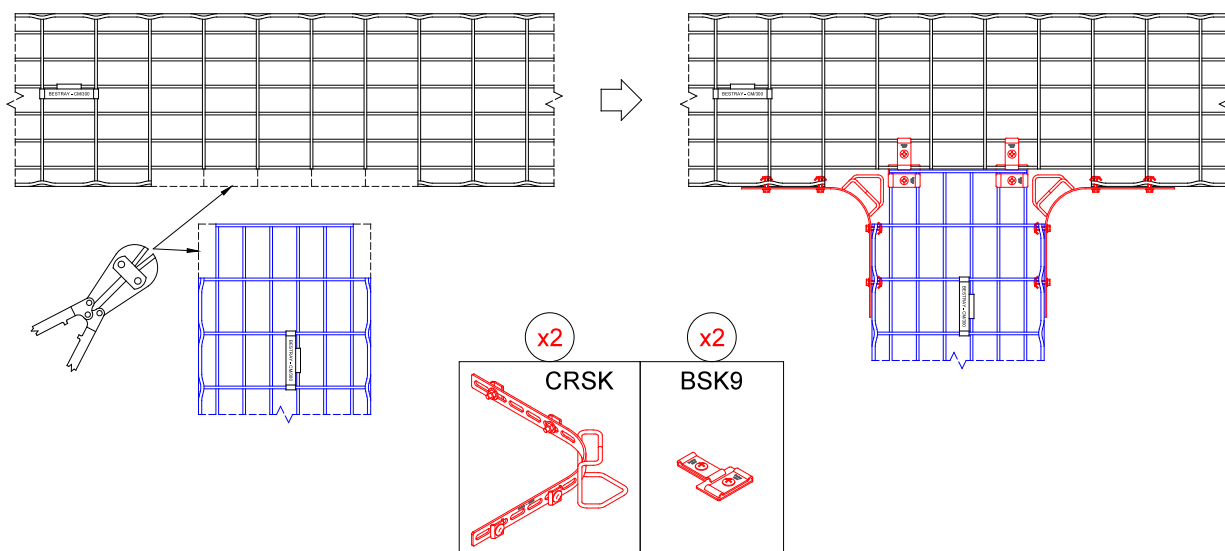
150W



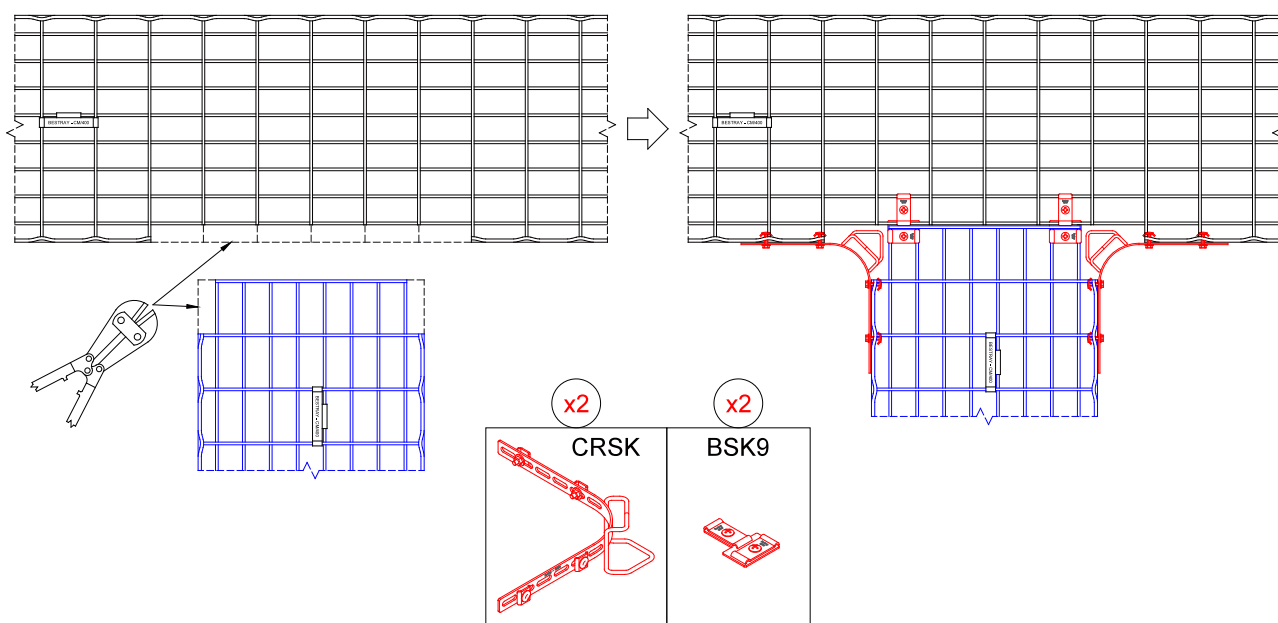
200W



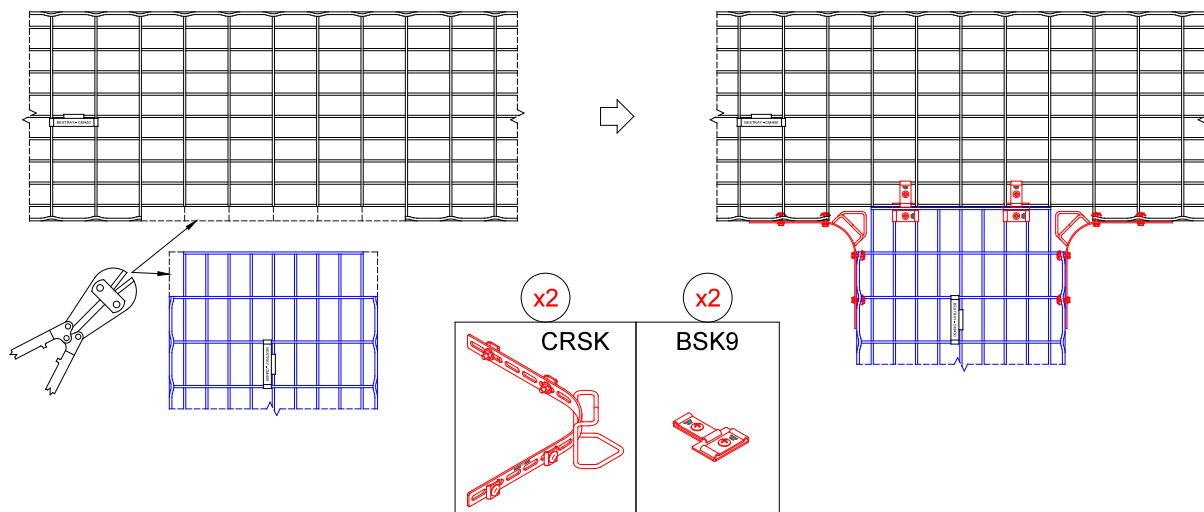
300W



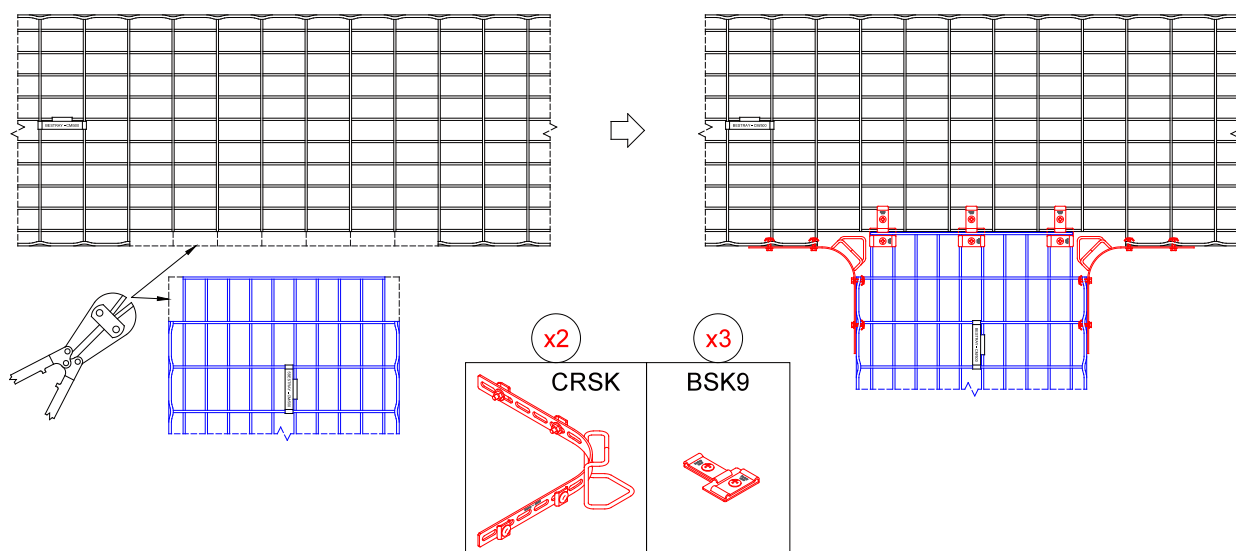
400W



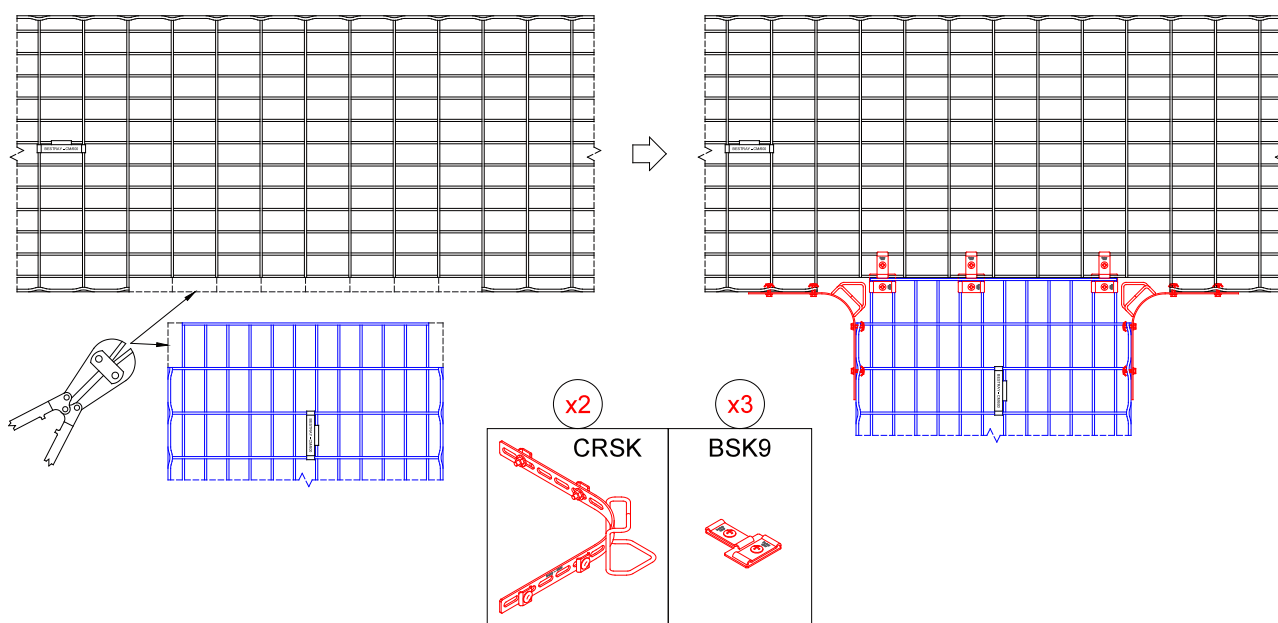
450W



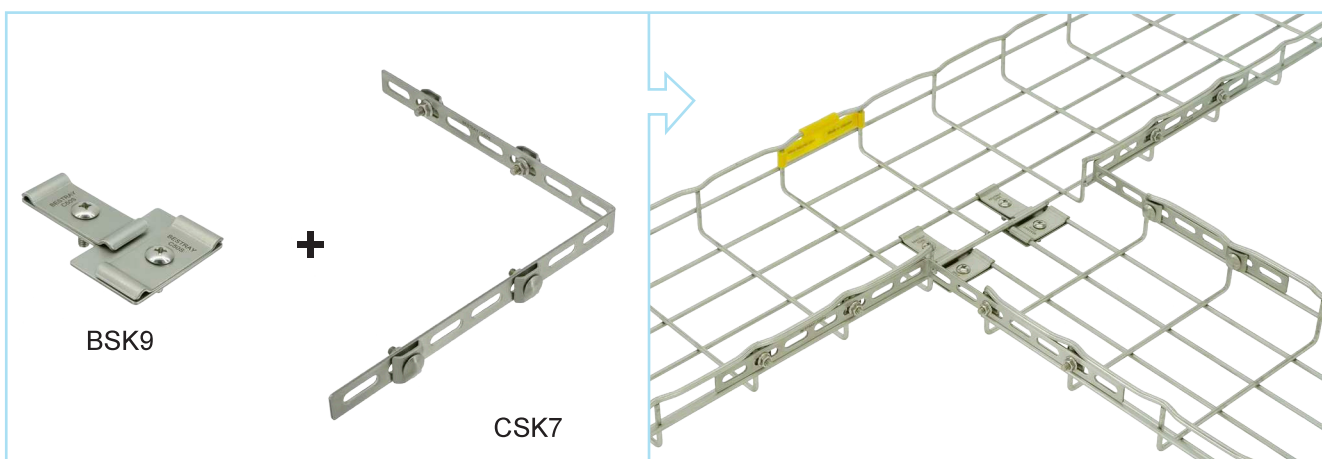
500W



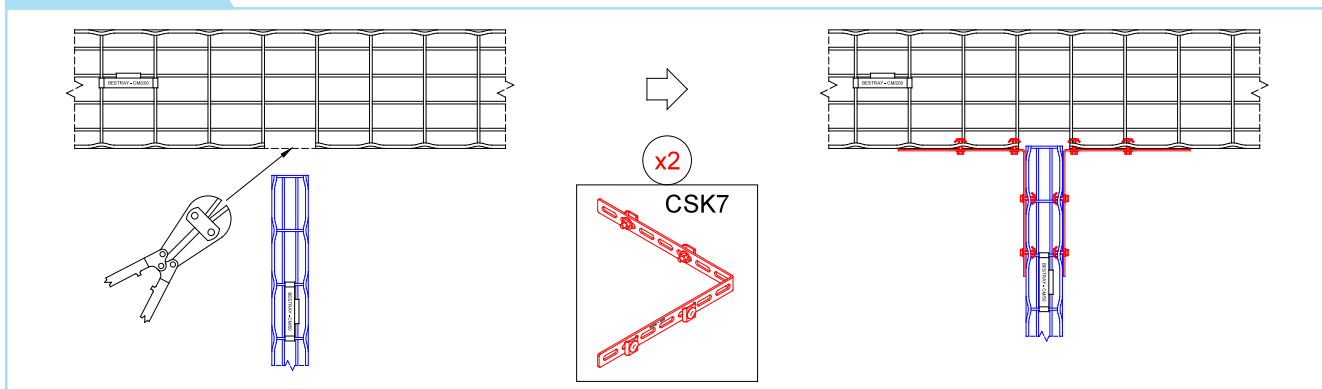
600W



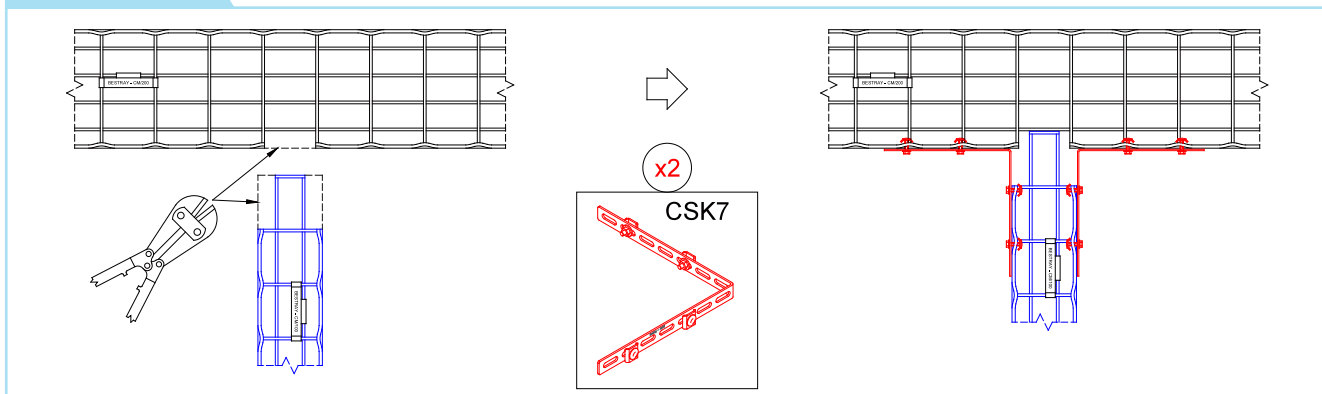
6. Ngã Ba (góc vuông)



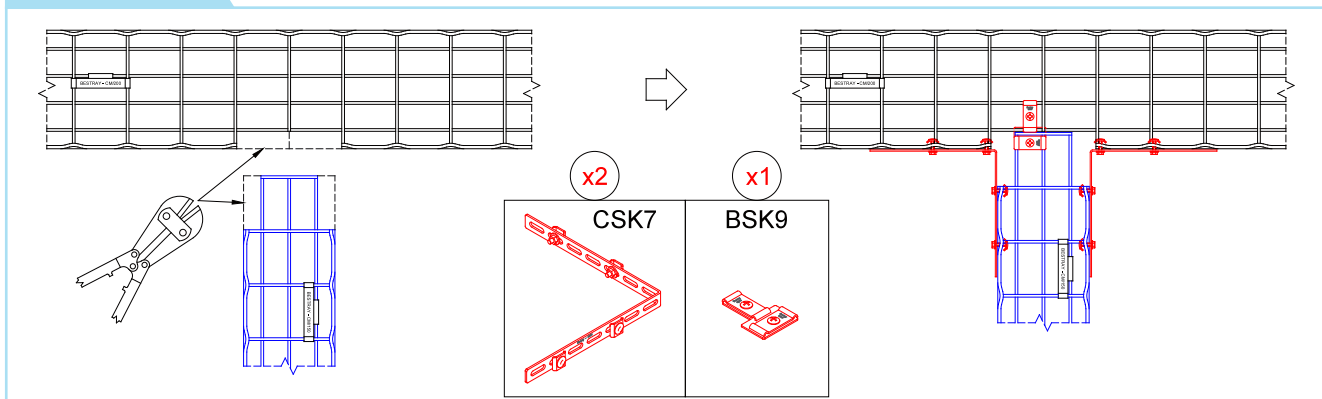
50W



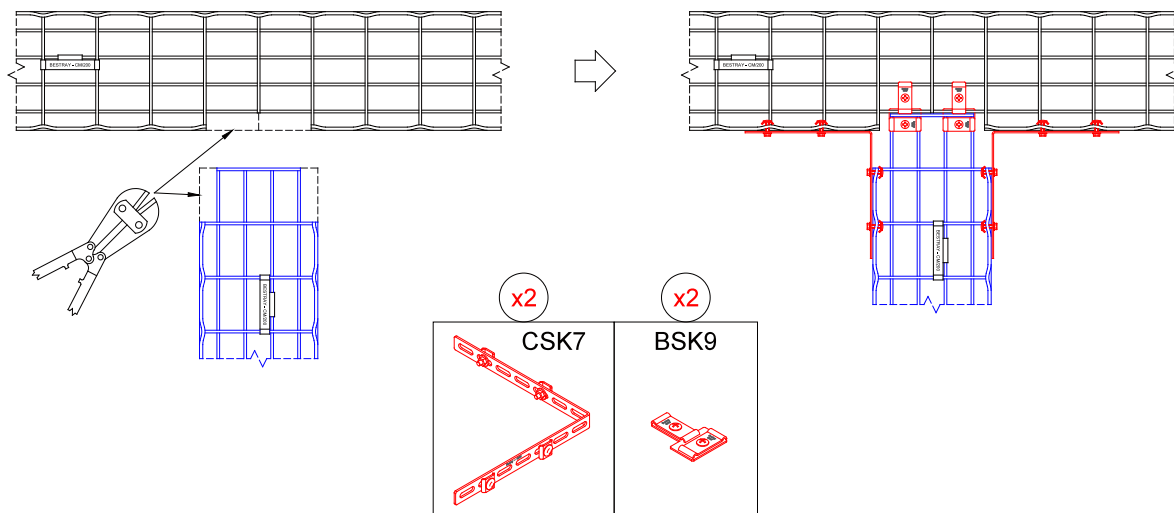
100W



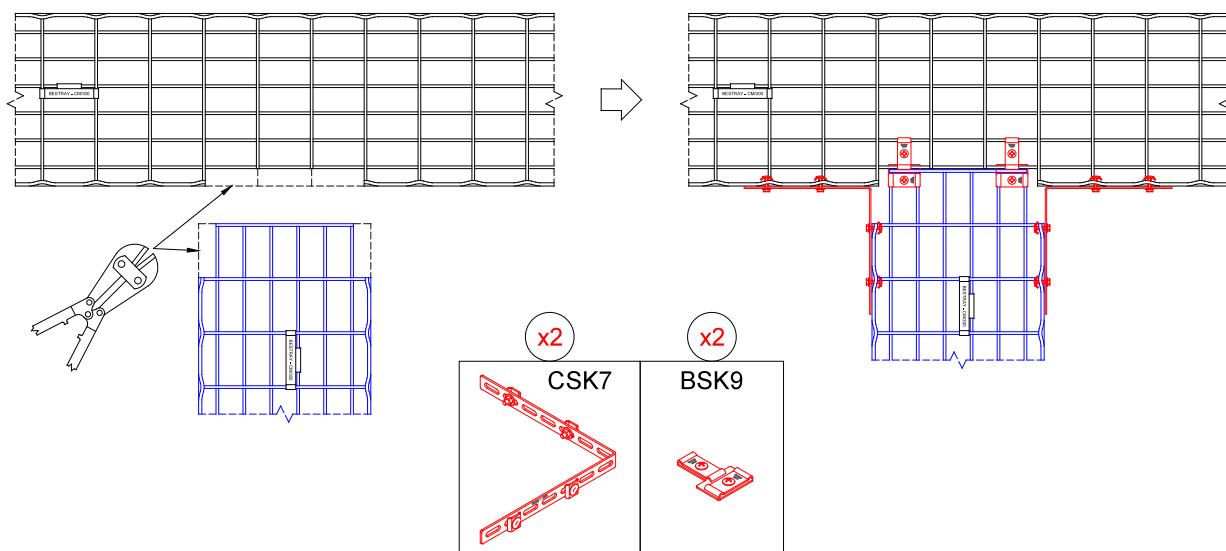
150W



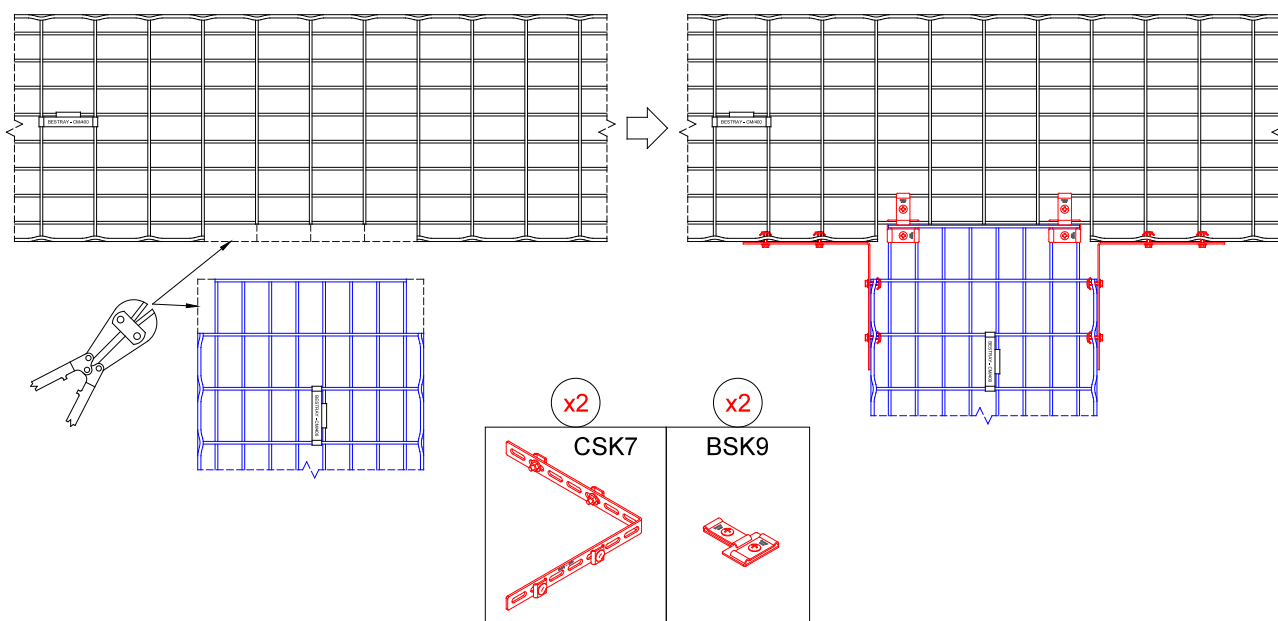
200W



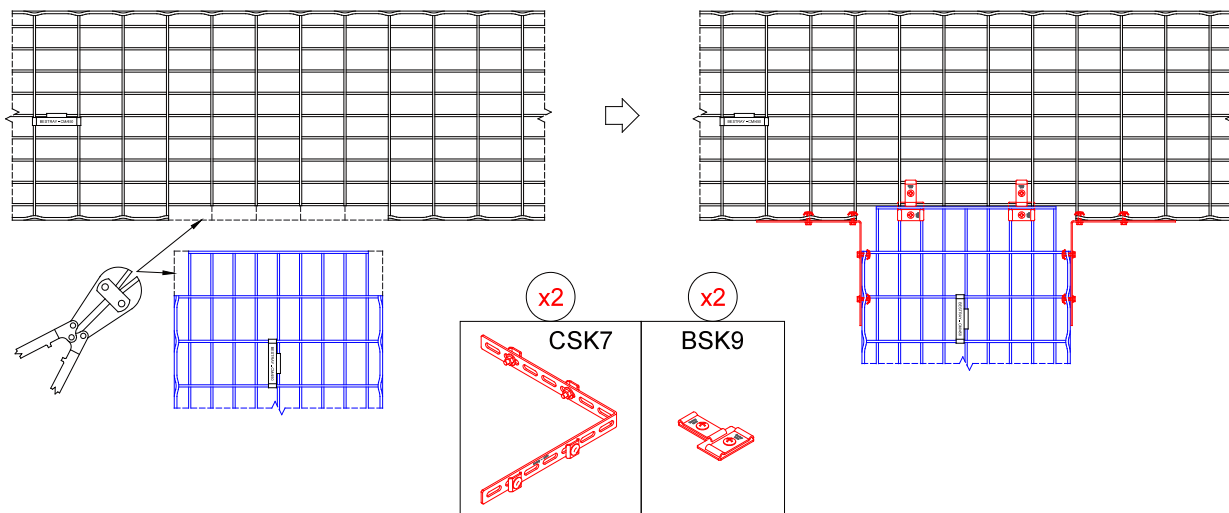
300W



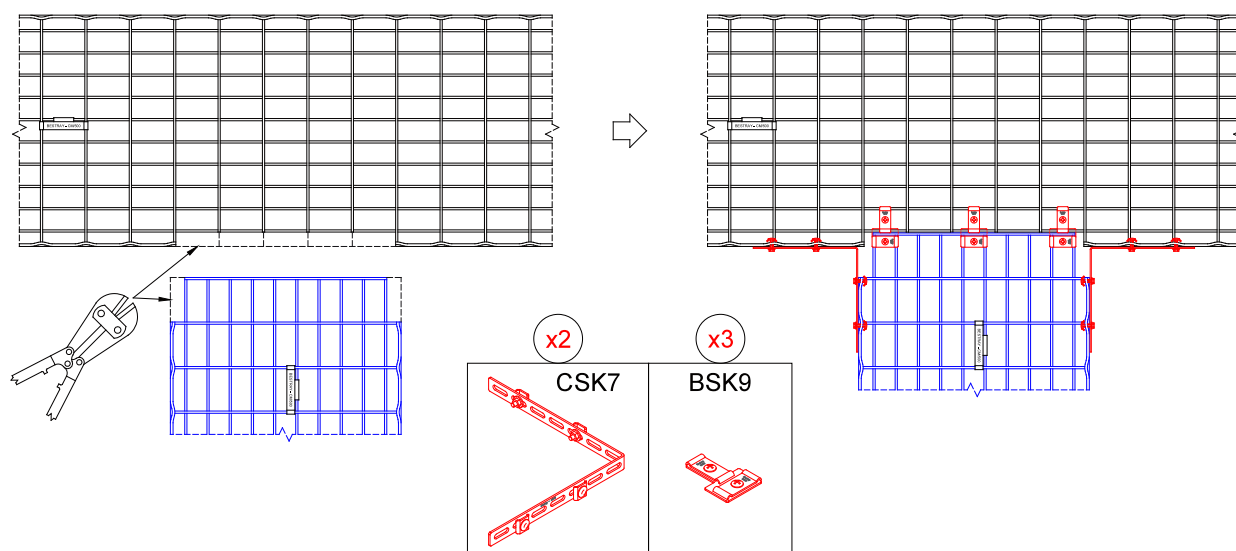
400W



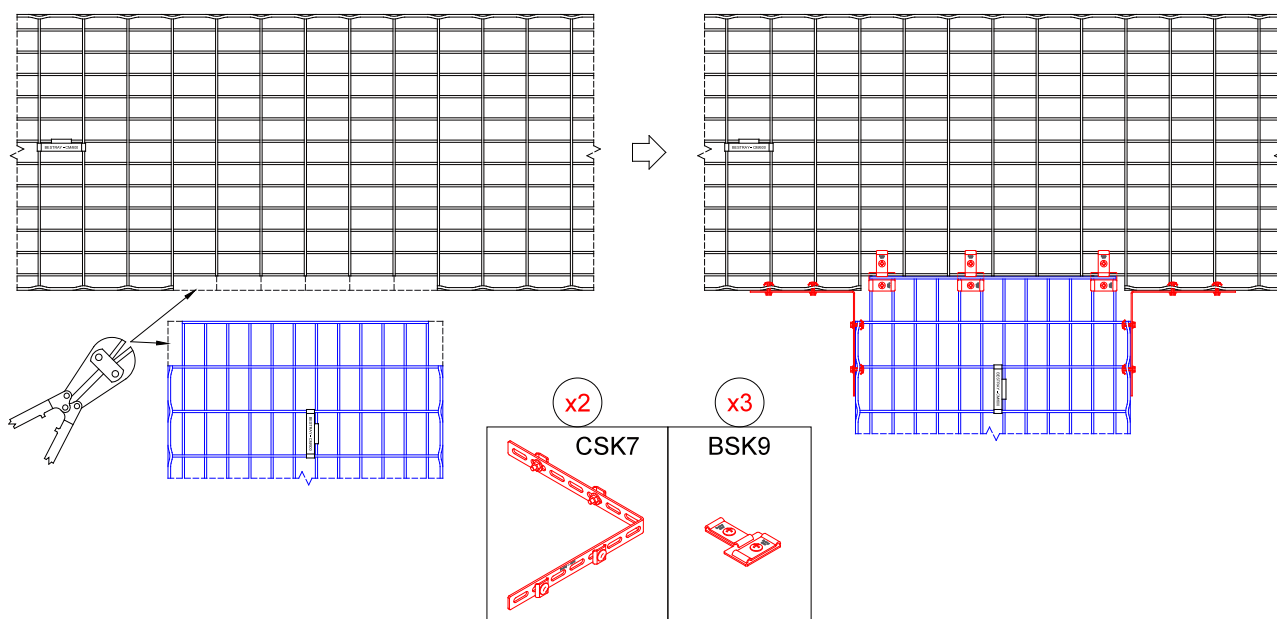
450W



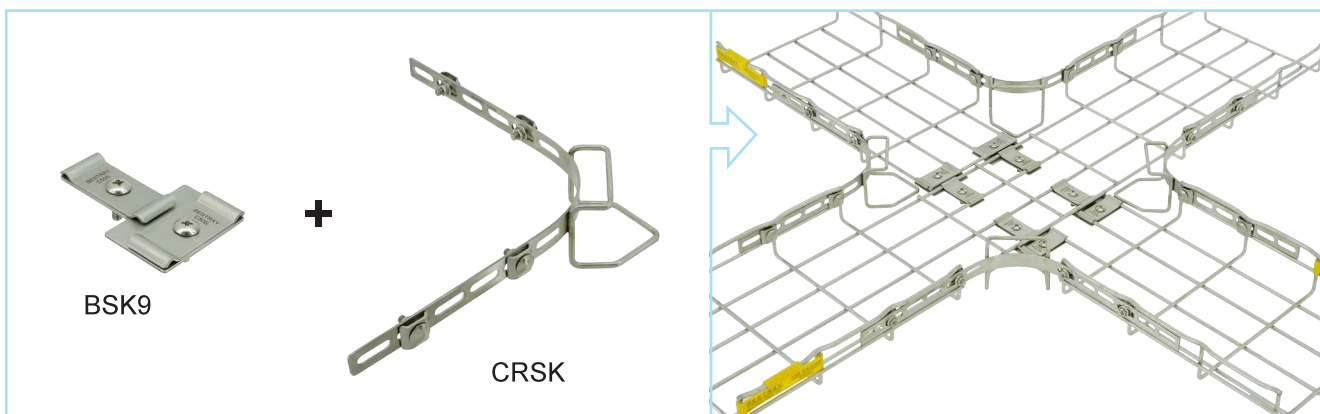
500W



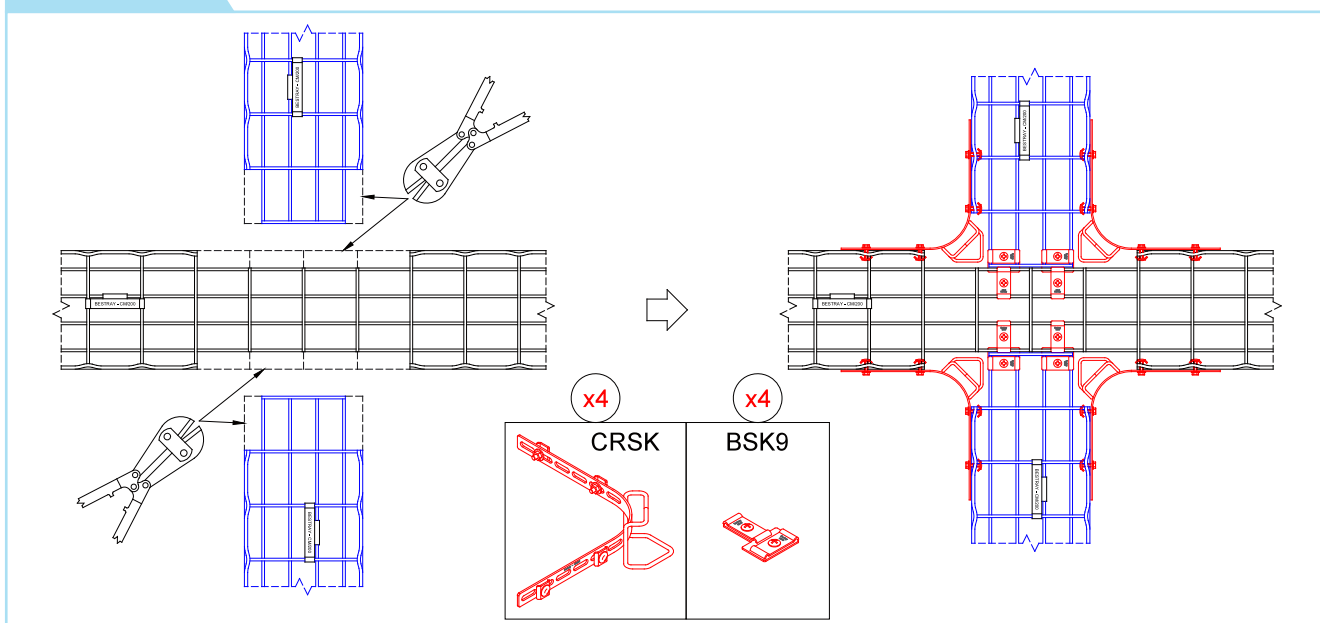
600W



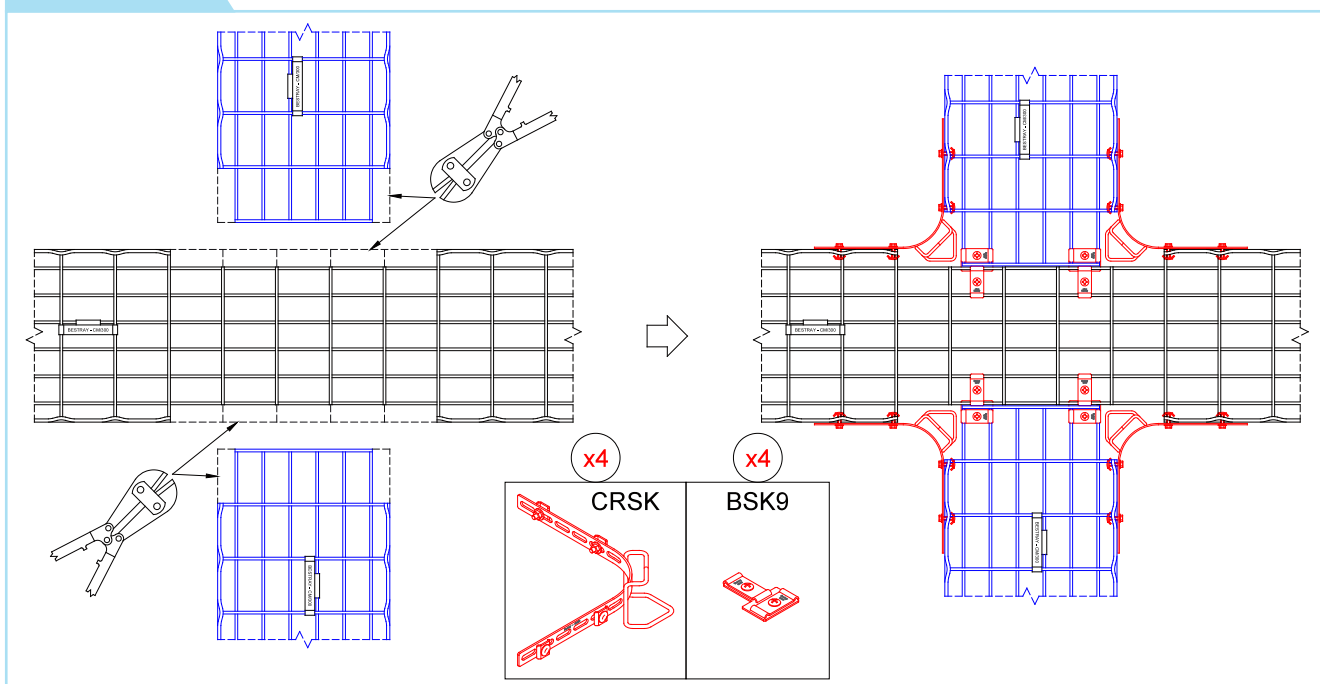
7. Ngã Tư (R=75mm)



200W



300W



Màng Lưới (CM)

Màng Cáp (CK)

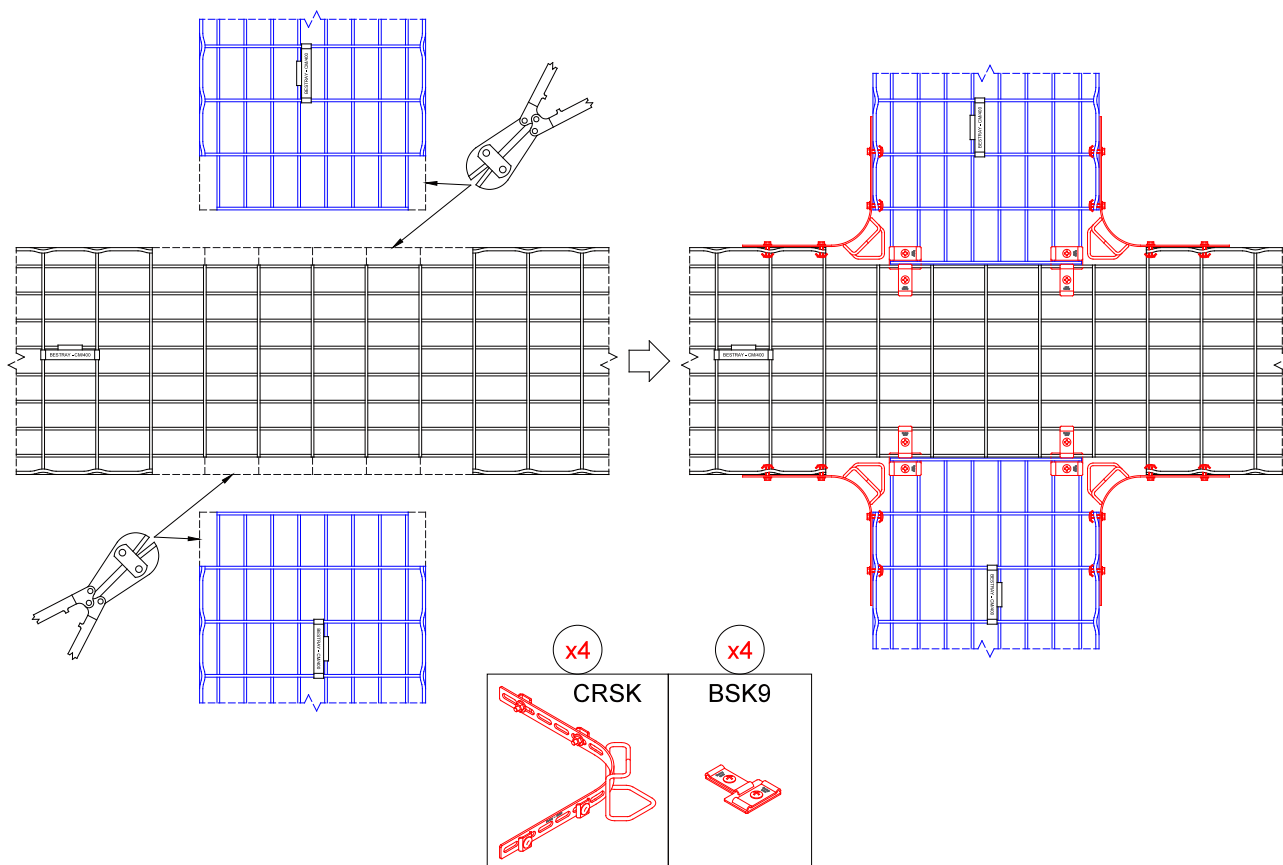
Khay Cáp (CT)

Thang Cáp (CL)

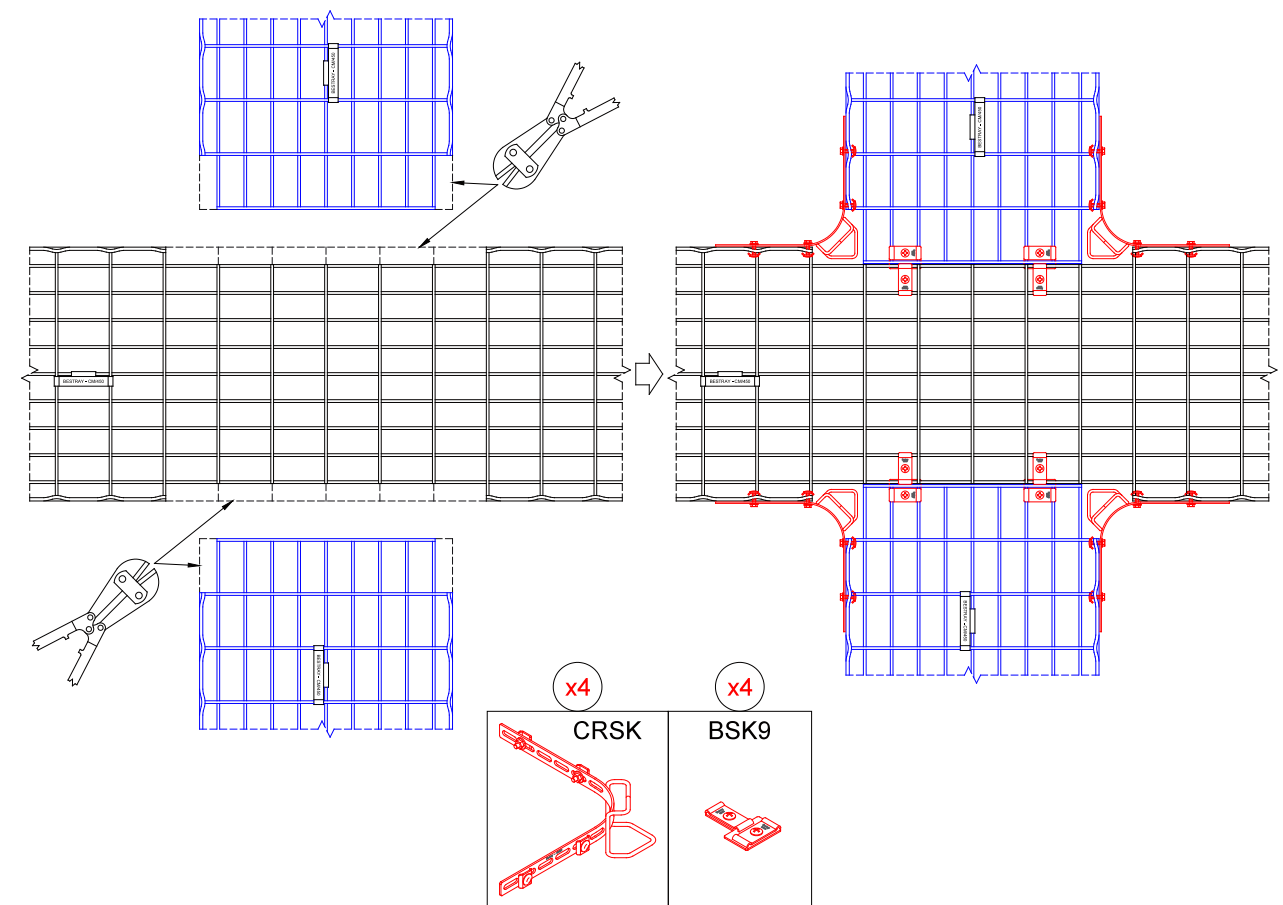
Hệ Thống Giá Đỡ

Thông Tin Kỹ Thuật

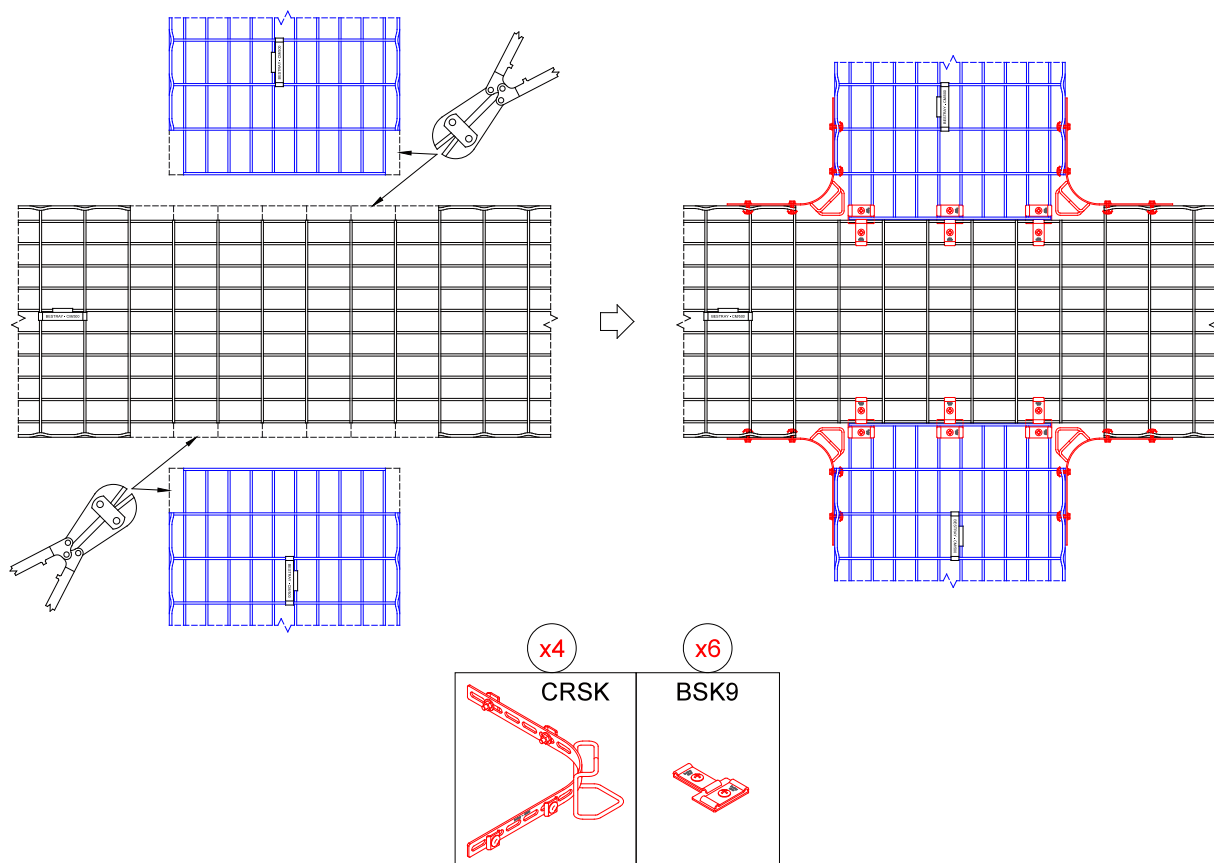
400W



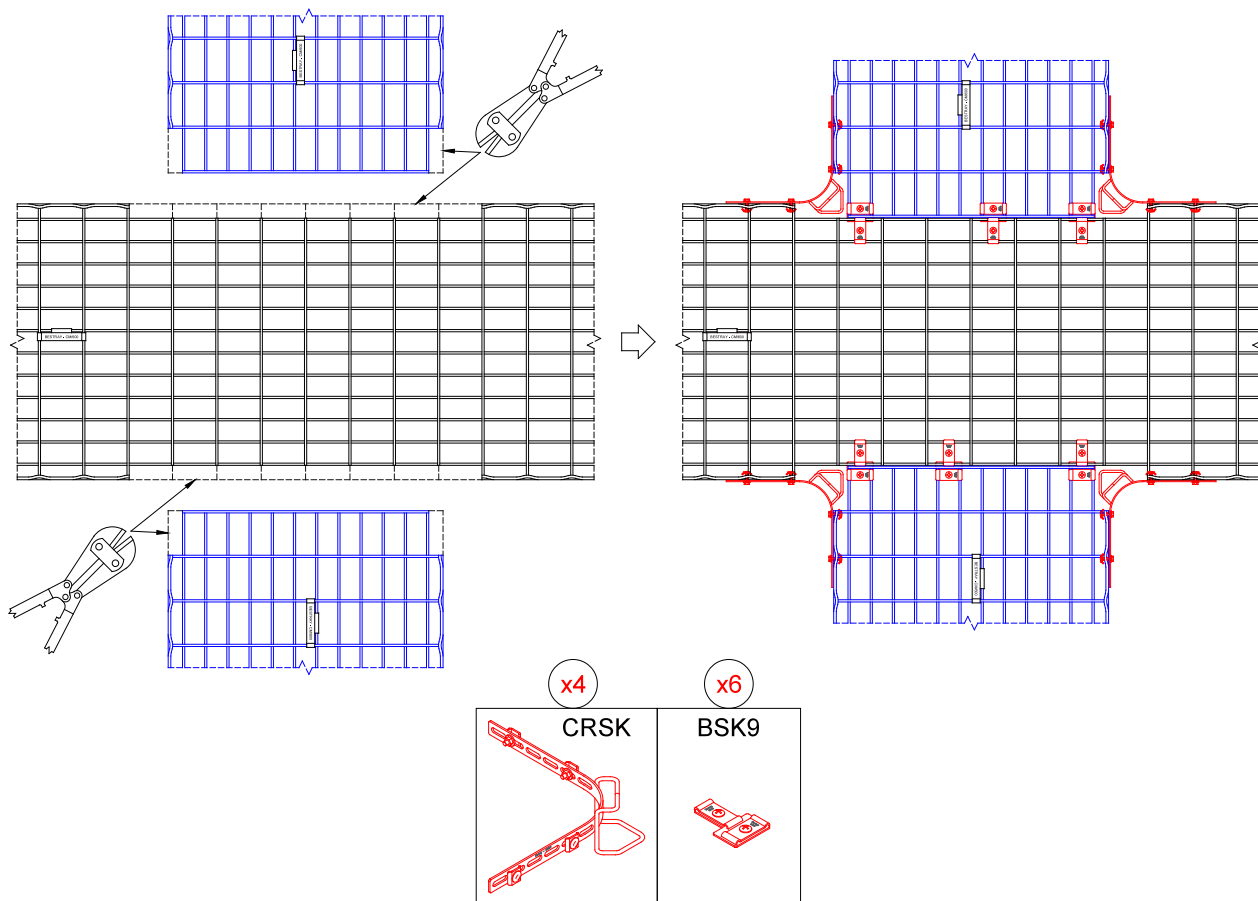
450W



500W



600W



Màng Lưới (CM)

Màng Cáp (CK)

Khay Cáp (CT)

Thang Cáp (CL)

Hệ Thống Giá Đỡ

Thông Tin Kỹ Thuật

8. Ngã Tư (góc vuông)

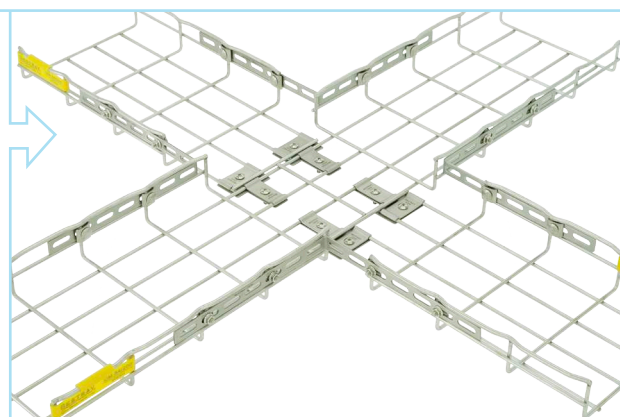


BSK9

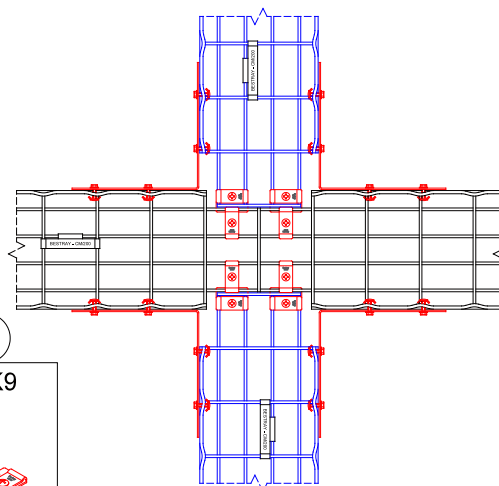
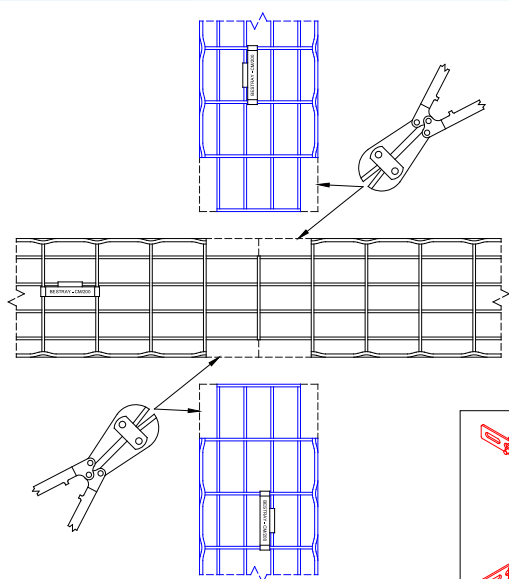
+



CSK7



200W



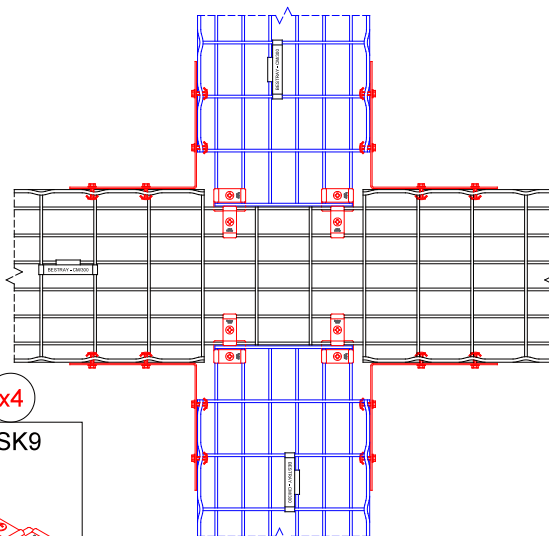
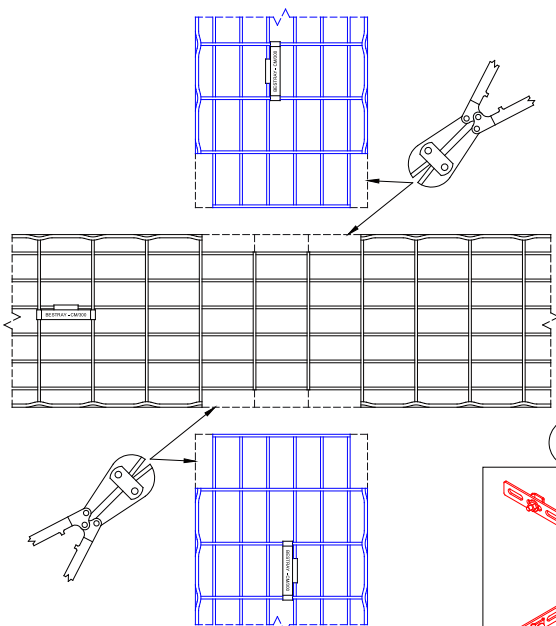
x4

CSK7

x4

BSK9

300W



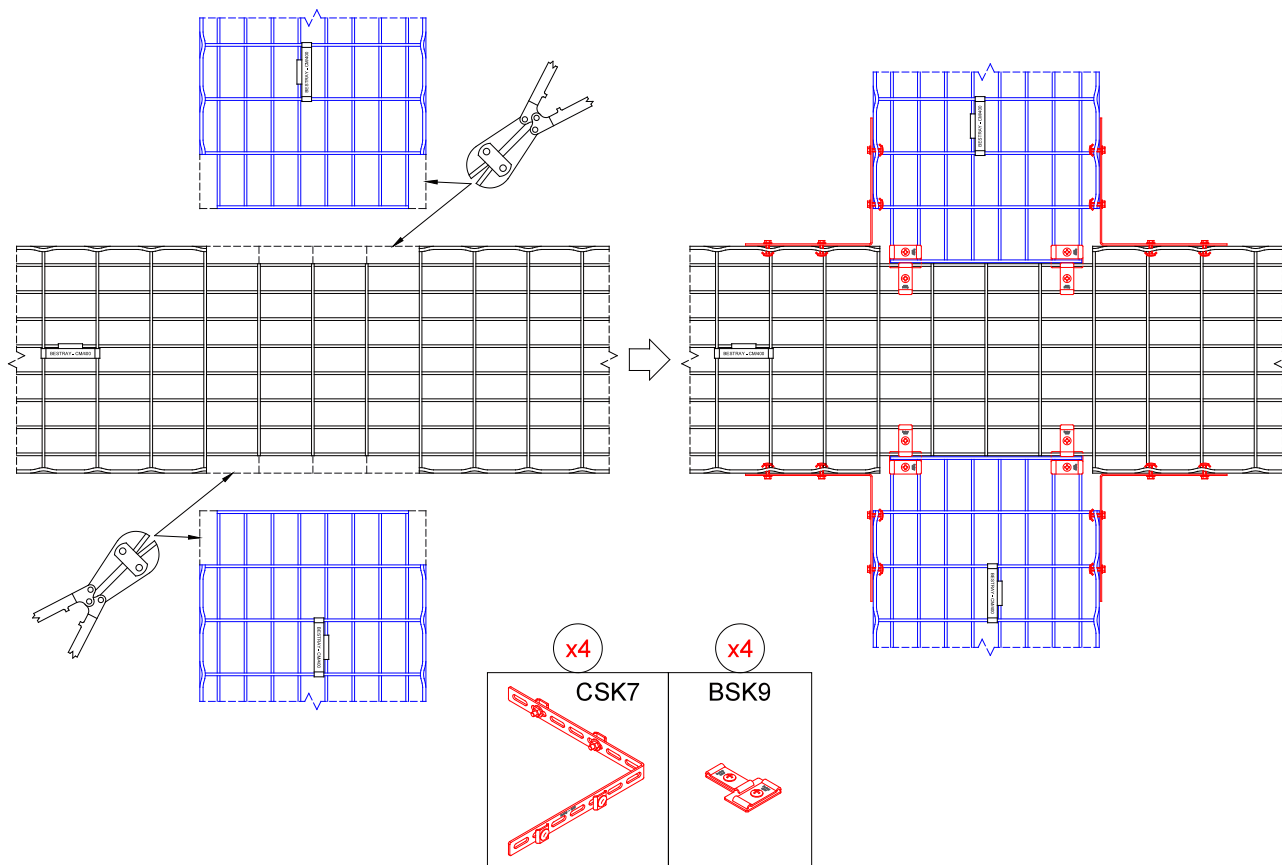
x4

CSK7

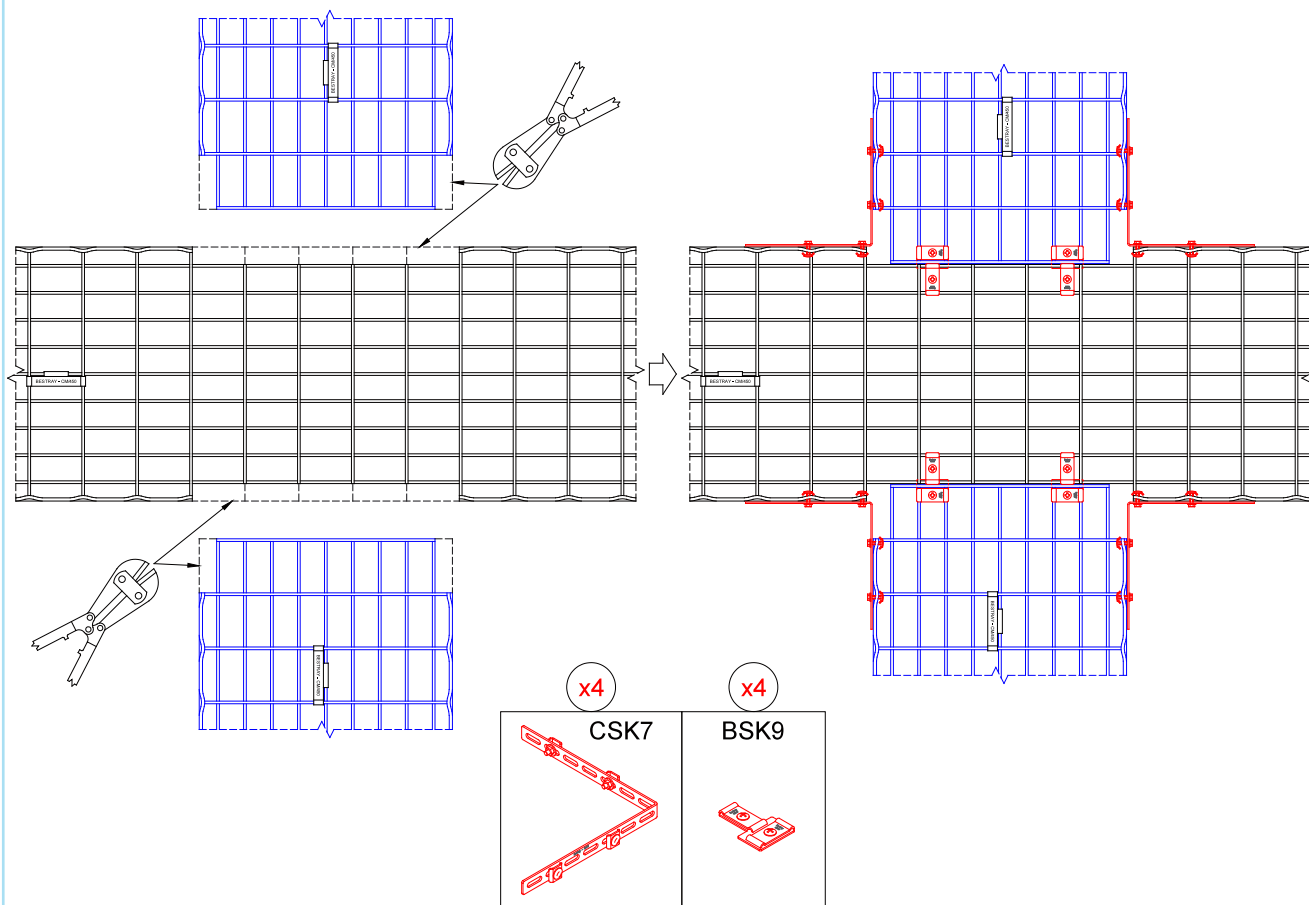
x4

BSK9

400W



450W



Màng Lưới (CM)

Màng Cáp (CK)

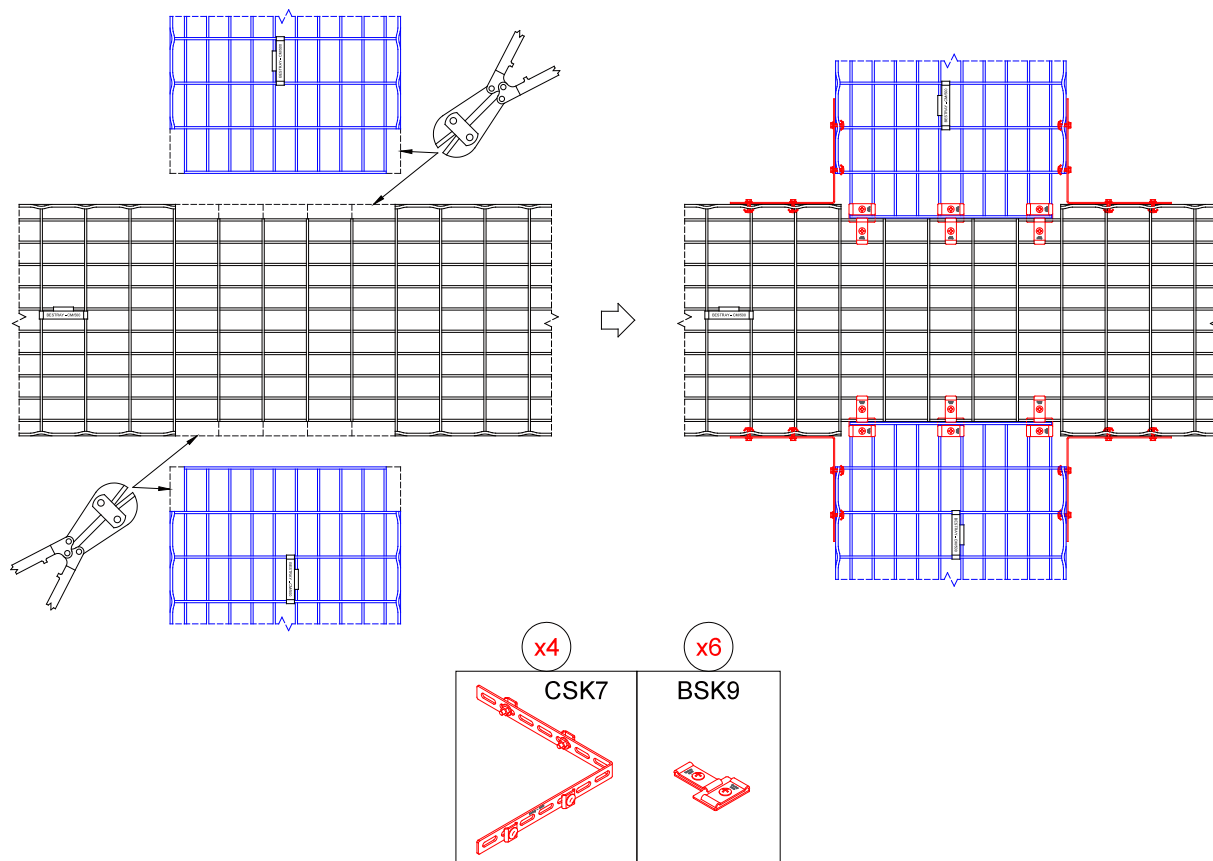
Khay Cáp (CT)

Thang Cáp (CL)

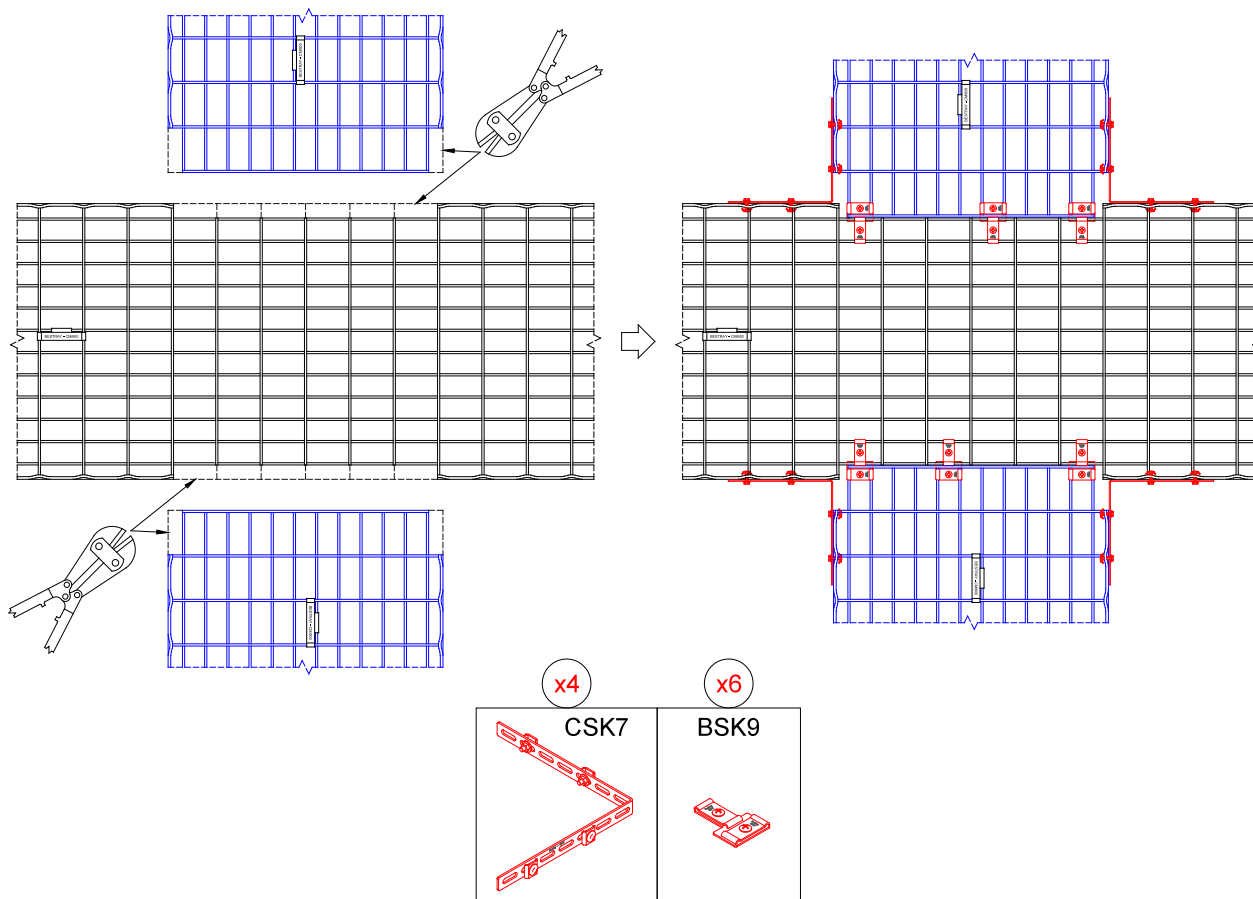
Hệ Thống Giá Đỡ

Thông Tin Kỹ Thuật

500W



600W



9. Co Lên 90° (bán kính cong lớn)

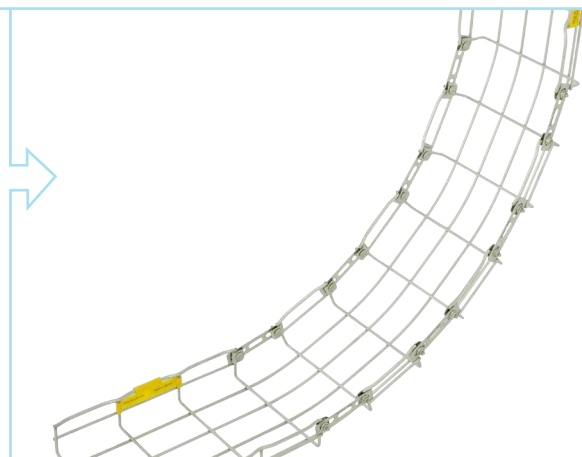


SBK2

or

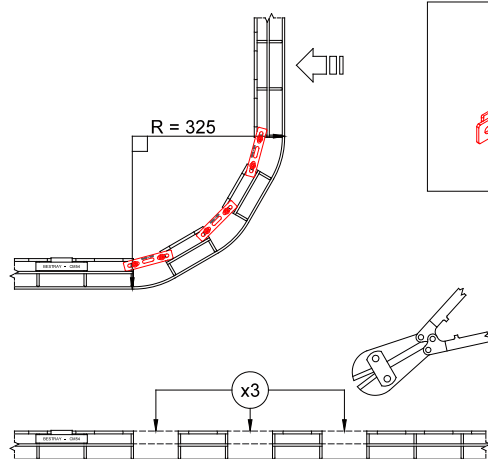


SBK3

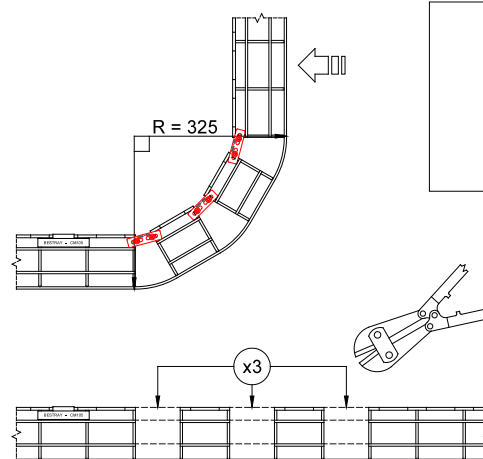


R = 325 (mm)

CM54

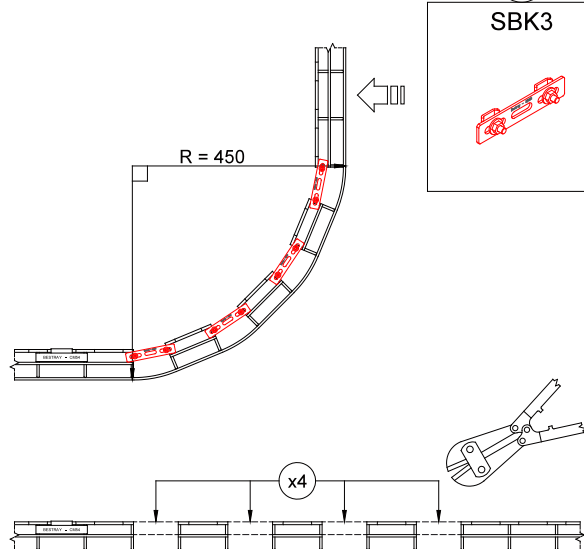


CM105

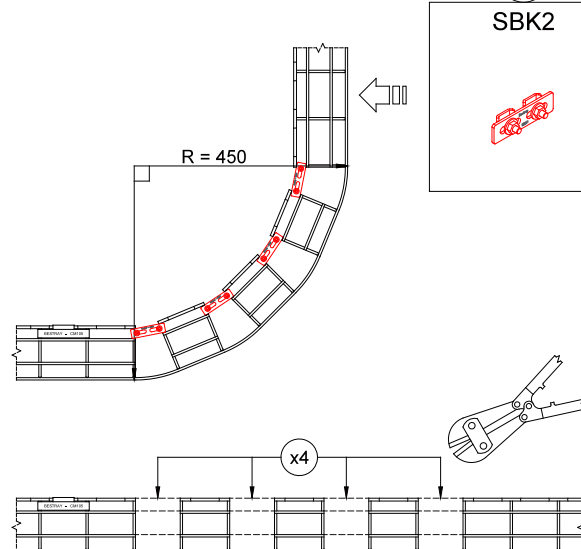


R = 450 (mm)

CM54



CM105

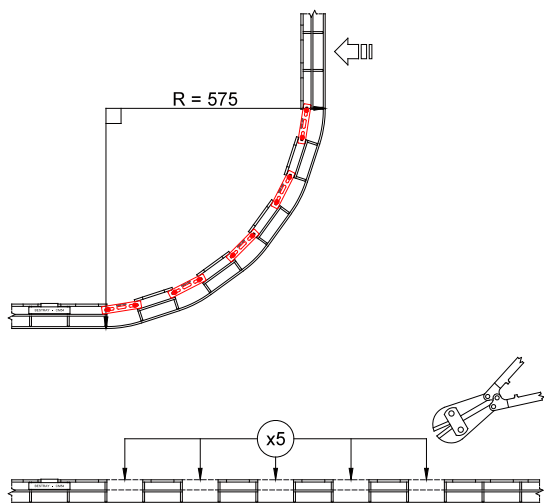


R = 575 (mm)

CM54

x10

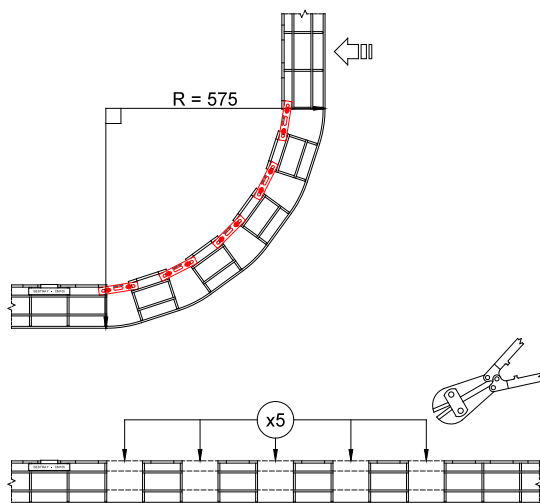
SBK3



CM105

x10

SBK3

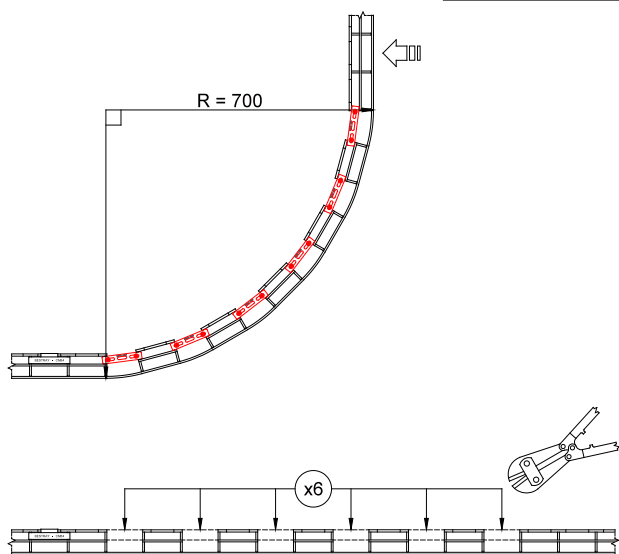


R = 700 (mm)

CM54

x12

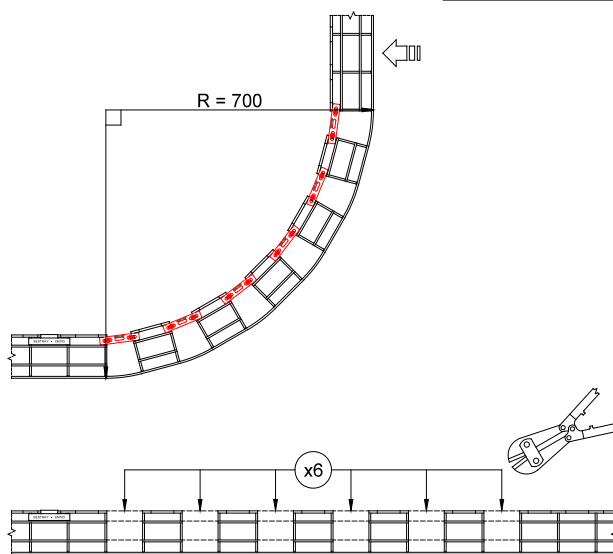
SBK3



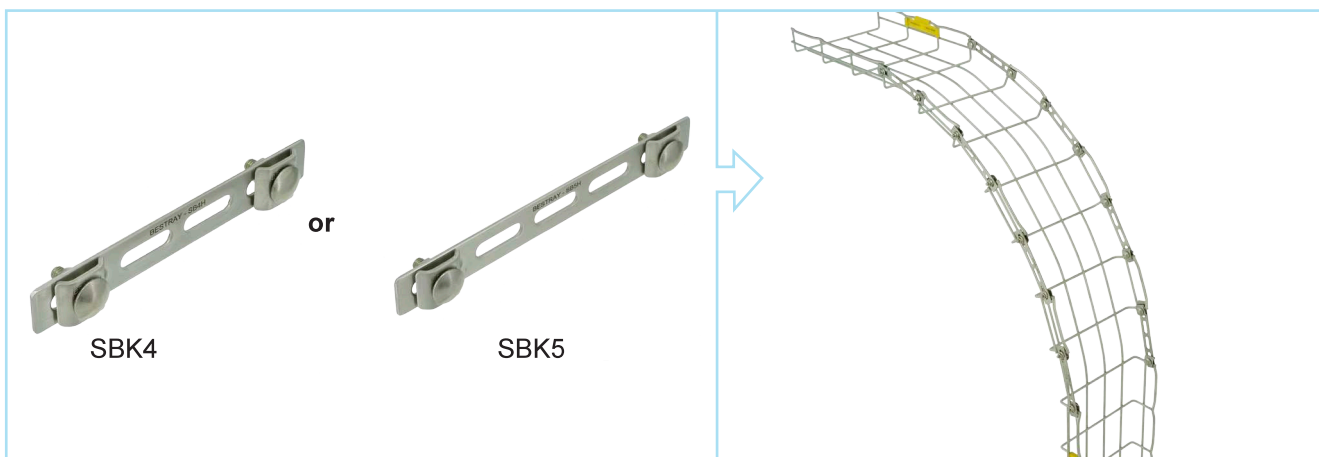
CM105

x12

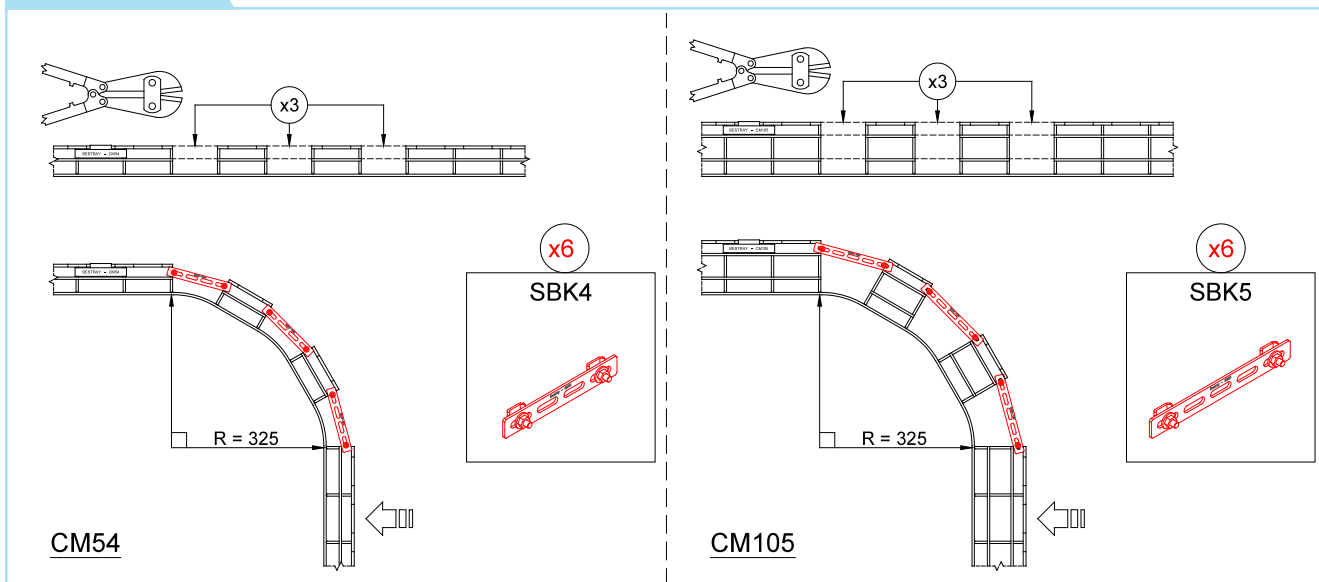
SBK3



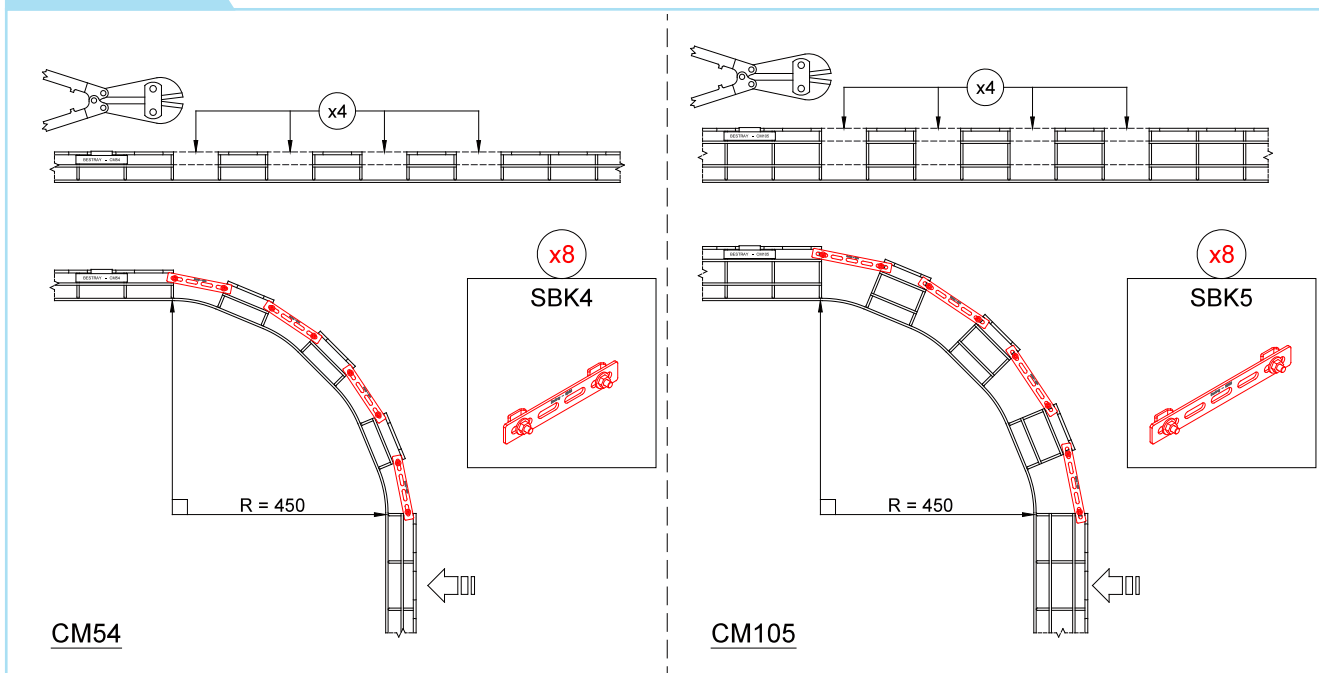
10. Co Xuống 90° (bán kính cong lớn)



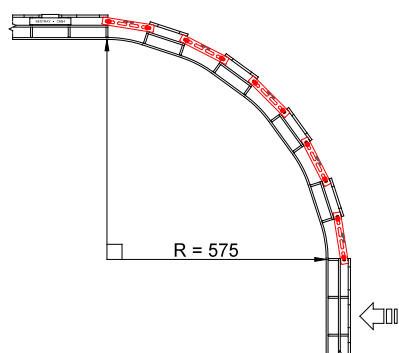
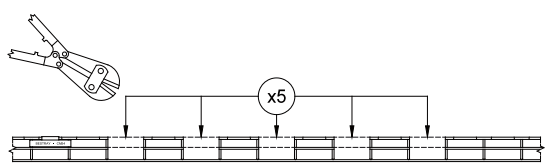
R = 325 (mm)



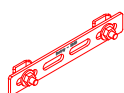
R = 450 (mm)



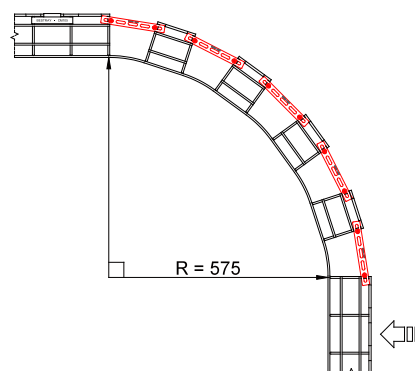
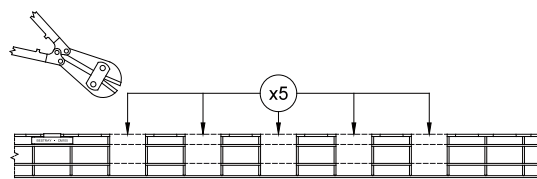
R = 575 (mm)



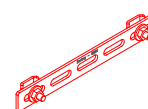
x10
SBK4



CM54

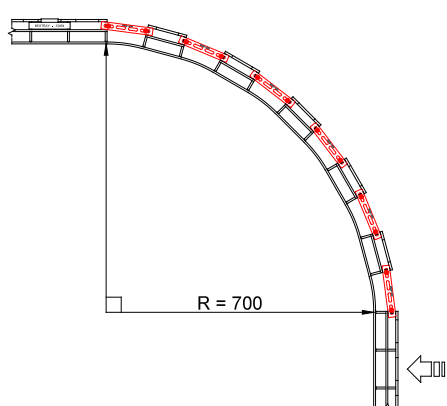
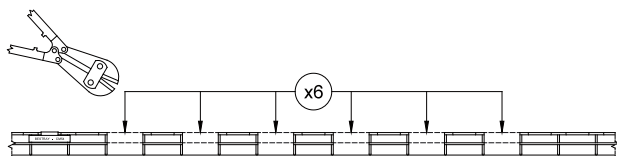


x10
SBK5

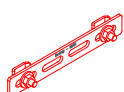


CM105

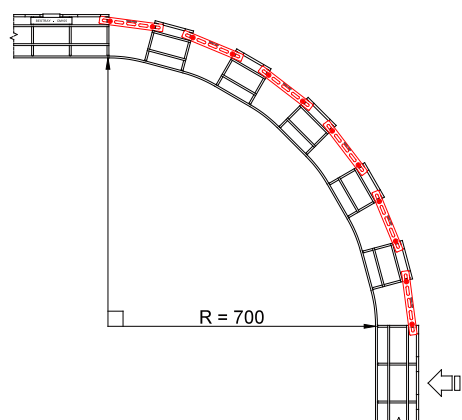
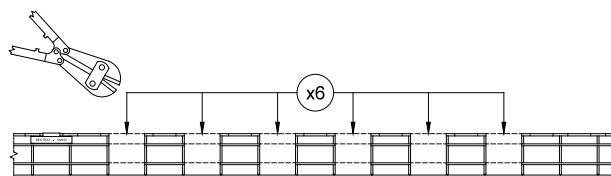
R = 700 (mm)



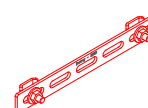
x12
SBK4



CM54

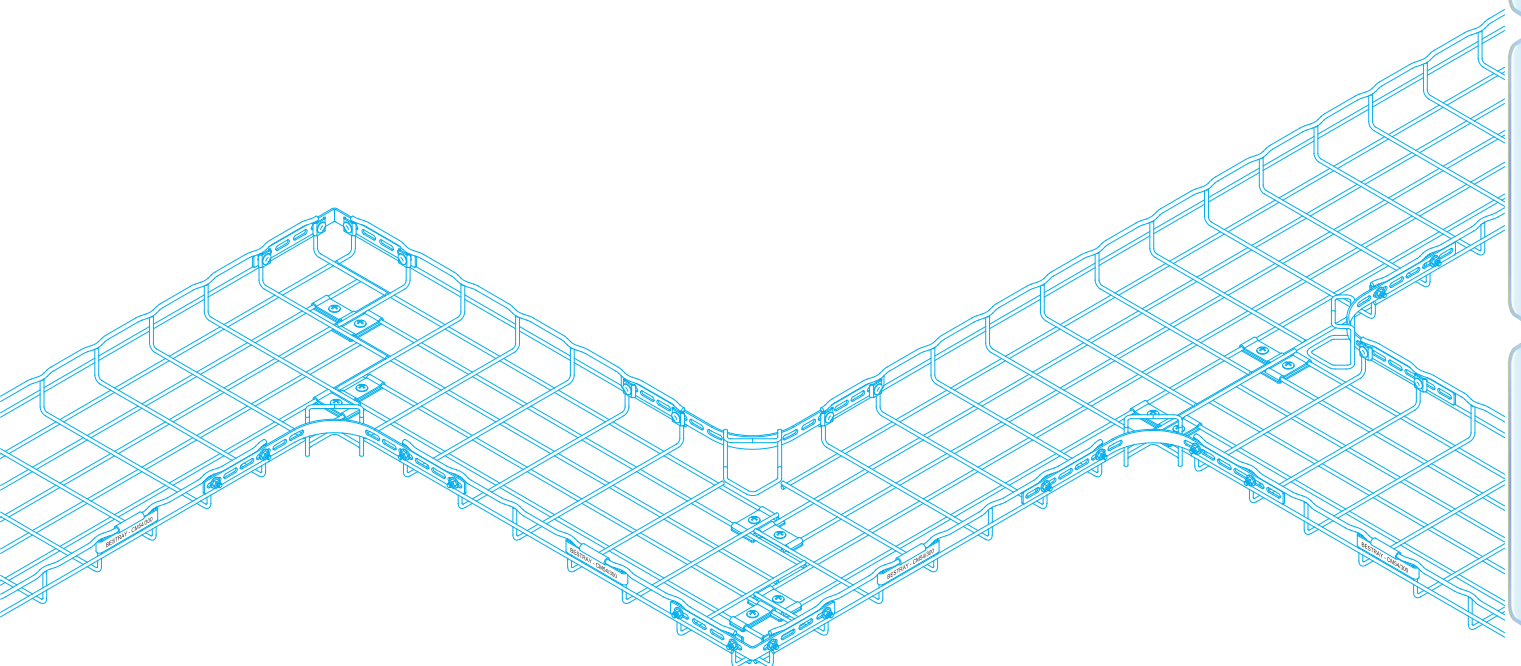
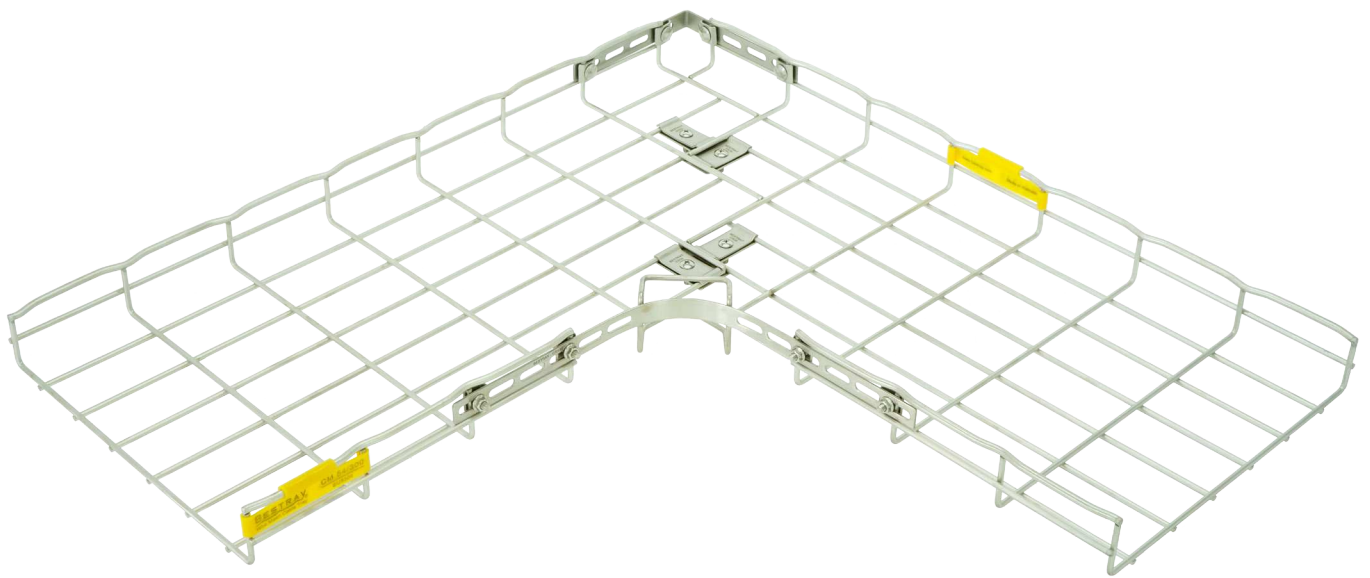


x12
SBK5

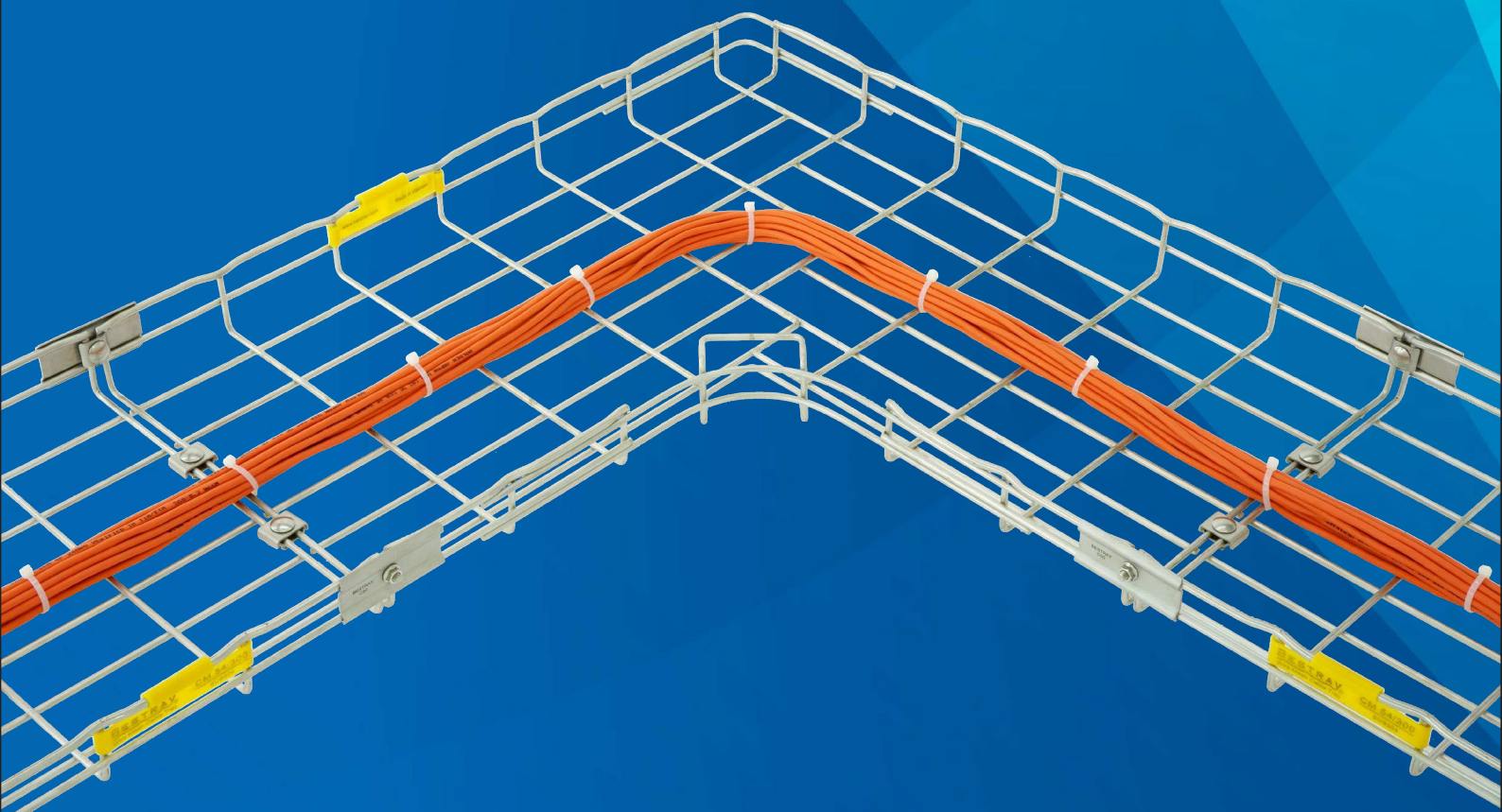


CM105

Cải Tiến Để Tốt Hơn



Cải Tiến Để Hoàn Hảo Hơn



BESTRAY®

Công Ty Cổ Phần Bestray

Số 180/7B, ấp Tân Thới 3, xã Tân Hiệp,
huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tel: (+84) 028 37133076

Email: info@bestray.com

www.bestray.com

www.thangmangcap.com



HUU LONG

(Thương hiệu thuộc sở hữu của Công Ty CP HỮU LONG)